



TRUYỆN
THÁNH VEN TỬ ĐẠO

傳聖邊死道

Théophane Yénard

Lưu Hành Nội Bộ
2000



**TRUYỆN THÁNH VEN
TỬ VÌ ĐẠO
(THÁNH VENARD)**

TRUYỆN THÁNH VEN
TỬ ĐẠO

(Thánh Jean Théophane Venard)

Bx
880
523
1995
Vol. 49

LỜI GIỚI THIỆU



Trong *Tông Sắc Triệu Tập Năm Thánh 2000* của Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II, ban hành ngày 29-11-1998, về công tác phải làm trong Năm Thánh có việc học tập các Vị Tử Đạo với đề mục là “ Ký Ức Về Các Vị Tử Đạo ” được ghi như sau.

1. “ Ký Ức Về Các Vị Tử Đạo vốn là dấu chỉ thường xuyên của tình yêu Kitô giáo, nhưng ngày nay còn mang ý nghĩa đặc thù hơn. Đừng quên chứng tá của các Ngài. Các Ngài đã loan báo Tin Mừng qua việc hiến mạng sống vì tình yêu. Vị tử đạo, nhất là trong thời đại chúng ta, là dấu chỉ của tình yêu lớn lao nhất, thâu tóm mọi giá trị khác. Cuộc sống của các Ngài phản ánh lời tôi thương của Chúa Giêsu thốt lên trên thập giá : “Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ “làm” (Lc 23, 34). Đối với ơn gọi Kitô hữu tử đạo là một khả thể đã được loan báo trước trong Mạc Khải, vì thế người tín hữu nào sống ơn gọi Kitô hữu của mình một cách nghiêm túc, không thể nào loại trừ viễn tưởng đó khỏi chân trời “dời sống của mình. 2000 năm đã qua, kể từ cuộc

"giáng sinh của Chúa Kitô, 2000 năm được ghi dấu bằng những chứng tá kiên cường của các vị tử đạo. Thế kỷ này - đang tiến đến diểm kết thúc - cũng biết đến rất nhiều các vị tử đạo, nhất là do Chủ Nghĩa chính trị và các cuộc chiến tranh sắc tộc gây ra. Rất nhiều người thuộc mọi tầng lớp xã hội đã phải chịu đau khổ vì đức tin, phải trả giá bằng chính máu mình cho sự gắn bó với Chúa Kitô và Hội Thánh, hoặc là phải can đảm đương đầu với những năm tù đầy dằng dặc; hay nhiều thứ biện pháp khác, bởi vì họ không muốn nhường bước cho thế hệ ý thức đang biến thành chế độ độc tài không thương xót. Trên quan điểm tâm lý, tử đạo là bằng chứng hùng hồn nhất của chân lý đức tin, vì tử đạo mang lại khuôn mặt "người", kể cả cho cái chết tàn bạo nhất. Được ngập tràn ơn sủng trong Năm Thánh sắp tới, chúng ta có thể cất cao lời tạ ơn Chúa Cha và hát lên : *Te Martyrum candidatus laudat exercitus.* Vâng đó là năm của "những người đã giặt áo mình trong máu Chúa Con" (Kh 7, 14). Vì thế khắp nơi trên trái đất Hội Thánh phải gắn bó với chứng tá của các Ngài và phải cương quyết bảo vệ ký ức đó. Ước gì dân Thiên Chúa, được kiên vững trong đức tin nhờ những mẫu gương chính thức thuộc mọi thời đại, mọi ngôn ngữ và quốc gia, có

"thể bước qua ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba với niềm tin thác. Ước gì nhờ ơn Chúa, trong tâm hồn các tín hữu, lời ngợi khen các vị tử đạo được nối kết với khát vọng bước theo mẫu gương của các Ngài, nếu hoàn cảnh đòi buộc" (Số 14).

2. Bản văn Huấn Giáo trên đây đã nhấn mạnh một số điều, mà mọi người phải học tập liên quan đến các Đẳng Tử Đạo, như sau :

- Các Vị Tử Đạo là dấu chỉ vì đại về tình thương và lòng vị tha.

- Tử đạo là ơn gọi khả thi cho mọi Kitô hữu ở mọi nơi, mọi thời.

- Tử đạo là gắn bó với Chúa Kitô và Hội Thánh, ngày nay trong một thế giới mà nhiều chế độ độc tài và những cuộc chiến tranh tôn giáo đang quyết tâm hủy hoại Đức Tin.

- Những tấm gương bất khuất của các Vị Tử Đạo mãi mãi giúp Dân Chúa kiên vững trong Đức Tin.

Chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu một số Thánh Tử Đạo Việt Nam trong số 117 Vị đã được phong Hiển Thánh năm 1980. Chúng tôi không phân biệt Thánh Tử Đạo bần xứ hay Thánh Tử

Đạo người nước ngoài. Dù có là người nước ngoài, nhưng đều mang tên Việt Nam, đều đã làm chứng Đức Tin vì Hội Thánh Việt Nam. Chúng tôi cũng ưu tiên đến các Vị được chép truyện bằng chữ Nôm, một thứ chữ có tính Việt Nam hơn cả, và dễ mang tính lịch sử khách quan hơn cả. Điều này hiểu về đối tượng cũng như tác giả truyện các Ngài.

3. Cuộc đời và cái chết của mỗi Vị Thánh Tử Đạo, hoặc được chính các Ngài kể lại, hoặc do một vị tác giả khác, đều lột được mức cao nhất của các dấu chỉ vừa kể.

Cụ thể chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu từng Vị Thánh Tử Đạo rút ra từ bộ sách lịch sử tuyệt tác của Đức Cha Pierre Marie ĐÔNG là cuốn 觀
光 南 越 卷 壹 và 卷 贳 (Quan Quang Nam
Việt. Quyển Nhất và Quyển Nhì), mà ngày nay thường gọi Quyển Nhất là 傳 台 逝 台 等 死 為 道 浩
安 南 (Truyện Hai Mươi Hai Đẳng Tử Vì Đạo Nước An Nam); và Quyển Nhì là 卷 等 死 為 道 浩 安 南
(Sáu Đẳng Tử Vì Đạo Nước An Nam).

Truyện Thánh Ven được trích từ Quyển Nhì.

4. Cốt truyện Thánh Ven tưởng không cầu chúng tôi phải giới thiệu nhiều lời, vì chính Thánh nhân sẽ kể truyện mình cho chúng ta, qua những bức thư Ngài gửi cho cha già và chị cả.

Thánh Ven, nguyên tên là Jean Théophane Venard, ngay từ lúc mới biết đọc đã được đọc truyện Thánh Jean Charles Cornay Tân MEP, là vị Thừa Sai người Pháp từ đạo đầu tiên ở Sơn Tây. Thánh nữ Thérèse Hài Đồng Giêsu đã coi Thánh Ven là tâm hồn của mình. Chính Thánh nữ đã ước ao sang tu dòng kín Carmel Hà Nội để cầu nguyện cho Việt Nam. Và Thánh Ven từ khi đọc truyện Thánh Tân nói trên, cũng đã hăng ước ao sang Việt Nam để chịu tử đạo cho Việt Nam.

Đang khi phải giam chờ ngày bị trảm quyết ở bờ sông Nhị Hà, ngày 31-1-1861, Thánh Ven đã viết cho Đức Cha Simon Theurel CHIỀU: “Con rất yêu mến xứ truyền giáo Bắc Kỳ này. Thêm vào những giọt mồ hôi của con, con xin hiến cho quê hương này cả dòng máu của con nữa... Ôi lạy Mẹ chí ái! Con xin Mẹ sớm đưa con về quê ở gần Mẹ. Ôi xứ Bắc Kỳ cao quý, đất được Thiên Chúa chúc phúc, đất của nhiều loại anh hùng Đức Tin. Ôi quê hương vinh hiển, tôi đến để phục vụ bạn, có

phúc được sống chết cho bạn" (Xem *Histoire Universelle des Missions Catholiques* - Lịch sử đại cương các xứ truyền giáo, quyển II, trang 236 - 237).

Khi được tin đích xác án Ngài đã ra tới Hà Nội và Ngài phải xử ngày hôm ấy, thì Ngài tỏ ra lòng vui mừng... Quản Thượng giữ lòng cung kính Ngài cho đến phút sau cùng, thì truyền dọn yến cho Ngài ăn trước khi di chịu xử. Lính bưng yến cho Ngài, thưa Ngài rằng : Ông ăn cho no, uống cho say nhé ! Ngài bảo rằng : Các cậu để mặc Thầy ; thật hôm nay Thầy sẽ được ăn bữa no và sẽ được uống bữa say. Lời ấy có nghĩa là khi Ngài chịu chết đoạn thi được lên trời, được vui vẻ no đầy. (Xem *Truyện Thánh Ven Tử Đạo*, Đoạn 6 Phần III).

5. Tác Giả Đức Cha Pierre Marie ĐÔNG

Nói đến Đức Cha Pierre Marie ĐÔNG, là nói đến một vị Giám Mục Thừa Sai vĩ đại, đã hết mình vì Công Giáo Việt Nam. Ở đây, chỉ xin giới thiệu Ngài là tác giả 2 cuốn sách lịch sử các Thánh Tử Đạo Địa Phận Hà Nội (Xem *Lời Giới Thiệu*, 3.)

a. Trước hết, Ngài cho chúng ta thấy bức họa bi thảm về sự cấm đạo Công Giáo tại Việt Nam.

- *Dời Hậu Lê* (1532-1778) : Các Thừa sai Châu Âu sang giảng đạo Việt Nam, từ đầu đời vua Vinh-Tộ nhà Hậu Lê. Người Việt Nam theo đạo Công Giáo ngày càng đông. Già như các vua chúa Việt Nam không cấm đạo, số giáo hữu còn đông hơn nữa. Hầu hết các vua Hậu Lê và các chúa thay nhau cấm đạo liên miên, ruồng bắt, tống giam, giết lát các trưởng đạo và bốn đạo mãi chẳng mấy lúc không. (Có 4 Đáng Thánh tử đạo vào thời này)

- *Dời Tây Sơn* (1788-1802) : Đánh thắng nhà Lê rồi, thoát đầu vua Tây Sơn còn có vẻ bênh vực kẻ có đạo (vì dưới trướng của Tây Sơn có nhiều quan quân người Công Giáo). Nhưng rồi cũng theo vết chân Chúa Trịnh, Tây Sơn cũng cấm đạo Công Giáo, bày ra nhiều nhục hình lật tung làm khổ người Công Giáo. Chính vua Cảnh Thịnh, con vua Quang Trung là tướng Tây Sơn cấm đạo rất ngặt, đã y án xử Cha Triệu tại Phú Xuân và Cha Đạt tại Thanh Hóa. (2 Thánh Tử Đạo)

Vua Gia Long (1802-1819) : Vua Gia Long nhờ Đức Cha Pigneau de Béhaine và một số

sĩ quan Pháp làm cố vấn cho nhà vua đánh được Tây Sơn, và thống nhất sơn hà, cho nên suốt triều đại Gia Long, Giáo Hội Công Giáo Việt Nam được tạm yên. Bản thân Gia Long không cấm đạo, mà còn di chiếu cho Minh Mạng không được cấm đạo Công Giáo.

- *Vua Minh Mạng* (1821-1851) : Minh Mạng đã chẳng giữ di chiếu của vua cha. Bản thân là con người nham hiểm, độc ác, quân dân đều kinh khiếp, khiếp ông như khiếp hùm beo, vì ông giết người như bỡn. Ông đã ghét đạo Công Giáo từ nhỏ, nên khi mới lên ngôi vua, đã quyết tâm diệt đạo Công Giáo trong nước ta. Một hôm có kẻ nịnh thần hiến kế cho vua : Phải làm như vua Nhật là giết hết mọi người có đạo Công Giáo từ bé đến lớn, kể cả đàn bà. Vua trả lời : Trẫm đã có sẵn cách khác tốt hơn Nhật nhiều.

Có tới 58 Đấng Thánh Tử Đạo vào thời Minh Mạng.

- *Vua Thiệu Trị* (1840-1847) : Minh Mạng băng hà rồi, con là Nguyễn Phúc Thì niêm hiệu Thiệu Trị lên ngôi trị vì.

Dưới triều vua này có 2 vị Thánh Tử Đạo.

- *Vua Tự Đức* (1848-1883) : Khi mới lên ngôi, nhà vua lấy lòng dân, đại xá cho các tù nhân, trong đó có những Linh mục và giáo dân đang bị phát lưu vì đạo đều được tha về cả. Thấy thế người ta tưởng ông sẽ tha đạo. Nhưng chỉ được ít ngày, nghe các quan trong triều, ra chỉ cấm đạo ngay (chiếu chỉ 1 của Tự Đức). Ba năm sau, Tự Đức tử niêm, nhà vua lại ra một chỉ cấm đạo khác.

Số các Thánh Tử Đạo thời Tự Đức là 50 Đẳng.

b. Hai vị giáo phẩm đáng nhớ :

Đức Cha Liêu và Đức Cha Khiêm là 2 vị Giám Mục sống gian lao thời Tự Đức.

1/ Đức Cha Pierre André Retord LIÊU (1840-1858), là vị Giám Mục cai quản Địa Phận Hà Nội một cách rất khôn ngoan. Đức Cha Đông đã nhận xét mấy điều cao cả sau đây về Đức Cha Liêu : "Trong các Đấng đã giảng đạo bên Phương Đông, từ đời ông Thánh Phanxicô Xavie cho đến bây giờ, Đức Cha Liêu vào số những Đấng đã nổi tiếng hơn. Người độ lượng, khoáng đạt, trối xa

người ta nhiều lầm, cùng thông Nho vượt các thây dại khoa. Người ta thường gọi người là **Đức Thầy Nho** (Đoạn 9 Phần II, *Truyện Thánh Ven Tử Đạo*).

Ông Hoàng Bảo là anh ruột Tự Đức không được làm vua nên căm tức, quyết lật đổ ngai vàng của em. Ông kêu gọi người Công Giáo theo ông chống lại Tự Đức ; khi thành công ông sẽ tha đạo. Đức Cha Liêu căm bốn đạo không được theo ông Hoàng Bảo, mà phải trung thành với nhà vua đương nhiệm.

Thời đó có 1 chủng sinh tên là Lê Duy Minh, người rất có tinh thần phò Lê diệt Nguyễn. Ông tự ý ra khỏi chủng viện, chiêu quân chống lại nhà Nguyễn, và đã chiếm được một số phủ huyện. Đức Cha Liêu không chấp nhận hành động của chủng sinh này, đã truyền cho ông phải bỏ cuộc ; rồi người gửi ông qua Hồng Kông ở tại Nhà Quản Lý Hội Thừa Sai Ngoại Quốc Paris.

2/ Đức Cha Liêu có Đức Cha Phó là Charles Hubert Jeantet KHIÊM (1858-1861) : Ngài đã già 60 tuổi, đã sang ở Việt Nam 37 năm. Người vui tính, hay hối những truyện bên Tây

(hỏi Thánh Ven). Đức Cha Liêu quen gọi người là **Đức Cha Đá**, vì người làm thợ cả mài giũa những đá ngọc để mà xây lập cùng tu bổ Ighêrêgia An Nam, là người rèn cặp, dạy dỗ các học trò lý doán tại Kẻ Non... Đức Cha Khiêm đã lập một Hội Ái Hữu gọi là Nho-Môn-Hội cho các học trò Nho cùng những người chữ nghĩa văn vật, chẳng kỳ có đạo hay ngoại đạo, để mà giục kẻ có đạo đua nhau học Nho, và kẻ ngoại đạo học biết những lẽ đạo, cùng theo đạo nữa.

Chúng tôi cần phải nói : Ngài đã soạn và đã cho phép in ấn rất nhiều Sách Nôm Công Giáo từ khi Ngài lên làm Giám Mục chính Địa Phận Tây Đàng Ngoài (Hà Nội).

- 16 -

- 17 -

BẢN

QUỐC NGŨ

THƯ CHUNG RAO SẮC PHONG CHỨC THÁNH CHO SÁU ÔNG TỬ ĐẠO LỚP THỨ HAI.

I. SẮC PHONG CHỨC THÁNH.

Vừa được chín năm nay trong tháng Ma-i-ô⁽¹⁾ là tháng Đức Bà, Tòa Thánh đã dù lòng thương làm sáng danh I-ghê-rê-gia Anam và Địa Phận tạ cách vinh hiển quý giá lắm là phong chức phúc lộc (Beatus)⁽²⁾ là bậc thánh thứ nhì cho một lớp hơn 60 dâng tử vì đạo thuộc về các Địa Phận Nam Kỳ và Bắc Kỳ.

Đến năm nay cũng trong một tháng Đức Bà là ngày mồng hai, ở giữa đền thờ Thánh Phêrô, trước mặt nhiều Đức Ca-rơ-di-na-lê⁽³⁾, Đức Vít-vô⁽⁴⁾ và Thầy Cả, Thầy Đồng; Bốn Đạo đồng dúc dang hội ở đây, Đức Thánh Pha-phah⁽⁵⁾ Phi-ô⁽⁶⁾ X truyền rao một sắc phong chức Thánh cho 34 Đا Ng Tử Vì Đạo trong nước Ngô⁽⁷⁾ và nước An-nam, mà sắc ấy Thầy đã lược lấy những điều cần hơn cùng đã dịch ra cho mọi người được hay như sau này.

Vậy Phi-ô Pha-phah thí mười làm sắc này để cho người ta nhớ đời đời. Vậy trong Thánh I-ghê-rê-gia⁽⁸⁾ từ đầu tiên mãi về sau, chẳng có đời

nào mà không có những gương sáng láng bình linh
Đức Chúa Giê-su quyết chí vững vàng cùng vui
lòng bô sự sống mình cho được làm chứng đạo
Thánh Đức Chúa Lời.

Nước Đại Minh từ đời se-cu-lô⁽⁹⁾ mươi bảy
cho đến rày đã được nhiều Đáng chịu chết vì đạo
thể ấy, mà ông thứ nhất vào sổ các Đáng ấy là
Phan-chi-cô⁽¹⁰⁾ đệ Ca-pi-la, Thầy Cả Đồng Ông
Thánh Do-minh-gô, Ta có ý phong chức Beatus
trong dịp này, thật người đáng gọi là hoa dâu
mùa vì đã chiến trận mạnh mẽ cùng chịu tử vì
đạo trước tiên trong nước ấy. Song Ta đã định
làm sáng danh Phan-chi-cô này thế nào, thì
cùng niuốn phong chức Thánh và làm sáng danh
ít nhiều Đáng khác chẳng những là kẻ có chức
trọng trong đạo, mà lại bốn đạo mọi bậc, và dân
bà nua đã phải kẻ dù giết vì lòng ghét đạo trong
dời se-cu-lô vừa rồi. Thật trong thi buổi ấy nước
Ngô và nước An-nam cả Đàng Trong, Đàng Ngoài
dấy lên một cơn căm đao rất nghiệt ngặt đến nỗi
thấy những gương đời xưa ra như hiện lại trước
mặt thiên hạ, nghĩa là một bên rà sức bày những
hình khổ dù tỳn gở lợ, một bên thì tò ra lòng
mạnh bạo nhẫn nhục cùng kiên tâm chịu mọi sự

khốn khó cho đến chết. Vì vậy, Ta đã định
nhận vào một lớp và ban chức sáng láng ấy
cho cả Phan-chi-cô đệ Ca-pi-la, và cho cả các
Đáng ấy dù chết cách hai se-cu-lô sau cùng đã
bắt chước theo chân người cùng lấy máu mình
tươi đất ấy, làm chứng rõ ràng máu các Đáng
Tử Vì Đạo là hạt giống kẻ có đạo. Bởi các Đáng
xứng đạo vững vàng bao dạn làm vậy, cho nên
số các Thánh Tử Vì Đạo đã thêm một tờ rất
sáng láng, có mào đầu vững bền chẳng xóa được
là chính lời Đức Chúa Giê-su rằng : " Người ta
sẽ nộp chúng bay cho tòa xét, cùng sẽ đánh
đòn chúng bay trong dinh trong đèn chúng
nó, mà chúng bay sẽ phải điệu ra trước mặt
vua quan vì Tao để mà làm chứng về Tao
trước mặt kẻ ấy và các dân các nước nữa."
Chẳng những là kẻ có chức Thánh trong Thánh
I-ghê-rê-gia, mà lại người mọi bậc mọi tuổi, cả
người nữ đã làm chứng về Đức Chúa Giê-su thế
ấy, cùng dạy dỗ mọi người cho biết rằng : dù
giuwom, dù lửa, dù mọi thứ hình khổ chước móc
chẳng có sức phá việc Đức Chúa Lời được, vì
chung khi kẻ dù, kẻ ghét kháo láo đạo đã hỏng,
đã tuyệt rồi, cùng một trật ấy có phép lạ mới, có

máu mót làm cho cây mâu nhiệm lại mọc lên xanh tốt. Về toán binh lính rất vinh hiển ấy, Đáng có chức cao trọng hơn, là Tê-vọng Thê-ô-dô-rô Cu Ghê-nô (Đức Thầy Thể) Vít-vô Mê-te-lo-po-li⁽¹¹⁾, là người nước Pha-lang-sa đã học nhà tràng Pha-ri là đầu Hội Giảng Đạo Ngoại Quốc. Người sang nước An-nam để mà cứu giúp linh hồn người ta, thì người chịu khó làm việc ấy cho siêng năng sot sắng dường ấy, cho nên người sang bên ấy mới được sáu năm mà thôi, thì đã đáng chọn làm Vi-ca-ri-ô A-phô-dút-tô-li-cô⁽¹²⁾ Địa Phận ấy, cùng chịu chức Vít-vô nữa. Dù phần xác vẫn ôm yếu luôn, người cứ gánh các việc rất nặng nề chức mình cho vũng vàng khôn ngoan từ năm 1835 cho đến năm 1861. Khi ấy là thời vua Tự Đức cấm đạo nghiêm ngặt quá, người phải bắt phải nhốt trong tàu voi⁽¹³⁾ bẩn thỉu hôi hám, cùng chịu nhiều sự khổ sở khốn khổ kể chẳng xiết, lại có lẽ hổ nghi người phải thuốc độc mà chết ngày 14 De-xem-bê-rê mây ngày trước khi đã ra án định cho người phải trảm quyết (1861).

Đến năm sau Giu-ong Phê-rô Nê-en⁽¹⁴⁾ là người Pha-lang-sa cùng thuộc về một Hội Giảng Đạo ấy, đã sang

nước Đại Minh, cho được làm các việc bốn phán Thầy Cả mi-dút-xi-ô-na-ri-ô⁽¹⁵⁾, thì có kẻ thưa cáo người di giảng đạo ca-tô-li-ca⁽¹⁶⁾, và đóng xiêng và diệu nộp cho quan, rồi kẻ dùi roi người vào đuôi ngựa, cùng thúc ngựa chạy lôi người đau đớn khốn khổ. Người cũng phải chịu nhiều sự nhục nhã cùng nhiều hình khổ khác lầm lầm. Sau hết phải sử chém mà chết.

Trong cùng một kỳ ấy, có hai ông mi-dút-xi-ô-na-ri-ô khác, quê ở nước Pha-lang-sa và đã học ở nhà Trường Pha-ri Đầu Hội Giảng Đạo Ngoại Quốc⁽¹⁷⁾, cùng đã được phúc tử vì đạo nữa. Ông thứ nhất là Phê-rô Phan-xi-cô Cố Bắc⁽¹⁸⁾, đã chịu khó giảng đạo trong nước An-nam rồi phải bắt, đóng xiêng cùng giam trong cùi chặt hẹp, đến nỗi người không có thể đứng hay là nằm được. Người chịu giam đau đớn khổ sở làm vậy đã ba tháng, thì phải tra tấn roi dön, mà đến ngày hôm sau, người bảo kê bưng cơm cho người rằng : đừng đem cái gì nữa, từ hôm nay thầy chẳng còn ăn của thế gian. Mà thật, người nhịn không ăn của giò dù hai mươi mốt

ngày, song vẫn khỏe mạnh, chẳng kiệt sức chút nào, cho đến khi người chịu chém và thảng trận sáng láng tốt lành. Ông thứ hai là Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Ven⁽¹⁹⁾, đang khi người giảng đạo trong miên Bắc Kỳ về nước An-nam bởi vì chối không chịu giầy đạp câu rút dưới chân, thì phải chém nhiều lát giworm và chết vì đạo.

Đừng kể các Đặng ấy lại còn có bảy thầy cả bản quốc đã phải trảm quyết⁽²⁰⁾ cùng được đội mũ triều thiên bện đồ dời dời, và Bảo-Lộc, Phê-rô Lựu, Giu-ong Khoan, Phê-rô Quy (Đặng Trong), Phê-rô Khanh, Bảo-Lộc Tịnh, Lao-sen-sô Huồng (Đặng Ngoài).

Còn các Đặng khác, kẻ thì là bốn đạo thường nhân, kẻ thì là kẻ giảng giúp Thầy Cả, đã chịu nhiều hình khổ khác nhau, cùng lấy sự khốn khó và mang sống⁽²¹⁾ cho được xưng đạo và giữ nghĩa cùng Chúa minh.

Có kẻ đã phải xử chém, là Mát-thêu Nguyễn là thầy thuốc, Mi-ghê Hồ Đình Lý làm quan trong đèn vua, Phan-xi-cô Trung làm suất đội (về Đặng Trong), Phê-rô Văn (về Đặng Ngoài). Lại có kẻ phải xử giảo⁽²²⁾, phải khảo cực hình cho đến chết.

Sau hết có người nử đã nổi tiếng vì lòng vũng vàng mạnh bạo là A-ga-la Linh và Lu-xi-a Y đồng trình, Mát-ta Hoằng góá bụa (về nước Ngô) phải trảm quyết. Còn về I-nê Lê Thị Thành là vợ ông Đê⁽²³⁾ (Đặng Ngoài) thì quân dù kéo bà ấy trái ý mình, lôi qua ảnh chuộc tội cùng đập đánh cách dù tận đến nỗi cách mấy ngày bà ấy chết trong ngực.

Từ bấy giờ mọi người vốn tin thật các đặng ấy chỉ chịu chết vì một sự đạo. Nhân vì lẽ ấy cũng ra sức tìm cho được dấu tích các đặng ấy và gìn giữ cách tôn kính sốt sắng. Lại có nhiều dấu lạ làm chứng sự ấy rõ hơn nữa, cho nên Tòa Áp Viết các lê phép Định Lập Án Tra⁽²⁴⁾ việc các đặng ấy. Mà khi đã cân nhắc các chứng cứ chắc chắn, đến ngày mồng hai tháng Âu-gu-dút-tô năm 1908, Ta đã ra sắc trọng thể nhận thật các Đặng kể tên đây chịu chết vì một sự đạo rõ ràng, cùng đã có phép lạ hay là dấu lạ làm sáng danh các Đặng ấy, là Phan-chi-cô đê Ca-phi-la⁽²⁵⁾, Tê-Vọng Thê-ô-đô-rô

Đức Thầy Thể Vít-vô Mê-tê-lô-phô-li⁽²⁶⁾, Giu-ong Phê-rô Nê-en, Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc, Thê-ô-pha-nê Cố Ven, Thầy Cả mi-dứt-xi-ô-na-ri-ô, và các bạn phải kẻ ngoại giết vì lòng ghét đạo thật.

Ra sắc ấy đoạn, chỉ còn thiếu một điều phải định là có đủ lê chắc chắn mà biên tên các Đáng ấy vào sổ các Thánh có phúc lộc trên trời chăng.

Vậy Đức Ca-ro-di-na-lê Phê-ra-ta⁽²⁷⁾ vốn làm đầu tra việc Tê-Vọng Thê-ô-dô-rô, Đức Thầy Thể Vít-vô, Giu-ong Phê-rô Nê-en, Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc, Thê-ô-pha-nê Cố Ven Thầy Cả giảng đạo, và các kiện⁽²⁸⁾ đã chịu chết như các Đáng ấy, thì Đức Ca-ro-di-na-lê đã tò ra các chứng trong phiên diệp⁽²⁹⁾ nghị Tòa Áp Viết Các Lê Phép, hội trước mặt Ta, ngày hai mươi bốn tháng Nô-vem-bê-rê cùng một năm một nghìn chín trăm tam, mà cả các Đức Ca-ro-di-na-lê về Tòa ấy, cả các Thầy thông thái vào

Bộ điều định⁽³⁰⁾, thì ai ai cũng xin quyết hẳn sự định làm vậy là sự phải lê lám. Phần Ta bây giờ còn giàn, chưa tỏ ý mình ra, vì nghĩ rằng phải thêm lời cầu nguyện kêu van, cho ta được ơn khôn ngoan bởi Đức Chúa Lời xuống phù hộ, để mà ra lý doán định quyết, trong việc rất hệ trọng đường ấy. Vì vậy Ta đã ra sức làm thế ấy, mà đến ngày mười ba, tháng Dê-xem-bê-rê, cùng một năm ấy là ngày lê cả thử ba mùa Át-ven-tô⁽³¹⁾, Ta té lê Mi-sa đoạn, thì đã cho mời Đức Ca-ro-di-na-lê Phê-ra-ta vẫn đứng đầu trong việc ấy, cùng Đức Ca-ro-di-na-lê Kê-rê-tô-nê⁽³²⁾ Thuợng Thư Tòa Áp Viết Các Lê Phép⁽³³⁾, Đức Thầy Pha-ni-xi Vít-vô Lao-di-sen-thê⁽³⁴⁾ làm Ký Lục Tòa ấy, và ông A-lê-san-ri Vi-ro-dê⁽³⁵⁾ làm Đầu Bộ Phúc Hạch. Mà khi đã hội trước mặt Ta, thì Ta đã định quyết có đủ lê phong chửng trọng thể cho các Đáng ấy, chẳng hồ nghi chút nào. Cùng một lúc ấy, Ta đã truyền làm sắc đê chính ngày mười ba tháng Dê-xem-bê-rê⁽³⁶⁾ ấy mà rao sự thề Ta điều định thì làm vậy.

Nay mọi sự đã nên thế ấy, và phần thì Ta cùng động lòng vì những lời cả và Đồng Ông Thánh Do-minh-gô cùng cả và Hội Pha-ri Giảng Đạo Ngoại Quốc⁽³⁷⁾ tâu xin làm một với các Đấng Vi-ca-ri-i-ô A-phô-dút-tô-li-cô⁽³⁸⁾ Đàng Trong, Đàng Ngoài và nước Ngô, thay mặt Tòa Thánh đang coi sóc dân chiên Đức Chúa Giêsu trong chính miền chính đất đã thảm lấy máu các Đấng Tử Vì Đạo, phần thì các Đức Ca-rơ-di-na-lê Tòa Áp Việc Các Lê Phép cùng bàn theo ý ấy. Vì bấy nhiêu lê, Ta lấy quyền riêng mình cùng làm sắc chỉ này phong chức có phúc lộc⁽³⁹⁾ là Thánh thứ nhì, cho Phan-chi-cô đệ Ca-phi-la đã chịu tử vì đạo trước tiên trong nước Ngô, và Tê-vọng Thê-ô-dô-rô Đức Thầy Thể Vít-vô Mê-tê-lô-phô-li, Giuong Phê-rô Nê-en, Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc, Thê-ô-pha-nê Cố Ven, mi-dứt-xi-ô-na-ri-i-ô a-phô-dút-tô-li-cô cùng các bạn kề trên này, đã phải kề ngoại giết vì lòng ghét đạo. Ta lại ban phép để xác hay là xương Thánh các Đấng ấy cho bốn đạo kính thờ, song không được kiệu xương Thánh ấy trong các dịp cầu

nguyễn trọng thể. Khi vê ảnh tượng các Đấng ấy cũng được vê hào quang vào nữa.

Và lại Ta cùng lấy quyền riêng mình mà ban phép đọc op-phi-xi-âm⁽⁴⁰⁾ và làm lê các Thánh ấy theo chữ đ�名 Sách Nguyễn và Sách Lê Rô-ma, với các kinh riêng Ta đã ưng nhận. Về Tê-vọng Thê-ô-dô-rô Đức Thầy Thể cùng cả lớp ấy, thì ban phép đọc op-phi-xi-âm và làm lê thể ấy trong các Nhà Chung, nhà thờ thuộc về Hội Giảng Đạo Ngoại Quốc ở khắp thiên hạ, nghĩa là mọi kẽ phải đọc op-phi-xi-âm các Thánh ấy. Còn sự làm lê, chẳng kỳ Thầy Cả Nhà Đông hay là Thầy Cả Quan Triều, ai đến nhà thờ nào đang mừng lê các Thánh ấy, cũng được làm lê Mi-sa ấy, miễn là noi theo sắc Tòa Áp Việc Các Lê Phép đã ra ngày mồng chín tháng Dê-xem-bê-rê năm một nghìn tám trăm chín mươi lăm.

Sau hết Ta ban phép mừng lê phong chức Thánh các Đấng ấy trong các nhà thờ đã nói trên này, ở khắp thế gian, song phải giữ các điều Tòa Áp Việc Các Lê Phép dạy ngày mười sáu tháng Dê-xem-

bê-rê năm một nghìn chín trăm hai; về sự lấy ba ngày mà kính mừng trọng thể các Thánh nói trong mươi hai tháng, tính từ ngày phong chức Thánh. Lại phải cứ những ngày Bê Trên Địa Phận đã chỉ, mà Ta truyền phải chỉ các ngày ấy trong vòng một năm đầu hết, sau khi ta đã làm lễ phong chức Thánh trong nhà thờ Ông Thánh Phê-rô là chính Tòa Ta tại đền Va-ti-ca-nô ở thành Rô-ma.

Ta làm sắc phong này tại đền thờ Ông Thánh Phê-rô cùng đóng ấn tín Ngôi ngày mươi một tháng A-pha-ri-li⁽⁴¹⁾ năm một nghìn chín trăm chín, từ khi ta cai trị Thánh I-ghê-rê-gia⁽⁴²⁾ là năm thứ sáu.

Ấn ✡ Tín

Vậy ta nghe sắc ấy thì phải suy rằng : sự phong chức Thánh là việc rất cả thể, rất trọng vọng, vì Tòa Thánh phong chức ấy cho Đẳng nào, thì có hai ý này : một là muốn làm chứng và khen Đẳng ấy có công trọng trước mặt Đức Chúa Lời, và có quyền thế mạnh trên Thiên Đàng ; hai là muốn đặt Người như gương mẫu cho ta bắt chước,

cùng như quan thầy trên trời, cho ta trông cậy cầu xin. Trong ba mươi tư Đẳng có tên trong sắc Đức Thánh Phê-pha thì có hai mươi Đẳng chịu tử vì đạo trong nước An-nam, mà có sáu Đẳng thuộc về Địa Phận Tây, vì khi ấy ba Địa Phận xứ Đoài Hà Nội và xứ Thanh còn là một Địa Phận Tây, chưa chia.

Thầy kể đây tên, quê quán .v.v... sáu Đẳng ấy cho mọi người dễ nhớ và thêm lòng trông cậy kính chuộng.

Nhất : Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc phải bắt tại Yên Tập và chịu Tử Vi Đạo tại Sơn Tây, ngày mồng ba, tháng No-vem-bê-rê năm một nghìn tám trăm sáu mươi, Tự Đức thập tam niên cửu nguyệt nhị thập thất nhật. Có xương Thánh tại nhà chùa Trường Lý Đoán.

Nhị : Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Ven, phải bắt tại Kẻ Bèo và chịu tử vì đạo tại Hà Nội, ngày mồng hai tháng Phê-bê-ru-a-ri-ô⁽⁴³⁾, là ngày Lê Nến, năm một nghìn tám trăm sáu mươi mốt, Tự Đức thập tam niên, thập nhị nguyệt, nhị thập tam nhật. Có xương Thánh ở Kẻ Trù, Hà Nội và Bút Đông.

Tam : Cụ Thánh Lao-sen-sô Hưởng, quê Kẻ Sài, phải bắt tại Thận Tu xứ Bạch Bát.

bê-rê năm một nghìn chín trăm hai; về sự lấy ba ngày mà kính mừng trọng thể các Thánh nói trong mươi hai tháng, tính từ ngày phong chức Thánh. Lại phải cứ những ngày Bồ Trên Địa Phận đã chỉ, mà Ta truyền phải chỉ các ngày ấy trong vòng một năm đầu hết, sau khi ta đã làm lễ phong chức Thánh trong nhà thờ Ông Thánh Phê-rô là chính Tòa Ta tại đền Va-li-ca-nô ở thành Rô-ma.

Ta làm sắc phong này tại đền thờ Ông Thánh Phê-rô cùng đóng ấn tín Người ngày mươi một tháng A-pha-ri-li⁽⁴¹⁾ năm một nghìn chín trăm chín, từ khi ta cai trị Thánh I-ghê-rê-gia⁽⁴²⁾ là năm thứ sáu.

Án ♀ Tín

Vậy ta nghe sắc áy thì phải suy rằng : sự phong chức Thánh là việc rất cả thể, rất trọng vọng, vì Tòa Thánh phong chức ấy cho Đấng nào, thì có hai ý này : một là muốn làm chứng và khen Đấng ấy có công trọng trước mặt Đức Chúa Lời, và có quyền thế mạnh trên Thiên Đàng ; hai là muốn đặt Người như gương mẫu cho ta bắt chước,

cùng như quan thầy trên trời, cho ta trông cậy cầu xin. Trong ba mươi tư Đấng có tên trong sắc Đức Thánh Phà-pha thì có hai mươi Đấng chịu tử vì đạo trong nước An-nam, mà có sáu Đấng thuộc về Địa Phận Tây, vì khi ấy ba Địa Phận xứ Đoài Hà Nội và xứ Thanh còn là một Địa Phận Tây, chưa chia.

Thầy kể đây tên, quê quán .v.v... sáu Đấng ấy cho mọi người dễ nhớ và thêm lòng trông cậy kính chuộng.

Nhất : Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc phải bắt tại Yên Tập và chịu Tử Vị Đạo tại Sơn Tây, ngày mồng ba, tháng No-vem-bê-rê năm một nghìn tám trăm sáu mươi, Tự Đức thập tam niên cửu nguyệt nhị thập thất nhật. Có xương Thánh tại nhà chùa Trường Lý Đoán.

Nhị : Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Ven, phải bắt tại Kẻ Bèo và chịu tử vì đạo tại Hà Nội, ngày mồng hai tháng Phê-bê-ru-a-ri-ô⁽⁴³⁾, là ngày Lê Nến, năm một nghìn tám trăm sáu mươi một, Tự Đức thập tam niên, thập nhị nguyệt, nhị thập tam nhật. Có xương Thánh ở Kẻ Trù, Hà Nội và Bút Đông.

Tam : Cụ Thánh Lao-sén-sô Hưởng, quê Kẻ Sải, phải bắt tại Thận Tu xứ Bạch Bát.

phải sứ tại Ninh Bình ngày hai mươi bảy, tháng A-pha-ri-li, năm một nghìn tám trăm năm mươi sáu, Tự Đức cửu niên, tam nguyệt, nhị thập tam nhât. Có xương Thánh ở nhà quê.

Tử : Cụ Thánh Bảo-lộc Tịnh quê Trinh Hà (xứ Mỹ Điện) phải bắt tại Kẻ Vĩnh, chịu tử vì đạo tại Nam Định, ngày mồng sáu tháng A-pha-ri-li, năm một nghìn tám trăm năm mươi bảy, Tự Đức thập niên, tam nguyệt, thập nhị nhât. Có xương Thánh ở Kẻ Vĩnh và Trường Lý Đoán.

Ngũ : Ông Thánh Giu-ong Vân kẻ giảng, quê Kẻ Cói (xứ Kẻ Sông) phải bắt trong xứ Bầu nõ, phải trăm quyết tại Sơn Tây, ngày hai mươi lăm tháng Maiô⁽⁴⁴⁾, năm một nghìn tám trăm năm mươi bảy, Tự Đức thập niên, ngũ nguyệt, sơ tam nhât. Có xương Thánh ở nhà quê.

Lục : Bà Thánh I-nê Đê quê Phúc Nhạc, phải bắt vì oa gia cùng chết rũ tù tại Nam Định, trong tháng Giu-ni-ô⁽⁴⁵⁾, năm một nghìn tám trăm bốn mươi mốt, Thiệu Trị nguyên niên, ngũ nguyệt. Có xương Thánh ở Phúc Nhạc.

II. VỀ SỰ KÍNH THỜ

Cuối sắc phong chức Thánh các Dáng ấy đã dạy ba điều, Thầy phải cất nghĩa ở đây vì là sự cần.

Nhất : Đức Thánh Pha-pha ban phép kính thờ trọng thể xác và xương các Thánh mới. Về điều ấy, đã có thư chung trong quyển thuật lại các thư chung, *Chương năm trăm tám mươi tám đến năm trăm chín mươi mốt*⁽⁴⁶⁾, chỉ dẫn mọi sự phải giữ để mà theo ý Tòa Thánh. Cho nên các Thầy Cà phải xem lại Thư Chung ấy mà tuân cứ cho ý từ phái phép. Đây chỉ dạy lại hai sự này : **một** là khi xông hương Xương Thánh, phải xông hai cái mà thôi ; **hai** là khi Bề Trên đã giao hòm Xương Thánh cho họ nào thì phải để trong gầm bàn thờ làm lỗ, không được để nơi bàn thờ cạnh hay là nơi khác. Lại phải sắm hòm ngoài xứng dáng sạch sẽ mà để chính hòm đựng Xương Thánh và hòm ngoài ấy vốn phải đóng kín chặt, kéo có ai nghịch mó vào hòm Xương Thánh hay là con gián, con chuột lọt vào và cắn xé những dải buộc lụa buộc hòm Xương Thánh, hay là làm hư những dấu đóng bằng sáp trên nắp hòm ấy. Về xác các Thánh Tử Vi Đạo lớp trước, có mấy nơi không giữ điều ấy cho kỹ mà đã để hòm

Xương Thánh trống trải không có hòm khác giữ kín, cho nên buộc lụa dã rách, dấu sáp nát mất, là sự rất hiềm nghèo cũng lỗi ý Tòa Thánh trong điều nặng. Vì vậy họ nào đã có Xương Thánh các Đấng lớp trước, hay là sẽ được lãnh Xương Thánh các Đấng lớp này, thì họ buộc nhất thây cả phải để hòm Xương Thánh vào hòm khác, hay là bao buộc kín đáo vững bền, kéo làm sơ lược, thì thây phải thu Xương Thánh, không còn dễ ở nơi ấy được, vì Tòa Thánh đã phó Xương Thánh ấy cho Thầy phải trần lực coi sóc gìn giữ mới sạch tội.

Nhi : Đức Thánh Pha-phá ban phép hàng năm làm lễ các Thánh ấy trong các Nhà Chung, nhà thờ Địa Phận ta. Song điều ấy sẽ liệu về sau, là khi đã được bắn lễ và khi Tòa Thánh đã chỉ ngày lễ kính các Thánh ấy.

Tam : Đức Thánh Pha-phá ban phép cho Bề Trên chỉ ba ngày gọi là tuần ba mà làm lễ trong những nhà thờ nào, mặc ý mình, có ý kính mừng các Đấng ấy, vì đã được phong chức Thánh, miễn là làm việc ấy trong năm đầu hết, sau khi Tòa Thánh đã phong chức Thánh, nghĩa là từ bây giờ cho đến ngày mồng hai tháng Ma-i-

ô sang năm. Đức Thánh Pha-phá muốn giục mọi người đến thông công việc kính mừng tốt lành ấy, thì người ban In-du⁽⁴⁷⁾ một trăm ngày, cho những kẻ đến viếng nhà thờ đang làm việc kính mừng các Thánh ấy, mỗi một ngày một lần. Còn ai xưng tội chịu lê, rồi cầu nguyện trong nhà thờ ấy ngày nào trong ba ngày ấy thì được ăn-mày một In-du đầy⁽⁴⁸⁾, mà các In-du ấy được phép chỉ cho các linh hồn lửa giải tội.

Bấy nhiêu lời. Xin Thánh Nữ Vương các Thánh Tử Vi Đạo và các Thánh thuộc về Địa Phận ta, dù lòng thương che chở phù hộ các Đấng, các bậc, các bổn đạo, để hết mọi người ta sau này được lên hưởng phúc thanh nhàn làm một với Đức Bà và các Thánh trên Thiên Đàng đời đời.

Làm thư này tại Kê Sô, ngày ba mươi mốt tháng Giu-li-ô⁽⁴⁹⁾, năm một nghìn chín trăm chín.

* Phêrô Maria Đông Vít-vô ký.

TRUYỆN CỐ THÁNH VEN TỬ VÌ ĐẠO

TUẤT

Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Thánh Ven⁽⁵⁰⁾, Tòa Thánh mới đặt lên bậc Thánh năm nay, nổi danh tiếng ở bên Tây đã lâu, chẳng những là bởi khi người chịu tử vì đạo, thì tỏ ra lòng can đảm vui mừng vì được đổ máu mình ra vì Đức Chúa Giê-su, mà lại bởi dang khi còn sống, dang giảng đạo trong Địa Phận này, thì đã viết nhiều thư về nhà quê, mà kể cho bốn đạo bên Tây biết sự đạo trong nước An-nam bấy giờ khốn khó là làm sao, vua quan cấm ngặt là dường nào, các đặng, các bậc và các bốn đạo khổ sở là ngần nào nữa. Những thư người viết thì khéo léo, thâm thiết và rõ ràng cũng như là vẽ công việc ra trước mặt vậy. Cho nên người ta thích đưa nhau mà xem cùng dịch và in ra tiếng các nước, nhất là những thư người viết cho được già cha già và chị em lúc phải giam trong cũi, mấy ngày trước khi phải xử, thì càng khéo càng thâm hơn nữa. Ai xem liền

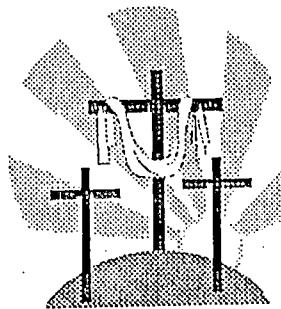
dộng lòng thương mến Người và cầm nước mắt chẳng được.

Bởi Cố Thánh Ven viết nhiều thư về nhà quê, làm vậy, thì bốn đạo bên Tây mới biết rõ sự đạo bên An-nam khốn khó quá sức dường ấy, và động lòng thương, mà cầu nguyện sốt sắng cho kẻ có đạo hên này được vững lòng chịu khó, lại nhất là làm phúc nhiều tiền bạc để nuôi kẻ phải cầm tù, kẻ phải lưu đày, cùng giúp đỡ mọi kẻ phải chịu khốn khổ vì đạo trong lúc túng ngặt ấy. Lại bởi xem thư Cố Thánh Ven và soi gương Người vui lòng đổ máu mình ra vì Đức Chúa Giê-su cùng chịu chết vì đạo, vì người An-nam, thì có nhiều học trò La-tinh, nhiều thầy già lý doán đã quyết bắt chước Người mà bỏ cha mẹ, anh em, của cải cho được đi giảng đạo cho kẻ ngoại từ xưa đến nay, thì nhiều lắm. Ta suy những điều ấy liền biết Cố Thánh Ven đã làm ơn trọng cho bốn đạo An-nam lắm lắm.

Khi có Đặng nào được phong chức Thánh thì kẻ có đạo thường chép truyện Đặng ấy, cùng kể ra những công việc, những gương nhân đức Đặng ấy đã làm, để cho người ta được soi cùng bắt chước. Vậy Tòa Thánh đã phong chức Thánh cho

Cố Ven ngày mươi ba tháng ba vừa rồi, mà Ta đã chép truyện người trong sách này. Nhân dịp, ta cũng da kể qua việc đạo trong những năm Cố Thánh Ven còn sống, vì trong bấy nhiêu năm ấy, các dũng, các bậc và bốn đạo đã chịu khó vì đạo thì nhiều lắm, và đã lập được nhiều công nghiệp cùng làm nhiều gương sáng nhân đức họa hiếm, ta phải chép vào sách cùng lưu truyền những gương nhân đức ấy cho kẻ đời sau được biết, cùng hằng nhớ liên đế mà giục lòng mình tin đạo cho mạnh cùng giữ cho vững, chẳng những là lúc bỗng yên rộng đạo, mà lại thời buổi eo hẹp cấm cách và cơn gian nan khổn khổ nữa.

Tại Đại Lai năm một nghìn chín trăm chín.



TRUYỆN CỐ THÁNH VEN

PHẦN THỨ NHẤT

Về Cố Ven từ mới sinh ra cho đến khi người sang nước An-nam, trong Địa Phận Tây
Đàng Ngoài.

Đoạn Thứ Nhất

Về Cố Ven từ mới sinh ra cho đến khi học
mãn trường La-tinh.

Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Thánh Ven sinh ra ở làng Sang-tô Lô-phô⁽⁵¹⁾ về Địa Phận Bich-la-vi-yên-xê trong nước Phú-lang-sa, năm từ Đức Chúa Giêsu ra đời một nghìn tám trăm hai mươi chín, ngày hai mươi mốt tháng một⁽⁵²⁾ phương Tây, cũng là ngày lề Đức Bà dâng mình trong Đền Thánh. Ấy là diêm lành chỉ ngày sau Người sẽ được lòng kính mến Đức Bà cách riêng. Cha Người tên là Giu-ong, mẹ là Maria. Hai ông bà là dòng dõi con cháu những nhà đạo đức thật thà, vốn giữ đạo sốt sắng dã lâu đời, cha truyền con nối, cũng như

ông A-ba-ra-ong, ông I-gia-ác và ông Gia-cóp xưa vây. Ông Giu-ong vừa dạy học, vừa làm ruộng. Bà Maria xem sóc cửa nhà trẻ mồ và coi việc đồng áng. Nhà dù chẳng giàu to, song cũng dư ăn dư tiêu nhiều.

Hai ông bà ngoan đạo siêng đọc kinh cùng nǎng xưng tội chịu lẽ, lại tính khí hiền lành thuần thực, không mất lòng ai bao giờ. Ông Giu-ong hay chữ, thông luật nước và từng trải việc quan việc dời. Khi người ta có việc mà cậy đến ông ấy, thì ông ấy sẵn lòng giúp, cho nên ông ấy có quyền trong làng và người ta kính nể lắm. Giu-ong và bà Maria sinh được sáu con; con cả tên là Mê-la-ni-a⁽⁵³⁾ ngày sau dâng mình cho Đức Chúa Lời trong nhà Dòng; con thứ hai là Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Ven sang giảng đạo trong nước An-nam và chịu tử vì đạo tại Hà Nội; con thứ ba tên là Hen-ri-cô⁽⁵⁴⁾ ở nhà kết bạn nối dõi tông đường nhà mình; con thứ bốn là Euge-bi-ô⁽⁵⁵⁾ cũng làm thầy cả; còn hai đứa sau hết là An-tôn và Giô-giê-phi-na⁽⁵⁶⁾ mới sinh ra được bảy tám ngày thì chết. Hai ông bà đã biết chính

việc kẻ làm cha mẹ là coi sóc dạy dỗ con cái mình, thì lấy việc ấy làm trọng làm cần cùn châm chút dạy dỗ con, cho nó được lòng đạo đức kính mến Đức Chúa Lời, giữ phép tắc nết na từ thuở còn bé. Trong *Sấm Truyền Mới* có lời Đức Chúa Giêsu phán rằng : Cây Tốt sinh ra quả tốt. Vậy ông Giu-ong và bà Ma-ri-a đạo đức hiền lành thì con cái cũng hiền lành và đạo đức thay thảy. Nhưng mà Thê-ô-pha-nê là con thứ hai vượt chị em nhiều lắm. Người nhỏ nhắn, rạng rỡ(?) tươi mặt, nghiêm trang nết na, không hay nô dùa chơi nghịch như các trẻ khác. Người có lòng sốt sắng kính mến Đức Chúa Lời, cùng siêng nǎng đọc kinh, và đi nhà thờ xem lẽ, lại sáng dạ, chóng học chóng thuộc và mộ sự học hành lắm. Người mới sáu bảy tuổi mà đọc sách đã trơn, cùng viết đã đúng chữ. Nhưng mà những nhà làm ruộng thì lầm việc; người lớn thì việc nặng, người bé và trẻ con thì làm việc nhẹ. Ai ai cũng phải làm cả. Cho nên Thê-ô-pha-nê không chỉ một việc học mà thôi, ngày nào ngày nào khi đã đọc bài rồi, thì người phải đóng dàn bò, dàn dê di ăn trên núi trên đồi. Người

có lòng mộ sự xem sách học hành, chờ nên vừa chăn bò chăn dê, vừa học hành xem sách. Người lấy sự xem Truyện Các Thánh làm vui thích. Mà bởi vì không có đủ sách mà xem, thì mượn thầy cả bản xứ.

Có một ngày, thầy cả bản xứ đưa cho người sách chép truyện các Đáng di giảng đạo cho các dân ngoại. Trong sách ấy có **Truyện Cố Thánh Tân**⁽⁵⁷⁾ là người Địa Phận Bích-ja-vi-yên-xê, cũng đồng quán với Thê-ô-pha-nê đã sang giảng đạo trong nước An-nam, và mới chịu chết vì đạo ở tỉnh Sơn Tây. Ông Thánh ấy trước phải bắt phải tần dữ lắm, sau phải lăng trì⁽⁵⁸⁾. Thê-ô-pha-nê xem tích ấy, chẳng những là không sợ hãi, mà lại vui mừng nức lòng xem di xem lại hai ba lượt, rồi nói rằng : Tôi cũng muốn sang giảng đạo trong nước An-nam ; tôi cũng muốn, tôi cũng quyết chịu chết vì đạo. Từ bấy giờ mà di, người hằng để lòng để trí về sự di giảng đạo cho dân ngoại, cùng sự ước ao chịu chết vì đạo như Cố Thánh Tân, và giục cha mẹ liệu cho người di học La-tinh; để ngày sau làm thầy cả. Cha mẹ thấy con mình nói đến sự muốn làm thầy cả thì bằng lòng lắm,

cùng liệu cho di học La-tinh với lòng với thầy cả bản xứ một năm, rồi cho vào nhà trường.

Thê-ô-pha-nê học trường La-tinh sáu năm. Trong bấy nhiêu năm, người làm gương sáng cho anh em bạn học, về sự siêng năng chăm chút học hành, sự tập di dàng nhân đức, cùng giữ luật phép nhà trường cho nhặt. Người có lòng kính mến Đức Bà cách riêng. Đến ngày lễ Đức Bà Chẳng Mắc Tội Tổ Tông Truyền, khi mới vào nhà trường được hai tháng mà thôi, thì người khấn buộc mình lần hạt kính Đức Bà mọi ngày cho đến lọn đời. Người cũng vào Họ Lái Tim Cực Thánh Cực Sạch Rất Thánh Đức Bà, để mà cầu cho kẻ có tội được ăn năn sửa mình lại, và kẻ ngoại đạo được bỏ bụi trần ma quỷ mà trở lại chịu đạo thánh Đức Chúa Lời. Người giữ lòng kính mến Đức Bà mãi cho đến chết, mà các việc người làm, dù lớn dù bé, thì người vốn trông cậy Đức Bà hết thay thầy. Bên Phương Tây đã lập ra Họ làm phúc cho các đáng giảng đạo, cho các dân ngoại. Những kẻ vào Họ ấy mỗi tuần lề góp một xu. Thê-ô-pha-nê ước ao di giảng đạo cho các dân ngoại, mà bởi vì chưa di được, thì

góp tiền vào Họ ấy.

Người vào nhà trường được một năm thì chịu lê lần đầu. Người lấy sự chịu lê lần đầu làm trọng, cùng ước ao trông mong chịu lê lầm và dọn mình làm việc ấy cho kỹ càng hết sức. Khi gần đến ngày chịu lê thì người viết thư về nhà rằng : ngày con được chịu lê lần đầu đã gần đến, con ước ao trông mong ngày ấy lầm, cùng lấy sự được chịu lê làm trọng làm phúc trọng trên hết mọi phúc. Con xin cha mẹ cùng chị em mọi người kêu van Đức Bà, xin Đức Bà giúp sức cho con được dọn linh hồn cho thanh sạch, xứng đáng làm đền thờ, làm tòa Đức Chúa Giê-su ngự. Con lại xin cha mẹ tha các sự lỗi con đã làm mất lòng cha mẹ bấy lâu, và làm phép chúc mọi sự lành cho con nữa. Người có lòng ước ao chịu lê và dọn mình kỹ càng dường ấy, âu là người chịu lê sốt sắng cùng được ăn mày nhiều ơn bởi sự chịu lê mà ra, chẳng khá hồ nghi. Vì chung người chịu lê lần đầu đoạn thì sinh ra lòng kính mến Mình Thánh Đức Chúa Giê-su một ngày một hơn, lại nồng chịu lê và mỗi ngày bớt giờ chơi chung với anh em cho được cháu Mình Thánh.

ngày nào (mọi ngày ?). Có một thầy cả coi sóc học trò bấy giờ truyền lại rằng : ngày nào ngày nào, đến giờ học trò được chơi, tôi thấy Thê-ô-pha-nê vào nhà thờ, tôi hé cửa dorm xem người vào làm gì trong ấy, thì thấy người quỳ, chu chu chăm chấm trước bàn thờ cháu Mình Thánh sốt sắng và lâu lầm. Tôi thấy người cháu lâu lầm thì tôi phải bảo cháu vừa vừa, kéo cháu lâu quá thì không còn giờ mà chơi mà nghỉ, hoặc sẽ sinh bệnh chăng.

Người học La-tinh được hai năm thì mẹ người qua đời. Khi được tin ấy, người liền buồn bã khóc lóc chảy nước mắt ra một giờ lâu, đoạn vào nhà thờ cháu Mình Thánh, mà cầu nguyện cho mẹ. Người không được về đưa xác mẹ, song viết thư mà an ủi cha cùng chị em rằng : Đức Chúa Lời cất mẹ về thì ta phải cút dấu theo Thánh Ý Đức Chúa Lời cho lợn. Mẹ không còn được ở với ta mà coi sóc ta, nhưng mà Đức Chúa Lời đã dựng nên cùng gìn giữ coi sóc mọi loài mọi vật thế gian, thì sẽ gìn giữ coi sóc ta thay mẹ. Rồi mẹ cùng hai em đã chết thì đang ở trên Thiên Đàng bầu cử cho ta trước mặt Đức Chúa Lời. Mẹ đã bỏ, không còn

ở với ta, nhưng mà bà ấy đã để lại nhiều gương sáng nhân đức cho con cái soi cùng bắt chước. Ta hãy nhớ cùng bắt chước những gương sáng ấy liên măi, đừng bao giờ quên sốt.

Thê-ô-pha-nê an ủi chị em; song chính lì mình người buồn bã và thương nhớ mẹ lắm. Đến nỗi có nhiều đêm người khóc thương mẹ suốt năm canh không ngủ được. Đức Chúa Lời muốn an ủi người thì cho xem thấy sự lạ này : có một đêm người đang khóc thương mẹ, thì thấy một Thánh Thiên Thần cầm tay người, dắt vào nơi sáng láng tốt lành quá sức ; người mở mắt trông xem thì thấy bà mẹ cùng muôn vàn người khác, sáng láng vui vẻ, đang hát mừng ngợi khen Đức Chúa Lời ở đấy. Người thấy vậy liền hiểu mẹ đã được lên Thiên Đàng rồi, cho nên từ bấy giờ mà đi, người chẳng còn buồn khóc nữa. Người chẳng tỏ sự ấy ra cho ai biết sốt ; có một khi người về già cha cùng chị em lần sau hết mới kể sự ấy ra mà thôi, song người buộc cha cùng chị em không được nói ra cho ai biết bao giờ.

Thê-ô-pha-nê học sáu năm thì mãn trường La-tinh. Bấy giờ người mới lên mười tam tuổi. Đang đã chép truyện người nói rằng : trong bấy nhiêu năm người tấn tới nhiều lắm ; người có trí sáng, học có tài về tiếng Pha-lang-sa, tiếng La-tinh, tiếng Rê-cô⁽⁵⁹⁾ ; thiên văn, phép tính, sử ký địa dư, văn bài thi phú, cùng các điều quen học trong nhà trường, thì người vượt các anh em bạn. Cuối năm khi phát phần thưởng, thì người hằng được nhất măi, chẳng năm nào không. Người đạo đức khiêm nhường, hiền lành hòa nhã, không mất lòng ai bao giờ. Phần xác dù mà người nhỏ nhắn khí thấp bé một chút, song hình dong diệu cách thì bình chính thanh lịch mềm mại, khí sắc thì rạng rõ nhuần nhã, da thịt thì mọng và săn săn cùng đỏ hồng hồng. Thoạt trông thấy, ai ai cũng thương cưng mến và biết là người sắc sảo trác lạc phi thường. Vì thế ngày sau khi người phải bắt, phải tra hỏi, khi các quan thấy hình dong diệu cách, nghe giọng người nói, thì thương thì nể, không nỡ đánh cùng tấn và làm khổ người như các đồng khác phải bắt phải chết vì đạo.

Đoạn Thứ Hai

Về Cố Ven từ khi học mãn trường Latinh rồi cho đến khi bỏ nhà quê, lìa cha cùng chị em mà lên Nhà Chung Pha-ri.

Thê-ô-pha-nê học mãn trường La-tinh, đoạn học cách-vật một năm, rồi vào trường Lý Đoán ngay. Dù khi người học cách-vật, dù lúc người học lý-doán, thì hằng làm gương cho anh em chúng bạn về sự tập đi dàng nhân đức, cũng về sự siêng năng học hành, sự ở khiêm nhường tôn kính dâng Bề Trên, và hòa thuận với anh em. Các dâng dạy lý-doán thấy người có nhân đức, có trí khôn thông sáng đường ấy thì mừng cùng chắc ngày sau người sẽ làm sáng danh bậc dâng làm thầy và giúp Thánh l-ghê-rê-gia được nhiều việc.

Ôi, chức dâng làm thầy là chức thánh chức trọng dường nào ! Nhân vì sự ấy Thánh l-ghê-rê-gia chẳng dám truyền chức ấy cho người ta vội, một khoan gián để thử thách người ta lâu, bắt người ta bước lên nhiều bậc, đoạn mới truyền chức dâng làm thầy

cho. Bốn chức dưới⁽⁶⁰⁾ dù mà trọng và thánh mặc lòng thì không buộc nhặt về sau, nghĩa là những kẻ đã chịu bốn chức ấy còn tháo lui, còn trở về thế gian được. Bằng chức thứ năm⁽⁶¹⁾ thì rất thánh rất trọng và buộc nhặt lắm. Vì kẻ chịu chức ấy phải quyết bỏ mọi sự thế gian cho dứt, khấn giữ mình đồng trình sạch sẽ và đọc kinh nhật khóa mọi ngày cho đến lọn đời, không được trở lại mà về thế gian. Cho nên, những học trò lý-đoán, khi loan chịu năm chức, thì nhiều kẻ ngần ngại, bối rối, sợ hãi, dùng dằng cùng tháo lui, không dám chịu chức ấy.

Về phần ông Thê-ô-pha-nê, khi đã chịu bốn chức rồi, mà Bề Trên gọi chịu chức thứ năm, thì người chẳng những là không sợ, chẳng ngại, mà lại trông mong ước ao chịu chức ấy lắm, vì lòng người khao khát dâng lót mình cho Đức Chúa Lời, cùng vì người đã biết chức thứ năm chẳng khác gì cái dao cái quấm cắt dứt hết mọi dây buộc lòng người ta vào những sự thế gian. Cho nên người ước ao chịu năm chức và dọn mình kỹ càng hết sức. Người viết thư về nhà quê xin cha cùng chị em cầu nguyện cho người, và mời đến xem lê truyền chức, để mà

dâng người làm cửa lẽ cho Đức Chúa Lời.

Thê-ô-phá-nê ước ao khao khát chịu năm chức, vì lẽ này nữa. Khi người mới lên tám, chín tuổi, di chăn bò chăn dê trên núi, mà xem tích Cố Thánh Tân tử vì đạo ở tỉnh Sơn Tây, thì đã rắp lòng ngày sau sang Phương Đông, giảng đạo cho kẻ ngoại. Từ bấy giờ người hằng để lòng để trí nhớ cùng ước ao sự ấy liên mài, chẳng bao giờ quên sot. Song người dẫu chẳng tỏ ra cho ai biết. Đến khi người vào Trường Lý Đoán, thì mới tỏ sự ấy ra cho cha linh hồn biết, để mà bàn cùng linh ý, người. Khi cha linh hồn đã cầu nguyện cùng suy dì xét lại cho chín chấn thì ban phép cho Thê-ô-phá-nê di giảng đạo cho dân ngoại. Song người dạy phải chờ cho đến khi đã chịu năm chức, rồi mới được di. Vì lẽ ấy Thê-ô-phá-nê ước ao chịu chức thứ năm.

Thê-ô-phá-nê chịu chức thánh hôm trước lẽ Sinh Nhật Đức Chúa Giê-su năm một nghìn tám trăm năm mươi, là Tự Đức tam niên. Người chịu chức đoạn thì quyết liều ngay việc mình đã định, là bỏ nhà quê cùng lìa cha và

chị em mà sang Phương Đông giảng đạo cho các dân ngoại. Song trước khi trẩy, thì người phải xin phép cha người, cùng nói cho chị em biết người lấy sự ấy làm ngại làm khó, vì biết cha cùng chị em được tin ấy thì sẽ lấy làm buồn cực. Nhưng bởi vì người có lòng yêu mến cha và chị em lắm, thì chẳng nỡ mà bỏ đi trộm. Vậy trong dịp ấy, người liệu như dã quen mọi khi gặp sự gì chắt ngại là người chạy đến kêu Đức Bà, cùng giao phó việc ấy trong tay Đức Bà. Đoạn người viết thư tỏ mọi sự ra cho cha biết cùng xin cha bằng lòng cho mình lên Nhà Chung Pha-ri học thêm lý-doán cùng chịu chức thầy cả, để bắt chước Cố Thánh Tân mà sang Phương Đông giảng đạo cho kẻ ngoại.

Cha Thê-ô-phá-nê biết con mình dạo đức khôn ngoan giỏi giang phi thường, thì đã trông ngày sau Thê-ô-phá-nê làm nở mặt cha cùng nổi tiếng trong đạo, cho nên thương yêu con chẳng kém gì ông A-ba-ra-ong thương yêu I-gia-ácxua. Song ông ấy dạo đức chắc chắn, tin cho mạnh, trông cậy cho vững, kính mến Đức Chúa

là người Địa Phận ấy, là con nhà giàu có đã bỏ cha mẹ anh em cho được sang giảng đạo trong nước An-nam, và chịu chết vì đạo ở bên ấy. Bởi những lẽ người nói thì mạnh tốt, những tích người kể thì rõ ràng lắm, cho nên cha cùng chị em bớt buồn, cũng bằng lòng theo Thánh Ý Đức Chúa Lời. Song lạ gì, tình chị em ruột thịt, lúc nghĩ đến sự phải lìa bỏ nhau, không còn được gặp nhau ở thế gian này nữa, thì thỉnh thoảng chị em người phát khóc chảy nước mắt ra. Đến ngày Thê-ô-pha-nê trẩy, thì năm cha con xem lẽ chịu lẽ, rồi về nhà ăn bữa giã nhau lần sau hết. Ăn đoạn Thê-ô-pha-nê dế quỵ trước mặt cha mà rằng : Lạy cha, đến giờ con phải di, xin cha làm phép chúc sự lành cho con. Bấy giờ cha đứng dậy, ngửa mặt lên trời, đoạn trông xuống con, thì nói rằng : Cha dâng con cho Đức Chúa Lời, xin Người hằng thương xem và che chở con liên. Cha chúc sự lành cho con và làm phép cho con, nhân danh Cha, và Con và Phi-ri-tô Sang-tô. Lúc bấy giờ ông ấy không khóc, song mặt thì tái mét di và tiếng nói cùng tay thì run. Thê-ô-pha-nê đứng dậy giã

cha cùng chị em họ hàng, đoạn vội vàng ra di, lên xe đã chục sẵn ở ngoài dàn. Cha cùng chị em họ hàng đưa chôn người ra đến xe. Hết mọi người khóc như gi.

Cứ tính tự nhiên Đức Chúa Lời đã phú cho người ta thì cha mẹ thương yêu con cái, mà con cái thì thảo kính cha mẹ và thương yêu anh em. Nhưng mà cha mẹ chị em Thê-ô-pha-nê thương yêu nhau lắm, thương yêu nhau hơn cha con người ta nhiều. Khi Thê-ô-pha-nê còn ở nhà, chưa đi học trường, thì chị em vốn hoà thuận thương yêu nhau, cùng trò truyện chơi bời với nhau, không bầu bạn trò truyện với những trẻ hàng xóm mấy khi. Lúc người đã đi học rồi, thì vốn viết thư về nhà hỏi thăm cha cùng chị em mỗi tháng hai ba lần ; mà chị em viết thư lại cho người. Sự chị em Thê-ô-pha-nê năng viết thư cho nhau làm vậy, thì chẳng những là khi Thê-ô-pha-nê còn bé, học trường La-tinh mà thôi, mà lại lúc người đã lớn đang học lý-doán, cùng khi người đã sang nước An-nam. Hễ có dịp thì chị em vốn thư di thư lại cho nhau liên, chẳng bỏ. Nhân dịp Thê-ô-pha-nê viết thư hỏi thăm

chị cùng hai em thì người dạy bảo cách làm việc bậc mình, cùng lấy lời khôn ngoan sốt sắng mà khuyên bảo về sự di dời nhân đức nữa.

Ba chị em đều mến Thê-ô-pha-nê thay thầy. Song chị Mê-la-ni-a mến người cách riêng. Từ khi bà mẹ đã qua đời, thì Mê-la-ni-a thương yêu và coi sóc các em như mẹ thương yêu và coi sóc con mình vậy. Chị ấy thì đạo đức khôn ngoan, và tính nết thì hợp với tính nết Thê-ô-pha-nê, cho nên hai chị em mến nhau cách riêng. Trong bấy nhiêu năm Thê-ô-pha-nê học trường, cùng khi người dâ sang An-nam, thì chị năng viết thư hỏi thăm và an ủi em, cùng lo liệu xống áo, tiền nong cùng mọi sự cho em, chẳng để thiếu dí gì. Hễ em muốn sự gì thì chị liền mua cùng gởi cho ngay. Khi ta suy sự cha con và chị em Thê-ô-pha-nê có lòng thương yêu nhau dường ấy, mà bằng lòng lìa bỏ nhau cho đến chết chẳng còn trông được gặp nhau ở thế gian nữa, thì ta mới biết cha con và chị em có công trọng trước mặt Đức Chúa Lời là dường nào ! Ta cũng biết nhân đức tin rất mạnh và lòng sốt sắng kính

mến Đức Chúa Lời, có phép màu nhiệm, có sức lạ lùng là dường nào ! Bởi cha con và chị em Thê-ô-pha-nê có lòng đạo đức phi thường, kính mến Đức Chúa Lời trên hết mọi sự, thì mới bằng lòng lìa bỏ nhau làm vậy. Những kẻ khô khan, kẻ yếu tin và kém lòng kính mến, không lìa bỏ nhau làm vậy được.

Thương ôi ! có nhiều cha mẹ khó khăn muốn cho con cái mình vào nhà Dòng, nhà Đức Chúa Lời cho được nhờ phần xác khỏi đói khát, vật vả, nhưng mà lại có nhiều nhà dư hay là đủ ăn, thì tiếc con mình, không muốn dâng nó cho Đức Chúa Lời. Những đứa dâm dộn xấu tướng tàn tật không làm ăn được, chẳng trông làm nên danh phận gì ở đời, thì cha mẹ giục vào nhà Dòng, nhà Đức Chúa Lời. Bằng những đứa rạng rỡ sáng trí giỏi giang, trông ngày sau được làm dàn anh trong dân, thì bắt giữ lại, không cho nó vào nhà Đức Chúa Lời. Sự ấy bởi tại cha mẹ khô khan, yếu lòng tin, kém lòng kính mến Đức Chúa Lời, chỉ trọng và cầu những ích lợi phần xác, lấy phần hơn cho mình, còn phần kém thì để cho Đức Chúa Lời, hay là lấy cả, không để phần nào cho Đức Chúa Lời

sốt. Còn về hai cha con Thê-ô-phá-nê thì dâng mọi sự cho Đức Chúa Lời, chẳng giữ lại phần nào cho mình, cho nên Đức Chúa Lời trả công cho hai cha con được sự sang trọng vinh hiển ở đời này, và được phúc thanh nhàn vui vẻ đời sau vô cùng.

Đoạn Thứ Ba

Về Cố Thánh Ven lên Nhà Chung Pha-ri
cùng về gốc tích Nhà Chung ấy và Hội
Giảng Đạo cho các dân ngoại là thế nào.

Trong mười lăm ngày Thê-ô-phá-nê ở nhà quê thì tỏ ra lòng vững vàng, hăng ra sức ở vui vẻ và chịu khó khuyên bảo cha cùng chị em bằng lòng theo Thánh Ý Đức Chúa Lời. Có nhiều lần người xem thấy chị em khóc lóc, thì động lòng lâm. Lúc bấy giờ người ép mình, Cố gắng hết sức mà cầm lòng và cầm nước mắt lại, không dám khóc trước mặt chị em. Song trong lòng thì thốn thức bồi hồi và khổn cực lắm, cho nên khi người đã

ngồi lên xe cũng ở một mình vắng vẻ, thì tự dung nước mắt chảy ra dòng dòng. Một lúc lâu rồi thấy trong mình nhẹ bớt bức tức khó chịu. Vâ lại Đức Chúa Lời lòng lành vô cùng hằng thương những kẻ hết lòng kính mến Người, thì an ủi cùng xuống sự bồng yên trong lòng. Vì vậy khi xe chạy đến cổng Nhà Chung Pha-ri, thì Thê-ô-phá-nê đã giải cơn buồn cùng dã vui vẻ rồi.

Trong Sấm Truyền Mới có lời Đức Chúa Giêsu phán rằng : ai bỏ cha mẹ anh em cùng mọi sự vì Tao, thì Tao sẽ trả lại gấp trăm những sự kẻ ấy đã bỏ, cùng sẽ cho kẻ ấy được sống đời đời nữa. Vậy Thê-ô-phá-nê đã bỏ cửa nhà cùng cha và chị em vì Đức Chúa Giêsu, thì Đức Chúa Giê-su trả lại cho người nhà khác cùng nhiều cha rất nhân từ, nhiều anh em bạn hữu chí thiết. Nhân dịp đây, ta phải nói mấy điều về gốc tích Hội Giảng Đạo cho dân ngoại và Nhà Chung Pha-ri là thế nào. Dã non ba trăm năm nay, thầy cả A-lê-san-ri⁽⁶²⁾ Dòng Đức Chúa Giê-su sang giảng đạo trong nước An-nam, thấy người ta di dạo nhiều, mà không có đủ thầy cả làm các phép cho

thì trở về Phương Tây thử khuyên ít nhiều thầy cả sang Phương Đông giảng đạo giúp đỡ mình, cứu lấy linh hồn người ta. Trước người khó nhọc đi khắp nước I-ta-li-a, nước A-lê-ma-nha⁽⁶³⁾, khuyên bão lơn van những thầy cả các nước ấy thường đến những dân bên Phương Đông chưa biết Đức Chúa Lời, còn thờ bụt thần, ma quỷ, cùng ma linh hồn, vì không có thầy cả dạy dỗ nó Đạo Thánh Đức Chúa Lời. Song người mất công, chẳng có ai chịu bỏ cha mẹ quê phúc mà sang Phương Đông sốt. Thầy A-lê-san-ri không ngã lòng. Sau người đến nước nhà, là nước Pha-lang-sa, mà khuyên những thầy cả nước ấy. Vậy có ít nhiều đấng làm thầy sốt sắng nghe người kể sự trong nước An-nam lúa chín thì nhiều, mà thợ gặt thì ít lấm, liền động lòng thương linh hồn người ta, và cũng bỏ mọi sự mà sang giảng đạo bên Phương Đông.

Đức Thánh Pha-pha A-lê-san-ri đương trị Thành I-ghê-rê-gia, bấy giờ thấy những đấng ấy sẵn lòng dâng mình để giảng đạo cho kẻ ngoại, thì mừng lắm, truyền chức Vít-vô cho hai Đấng, mà đặt một Đấng làm Vít-vô Đàng Trong, và một Đấng Vít-vô Đàng Ngoài, trong nước

An-nam, cùng bạn quyền phát bài sai cho hai đấng ấy, và các thầy cả khác tùy tùng các đấng ấy để mà đi giảng đạo, cùng liệu các việc đạo thay mặt Tòa Thánh, chẳng những là trong nước An-nam, mà lại trong nước Ngô, nước Xiêm⁽⁶⁴⁾, và nhiều nước khác nữa. Tòa Thánh buộc hai Đấng Vít-vô, khi đã sang đến Phương Đông, thì phải chọn những người bản quốc sốt sắng, có nết na, đức hạnh, cùng dạy dỗ kỹ càng, đoạn truyền chức thầy cả cho kẻ ấy.

Hai Đấng Vít-vô và các thầy cả tùy tùng hai Đấng ấy, được quyền được bài sai Tòa Thánh đã ban làm vậy, thì lập một Hội và đặt tên là Hội Các Thầy Cả Giảng Đạo Cho Các Dân Ngoại, cùng lập Nhà Chung, Nhà Trường ở thành Pha-ri. Đoạn trầy đi giảng đạo bên Phương Đông hết, trừ có năm ba ông quyết ở lại mà coi sóc Nhà Chung, chiêu mộ thêm thầy cả khác, để tiếp sang giúp các đấng đã đi trước, và cho được khuyến giáo tiền nong lương thực nuôi các đấng ấy nữa.

Đầu hết chỉ nhận những kẻ đã chịu chức thầy cả vào Hội mà thôi, nhưng mà sau cũng nhận những kẻ năm, sáu chức ; về sau nữa, cũng nhận các kẻ chưa có chức nào và chưa học

lý-doán bao giờ. Ấy là gốc tích duyên do Hội Giảng Đạo Cho Các Dân Ngoại, và Nhà Chung, Nhà Trường Pha-ri thi làm vậy. Trong các nước thiên hạ, nước nào cũng có một đạo binh là những binh thù-tử can đảm giỏi giang dể mà di tiên phong lúc đánh trận. Vậy các thầy cả là binh lính Đức Chúa Giê-su thay thầy, như lời Ông Thánh Bảo-lộc dạy Ông Thánh Ti-mô-thêu rằng : con hãy đánh trận mạnh bạo cho xứng đáng kề lèm quân lính Đức Chúa Giê-su. Trong các quân lính Đức Chúa Giê-su, thì Hội Các Thầy Cả Giảng Đạo Cho Dân Ngoại, là đạo binh táo bạo, là quân thù-tử, vốn di tiên phong, nghĩa là vốn di mở đạo những nước chưa có đạo, những đất nghịch, những nơi cheo leo, nhưng mà như lính di tiên phong thường chết nhiều, thì những thầy cả về Hội Giảng Đạo Cho Dân Ngoại, phần thì phải vua chúa ghét đạo cùng những kẻ dữ giết, phần thì vì vất vả khó nhọc, bất phục thủy thổ, thì cũng chết nhiều, chết non, chết sớm nữa. Rồi những thầy cả vào Hội ấy chỉ được hơn một nghìn hai trăm mà thôi, thì ít quá, không đủ, vì Tòa Thánh giao phó cho Hội ấy việc giảng đạo trong nước Thiên-Trúc, nước Xiêm, nước

Cao Miên⁽⁶⁵⁾, nước An-nam, nước Nhật Bản, nước Cao Ly, nước Tây Tạng và nhiều tỉnh nước Ngô, cả thầy là ba mươi hai Địa Phật.

Đời trước người ta thường nói rằng : Vui thì nhất Thiên Đàng, thứ nhì Tràng Vinh. Vậy Nhà Chung Pha-ri từ khi lập ra cho đến bây giờ vốn có tiếng tốt và vui, chẳng những là không kém mà lại hơn trường Kẻ Vinh xưa. Những kẻ dã ở Nhà Chung Pha-ri đều mến đều khen cùng nhớ nhà ấy mãi, chẳng bao giờ quên sốt. Nhà ấy thật là chốn thịnh đức, là nơi thái bình vui vẻ. Vì chung những kẻ dã dâng mình vào nhà ấy, thì giữ cho lợn lòi Đức Chúa Giê-su đã răn dạy các đầy tớ Người, lúc ăn bữa tối sau hết, mà rằng : Tao đã thương bay thế nào, thì bay phải thương yêu nhau thế ấy. Bề Trên và các дâng khác dạy lý-doán ở Nhà Chung Pha-ri, khi trước thì đã sang giảng đạo bên Phương Đông, ông thì bảy tám năm, ông thì mươi mười lăm năm ; có ông đã phải bắt, phải tần, cùng đã xưng đạo ra trước mặt quan. Các ông ấy ở với học trò như cha mẹ rất nhân từ với con cái, như anh cả ở với các em mình vậy.

Khi Thê-ô-phá-nê đến Nhà Chung Pha-ri, mà thấy cách mọi người trong nhà ấy ở với nhau, thì nết lòng vui mừng tạ ơn Đức Chúa Lời hết lòng hết sức. Người vào Nhà Chung được độ mươi lăm hai mươi ngày, thì viết thư cho cha cùng chị em rằng : Tôi sẽ hắt mừng ngợi khen Đức Chúa Lời lòng lành vô cùng liên mãi đời đời ; trong các nhà trường tôi đã học bấy lâu, thì tôi hằng được vui vẻ liên, chẳng buồn, không chán bao giờ; nhưng mà chẳng có nhà nào tôi được vui cho bằng nhà tôi ở bấy giờ, tôi nghĩ rằng : Thế gian chẳng có nơi nào vui cho bằng nhà này. Nhà Chung Pha-ri là Thiên Đàng dưới đất. Tuy rằng những kẻ ở trong nhà này, là người từ xứ, Đông Tây Nam Bắc, chẳng quen biết nhau xưa nay mặc lòng, song khi đã vào Nhà Chung này, thì hết mọi người thương yêu nhau như anh em ruột, như cha con chị em ta thương yêu nhau vậy.

Khi tôi mới đến cổng Nhà Chung, mà bõ đưa tìn vào, tức thì các thầy già chạy ra chào hỏi bắt tay cùng mời rước vào nhà, cách vui vẻ quá sức. Rồi thầy thì khiêng hòm mang đồ cho tôi, thầy thì dẫn tôi vào phòng

dọn giường mặc mùng màn, thầy khác đưa tôi đến cùng Bề Trên và các dâng cai trường. Mọi người đều vui vẻ cùng tỏ ra lòng thương tôi hết thay thầy. Trong bấy nhiêu ngày tôi ở đây, tôi có ý xem xét thì thấy mọi người đạo đức, giữ phép nhâa cho nhặt, siêng năng học hành, có lòng thương yêu nhau, cùng vui vẻ lắm. Dù mà Bề Trên cùng các dâng cai trường hay để học trò mặc mình, và chẳng có coi giữ xem xét liên mãi, như trong các nhà trường khác, thì học trò vốn giữ phép nhặt hơn các học trò những nhà trường tôi đã ở xưa nay, vì trong nhà này, học trò giữ phép bởi một lòng kính mến Đức Chúa Lời, cùng dai phép Người, chẳng có giữ vì sợ Bề Trên quở phạt đâu. Nhà này thật là nhà Thánh, sánh ví cùng nhâa Các Thánh Tông Đồ cùng họp với nhau mà đọc kinh cầu nguyện và dọn mình chịu lấy Đức Chúa Phi-ri-tô Sang-tô ở thành Giê-ru-gia-lêm xưa. Khi tôi xét thì thấy mình khô khan, kém nhân đức, nên xin cha cùng chị em cầu nguyện cho tôi được học dòi bắt chước anh em bạn, mà tập dì dàng nhân đức cùng học hành, để ngày sau được xứng đáng di giảng đạo Đức Chúa Giê-su

cho kê ngoại.

Đoạn Thứ Bốn

Về Cố Ven ở Nhà Chung Pha-ri hơn một năm, đoạn chịu chức Thầy Cả.

Trong các nhà trường Thê-ô-pha-nê đã ở trước, người đã chịu khó học hành, và tập di dàng nhân đức thế nào, thì khi người đã vào Nhà Chung Pha-ri, cũng lại làm gương cho anh em chúng bạn về sự siêng năng học hành và tập di dàng nhân đức thế ấy.

Người có lòng kính lòng mến các дăng Bé Trên như con thảo mến cha mình. Người ở hòa thuận thương yêu chúng bạn học, như anh em ruột vậy. Người mến Nhà Chung, lấy sự được ở trong Nhà Chung làm vui mừng thỏa chí. Khi người viết thư về nhà quê, thì năng nói đến Nhà Chung, cùng kể ra mọi sự trong Nhà Chung là thế nào. Trong thư người viết cho chị Mê-la-ni-a thì kể tích phòng quên gọi là phòng các Đăng Tử Vị Đạo, mà rằng : Trong Nhà Chung có một phòng rộng lớn đã dọn trọng thể lịch sự để bài

trí các dấu tích những Đăng đã chịu tử vì đạo bén Phương Đông và nhất là trong nước An-nam. Trong phòng ấy thì thấy những gông, những xiềng các Đăng Tử Vị Đạo đã mang, những dây lý hình trói, cùng những roi nó đã đánh các Đăng ấy, những xống áo chiếu chăn đã thấm máu các Đăng ấy nữa. Lại có nhiều bức tranh Đức Cha Liêu đã bảo người có đạo quê Kẻ Vĩnh tên là phó Thư vẽ nữa. Có tranh vẽ Cố Thánh Tân phải lăng trì ở Sơn Tây, và lý hình, khi đã phân thây đoạn thi liếm máu và ăn gan người. Có tranh vẽ Cố Du⁽⁶⁶⁾ phải bá dao⁽⁶⁷⁾ tại Huế. Có tranh vẽ Đức Thầy Cao⁽⁶⁸⁾ phải bắt, phải tần, phải chém tại Quảng Bình. Có tranh vẽ Cố Đồng tiên⁽⁶⁹⁾ phải chém, và nhiều tranh khác nữa. Tối nào, lúc đọc kinh rồi, học trò lý doán mọi người vào phòng ấy viếng kính các dấu tích các Đăng Tử Vị Đạo và cầu xin các Đăng ấy bầu cử cho mình cũng được phúc tử vì đạo nữa. Chẳng những là người Nhà Chung viếng dấu tích các Đăng Tử Vị Đạo, mà lại những Đăng Vít-võ, những Thầy Cả cùng bốn đạo Phương Tây, chẳng kỳ về nước nào, thỉnh thoảng có dịp thì cũng đến viếng kính nữa. Khi xem thấy những gông,

những xiềng cùng những tranh ấy, thì ai ai cũng động lòng và có kẻ chảy nước mắt ra. Tôi nào tôi cũng vào viếng phòng các Đấng Tử Vị Đạo và cầu xin kêu van các Đấng ấy bầu cử cho tôi được thông công phúc các Đấng ấy, là được đổ máu tôi ra vì Đức Chúa Giê-su. Xin chị hợp một ý mà cầu nguyện cho tôi được phúc ấy nữa, Thê-ô-pha-nê ước ao cho được phúc từ vì đạo lẩm. Khi người mới vào Nhà Chung hai tháng, thì có thư Đức Cha Liêu⁽⁷⁰⁾, Địa Phận Tây Đàng Ngoài gửi về Nhà Chung, đưa tin Cố Đông tiền đã phải bắt, cùng đã phải xử vì đạo tại Sơn Tây, người lấy làm mừng cùng viết thư về nhà quê đưa tin cho chị Mê-la-ni-a biết, cùng bảo rằng : anh em tôi mọi người ở trong Nhà Chung ước ao sang giảng đạo trong nước An-nam, vì vua nước ấy đang cấm đạo, cùng giết các Cố, các Cụ, và các bốn đạo nữa. Tôi cũng ước ao sang nước ấy, tôi muốn chịu tử vì đạo lẩm, vì sự tử vì đạo là dường tắt, là dường ngay thẳng đưa người ta lên Thiên Đàng.

Người ta mến sự gì thì hay nói đến sự ấy. Thê-ô-pha-nê năn nỉ đến phúc

tử vì đạo, vì người ước ao phúc ấy lẩm. Lại bởi người có lòng kính mến và trọng cậy Đức Bà cách riêng, cho nên khi viết thư cho chị em thì năn nỉ đến Đức Bà. Người viết thư cho chị Mê-la-ni-a rằng : Trong vườn Nhà Chung có nhà nhỏ, gọi là nhà Tòa Đức Bà. Nhà ấy có bàn thờ, có tượng Đức Bà, có đèn nến. Các ngày thứ bảy, các ngày lễ Đức Bà, và mọi ngày trong tháng Đức Bà, lúc ăn cơm tối rồi, thì cả nhà trường kéo ra nhà ấy mà đọc kinh cầu nguyện hát kinh cầu và ca vân sốt sắng lẩm. Tôi mến nhà ấy cùng lấy sự ngợi khen Đức Bà là Nữ Vương Các Thánh Tử Vị Đạo làm vui thích lẩm.

Đương khi người ở Nhà Chung thì được tin chị Mê-la-ni-a tỏ ra cho người biết chị ấy muốn đi ở nhà Dòng, song có ý muốn hỏi cùng bàn việc ấy với người trước dã. Người viết thư lại rằng : Tôi được tin chị muốn bỏ thế gian mà dâng mình cho Đức Chúa Lời trong Dòng thì lấy làm mừng; cùng tạ ơn Đức Chúa Lời đã mở lòng cho chị làm vậy. Chị bỏ thế gian mà dâng mình cho Đức Chúa Lời thì chọn lấy phần hơn, phần

nhiết. Song tôi xin chỉ khoan giãn một ít và ở nhà hai ba năm nữa, cho được an ủi cha già và coi sóc hai em rồi sẽ di.

Khi người mới vào Nhà Chung được ít lâu thì kết nghĩa với một thầy già tên là Giu-se đồng trạc và học một lớp với người. Thầy già ấy ngày sau cũng sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài, trước tên là Cố Đông, sau làm Vít-vồ thì gọi là Đức Cha Đông. Đức Cha Đông làm chứng, khi ở Nhà Chung Pha-ri, thì Thê-ô-pha-nê dạo đức, giỏi giang, học thông chẳng thua ai. Cho nên cuối năm một nghìn tám trăm năm mươi mốt, Bề Trên gọi người chịu sáu chức, mà đến tháng năm năm sau, dù mà người còn thanh niên lăm, mươi hai mươi hai tuổi, thì Bề Trên cũng gọi người chịu chức Thầy Cả, Thê-ô-pha-nê thấy mình còn trẻ tuổi, cùng lấy mình là kê thiếu thốn, kém nhân đức, không xứng đáng chịu chức trọng dường ấy, thì sợ hãi thì miuốn kiếu, miuốn xin giãn ra ít là một năm. Song sau nghĩ lại cùng suy ý Bề Trên là ý Đức Chúa Lời, thì người bỏ ý riêng mà cùi đầu vâng theo ý Bề Trên. Từ bấy giờ người hằng để lòng để trí mà dọn mình chịu

chức ấy cho kỹ càng hết sức.

Bấy nhiêu năm trước Thê-ô-pha-nê dù mà không được khỏe lắm, song chẳng bao giờ ốm yếu đến nỗi phải bỏ việc bậc mình lần nào. Nhưng mà độ hai mươi ngày trước lễ Đức Chúa Lời Ba Ngôi, là chính ngày truyền chức, thì người ngã bệnh cùng phải liệt nặng non ba tuần lễ không cầm phòng với anh em được. Người tưởng mình không chịu chức được, song ơn Đức Bà thương, ba bốn ngày trước lễ truyền chức, thì người cắt cơn sốt cùng bớt dần. Cho nên, đến ngày truyền chức, người gắng ra nhà thờ chịu chức với anh em, và ngày hôm sau, người làm lễ mở tay được. Tuy rằng đã bớt bệnh, đã khá, làm lễ và đi lại được, nhưng mà còn yếu, còn phải nghỉ, uống thuốc.

Lớp Thê-ô-pha-nê có mười hai ông chịu chức Thầy Cả làm một với nhau. Trong mươi hai ông ấy, thì Bề Trên phát bài sai cho sáu ông sang nước Thiên Trúc, cùng dạy phải xuống tàu ngày hai mươi tháng tám. Còn sáu ông thì Bề Trên phát bài sai cho năm ông, ba ông sang An-nam, một ông sang Cao Miên, một ông sang tỉnh Quảng

Dông, cùng dạy phải thu xếp mọi sự cho được xuống tàu ngày hai mươi tháng chín : Ông Thê-ô-pha-nê không được bài sai, vì Bề Trên thấy người còn yếu, thì dạy nghỉ ở Nhà Chung uống thuốc cho đến lúc khỏe thật, thì sẽ được bài sai. Ông Thê-ô-pha-nê lấy sự ấy làm buồn. Mà trong thư người viết cho chị Mê-la-ni-a khi ấy, thì người thú thật mình đã lấy sự ấy làm buồn bã, dầu dĩ, cùng khóc thầm nhiều lần.

Mọi khi người gặp phải sự gì khó, gặp cơn nào túng ngặt, thì kêu van Rất Thánh Đức Bà. Mà Đức Bà thường nghe lời người, cùng ban sự người cầu xin. Có kẻ tin thật trong dịp ấy, người cũng cầu xin Đức Bà nữa. Cho nên Đức Bà nghe lời người, và ban cho sự lòng người ước ao. Trong năm ông, Bề Trên đã phát bài sai cùng dạy xuống tàu ngày hai mươi tháng chín, thì có một ông đã được phép Bề Trên cho về nhà quê mấy ngày liệu những việc cần. Ông ấy ngăn trở không về Nhà Chung kịp ngày đã hẹn cho được trả với ảnh em, Bề Trên thấy làm vậy thì dạy ông Thê-ô-pha-nê phải trả di thay ông ấy. Bề Trên không phát bài sai cho người di nước

nào, Địa Phận nào, một dạy sang Hương Cảng nghỉ, uống thuốc ở Nhà Cố Giữ Việc. Đến bao giờ được tin đã khỏe thì sẽ gởi bài sai cho.

Đoạn Thứ Năm

Về Cố Ven sang Hương Cảng nghỉ, uống thuốc cùng ở đấy mười lăm tháng.

Ông Thê-ô-pha-nê được lời Bề Trên truyền cho làm vậy thì mừng lắm; liền viết thư về nhà quê, đưa tin ấy cho cha cùng chị em biết. Đoạn người xếp đồ đóng gánh mà lên xe hỏa chở đến thành An-ve⁽⁷¹⁾ là cửa biển nước Bê-gi-ô⁽⁷²⁾ tiếp giáp nước Pha-lang-sa, cùng xuống tàu ở đấy với ảnh em, ngày hai mươi ba tháng chín năm một nghìn tám trăm năm mươi hai, cũng là Tự Đức ngũ niên. Ông Thê-ô-pha-nê đã làm nhặt trình kể mọi sự từ lúc người xuống tàu cho đến khi tới Hương Cảng, song dài lắm, ta không dịch cho hết được, ta chỉ kể tắt những điều cần mà thôi. Tàu người di là tàu buồm, vì bấy giờ tàu hỏa còn hiếm chưa có máy.

Vậy tàu chạy mới được một ngày thì phải phong ba, cho nên phải vào cửa kia về nước Hồng Mao⁽⁷³⁾ đậu dãy ba ngày ba đêm cho đến khi yên sóng gió và thay cột buồm rồi mới chạy.

Ông Thê-ô-pha-nê kể rằng : Trước tôi chưa biết say sóng là thế nào. Nhưng mà khi bão nổi lên mới thấy mình vắng đầu chóng mặt, lộn ruột, thở. Bấy giờ phải chịu phép đi nằm một nơi, chịu đói chịu khát, vì hễ ăn uống giống gì vào, liền thở ra ngay. Xong bão thì tôi lại khỏe. Tàu tôi đi là tàu mới và đóng khéo, cho nên được gió thì chạy mau hơn các tàu khác. Song khốn thay, ở ngoài biển khi thì gió ngược, lúc thì không có gió, tàu không chạy được. Mọi người ở dưới tàu đều ngồi buồn bã cả, nhất là chủ tàu càng buồn hơn. Ông chủ tàu tôi đi, là người có tuổi thi hàn tinh lǎm, dù lúc có gió, dù khi không, dù gió ngược, thì ông ấy vẫn bình tĩnh hiền lành. Tôi không thấy ông ấy buồn rầu, bắn gắt, giận dữ, quát tháo bao giờ.

Ông ấy có lòng đạo. Trước sau khi ăn cơm vốn làm dấu, đọc kinh, không bỏ khi nào. Lại phép tắc nghiêm trang,

ăn nói khôn ngoan đứng dẩn. Chẳng những là ông ấy, mà lại mọi người làm việc dưới tàu, đều có lòng tôn kính dâng làm thầy, và sự với anh em chúng tôi cách hân hoan lịch sự thay thầy.

Chúng tôi làm lễ các ngày lễ cả được một tháng rưỡi mà thôi, rồi những bánh lễ miếng hư di, không còn làm được nữa. Khi người ta đói khát, không có của nuôi xác, thì ra yếu đuối gầy mòn đi. Cũng một lẽ ấy, khi người ta không được chịu Mình Thánh Đức Chúa Giêsu, là chính của nuôi linh hồn, thì linh hồn ra nhọc nhằn lao lực, cùng yếu kiệt. Khi ấy có nhiều lần tôi ao ước làm lễ cùng chịu lễ, và chầu Mình Thánh lẩm, song bởi không được chịu, không được chầu Mình Thánh thật, thì tôi chịu lễ cùng chầu cách thiêng liêng.

Ngoài biển thì thanh khí. Những kẻ vượt biển thì khỏe mạnh, ăn được. Nhưng mà khi nào phải trẩy ba bốn tháng tròn, chỉ trông trời cao thăm ngất, biển rộng mênh mông, thì lâu lâu sinh buồn sinh chán, cùng ước ao cho được trông thấy đất, khao khát vào cửa và được gặp thầy người ta. Vậy cho được giải phiền, đỡ buồn, thì phải bày việc ra.

Khi thì chúng tôi đọc kinh, lân hạt, xem sách, học hành, lúc thì hát kinh hát văn và những câu quen hát ở nhà quê. Như xưa dân Giu-dêu phải dây ở nước Ba-bi-lon thì hát những kinh quen hát ở nhà quê, để mà giải phiền.

Khi ông Thê-ô-pha-nê sang bên này thì Pha-lang-sa chưa xé dải đất Cổ Bồng⁽⁷⁴⁾ nước I-chi-tô⁽⁷⁵⁾, cho nên tàu chưa đi tắt mà sang bên này được, phải di quanh Phương Nam lâu lắm. Có tàu đi một năm, có tàu đi sáu bảy tháng. Tàu ông Thê-ô-pha-nê vượt được có ba tháng mà thôi, thì đến Phố Mới là cửa biển thuộc về quyền Hồng Mao cai trị. Các Thầy Cả về Hội Giảng Đạo Cho Các Dân Ngoại thì giảng đạo ở nơi ấy, và cả miền lân cận cùng có Nhà Giữ Việc ở đây, cũng như ở Hương Cảng vậy. Ông Thê-ô-pha-nê đổ bộ ở Phố Mới cho được tìm tàu chở mình đến Hương Cảng, vì tàu trước chở người có đến đây mà thôi, không di xa hơn nữa.

Đang khi ông Thê-ô-pha-nê nghỉ mấy ngày ở Nhà Cố Giữ Việc tại Phố Mới thì có năm sáu chú nhà thầy Địa Phận Nghệ An, Đức Thầy İlậu gửi sang học trường

Phi-năng⁽⁷⁶⁾, qua đây cũng vào trọ ở Nhà Cố Giữ Việc⁽⁷⁷⁾. Người thấy các chú người An-nam là nơi vua cấm đạo ngặt, và các quan đang bắt bớ giết lái các Cố, các Cụ, và các bốn đạo, thì thương lắm, cùng nghĩ rằng : các chú này là con cháu các đảng tử vì đạo; có khi ông bà cha mẹ các chú đã phải chết vì đạo chẳng. Đến tối, lúc các chú đọc kinh, thì người đứng ngoài hè mà nghe. Khi thì các chú đọc cung thường, lúc thì cung vui, người lấy làm sốt sắng, ệm tai, dễ nghe, mà lúc ấy người ước ao chờ gì được bài sai sang giảng đạo nước An-nam, thì sẽ mừng rõ là đường nào !

Người ở Nhà Cố Giữ Việc ba tuần lễ, đoạn có dịp tàu Hồng Mao sang Hương Cảng, thì người xuống tàu ấy. Từ Phố Mới cho đến Hương Cảng, tàu nào gặp gió thuận, thì đi mất bảy tám ngày mà thôi. Song bởi vì tàu người di phải ngược nước ngược gió, nên phải sóng xô gió giật luôn mãi, thì mất non một tháng mới đến nơi.

Hương Cảng là một gò nhỏ⁽⁷⁸⁾ hép vừa bằng một huyện, khi trước thuộc về nước Ngô, cũng là tổ quân tàu ô vốn quen tụ họp xưa nay. Cả gò ấy rất những núi dồi

những đất sỏi cùng bạc địa, không sinh ra lúa thóc mầu mỡ gì. Năm một nghìn tám trăm bốn mươi, Hồng Mao thấy gò ấy có cửa biển rộng lớn khuất gió cùng là nơi tàu bè các nước qua lại mà đi thông thương buôn bán, từ phương thiên hạ, quanh năm liên, thì chiếm lấy cùng lập phố xá tinh thành ở đấy, lại sửa sang cửa biển cho tiện ra vào, và cho kín đáo.

Khi trước ở gò Hương Cảng thì chẳng có nhà nào sốt, chỉ có mấy cái lều những thủy-cơ đánh cá ngoài biển lắp lên trên bãi để trú tro mà thôi. Rồi Hương Cảng có tinh thành rộng lớn đẹp đẽ giàu có, những người mọi nước thiên hạ ở buôn bán đông đúc, sầm uất, vui vẻ quá sức. Những hỏa thuyền di lại ra vào cùng đậu trong cửa, hằng ngày thì đến bốn năm mươi chiếc. Tinh Hương Cảng bây giờ thì phú thịnh nhất trong các tinh Phương Đông. Khi chưa có tinh Hương Cảng, thì Nhà Giữ Việc các Thầy Cả giảng đạo cho các dân ngoại vốn ở Ma Cao, nhưng mà đến năm một nghìn tám trăm bốn mươi bảy, đã rời về Hương Cảng. Nhà Giữ Việc ở Hương Cảng là nhà chính, còn

những Nhà Giữ Việc ở Thượng Hải, Phố Mới và Gia Định là những nhà tùy, nhà xáp, các Cố có bài sai sang giảng đạo nước Nhật Bản, Cao Ly, Tây Tạng, nước Ngô, và Địa Phận Tây Đàng Ngoài, phải qua nhà Cố Giữ Việc Hương Cảng, đoạn ở đây mà di giảng đạo trong những nước ấy.

Ông Thê-ô-pha-nê đến Hương Cảng thì nghỉ ở nhà Cố Giữ Việc chờ bài sai Bè Trên Nhà Chung Pha-ri đã hứa sẽ gửi cho ở đấy. Hai ba tháng, người mới ở đấy thì khỏe khá, nhưng mà đến mùa hè, trời nắng noi bức sốt lắm, thì người nhọc nhằn, ăn ít ngủ ít, cùng phát chứng lao nhẹ nhẹ vậy. Người uống thuốc thì bệnh lui ngay. Các Cố di lại Nhà Giữ Việc đoán cho người sẽ phải di giảng đạo bên Ngô, mà chính người cũng tưởng làm vậy, cho nên học tiếng Khách⁽⁷⁹⁾. Bè Trên Địa Phận Quảng Đông đã lập nhà trường ở Hương Cảng cậy người dạy cách-vật⁽⁸⁰⁾ cho học trò. Người ước ao trông mong bài sai Bè Trên Nhà Chung Pha-ri gửi, mà chẳng thấy, thì ra như có dấu buồn. Cho được giải phiền, thì người nang viết thư về nhà quê, hỏi thăm cha cùng chị em, và kể phong tục kiếu cách người ta bên Phương Đông là thế

nào. Ông Thê-ô-pha-nê ở Hương Cảng đã non một năm, thì được từ Bề Trên Nhà Chung Pha-ri sai người sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài, trong nước An-nam. Từ khi người còn bé, mới lên tám, chín tuổi; mà xem tích Cố Thánh Tân đã chịu tử vì đạo trong Địa Phận Tây Đàng Ngoài, thì người hăng ước ao khao khát chờ gì được sang giảng đạo trong địa phận ấy liền mãi, cho nên khi người thấy mình đã mẫn nguyện được sự lòng mình đã ước ao khao khát lâu năm lâu tháng dường ấy, thì vui mừng quá sức, liền sấp mình xuống đất mà thầm thì rằng : Lạy Chúa Giê-su, lạy Đức Bà Ma-ri-a, tôi sẽ tạ ơn ngợi khen Chúa tôi cùng Đức Mẹ liên mãi đời đời. Đoạn người viết thư cho cha và chị em biết tin ấy, cùng xin cầu nguyện giúp người mà tạ ơn Đức Chúa Lời đã thương quá độ dường ấy. Lại nói rằng : Tôi đã chờ đợi trông mong lâu ngày lâu tháng, song chẳng có chờ đợi trông mong uổng công, vì tôi được phần tốt, phần nhất.

Ông Thê-ô-pha-nê nói làm vậy vì người mến cùng thích Địa Phận Tây Đàng Ngoài. Trong thư người viết về nhà quê thì rằng : Tôi muốn Địa Phận Tây Đàng Ngoài, trước là

vì Địa Phận ấy được hơn mười lăm vạn bốn đạo, được tám mươi Thầy Cả bản quốc, được năm trăm kê giảng, ba trăm học trò La-tinh và hơn sáu trăm người Đồng Nữ. Sau là vì được nhiều Cố nhiều Cụ, nhiều người nhà Đức Chúa Lời và nhiều người bốn đạo đã xung đạo ra trước mặt quan cung chịu chết vì đạo ; sau nữa vì được Đức Cha Liêu làm đầu, làm Đấng chăn chiên. Đức Cha Liêu này là Đấng sốt sắng khôn ngoan và can đảm vững vàng. Tiếng người đã lừng lẫy khắp mọi nơi Đông Tây Nam Bắc. Ai là kẻ có đạo thì đã được nghe tiếng người thay thầy.

Đoạn Thứ Sáu

Về Cố Ven ở Hương Cảng sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài

Ông Thê-ô-pha-nê đã được bài sai sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài ; nhưng mà từ dời Minh Mạng, những tàu Tây không sang buôn bán trong nước An-nam mấy khi, vì vua cấm ; cho nên các Cố ở Hương Cảng mà sang bên này phải đi tàu khách. Vậy những tàu khách chỉ sang An-nam một năm có hai kỳ, là tháng tư tháng năm, và tháng

mười tháng mười một. Vì vậy, ông Thê-ô-pha-nê phải chờ dịp tàu ba tháng nữa thì mới sang Địa Phận mình được. Đến hai mươi sáu tháng năm, năm một nghìn tám trăm năm mươi bốn, có dịp tàu khách sang An-nam, thì người già Cố Giữ Việc mà sang tỉnh Ma-Cao, vì tàu chở người sang Địa Phận này thì đã ở Ma-Cao. Người không sang một mình. Cố Trường, trước đã ở Địa Phận Tây bảy tám năm, đoạn phải bệnh về Tây uống thuốc, bây giờ cũng lại sang và đi làm một với người.

Hai Cố đến Ma-Cao thì tàu còn trở, chưa đi ngay, phải đợi mười ngày mới chạy.

Nhưng tàu khách lôi thoi lăm. Nó còn tế kỵ yên, còn chọn ngày, còn xem giờ chán chê dã. Hết có được ngày tốt, chán giờ có được hay, thì nó mới nhổ neo. Lại quẩn chó biển thì nhiều lăm, cho nên tàu sợ nó ăn cướp cùng giết mình, thì phải chờ mười lăm hai mươi chiếc rồi mới đi với nhau, mới dám nhổ neo. Ông Thê-ô-pha-nê phải ở Ma-Cao bảy ngày, thì nhờ dịp ấy cho được xem tinh ấy.

Trong các dân Phương Tây thì dân nước Phu-tu-ghê, người An-nam quen gọi là Hoa-lang sang buôn bán Phương Đông

này trước hết và chiếm lấy một dải, một mảnh đất về tỉnh Quảng Đông chõ ra ngoài biển, lập phố xá tinh thành ở đấy và gọi là Ma-Cao. Xưa tỉnh Ma-Cao có thời danh và người ta đã gọi là Ngọc Phương Đông. Tỉnh ấy giàu có dẹp dẽ, đông người buôn bán xầm uất vui vẻ lắm. Phố xá thì rộng lớn, cửa nhà thì lịch sự. Có nhiều nhà thờ trọng thể nguy nga. Lại có nhà trường nữa. Dòng Đức Chúa Giêsu, Dòng Ông Thánh Do-minh-gô, và nhiều Dòng khác, có nhà thờ riêng ở đấy. Các Đáng sang giảng đạo bên Phương Đông thì phải qua Ma-Cao hết, ấy tiếng Ma-Cao xưa thì làm vậy. Nhưng mà rầy tinh ấy đã sa sút nhiều lắm, cùng ví như là quan lớn kia, trước sang trọng giàu có, ăn mặc là lượt diêm trang, mà sau thì sa cơ ra hèn hạ nghèo đói, ăn mặc rách rưới vậy. Ma-Cao xưa mười, đến rầy không còn được một. Những nhà buôn to, những cửa hàng lịch sự đã bỏ Ma-Cao mà sang Hương Cảng hết. Rầy tinh ấy tồi tàn, phố xá vắng vẻ ; những cửa hàng rộng rãi lịch sự thì bỏ không chẳng ai thuê. Cửa biển thì một ngày một bồi lên, những tàu lớn không còn ra vào được. Những nhà giàu

đi đâu cả rồi ? Kê còn ở lại là những người đủ ăn và những người nghèo. Người ta thường nói rằng : Hương Cảng đã ăn cướp cùng bóc lột Ma-Cao chẳng dễ lại cho một chút dí gì.

Ông Thê-ô-pha-nê ở Ma-Cao bảy ngày, đoạn đến mồng hai tháng sáu, thì tàu mới nhổ neo, mới chạy. Lần ấy những tàu khách đi với nhau một đoàn thì đông lắm, ngoài bảy mươi chiếc; cho nên vui vẻ lắm, chẳng còn sợ nữa. Đọc dàng cũng có gặp bốn năm chiếc tàu ô, nhưng mà quân ấy thấy đông quá thì lui không dám làm gì. Những quân khách vốn ghét người Tây cung gọi là phiền quỷ, bạch quỷ, nghĩa là quỷ ngoài, quỷ trắng. Xưa các Cố ở Ma-Cao di tàu khách mà sang An-nam, thì khổ sở cheo leo, liều mình chết, vì quân khách khinh dể chửi rủa, và có khi nó lấy mất đồ dạc, tiền bạc của cái riêng các Cố, và của các Nhà Chung. Có một lần nó giết một thầy Dòng Ông Thánh Do-minh-gô giảng đạo trong Địa Phận Trung, vì lòng ghét và tham của. Ông Thê-ô-pha-nê viết thư về nhà quê rằng : Tôi đi tàu khách thì khổ sở mọi dàng; quân khách cho Cố Trường và tôi

ở dưới lòng tàu, trong một xó tối tăm hôi hán, đầy những thạch sùng, những gián, những rệp, lại chật chội cùng thấp lầm, không đứng được, chỉ nằm và ngồi cả ngày cả đêm. Chúng tôi không được lên sàn tàu, hễ đôi khi có lên một lát thì nó liền chửi rủa, de loi, cùng bắt xuống lòng tàu ngay ; nó mang đức chúng tôi liên ; khi không có gió, cùng lúc gió to, hay là lỡ việc gì, thì nó bảo tại chúng tôi ; mọi sự không hay thì nó đổ cho chúng tôi cả.

Tàu chạy hai mươi ngày thì vào cửa Cấm và đổ gần đồn Hải Phòng. Ông Thê-ô-pha-nê thấy đất An-nam thì mừng rỡ, liền tạ ơn Đức Chúa Lời đã đưa mình đến nơi bằng an ; cùng làm bài thơ rất khéo bằng tiếng Pha-lang-sa mà chào mừng đất An-nam và nhận lấy làm quê mình từ bấy giờ. Tiếng rằng người đã đến đất An-nam, nhưng mà chưa được đổ bộ lên đất ấy. Người phải ẩn kín dưới tàu kéo có ai trông thấy mà tố giác thì chẳng những là người chết, mà lại những kẻ đã chở người thì cũng phải chết nữa, vì đã có chỉ

vua cấm ngặt : các tàu không được chở các Cố sang An-nam. Tàu bỏ neo được một giờ thì quan đồn xuống khám xem có chở đồ gì quốc cấm. Hai Cố ẩn kín, quan không khám thấy.

Ở cửa Cấm có họ Thùy-Cơ có dạo. Ban đêm hai Cố xuống thuyền có dạo, bảo chở mình đến nhà Đức Cha Hy⁽⁸¹⁾ làm Vít-vô phó Địa Phận Đông. Từ Ma-Cao cho đến Hải Phòng, ông Thê-ô-pha-nê say sóng hai ba lần, cho nên mệt l้า. Người nghỉ tám chín ngày ở nhà Đức Cha Phó, uống mấy chén thuốc rồi lại khỏe. Rồi hai Cố đi tàu ban đêm cho đến nhà Đức Cha Liêm⁽⁸²⁾ là Đức Cha Chính. Đức Cha Liêm đã chịu chức Vít-vô, Đức Cha Liêu tại Bút Sơn mười ba năm trước, thì có lòng kính và mến Đức Cha Liêu, cùng với nhau và gọi là cha, mà thỉnh thoảng đến Kẻ Vĩnh thăm người. Đức Cha Liêu lại cũng trọng Đức Cha Liêm. Tính Đức Cha Liêu vui vẻ, hay nói khôi hài. Khi hai Đức Cha ngồi nói chuyện với nhau mà các Cụ đến lấy, thì Đức Cha Liêu chỉ Đức Cha Liêm mà bảo các Cụ rằng : Này con tôi đây, rầy đã lớn và khỏe b้าง, hay là có khí hơn bố.

Trong thư ông Thê-ô-pha-nê viết cho chị Mê-la-ni-a thì rằng : Khi chị thấy tôi nói tôi đã trợ nhà Đức Cha Hy và Đức Cha Liêm mười lăm ngày thì chị đừng nghĩ rằng : Các Vít-vô trong nước An-nam có nhà gạch nhà ngói, cao hai ba tầng, có dinh cơ trọng thể nguy nga như các Vít-vô bên Phương Tây đâu. Nhà các Vít-vô trong nước này là nhà tre nhà gỗ nhỏ, thấp bé, chật hẹp, lợp rác, những tường vách thì là tre đóng dựng rồi trát đất, trát bùn, thật là khó hèn như hang Bê-lém vậy.

Hai Đức Cha sử hảm hỏi lịch sự cùng liệu thuyền và sai người nhà chắc chắn đưa hai Cố đến Bùi Chu là Nhà Chung Địa Phận Trung. Ở đấy, hai Cố gặp hai người Đức Cha Liêu đã cho di dón. Hai người ấy đưa hai Cố về Nhà Chung Kẻ Vĩnh, qua nữa đêm ngày mười ba tháng bảy, Tự Đức thất niên.

PHẦN THỨ HAI

Từ Cố Ven mới sang Địa Phận Tây cho đến
khi người phải bắt

Đoạn Thứ Nhất

Kể tắt việc đao trong nước An-nam, từ Tự
Đức nguyên niên cho đến khi Cố Ven
sang Địa Phận Tây.

vua Thiệu Trị băng hà rồi, thì ông Hoàng Nhậm là con thứ túc vị, cùng nhận niên hiệu Tự Đức. Người ta khen vua mới tinh thần khôn ngoan và hiền lành nhân từ. Tự Đức vừa mới lên làm vua thì ban ân xá chung cho các kẻ can án, trừ có một kẻ can án xử tử mà thôi. Bấy giờ, những kẻ phải giam trong ngục vì đao thì được ra, và những kẻ phải lưu đày được về. Thiên hạ đồng rằng : vua đã xem sử ký mà biết nhà Nguyễn nhờ Đức Thầy Phê-rô và các quan nước Pha-lang-sa giúp, thì mới đánh được quân Tây Sơn và lấy lại được nước mình; thì có ý trả nghĩa các дâng nối quyền Đức Thầy Phê-rô, mà tha đao như vua Gia Long. Cho nên

những kẻ cõi đao trông vua sẽ tha đao, chẳng có cấm đao như vua Minh Mạng cùng vua Thiệu Trị. Khi ấy trong triều có hai bè, một bè bàn phái tòng khoan xử nhân từ mà đồ lòng người ta bỏ đao dần dần ; những quan đời Thiệu Trị là những ông còn thanh niên vào bè ấy ; một bè nhất hường bàn phái tòng nghiêm, cùng chiêu Nhật-Bản lệ, mà dùng phép thẳng cho được phá đao, cùng chém giết những kẻ bất khảng xuất giáo hết thay thầy ; những kẻ vào phe này là những quan đã có tuổi, cùng là kẻ dàn anh, kẻ làm đầu trong triều. Có lời truyền lại rằng : Khi vua Minh Mạng gần chết, thì đã đòi các quan đến cùng bão phải liệu phá đao Da-tô để cho nước An-nam được yên. Tự Đức phần thì có lòng thương dân, không muốn dùng phép thẳng kéo hại dân, phần thì nể cùng sợ các quan lớn trong triều, cho nên lưỡng lự, còn suy nghĩ, chưa quyết dâng nào ; cho đến khi xong các việc cùng lễ thụ phong đoạn, thì vua chiêu lòng các quan dàn anh mà ra chỉ cấm đao lần thứ nhất.

Trong các chí vua Tự Đức đã ra, mà cấm đao trước sau, thì hằng cứ một lối này : Trước là vua bỉ báng chê bá, nói phạm

Đạo Thánh Đức Chúa Lời, gọi là tâ-dạo, vù cho kẽ có đạo bất kính tổ tiên, khoét con mắt người ta, khuyên dụ dân bà hủy bại phong tục, và nhiều điều oan khác làm vậy ; sau là vua giảng nhân nghĩa lè trí tín, khuyên người ta giữ đạo chính, đừng theo đạo tà, đạo ngoại quốc, cùng nói bông lồng, mơ hồ, vớ vẩn như thầy giảng chẳng dọn bài trước vậy. Đoạn vua giục các quan ở tận tâm tận lực mà phá đạo. Lại có khi quở trách đe loi các quan vì ăn tiền bạc, mà không phụng mệnh lệnh vua. Sau hết vua ra hình phạt cho các Tây Nam đạo trưởng, các đạo đồ, cùng những oa gia chứa các trưởng đạo và cho các kẽ có đạo bất khảng quá khóa. Ấy là lề lối Tự Đức hằng cứ, trong các chỉ dã ra mà cấm đạo thì làm vậy.

Về những chỉ vua ra trong tám năm trước thì tỏ ra lòng ghét đạo và phạt rất nặng các Tây Nam đạo trưởng, còn dân thì xem ra vua thương cùng miến cưỡng mà phạt. Nhưng mà từ năm Tự Đức bắt đầu niên, vua thấy những dân có đạo không vâng mệnh vua, cùng bất khảng xuất giáo, thì không còn thương nữa, mà lại một ngày một giận ghét, một phạt nặng, cùng ra như

muốn tận sát các kẽ có đạo cho tuyệt chủng đạo ngoại quốc.

Năm Tự Đức nguyên niên là một nghìn tám trăm bốn mươi tám, khi xong lễ thụ phong, đến trung tuần tháng bảy, thì vua ra chỉ cấm đạo lần trước hết. Cứ chỉ ấy, những Cố Tây thì sẽ phải buộc cõi đá vào cổ rồi bỏ xuống sông, xuống biển, mà kẽ bắt cùng nộp thì sẽ được thưởng ba trăm lượng bạc ; những Cụ An-nam bất khảng xuất giáo thì sẽ phải thích chữ vào má cùng phát lưu những nơi độc nước ; bằng những người dân đã theo đạo, mà bất khảng quá khóa, thì kẽ là đứa ngu muội, đã phải mưu các trưởng đạo ; vua thương nó không nỡ lưu hay là giết nó đi, cho nên các quan sẽ phải sửa dạy cùng phát lạc nó, đoạn duối nó về nhà. Chỉ ấy đã lục tổng ra cho các tỉnh Đàng Ngoài được một tháng, mà Đức Cha Liêu cũng đã biết, song người quyết di kinh lược xứ Kẻ Báng, cùng dein Cố Trường, Cố Đông, ba Cụ và nhiều kẽ giảng; cả thầy bốn mươi người di làm một mà mở tuần làm phúc ở làng ấy, dù ba tháng tròn. Chẳng những là bốn đạo xứ Kẻ Báng đến xem lễ cùng xưng tội chịu lỗ, mà lại có nhiều người ở ngoài

xứ Kê Trình vào, ở trên xứ Đồng Chuối xuống, ở trong tỉnh Ninh Bình ra, ở bên Địa Phận Trung sang Kê Báng, xưng tội chịu lẽ dông dẫn, như lúc rộng đạo vậy. Nhiều kẻ ngoại đạo cũng đến xem Đức Cha mổ lẽ nữa. Các quan biết song làm thỉnh di, không bắt, không hỏi, không làm gì, vì những kẻ có đạo đã dút lót cùng lẽ lạt các quan trước rồi.

Năm Tự Đức nhị niên, là năm một nghìn tám trăm bốn mươi chín, nước An-nam phải dịch thổ tả nặng lị kùng ; đã lâu dời người ta chưa thấy dịch nặng quá thế ấy bao giờ. Thiền hạ ba phần, thì chết mất non một phần. Địa Phận Tây chết mười hai Cụ, sáu Thầy già lý-doán, hai mươi lăm học trò Latinh, mươi tám người **Dòng Nữ Mến Cầu Rút**⁽⁸³⁾ và chín vạn hai nghìn hai mươi lăm người bốn đạo. Có nhà sáu bảy người thì chết hết. Trước còn mua săng ván, còn liệm và mai táng hẵn hoi. Về sau không còn mua săng được, thì phải bó chiếu mà khiêng di chôn. Lại có nơi người ta chết nhiều quá, chôn không xuể, thì bỏ thối ngoài đồng, cho nên càng thêm nặng khí, càng thêm dịch hơn nữa. Năm ấy, vua không nói đến đạo và các quan sợ chết, thì đóng

cửa, không hỏi kiện, không làm việc quan, chẳng đi bắt đạo, những lỵ binh cũng những quân đòn, mỗi khi đi lại những làng có đạo liền, thì bấy giờ đi đâu cả rồi không thấy đứa nào. Cho nên, năm ấy các thầy cả di làm phúc các họ, di làm các phép cho kẻ liệt được, cũng như lúc băng an và rộng đạo vậy. Lại những kẻ có đạo cũng rửa tội được nhiều người lớn, và nhiều trẻ con ngoại đạo lúc rình sinh thì lầm.

Năm Tự Đức tam niên, là một nghìn tám trăm năm mươi, vua phải lo lắng nhiều dàng, không để trí về sự cấm đạo được. Con cả vua Thiệu Trị là ông Hoàng Bảo, sau cải là An Phòng, thì hiền lành dần độn ; em ông ấy là Hoàng Nhậm là người sắc sảo giỏi giang, đã lấy con gái ông Trương Đăng Quế làm vợ cả. Ông Quế này là quan đại thần quyền nhất trong triều, thì mưu sứ với quan khác mà bỏ ông Hoàng Bảo di, và đặt Hoàng Nhậm là chàng rể mình lên làm vua. Ông Hoàng Bảo là đích-tử phải sự oan ức làm vậy, thì phản chí quá cùng hăng tìm dàng khởi ngụy. Ông ấy khuyên dụ kẻ có đạo dấy binh mà giúp mình đánh vua, đánh triều đình, cùng hứa chẳng những là sẽ tha

HANH SONG LUẬT

không cấm đạo, mà lại chính mình ông ấy sẽ đi
đạo cùng bắt cả nước đi đạo nữa. Bốn đạo thưa
Đức Thầy Phan, có nên nghe lời ông Hoàng Bảo
chẳng? Đức Thầy cấm kẻ có đạo không được theo
Hoàng Bảo, một phải giữ lòng trung với vua, và
trông cậy Đức Chúa Lời, không được dây vào việc
ấy kêu khốn.

Ông Hoàng Bảo thấy mình không khuyên
được kẽ có đạo thì sắm chiếc tàu lớn và quyết
sang Phố Mới, cầu Hồng Mao phù giúp. Chẳng
may ngày mồng bốn tháng giêng năm Tự Đức tết
niên, lúc màn lì sấp nhô neo, thì quan đem binh
xuống bắt được ông Hoàng Bảo cùng thủ hạ, và
khí giới nhiều lầm. Hoàng Bảo thấy mình phải bắt
quả tang, thì toan tự vẫn, nhưng mà lính canh giữ
không cho. Vì vậy, ông ấy phải tự hạ kêu van xin
vua thương thế nào, thì nhờ thế ấy.

Vậy khi lính diệu Hoàng Bảo đến trước
mặt vua, thì ông ấy mặc áo tang, xổ tóc và bế
con trai mình mới lên sáu tuổi, vừa đi vừa khóc
hu hu. Đến trước mặt vua, thì ông ấy quỳ sấp
mặt xuống đất một lúc, đoạn ngửa mặt lên kêu
ca chữa mình rằng không dám làm ngụy, song
thấy dây tớ bỏ, người ta khinh, và mình ra hèn

hạ một ngày một hơn, thì tủi hổ quá chịu chẳng
được, cho nên có ý lánh đi sang ở nước khác cho
khỏi nhục nhã. Giả như vua Tự Đức có độc ác dữ
dội như Minh Mạng, ắt là Hoàng Bảo chẳng khỏi
bá dao hay là lăng trì. Nhưng mà Tự Đức thấy anh
ruột mình khốn khổ thì động lòng thương, chẳng
những là không giận gắt, không quở trách, mà lại
yên ủi, nhận lấy con Hoàng Bảo làm con nuôi,
cùng lúc thương yêu nuôi nấng coi sóc như con đẻ
vậy. Rồi truyền lấy một trăm nén bạc và một nén
vàng giao cho Hoàng Bảo ngay bây giờ. Vua Tự
Đức ở khoan nhân với Hoàng Bảo là dứa ngụy, thì
đáng khen, chớ gì vua giữ được lòng khoan nhân
ấy mãi thì đáng khen hơn nữa. Nhưng mà về sau
bởi Tự Đức nghe các quan đưa nịnh xui xiểm, thì
đổi tính hiền lành mà ra dữ dội độc ác cùng giết
nhiều người hơn các vua đã cấm đạo xưa nay.

Đoạn Thứ Hai

*Còn kể tiếp việc đạo từ Tự Đức nguyên
niên cho đến khi Cố Ven sang Địa Phận
Tây*

Ông Trương Đăng Quế là cha vợ vua Tự Đức vốn thâm hiềm độc ác lắm. Chính ông ấy bày mưu mờ lối cho Hoàng Bảo trốn sang Phố Mới cầu Hồng Mao phù giúp. Để cho được dịp bắt tội Hoàng Bảo và làm cho ông ấy phải chết. Về sau, Hoàng Bảo biết muộn sinh ra lòng ghét ông Quế quá sức, cùng nói rằng : Tôi không được làm vua một tháng một năm thì dành, song tôi chỉ ước ao chờ gì được làm vua một ngày hay là một trống canh để mà mổ thẳng cha Quế, lấy ruột gán nó ra, ném cho chó ăn trước mặt tôi, thì tôi vui thỏa sung sướng là dường nào !

Chẳng những là lão Quế ghét ông Hoàng Bảo, mà lại ghét kẻ có dạo lăm nữa. Chẳng rõ lão ấy có biết thật Hoàng Bảo đã thử khuyên giục kẻ có dạo hay là không, song bởi lòng ghét dạo thì ông ấy và ít nhiều quan khác cả lòng tâu vua, mà vu cho kẻ có dạo đã theo ông Hoàng Bảo mà làm ngụy. Chẳng biết vua có tin lời các quan hay là vì có ý chiêu lòng chúng nó, nhưng mà cuối tháng hai năm Tự Đức tứ niên, một nghìn tam trăm năm mươi một, thì vua lại rả chỉ cấm dạo. Cứ chỉ ấy, những trưởng dạo Tây

thì phải bỏ xuống biển xuống sông ; còn bằng quốc đạo trưởng dù quá khóa, dù bất khắng, thì phải phân thây, là chặt đôi ra. Những oa gia dù đã chứa các dạo trưởng, dạo Tây lâu tháng hay là một hai ngày, thì cũng phải phân thây, mà xác thì bỏ xuống sông xuống biển. Chỉ ấy là chỉ thứ hai, vua Tự Đức ra mà cấm dạo, thì ngặt hơn chỉ trước.

Năm ấy là năm toàn xá thường lệ. Đức Cha Liêu⁽⁸⁴⁾ rao sắc Đức Thánh Pha-pha xong thì Đức Cha, các Cố, các Cụ, bắt đầu mở tuần toàn xá trong cả ya Địa Phận. Cố Đông đã giảng ơn toàn xá trong xứ Bầu Nợ xong, thì toàn sang xứ An Tập, chẳng may người phải bắt dọc đường, phải giải xuống Sơn Tây, phải giam hơn hai tháng, đoạn có chỉ Bộ ra cho người phải trảm quyết trong Thượng tuần tháng ba. Từ đời Minh Mạng không có trưởng dạo Tây nào bị xử sốt, cho nên khi thấy Cố Đông phải bắt, phải xử, thì mọi kẻ có dạo đâu dấy đều sợ hãi thay thẩy. Đức Cha Liêu đang di kinh lược, thì nghĩ việc mấy ngày để mà nghe ngóng ra làm sao. Đoạn người thấy mọi nơi lại yên cả, không thấy các quan bắt ai nữa, thì lại di kinh lược. Trong thư người viết

về bên Tây mà kể việc ấy, thì rằng : Khi được thư Cố Đông phải làm vậy, thì tôi như người đi dâng thấy con mua kéo đến, liền chạy vào hàng quán một ít, cho đến khi trời tạnh thì lại đi. Dương khi Cố Đông phải xử vì đạo, thì các dâng cứ giảng ơn toàn xã, song không dám bắt người ta đến ăn mày các phép tại nhà xứ, cho nên các dâng phải chia nhau ra, mà di từng họ, lo liệu cho con chiên được ăn mày ơn toàn xã, cứ kiêu cách các thầy cả quên làm phúc các họ mọi khi. Năm Tự Đức ngũ niên, là năm một nghìn tam trăm năm mươi hai, tháng hai, Cố Hương mới sang An-nam được hai năm, đương làm phúc họ Bối Xuyên về xứ Kẻ Bàng, thì phải bắt giải ra Nam Định ; cùng phải xử ở đấy cuối tháng ba, ngày ấy là mồng một tháng Đức Bà. Cũng một năm ấy, những làng Trại Cỏ, Sơn Ninh, Kê Sét phải vây bọc khám soát, song quan không bắt được thầy cả nào, hay là đồ gì quốc cấm. Năm Tự Đức lục niên, là năm một nghìn tam trăm năm mươi ba, ở Đàng Trong, Cụ Thánh Minh phải bắt trong Thượng tuần tháng giêng tại Mặc Bắc cùng phải trăm quyết tại Vĩnh Long, trung tuần tháng sáu.

Năm Tự Đức thất niên, là năm một nghìn tam trăm năm mươi bốn, Đức Thầy An⁽⁸⁵⁾ làm Vít-vồ Địa Phận Trung hội công đồng tại làng Lục Thủý có năm Cố, hai mươi lăm Cụ, và một trăm năm mươi kẽ giảng. Nhân dịp ngày lễ Ông Thánh Do-minh-gô thì mở lễ trọng, mở hội thi cho các học trò nhỏ, và người ra bài về các lẽ đạo. Bốn đạo đến xem lễ đông dâng lẩm, ngoài hai vạn người. Từ đời Gia Long, chưa đâu mở lễ trọng thế đông dâng thế ấy sốt. Các quan biết mà làm ngơ đi, vì kẽ có đạo dã lẽ lạt dã dứt lót trước.

Năm ấy nước An-nam phải nhiều sự khốn khổ, phải mất mùa đói khát, ôn dịch thần khí, loạn giặc già chết nhiều người ; lại phải chầu chấu nữa. Tháng năm và tháng sáu, trong những tỉnh tiếp giáp nước Ngô, như Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Yên, Tuyên Quang tự dung hóa ra chầu chấu nhiều lẩm, vô vàn vô số, nó bay trên trời từng đám lớn, dày đặc đến nỗi che khuất mặt trời. Nó lượn trên không một lúc đoạn bay xuống đất ăn lúa mì, hoa màu, lá cây lá cỏ mọi giống, chẳng còn để giống gì sốt. Khi nó đã ăn sạch, ăn trụi cả mọi giống thảo mộc trong các

tỉnh trên, thì nó kéo xuống Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình .v.v... Người ta thấy nó thì sợ hãi. Nơi thì kẽ ngoại dựng bàn thờ ngoài đồng đem trầu rượu hoa quả ; nơi thì đem lọng, đem án thư⁽⁸⁶⁾ ra bái vọng lạy lục xin các ông bà chúa chầu, xin các quan chúa chầu di vuột, cùng tha đứng ở địa hạt mình. Bằng kẽ có đạo thì lấy gậy dập chết nó đi, có làng trong một ngày đánh chết một trăm gánh. Đến tháng chín và tháng mười, giống chúa chầu lại hóa ra nhiều lấm. Lần này kẽ ngoại bắt chước kẽ có đạo mà dập chết nó đi, cho nên chẳng bao lâu thì hết giống chúa chầu. Song nó đã làm hại người ta lấm lấm, Năm ấy Đàng Ngoài không được yên, nhiều nơi có giặc. Nhưng mà khi quan kéo quân đánh thì những giặc ấy liền tan đi. Trong các tướng nổi lên đời Tự Đức, có một người tên là Lê Duy Minh, có tiếng hơn. Quê nội Minh ở Đôn Thư, về xứ Sơn Miêng, mà quê ngoại là Ngân-Ngư Phường cũng về xứ ấy. Minh vào nhà thầy khi còn bé cùng học trường Kẻ Vĩnh, dời cụ Tịnh. Dời ấy, học trò nhà trường đến giờ chơi, thì quen tập khiên mộc côn gậy. Minh là người

tâm thước, vừa khỏe vừa lành và tài nghệ vô lỵ lùng. Cả và nhà trường chẳng những là không ai địch được với chú ấy, mà lại một mình chú ấy đánh được cả nhà trường. Minh hay xưng mình là dòng dõi con cháu nhà Lê, mà có nhiều lần dâng ý mình muốn chiêu mộ quân, để mà đánh vua, đánh triều và tranh nước tranh quyền Tự Đức.

Năm Minh học trường hai thì già có việc cần xin về nhà quê. Độ ấy trong miền Sơn Miêng, có giặc, vì bản dân Đàng Ngoài không phục nhà Nguyễn. Người ta mênh cùng phục nhà Lê đã trị nước An-nam lâu đời và có lòng thương dân, mà nghe biết Lê Duy Minh là dòng dõi nhà Lê và là người anh tài, thì có nhiều tướng đến thụ phục và giục đứng đầu mở nước. Minh đặc ý dâng toan dấy binh ; Đức Cha Liêu biết, mà sợ kẽ có đạo mang tiếng đi làm giặc, mà vua quan lấy lẽ ấy mà cấm đạo ngọt hơn, thì cho di tản Minh về Kẻ Vĩnh, rồi gởi sang Hương Cảng ở nhà Cố Giữ Việc; và xin Cố giữ chú ấy ở đây, dừng cho di dâu. Lê Duy Minh vâng lời Đức Cha mà sang Hương Cảng cùng ở đây nón bài năm, nhưng tìm thế tản cách, liệu

việc mình đã quyết làm. Đoạn khi được tin Tây đã sang đánh nước An-nam, thì trốn vào Gia Định, mua khí giới, thuê tàu bè ra Hải Phòng. Có tên Nhân cũng là học trò nhà trường Kẻ Vĩnh đi với. Lê Duy Minh xưng mình là Minh chủ, mà Nhân thì nhận tên là Hoàng Hai. Cả và hai đổ bộ ở đất Hải Dương, dù được nhiều tướng và mộ được nhiều quân, đánh và lấy được mấy phủ huyện, cùng vây bọc tỉnh Hải Dương nữa. Các quan triều và chính ông Nguyễn Đình Tân là tổng đốc Nam Định lấy nhiều quân cùng lấy cả những người có đạo đã xuất giáo, người ta quen gọi là binh hưng hóa mà di đánh giặc Minh chủ. Song chẳng những là không đánh được, mà lại thua ba bốn trận cùng phải chạy. Chẳng may ngày sau các tướng ra bất bình, không hợp một ý cùng nhau, cho nên quân Minh chủ tan đi và ông ấy trốn lủi đi đâu mất tích, không ai biết di dàng nào. Còn Hoàng Hai thì phải bắt trong Nghệ An và đóng cùi giải qua Nam Định, ra Hải Dương cùng phải xử ở đấy. Năm ấy chẳng có đấng nào tử vì đạo sốt. Chẳng phải là các quan không đi bắt đạo đâu, thỉnh thoảng các quan đi khám soát vây bọc những

làng có đạo, nhất là những làng mang tiếng chứa các Cố, các Cụ như làng Vĩnh Trị, thì các quan khám soát mỗi năm hai ba lần, song không bắt được các Đấng, vì các Đấng khéo ẩn lầm, cùng vì bốn đạo hết lòng giấu giếm các Đấng. Khi quan đến soát làng thì bốn đạo biết trước, liền đưa tin cho Đức Cha và các Cố, cho nên Đức Cha và các Cố, khi thì xuống hàng dã xây dưới đất, lúc thì chạy vào trùng bích⁽⁸⁷⁾, lại có lần xuống thuyền sàng bến kia sông ở đất Ninh Bình, hay là ở dưới thuyền chèo lên Đinh Thái, rồi lại xuống Kẻ Vĩnh, đoạn lại lên, cứ chèo lên chèo xuống quanh quẩn, có khi đến ba bốn ngày mới trở về nhà được. Có một năm các Đấng mất cả tuần lễ Thánh, cả lê Phục Sinh, phải ở dưới thuyền không lên bờ được, không làm lễ được. Các quan cùng lính không chú ý bắt đạo, một nhỡ dịp bắt đạo cho được kiểm tiền. Cho nên trong ca cầm đạo có lời nói về các quan rằng : Ông Tây không thấy, ông tiền phả da⁽⁸⁸⁾. Khi các Đấng muốn được yên ở nhà hay là mở lê làng nào, miêu là hậu lễ cho các quan thì các quan làm ngơ đi. Ấy là việc đạo trong nước An-nam từ Tự

Đức nguyên niên cho đến thất niên, thì kể tắt làm vậy.

Đoạn Thứ Ba

*Về Cố Ven sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài
cùng học tiếng được ba bốn tháng rồi ngã
bệnh*

Ông Thê-ô-pha-nê tới Nhà Chung Kê Vinh, năm Tự Đức thất niên, ngày mười ba tháng bảy. Sáng sớm khi còn tối đất, bấy giờ Đức Cha Liêu và Đức Cha Phó Khiêm ở nhà, đang cấm phòng cho các thầy già dọn mình chịu chức. Ông Thê-ô-pha-nê nghe tiếng Đức Cha Liêu đã lâu, từ khi còn ở nhà quê, cùng ước ao gặp lão, cho nên khi được giáp mặt Đức Cha Liêu, thì mừng rõ biết là dường nào ! Phần Đức Cha Liêu được hai Cố để mà thay cho Cố Đông và Cố Hương đã phải xứ vì đạo, thì cũng mừng lão. Tên tục ông Thê-ô-pha-nê là Vénard, Đức Cha lấy ba chữ đầu mà đặt tên cho ông Thê-ô-pha-nê là Ven, cho nên từ đây về sau, trong truyện này ta không gọi là Thê-ô-pha-nê nữa, một gọi là Cố Ven.

Cố Ven đến Nhà Chung Kê Vinh được một tháng thì viết thư về nhà quê cho chị Mê-la-ni-a rằng : Tôi đã đến nơi bằng yên, đã được gặp Đức Cha Liêu, Đức Cha Khiêm, và hai ba Cố nữa. Cho nên tôi mừng lão. Đức Cha Liêu ngoài năm mươi tuổi, khỏe mạnh, cao lớn, dài râu, hình dong diệu cách uy nghiêm, tiếng nói sang sảng cùng uy vọng. Khi người mặc áo Vít-vô thì đẹp đẽ tốt lành lão. Kê ngoại gọi người là vua đạo. Người chử nghĩa, thông thái, khôn ngoan, lý sự. Nhiều quan tư và kẻ thân hào gập thì khen người uy nghiêm, tinh thần và thông minh phi thường, cùng phục người thay thầy. Người đạo đức sốt sắng, mở đạo nhiều nơi và thêm số kẻ có đạo nhiều lão. Người bạo dạn, kiên tâm, bền chí vững vàng. Dù mà vuợt quan cấm đạo ngọt, bắt bớ chém giết các Thầy Cả, triệt hạ các nhà thờ, nhà trường, cùng các nhà xứ, và treo tiền bạc mà thường những kẻ bắt nộp các Đấng, thì người không sợ, không núng, một cứ vững vàng di kinh lược, mở lề xứ nọ xứ kia liên. Khi quan vây bọc đuổi bắt người ở nơi này, thì người chạy di nơi khác. Có nhiều lần quan đã vây làng, bọc nhà người đang ở, mà

không bắt được. Có kẻ nói rằng : Người đã kêu xin Đức Bà gìn giữ đừng để cho người phải bắt, âu là Đức Bà đã nghe lời người. Địa Phận này được Đức Cha Liêu làm Bề Trên coi sóc, cầm lái trong cơn phong ba bão bùng cùng thời buổi hép hòi, khổn khó này, thì có phúc là đường nào ! Phân tông được cha rất nhân từ, được thầy rất khôn ngoan thông thái đường ấy thương yêu coi sóc dạy dỗ, thì mừng biết là đường nào !

Ôi Ven nghỉ ở Nhà Chung Kê Vinh một tháng rưỡi, non hai tháng. Đoạn Đức Cha sai đi học tiếng ở nhà trường Kê Doãn. Trong *Sấm Truyền* kể sự ông Gia-cóp ở sứ Mê-sô-phô-ta-mi-a⁽⁸⁹⁾ mà trở về đất Ca-na-an và được tin người anh là E-giao⁽⁹⁰⁾ đem bốn trăm quân ra đánh, cùng cướp của cải mình, thì chia dây tơ, tông tá nam nữ cùng những trâu bò, chiên dê và ca-mê-lô làm nhiều toán, lại dạy các toán ấy phải di phân quãng cách biệt nhau. Ông Gia-cóp làm thế ấy vì nghĩ rằng : Ông E-giao có dánh có bắt những toán di trước, thì những toán di sau kịp chạy, không phải bắt. Vậy trong thời cầm道教 ngọt, các Đấng Bề Trên Địa Phận Tây cũng bắt chước ông

Gia-cóp mà chia tràng La-tinh làm bốn năm tràng, ở ba bốn nơi. Ở Kê Vinh có tràng và một trăm mươi lăm học trò ; ở Kê Non có tràng và năm mươi sáu học trò, ở Kê Doãn có tràng và bốn mươi một học trò. Cả thảy là hai trăm tám mươi học trò La-tinh. Các Đấng Bề Trên chia tràng La-tinh ra nhiều sở làm vậy, vì nghĩ rằng : Nếu các quan có vây bọc, có phá phách sở này, thì còn sở khác.

Ôi Ven lên Kê Doãn thì qua Kê Non, vào thăm Đức Cha Khiêm và xem nhà tràng, vì ở đây có tràng Lý Doán, ba mươi lăm thầy già có tràng La-tinh, năm mươi sáu chú có tràng Nho, bốn mươi học trò. Người viết thư về nhà quê rằng : Tôi qua Kê Non, vào thăm Đức Cha Khiêm và xem nhà tràng. Đức Cha Khiêm đã già sáu mươi tuổi, râu tóc đã bạc ; người sang An-nam đã ba mươi bảy năm, cùng dạy lý-doán và làm Bề Trên nhà tràng Kê Non đã lâu. Người yui tính, hay hỏi những chuyện bên Tây. Đức Cha Liêu quen gọi người là Đức Cha Đá, vì người làm thơ cả mài giữa những đá ngọc để mà xây lập cùng tu bổ I-ghê-rê-gia An-nam, là người yèn cắp dạy

dỗ các học trò lý-doán những sự cần, cho được biết
dàng làm các việc về bậc dâng làm thầy cho xứng
dâng. Đức Cha Khiêm đã lập một Hội gọi là *Nho
Môn Hội* cho học trò Nho cùng những kẻ chữ
nghĩa văn vật, chẳng kỳ có đạo hay là ngoại đạo,
để mà giục kẻ có đạo đưa nhau học Nho, và kẻ
ngoại đạo học biết những lê đạo, cùng theo đạo
nữa. Phong cảnh tràng Kê Non thì thanh quang
lịch sự, tiền thủy hậu sơn. Tôi ở đây vừa tuần lè,
cả ngày học nói tiếng An-nam, khi thì với các ông
già, lúc thì với các học trò La-tinh, lấy làm vui
thích lắm.

Cố Ven chăm học tiếng, mà người học
chóng, cùng nói nhẹ nhẹ giọng, sôi sàng
dễ nghe. Người học ở Kê Doãn một tháng, thì
giảng cho bốn đạo ngày lê cả. Quan viên họ Kê
Doãn lấy làm lạ, mà khi lê rồi, thì đến mừng
người vì học chóng, và chóng nói được sôi làm
vậy. Trong thư người viết mà kể sự ấy cho chị
Mê-la-ni-a, thì nói rằng : Tôi giảng phỏng chẳng
được rõ và người ta chẳng hiểu được mấy điều,
nhưng mà người ta muốn xứ lịch sự thì đến mừng
tôi làm vậy. Người ở Kê Doãn chưa đầy hai tháng

thì cả nhà trường phải chứng cúm, chính người
cũng phải nữa. Khi người uống thuốc dã bớt, dã
khá, thì sang Kê Đầm đổi khí. Bấy giờ đến lê các
Thánh, dù người còn yếu thì cũng gắng làm lễ cho
hàng xú. Sáng ngày lê, quan viên mặc áo tặc,
dầu đội mao, chân xổ ống; nam quan nữ quan,
cùng phường trống bát âm, rước Cố ra nhà thờ
trọng thể linh đình. Vì chung đời trước, các
ngày lê trọng, hàng xú quen rước Thầy Cố ra
làm lê, cũng như người ta quen rước Đức Vít-vô
bấy giờ. Cố Ven chưa thấy sự ấy bao giờ thì lấy
làm hay, làm thích lẩn. Nhưng mà những sự vui
dời này chóng qua, không được bao lâu, vì chung
tối hôm ấy khi người mới nghỉ, thì có kẻ vào
danh thức cùng giục người dậy mà trốn chạy cho
mưa, vì quan đến vây. Người dậy, vội vàng theo
người ta, chạy xuống làng khác gần đấy, mà ở
một tuần lê rồi lên nhà trường Hoàng Nguyên.
Nhà trường Hoàng Nguyên mới lập ra, và có độ
bốn mươi chú, chia ra làm hai trường, có một Cụ
vừa làm thầy giáo vừa giữ việc, và một thầy kề
giảng dạy học trò, Cố Chính Nam làm *Pha-rô-cô*⁽⁹⁾
xứ Kê Số, xứ Bái Vàng, xứ Kê Bèo và xứ Nam

Xương. Có nhà ở Hoàng Nguyên, mà người thường ở đây, khi không đi làm phúc các xứ.

Khi Cố Ven đến Hương Cảng thì đã phải bệnh lao cùng bệnh suyễn, song nhẹ nhè vậy. Người uống thuốc thì hai bệnh ấy đã lui chẳng thấy nữa. Nhưng mà người đến Hoàng Nguyên mới được mấy ngày, thì phải lại ; mà trong vòng hai tuần lễ thì ra nặng, đến nỗi người phải chịu phép Xúc dầu. Đức Cha Liêu được tin người phải nặng làm vậy thì sai ông cả Thầu quê Ninh Bình, là thầy danh sư lên Hoàng Nguyên chữa thuốc cho người. Cố Ven uống thuốc ông ấy thì đỡ tơi nhiêu. Nhưng mà khi ông ấy về, thì Cố lại phải nặng, đến nỗi chẳng những là không đi lại, không làm lễ được, mà lại cũng không ra khỏi giường, không nhúc nhích và không nói được. Cố Chính Nam rước các thầy thuốc danh sư miến ấy và coi sóc nuôi nấng hết lòng hết sức, song bệnh không chuyển chút nào. Cố Chính thấy vậy thì bảo Cố Ven cầu xin Lái Tim Đức Chúa Giêsu cùng Lái Tim Đức Bà và Ông Thánh Giuse dù một tuần chín ngày. Hai Cố và cả nhà trường cầu nguyện dù một tuần chín ngày đoạn, bệnh Cố Ven đỡ đi dần dần. Khỏi hai mươi ngày thì người

khá, làm lễ, xem sách, học hành cùng giải tội cho học trò được. Bấy giờ là Tự Đức bát niên, tháng chạp.

Đoạn Thứ Bốn

Cố Ven phải chạy đi ẩn hai ba tháng, đoạn lại ngã bệnh, cùng phải về uống thuốc ở Kẻ Vĩnh, Tự Đức bát niên, một nghìn tám trăm năm mươi lăm.

Năm Tự Đức bát niên, Cố Ven ăn tết làm một với Cố Chính Nam ở nhà trường Hoàng Nguyên, thì được bằng an, cho đến rằm tháng giêng. Nhưng mà chính ngày rằm, tự nhiên sóng nồi đất bằng, người ta đưa tin dữ cho Cố Chính Nam, kể thì nói rằng nhà trường Kẻ Non đã bị vây rồi ; người thì rằng : Nhà Chung Kẻ Vĩnh đã tan rồi ; Đức Cha Liêu và các Cố đã trốn vào rừng ; lại người khác rằng : quan đã vây bọc Nhà Chung Kẻ Non hai ba ngày rày. Mai kia quan lại đến phá trường Hoàng Nguyên. Bởi ngày nào cũng hàng có những tin làm vậy, cho nên hai Cố không dám ở nhà trường, thì chạy đi ẩn những làng có đạo gần đây. Hôm nay họ này, mai họ khác.

Trong thời bát bở cấm cách, cứ tính tự nhiên ai ai cũng sợ hãi, đêm không ngủ yên được, vì lo người ta bắt. Phẫn Cố Ven có tính can đảm bạo dạn, lúc phải chạy, cùng khi người ta đưa tin gì dữ, thì chẳng tỏ ra dấu gì sợ hãi sốt, mà lại vui vẻ như lúc bình an, vì người hằng ước ao cho được phúc tử vì đạo. Thầy Thái là kẻ giảng giúp Cố Ven kể rằng : Độ ấy người và Cố Chính Nam ở nhà trường đã chạy xuống Báu Vàng, cùng ẩn ở đấy đã một tuần lẻ rồi. Bỗng không có người đưa tin quan đang kéo đến vây bọc làng. Tức thì hai Cố trốn ra sông Văn Phái cho được sang bên kia. Khi ấy Cố Chính Nam sợ hãi cùng run giùng cả và mình, bằng Cố Ven chẳng những là chẳng sợ, mà lại vui vẻ mà nói với Cố Chính rằng : Có khi lần này Cha Cả định cho anh em ta được phúc tử vì đạo chẳng ? Song rồi ra mới biết tin ấy không thật, thì hai Cố lại về Báu Vàng.

Cố Ven và Cố Chính Nam di ẩn ba bốn họ, mỗi họ một tuần hay là lâu hơn. Sau hết, hai Cố xuống Bút Đống ẩn trong nhà Mụ ở một nhà hai gian hép hòi không có

cửa sổ. Còn cửa ra vào thì đóng cả ngày, chỉ hé một chút lúc đọc kinh sách mà thôi. Đang khi Cố Ven và Cố Nam đương ẩn ở đấy thì được thư Đức Cha Khiêm nói rằng : Có một đứa tham tiền bạc đã giác Đức Cha Chính và tôi, cho nên quan Hà Nội đã kéo quân xuống vây bọc trường Kê Non, và quan Nam Định đã vào vây Nhà Chung Kê Vinh. Nhưng mà có kẻ đưa tin cho chúng tôi biết sớm, thì Đức Cha Chính đã giàn các học trò, rồi người và các Cố trốn vào rừng. Khi quan đến thì thấy nhà bỏ không. Tôi cũng đã giàn các học trò, cho nên quan chỉ bắt được một ông cụ tuổi tác và một thầy già ốm liệt. Song rồi ra quan cũng tha cả, và không phá phách làm hại gì cửa nhà sốt. Tôi đã phải chạy bốn mươi nén, thì nhà trường Kê Non mới được nguyên tuyền. Bây giờ tôi còn ở trong rừng, trong hang tôi đã ẩn, đời Minh Mạng xưa. Song bây giờ tôi già lão yếu đuối chậm chân, không trèo lanh như xưa được. Tôi không biết tôi còn phải ở đây cho đến bao giờ. Tôi chưa dám về nhà trường, vì thằng Trần Tố thấy hờ cơ không bắt được Cố nào, thì đã cấm kết với quan rằng : Hết

trong vòng ba tháng không bắt được trưởng đạo Tây, thì xin nộp đầu cho quan. Vì vậy, xin hai ông hãy giữ mình cho khéo, kéo phải bắt chăng.

Khi cơn bão bùng ấy mới nổi lên thì xem ra to lớn và làm hại bốn đạo lầm. Song, khỏi ít lâu thì giãn đi. Năm ấy các quan không bắt được ai sốt, và cũng chẳng có ai chịu tử vì đạo. Giết người thì được ích gì ? Lấy tiền bạc mà ăn mà chơi thì hơn. Ấy các quan nghỉ làm vậy, cho nên năm ấy các quan không giết ai, không phá Nhà Chung, nhà trường, không làm hại người ta, chỉ hại tiền bạc mà thôi. Bởi Nhà Chung mất nhiều tiền bạc cho các quan, thì các quan ngoan hiền làm ngơ, mà học trò lại được về nhà trường học hành vui vẻ như trước. Đức Cha Liêu lại được về Kê Vinh coi sóc Địa Phận. Đức Cha Khiêm lại được về Kê Non làm Bề Trên nhà trường ấy nữa.

Cố Chính Nam và Cố Ven ẩn trong nhà Mụ Bút Động một tháng rưỡi non hai tháng, đoạn thấy yên thì Cố Chính Nam về Hoàng Nguyên trước, mà Cố Ven còn ở lại mười lăm ngày nữa. Người vốn yếu, chẳng được khỏe ngày nào ; lại bởi người đã phải chạy đi ẩn nhiều nơi,

cùng tù hầm lâu ngày thì càng yếu đuối hơn nữa. Ngày thứ tư tuần lễ Thánh người di bộ về Hoàng Nguyên, phải ngày mưa rét cùng phải lội bùn, lội nước một quãng dài, cho nên người cảm hàn. Về nhà liền ngã bệnh nặng, các thầy thuốc chê bỏ cả. Đến nỗi người đã chịu phép xức dầu. Ai ai cũng tưởng rằng người chết, không sống được. Cố Chính Nam đã mua sảng⁽⁹²⁾ cùng sắm các đồ liệm rồi. Song may thay, khi người đã hấp hối gần chết, thì Đức Chúa Lời thương cho gặp thầy, gặp thuốc, và hồi lại, rồi bớt dần dần. Khi người đã khá thì Đức Cha Liêu bảo người xuống Kê Vinh uống thuốc. Đang khi người nằm thuyền chèo xuống Kê Vinh, thì ta kể qua việc nhà nước năm ấy là thế nào.

Vậy năm Tự Đức tam niên, ông Hoàng Bảo đã khởi nguy cùng phải bắt và đã được tha. Nhưng mà ông ấy chưa thôi, chưa yên đâu, lại còn vịn dảng khuyên dụ chẳng những là kẻ thứ dân, mà lại nhiều quan tư ăn thè uống máu với nhau, và sai người sang Xiêm Thành⁽⁹³⁾, Cao Miên⁽⁹⁴⁾, xin hai nước ấy phù giúp. Cuối năm Tự Đức thất niên, có một chiếc tàu chiến vào cửa Thuận An, chẳng may lúc ông Hoàng Bảo chưa kịp đầy binh thì có

lão sứ kia tố giác mọi sự. Ông Hoàng Bảo lại phải bắt làm một với những kẻ theo mình và phải trả tiền thì thủ cả. Ông Hoàng Bảo phải án lăng trì, nhưng mà Tự Đức cai án ấy đi, mà dựng án khác cho ông ấy phải tù lợn đời. vua truyền làm một cái nhà hàn hoi lịch sự ở trong thành cho được giam ông ấy, song ông ấy phẫn chí buồn bức quá thì lấy dây m่าน thắt cổ mà chết.

Khi tra khảo những kẻ theo Hoàng Bảo mà khởi ngụy, thì vua cùng các quan muốn cho nó tiêu⁽⁹⁵⁾ cho kẻ có đạo để lấy lẽ ấy mà cấm đạo. Song chẳng có ai tiêu xung cho người nào có đạo sốt. Dù vậy vua cứ nghi, cứ ghét kẻ có đạo và tìm thế lo cách cho được phá đạo.

Từ năm Tự Đức tứ niên vua hằng bàn việc đạo với các quan triều, và nồng tư hỏi các quan tinh xem các quan bàn định về việc đạo làm sao, thì các quan bàn khác nhau cả, quan thì bàn tha, quan thì bàn cấm. Ông tổng đốc Gia Định, ông tổng đốc Hà Nội bênh đạo, cùng sớ bàn xin vua tha đạo. Chính bà quốc mẫu đã nhiều lần gián vua đừng cấm đạo làm chi. Nhưng mà xem ra vua ghét đạo

lắm và không muốn tha đạo; thì bàn tìm cách thế khôn khéo cho được phá đạo cho chóng, cho hết mà thôi. Nhiều quan phần thì ghét đạo dã săn, phần thì biết ý vua làm vậy, cho nên dùng lời du nịnh mà xin vua phá đạo cho tuyệt. Ông tổng đốc Bình Định tâu xin vua cấm kẻ có đạo không được cấy hơn ba mẫu ruộng, nhà nào được hơn ba mẫu thì phải giao cho làng để làm của công. Cấm kẻ có đạo không được buôn bán, không được sắm thuyền sắm mành mà di buôn, không được lên buôn bán trên Mường, lại xin bắt cùng giải các trường đạo, các đạo đồ, phá phách triệt hạ các nhà trường cùng các đạo đường, đạo quán, lại cấm kẻ ngoại đạo không được học đạo, không được theo đạo dù mà đi đạo lấy vợ chồng cũng không được. Tổng đốc Bình Định chẳng những là sớ tâu bấy nhiêu điều, mà lại trát sức bấy nhiêu điều ấy cho các dân, các làng trong hạt Bình Định nữa.

Giữa năm Tự Đức bát niên, Đức Thầy Phan⁽⁹⁶⁾ làm Vít-vô Địa Phận Huế viết thư cho các Đăng coi sóc Nhà Chung Pha-ri rằng : Những kẻ có đạo không trông nhờ vua Tự Đức chút nào. Vua ghét đạo cùng chỉ nghe những quan siểm nịnh xui mình phá đạo,

mai kia sẽ có chỉ mới cấm đạo ngặt hơn các chỉ đã ra bấy lâu. Vua không có con và cũng chẳng trông sinh được con nào bao giờ, vì có bệnh cùng vì mê sắc dục chơi bời quá độ, cho nên dù vua mới hai mươi lăm tuổi mặc lòng, song mặt xanh xao giàn gieo, cũng xo vai rụt cổ như ông lão bảy mươi vậy. Lời Đức Phan nói thật chẳng sai, vì chung đến trung tuần tháng tám, có chỉ ra cấm đạo ngặt hơn các chỉ đã ra trước. Chỉ ấy nói kỹ càng tò tò, và dài mươi bảy trang giấy lệnh. Ta tóm lại những điều cần phải biết mà thôi. Những quan có đạo ở phủ Thừa Thiên, thì vua hạn cho một tháng; các quan tỉnh khác thì hạn cho ba tháng phải xuất giáo hết thay thầy. Những kẻ không chịu xuất giáo, thì sẽ phải cách, phải mất quan rồi lại phải phạt nặng nữa. Những binh lính cùng kẻ thử dân, vua hạn cho trong vòng sáu tháng nó phải đến trước mặt quan hàn hạt mà xuất giáo, bước qua Thập Tự. Bằng ai không cử thì sẽ phải phạt rất nặng. Những kẻ có đạo không được di thi, Da-tô-ta đạo bất đắc ứng thí; không được làm tổng lý, không được làm việc quan, việc dân; những Tây Dương

đạo trưởng phải trảm quyết, kiêu thủ tam nhai, đầu khí vu giang hải, là phải chém rồi bêu đầu ba ngày đoạn bỏ xuống sông xuống biển. Nhưng chủ tàu, những lái tàu chở các Đấng ấy sang nước Annam, cùng những kẻ oa tàng⁽⁹⁷⁾ các đạo đồ⁽⁹⁸⁾, giúp các Đấng ấy đều phải trảm quyết. Ai bắt và nộp một Tây Dương đạo trưởng thì được thưởng bạc ba trăm lượng. Những Nam Quốc đạo trưởng phải trảm quyết. Những đầy tá cùng những đạo đồ giúp các Đấng ấy phải thích tự⁽⁹⁹⁾ cùng phát lưu. Lại sức⁽¹⁰⁰⁾ đâu đây phải triệt hạ các đạo đường⁽¹⁰¹⁾, đạo quán⁽¹⁰²⁾, san tước hào lũy, cấm chỉ không được hội họp tụng kinh phụng sự.

Khi kẻ có đạo biết có chỉ cấm ngặt làm vậy thì sợ hãi kinh khiếp lắm; có nơi kẻ có đạo rờ nhà thờ xếp một dống, cùng thiêu hủy giấu giếm các sách và các đồ đạo.

Đoạn Thứ Năm

Cố Ven về Nhà Chung Kẻ Vĩnh uống thuốc
thì bót, rồi theo Đức Cha di kinh lược - Tự
Đức bát niên và cửu niên, một nghìn tám
trăm năm mươi lăm, một nghìn tám trăm
năm mươi sáu.

Cố Ven về Kê Vinh, khi thì uống thuốc cù
Điều làm điều hộ Nhà Chung, lúc thì uống thuốc
ông Cả Thâu quê ở họ Ninh Bình, là những thầy
cao tay, có thời danh lăm trong dời ấy. Song
không khỏi, vì lầm bệnh và những bệnh trọng.
Đứng kề bệnh lao, bệnh suyễn, người lại sốt rét di
tả, và ôm đau liên măi, khi nặng lúc nhẹ, không
có bao giờ được khỏe sốt. Đức Cha Liêu thương
người như cha già thương con út vậy, nặng ra
vào thăm nom cùng dạy các Cố Nhà Chung phải
sỉ lợt mà coi sóc người đêm ngày. Có một kỳ
người không ăn được dí gì sốt, thì Đức Cha dạy
mua một con dê, để lấy sữa cho người uống. Khi
ấy, Đức Cha và các Cố không được yên; vì các
quan nặng đến khám Nhà Chung, thì Đức Cha
và các Cố phải chạy xuống thuyền mà cứ vờ vật
ở ngoài sông, chèo lên Dinh Thái lại xuống
Vinh, rồi lại lên Trung Đồng, trèo lên trèo
xuống quanh quéo. Có một lần, Đức Cha và Cố
Ven đã phải ở dưới thuyền ba bốn đêm ngày, thì
hết đồ ăn, chỉ còn gạo và hai cái trứng gà, mà
không thể nào lên mua đồ ăn được, vì có quân
do hăng di lại trên bờ liên. Đức Cha Liêu thấy Cố

Ven yếu lấm thì bảo luộc hai cái trứng ấy, cùng
bảo Cố phải ăn. Còn Đức Cha thì ăn cơm muối,
mà nói rằng: *Quân tử thực vô cầu bào, cư vô cầu
an, mẫn ư sự, nhì thận ư ngôn*: người quân tử ăn
chẳng cầu no, ở không cầu yên, chỉ siêng việc làm,
và giữ lời nói cho cẩn thận.

Đó ấy Cố Ven viết thư về nhà quê mà kể
bệnh người rằng: Tôi phải bệnh lao cùng hư phổi
bên tay trái, tôi đoán là vậy vì khi tôi ra mồ hôi,
thì một nửa mình bên tay trái mồ hôi chảy ra đậm
dầm, mà một nửa mình bên tay mặt thì chẳng có.
Tóc trên đầu bên tay trái thì ướt luôn, mà tóc bên
tay mặt thì khô. Trong mùa hè, nửa mặt bên tay
trái mọc mụn, mọc nhọt luôn, mà nửa mặt bên tay
mặt thì không. Lại ban tối và ban sáng, thì tôi
tức tối khó thở cùng suyễn dầm lên, hắt hơi cùng
ho khạc, đến nỗi có ngày không làm lễ được.
Người nói có bấy nhiêu mà thôi, không muốn kể
cho hết bệnh mình, kêu cha cùng chị em lo lắng
buồn bã. Nhưng mà thật khi ấy người kiệt sức
lầm, một ngày một nặng bệnh, một yếu. Ai ai cũng
tưởng người chết, không sống được. Các thầy thuốc

thì chê hết thay thầy, phần người vẫn chịu khó uống thuốc cũng trông cậy vững vàng và hăng tươi mặt vui vẻ liên. Người tin thật sức người ta không chữa được, cho nên chỉ trông cậy quyền phép Đức Chúa Lời, cùng Đức Bà, và hăng cầu xin Đức Chúa Lời cùng Đức Bà chữa, người không có ngã lòng đâu.

Chỉ vua ra cấm đạo ngọt đường ấy. Độ trung tuần tháng tám thì đã lục tổng ra các tỉnh, mà các tỉnh đã sức cho các phủ huyện. Mọi người biết то đã có chỉ mới cấm đạo ngọt ; song vốn thấy yên, không thấy các quan bắt đạo ngọt hơn mọi khi. Kê thì nói rằng : Quan tổng đốc Hà Nội là ông Thượng Giai đã tâu vua xin hoãn chỉ ấy, vì Đàng Ngoài lâm giặc. Người thì nói rằng : Vua năm đó mỉm mình lại bị cắn lưỡi mình chết, thì hiểu rằng : Mình ra chỉ làm hại những kẻ có đạo, cũng một trật thì lại hại mình. Lại dân sự mất mùa đói khát, vì năm ấy đại hạn, lúa mả màu mờ xâu lái. Mà được ít nào thì chau chấu ăn hết. Vì vậy dân kêu trách vua, chẳng biết vua nghĩ làm sao, nhưng mà cứ diêm nhiên không thấy thúc giục các quan bức đạo ngọt hơn mọi khi.

Cuối năm ấy Đức Thiầy Au làm Vít-vô Địa Phận Trung, bảo mười người dàn anh trong con chiên làm đơn kêu ba quan lớn tỉnh Nam Định, xin hoãn sự triệt hạ các đạo đường, đạo quán, cùng các diều khác đã kể trong chỉ vua ra. Sau hết, thì các quan bàng lòng cho. Lại có cụ Chương cũng là cụ Địa Phận Trung, đã già lão bảy mươi tuổi, phải bắt làm một với bốn người nhà thầy, cùng phải giải lên tỉnh. Dù mà cụ bất khảng khóa quá, thì quan Thượng lấy lẽ cụ già lão quá, miễn hình mà tha. Cũng một quan Thượng ấy đã quen với Cụ Tịnh cùng đã ban tờ cho Cụ được lập trường ở Kê Vinh, mà trong tờ ấy thì gọi Cụ là đạo đồ đã di lưu về. Bởi Nhà Chung và kẻ có đạo **đút lót**⁽¹⁰³⁾ tiền bạc cho các quan, thì các Đẳng được di làm phúc cho con chiên trộm vụng, và trong khoảng Tự Đức thất bát niên, không có Đẳng nào tử vì đạo sốt.

Đầu năm Tự Đức cửu niên, một nghìn tam trăm năm mươi sáu, Cố Ven bớt bệnh và một ngày một khă, di lại, làm lễ, xem sách học hành, cùng giải tội được. Tuần lễ đầu Mùa Chay, Đức Cha Liêu mở tuần cấm phòng trọng thể tại Kê Vinh cho các

thầy già lý-doán, học trò La-tinh, và bốn dạo. Trong hồi ấy có Đức Cha, năm Cố, tám Cụ, mười bốn tòa giải tội. Mỗi ngày bốn bài giảng, hai bài ngắn. Người ta đi xem lễ, nghe giảng, nghe sách cả ngày, xưng tội thâu đêm, từ chập tối đến gần sáng, đông dần và sốt sắng lắm. Cuối tuần cấm phòng, Đức Cha truyền chức di kiệu quanh làng cùng làm phép chúng cho trẻ con và người lớn.

Đức Cha Liêu cấm phòng cho xứ Kẻ Vinh xong rồi thì lên Báu Vàng cấm phòng cho xứ ấy, làm lễ Phục Sinh ở đấy, trọng thể sốt sắng như ở Kẻ Vinh vậy. Cố Ven giảng cùng giải tội suốt tuần cấm phòng ở Kẻ Vinh, rồi theo Đức Cha lên Báu Vàng, cùng giúp việc cấm phòng, mà vốn khỏe khá, chỉ nhọc mà thôi. Lê Phục Sinh rồi người lại về Kẻ Vinh.

Trong mấy nhiêu ngày, Đức Cha cùng các Cố cấm phòng cho những xứ Kẻ Vinh và Báu Vàng, thì được bình an vô sự, các quan biết, song làm thinh. Nhưng mà trong tỉnh Ninh Bình, cụ Hướng là Cụ phó xứ Bạch Bát, phải bắt đọc dường khi đi kê liệt, cùng phải giải lên tỉnh và giám hơn bốn tháng, đoạn phải sứ cuối tháng ba. Xác người chờ thuyền về Kẻ Vinh

và táng trong nhà thờ Ông Thánh Phêrô. Trên Đoài, bồ Văn làm kẻ giảng giúp Cụ Lý ở xứ Bầu nõ, phải bắt ở đấy cùng giam tại Sơn Tây và xử tháng tư năm sau.

Đoạn Thứ Sáu

Về Cố Ven cấm phòng chung làm một với hai Đức Cha và các Cố, đoạn phải bệnh nặng hai ba tháng lợn, rồi nhờ cụ Điều cứu⁽¹⁰⁴⁾ cho thì được khỏi thật.

Tự Đức cứu niên, một nghìn tám trăm năm mươi sáu, Cố Ven theo Đức Cha đi kinh lược xứ Báu Vàng về Kẻ Vinh, thì nhọc nhằn lắm. Chẳng có lạ gì, vì người giải tội cả ngày, và có khi suốt đêm. Nhưng mà người về Nhà Chung nghỉ mười lăm hai mươi ngày thì lại khỏe. Đến hè nóng nẩy bức sốt, thì người lại yếu, lại sốt, khó chịu lắm. Nhưng mà người vẫn đi lại làm lễ, đọc kinh, xem sách, học hành như thường. Nhân dịp lễ Ông Thánh Phêrô là quan thầy Đức Cha Liêu, thì Đức Cha Phó Khiêm và các Cố cai trường, cùng các Cố coi Địa Phận, đến mừng lễ Đức Cha Chính, cấm phòng tám

ngày, rồi bàn việc Địa Phận và nghỉ chơi với nhau mấy bữa. Các Đấng nghỉ chơi mươi ngày, đoạn đi mỗi ông một ngã, và lại về sở mình ở mọi khi. Các Đấng chưa kịp đi hết thì lụt đến, mà lụt này vừa to vừa lâu cùng hại hơn các lụt người ta đã thấy xưa nay. Vì chúng, chẳng những là lúa cấy đã xanh tốt thì mất hết, mà lại người cùng trâu bò già lợn, chết đuối nhiều lắm. Nhà người ta cái thì trôi và đổ sập xuống, cái thì ngập cho đến xà, phải trồ mái mà ra. Cây cối hoa quả trong vườn chết cùng hư mất cả. Nhà Chung, nhà trường và phủ là khu Đức Cha và các Cố ở, thì ngập sâu lắm. Đức Cha và các Đấng phải chạy vào ở trong nhà thờ và hai nhà thương.

Đang khi lụt, Cố Ven lại ngã bệnh, cùng vừa sốt rét vừa suyễn cùng hăng lên cơn liên mã. Người uống thuốc thì bớt nhưng mà lại phải chứng thương hàn. Ai ai cũng nói rằng người chết, chẳng lẽ nào sống được. Bấy giờ Đức Cha và các Cố thương người lắm, mà nhớ lời Bà Thánh Tê-rê-xa đã chép vào sách rằng : Ai cầu xin sự gì vì công nghiệp Ông Thánh Phêrô A-căng-ta-ra⁽¹⁰⁵⁾ thì được sự ấy.

Cho nên, mỗi Đấng làm một lễ, mà cầu xin vì công nghiệp Ông Thánh ấy cho Cố Ven được sống được khỏi. Từ bấy giờ mà di người bớt dần, và chẳng bao lâu thì người khỏi chứng bệnh ấy. Cố Ven khỏi chứng thương hàn, song bệnh lao, bệnh suyễn hăng còn mãi. Khi người uống thuốc thì hai chứng bệnh ấy cũng có bớt, song khỏi ít lâu nó lại phục, cùng ra nặng, cho nên chẳng trong người được khỏe mà di làm phúc như các Đấng khác được. Độ ấy người thấy người ta khen phép cứu hay lắm thì người xin cụ Diêu cứu cho. Cụ Diêu lấy làm ngại lắm, vì phép cứu thì khó làm, mà khi làm sai lỡ, thì hại người ta. Bởi Cố Ven xin mãi cùng vì có lời Đức Cha truyền, thì Cụ cứu cho người. Khi Cố Ven đã phải cứu, thì viết thư về nhà quê mà kể cho cha và chị em biết thầy thuốc An-nam dùng phép cứu là thế nào, mà rằng : Thầy thuốc lấy lá cây ngải chính ngày mồng năm tháng năm, giữa giờ mùi, phơi bóng để lâu năm. Đến lúc cứu thì tán lá ngải ra, hòa với vị lưu hoàng rồi gạt vào tờ giấy lệnh, quấn lại làm cái mồi to bằng ngón tay cái, đoạn lấy kính hiển vi⁽¹⁰⁶⁾ chiếu lấy lửa mặt

rồi dốt mồi ấy mà cứu các huyệt⁽¹⁰⁷⁾. Những nơi dốt mồi gọi là huyệt. Trong mình người ta có ba trăm sáu mươi huyệt. Lúc cứu thì kẻ có bệnh có khi phải ngồi, có khi phải đứng, có lúc phải nằm, có lúc phải ngồi xổm, tùy từng huyệt. Nhưng mà dù đứng, dù ngồi, dù nằm thì phải yên, không được nhúc nhích động cựa, cho đến khi cứu xong huyệt ấy. Khi đã cứu được hai ba ngày, mà các huyệt ra mủ ra nước vàng, ấy là dấu chắc được việc. Bằng các huyệt không ra mủ, không ra nước vàng, ấy là dấu không được ích gì, bởi sự cứu mà rã, lại thường phải hại. Tôi phải cứu trong cả và mình từ dinh dầu cho đến bàn chân, năm trăm nốt, mà trong năm trăm nốt ấy, được non ba trăm nốt ra mủ, ra nước vàng. Từ khi tôi phải cứu cho đến bây giờ thì bệng lao đã bớt, đã lui, cung ra như muối khỏi, bệnh suyễn hay còn, song nhẹ và thưa cơn, không như trước; một nửa mình bên tay trái trước ra như tê, thì rầy đã lành, đã khỏi và khỏe gần bằng nửa mình bên tay mặt. Tôi đã khá đã khỏe, song chưa được bằng người ta đâu. Ấy là lời Cố Ven viết thư về nhà quê thì làm vậy.

Đoạn Thứ Bảy

Về Cụ Tịnh phải bắt, phải xit, và Cố Ven phải chạy lên Hoàng Nguyên, Cố Chính Nam qua đời. Cố Ven nổi việc Cố Chính Nam mà coi sóc bốn xứ. Tự Đức thập niên, thập nhất niên, một nghìn tám trăm năm mươi bảy - một nghìn tám trăm năm mươi tám.

Từ Tự Đức nguyên niên cho đến thập niên, thì sự đạo phải cấm cách, phải khốn khó liên mài, song vừa vừa vây mà thôi. Còn từ Tự Đức thập niên mà di, thì đạo phải gian nan khốn khó một ngày một hơn. Giả như Đức Chúa Lời không ban ơn thêm sức riêng cho kẻ có đạo, ắt là kẻ có đạo chịu chẳng được những sự kхиển cực cay đắng dường ấy, thì đã bỏ hết, mà đạo Đức Chúa Lời trong nước An-nam đã mất hẳn đi, như trong nước Nhật Bản xưa vây.

Trong sách này ta kể truyện Cố Ven, thì cũng nói qua truyện cấm đạo trong những năm người dã ở Địa Phận này, để cho những kẻ xem sách này được hiểu, chẳng những là người dã phải vất

vả cùng cheo leo, mà lại khi người thầy kẽ có đạo khốn khó dường ấy thì đau lòng cực trí, cùng âu sầu buồn bã là thế nào.

Vậy Tự Đức thập niên, trung tuần tháng Giêng, quan tuần Ninh Bình đem hai trăm quân xuống vây làng Phát Diệm cho được bắt Cụ Kỳ. Quan không bắt được Cụ, song bắt được số nhân danh hàng xóm, bắt hai người kẽ giang, hai chú nhà thầy, cai tổng, lý trưởng và hai người kỳ mục, đóng gông giải lên tinh giam, rồi phải dùt non hai nghìn quan tiền thì bấy nhiêu người mới được về.

Ngày hai mươi bảy tháng ấy, độ giờ thứ tám ban sáng, Đức Cha Liêu, Cố Đoài, Cố Ven đang ở Nhà Chung Kẻ Vinh thì bất ưng có Phán Trứ là người quan án Nam Định và quan phủ Nghĩa Hưng, cùng độ hai ba trăm lính kéo vào nhà thờ ngoài Kẻ Vinh, có ý đến khám Nhà Chung. Cụ Tịnh làm Bè Trên nhà trường biết thì ra dồn quan cùng mời vào phòng người. Lúc ấy Đức Cha Liêu, Cố Đoài, Cố Ven chạy ra ngoài làng. Đức Cha xuống hang dã dào ở nhà Lý Thi ; Cố Đoài, Cố Ven thì ẩn trong nhà bà Diễn. Quan phủ bắt cụ Tịnh, thầy Lương, và chánh phó lý trưởng đưa xuống thuyền ; trước thì

giải ra phu, rồi giải lên tinh Nam Định. Cụ Tịnh phải giam hơn một tháng rưỡi, xung đao ra, bất khảng xuất giáo, cho nên phải trảm quyết, xác đưa về táng ở Vĩnh Trị, trong nền nhà thờ Ông Thánh Phêrô. Còn thầy Lương, lý Huề, phó Chánh bất khảng xuất giáo, phải phát di lưu. Đây ta kể tắt tích Cụ Tịnh phải bắt, vì đã kể tích ấy cho dù ý trong truyện người.

Khi quan phủ di rồi, thì Đức Cha và hai Cố lại về Nhà Chung, song không ở được mấy ngày, vì có tin quan Nam Định sắp vào phá Nhà Chung, nhà trường. Tin ấy thật, vì ngày mồng hai tháng hai quan đê đốc Nam Định đem một nghìn quân và hai voi và hai khẩu súng thần công vây nã làng Kẻ Vinh. Đức Cha Liêu, Cố Đoài và Cố Ven biết tin trước, thì chạy xuống thuyền, cùng dạy học trò chạy cả dồ, cả người. Cho nên, khi quan đến, thì trong Nhà Chung, nhà trường chỉ còn xác nhà không, và mấy bô già coi nhà mà thôi. Quan phủ Nghĩa cũng di làm một với quan đê đốc. Quan phủ vốn có lòng bênh đạo, thì xin quan đê đốc cho quan đóng ở thá ma ngoài đồng, dừng cho vào trong làng, kêu hại dân, đoạn dân quan đê đốc

đi khám soát Nhà Chung. Quan đê đốc chỉ thấy nhà không, chẳng có người, thì ăn hai ba chục nén bạc, rồi truyền triệt hạ nhà thờ Ông Thánh Phêrô trong nhà trường, và nhà thờ Đức Bà ở ngoài làng, cùng rờ mẩy chiếc nhà ở trong Nhà Chung, nhà trường, đoạn kéo quân về tỉnh. Quan đi rồi thì Đức Cha và các Cố lại về nhà, song không dám ở, vì bốn đạo sợ hãi, và những người nhà các quan đi lại do thám luôn mãi, cho nên các Đấng phải rời chân di nơi khác. Đức Cha Liêu và Cố Doài lên Lan Mát, Lạt Sơn, Bút Sơn ; Cố Ven thì lại về nhà trường Hoàng Nguyên, là nơi người đã ở trước.

Cố Ven về đến Hoàng Nguyên, thì gặp Cố Đông, ngày sau làm Vít-vồ gọi là Đức Cha Đông, đang làm Bè Trên nhà trường, và Cố Chính Nam là Cố Địa Phận đấy. Bấy giờ Cố Chính Nam đang ốm liệt ; trước thì bệnh người xem ra nhẹ, sau mới ra nặng, các thầy thuốc không chữa được. Đức Cha Liêu ẩn ở Bút Sơn, nghe tin bệnh Cố Nam ngặt, thì khó nhọc đi đường ba đêm, cho được đến thăm nom và an ủi người. Đức Cha và các Cố làm lễ, cả nhà trường cầu nguyện một tuần lễ xin Đức Chúa Lời

thương cho Cố Chính được sống được khỏe lại, để mà giúp việc Địa Phận, trong thời buổi eo hẹp, khốn khổ dường ấy. Nhưng mà Cố Chính đã đầy phúc đức, đầy công nghiệp, thì Đức Chúa Lời rước linh hồn người lên Thiên Đàng, ngày mồng sáu tháng năm.

Cố Chính Nam là người sắc sảo, giỏi giang, cùng đạo đức sốt sắng ; tính người thuần thục hoà nhã, cả nhà thầy cùng bốn đạo đều kính và mến người thay thầy. Đức Cha Liêu trọng người lâm và đã có ý chỉ người để ngày sau làm Vít-vồ chính nối quyền mình. Cố Ven viết thư về nhà quê rằng : Cố Chính Nam mới qua đời, Đức Chúa Lời đã đem người lên Thiên Đàng, không cho người ở lại thế gian mà xem thấy những sự gian nan khốn khổ bốn đạo An-nam phải chịu, kẽo buôn bã cực lòng quá. Những kẻ đã quen biết người, thì tiếc cùng khóc người thay thầy. Phần tôi đã ở làm một với người non hai năm, thì kính người như kính Đấng Thánh, mà mến người như em ruột mến anh vậy. Người đã qua đời êm ái dịu dàng và sốt sắng như các Thánh. Tôi mất người thì khóc lóc, buồn tiếc, sầu khổ quá, miệng lưỡi tôi nói ra chẳng được.

Trong ba năm Cố Ven mới sang

thì ốm đau luôn mãi, cùng vẫn ở Nhà Chung, nhà trường uống thuốc, và học hành xem sách, giải tội người nhà, cùng bốn đạo ít nhiều chưa di làm phúc các họ, và Đức Cha chưa chỉ **địa phận**⁽¹⁰⁸⁾ nào cho người coi sóc. Khi Cố Chính Nam đã qua đời rồi, Đức Cha Liêu thấy người khỏe khá, thì dạy nhận **địa phận** Cố Chính Nam mà coi sóc. Cố Ven thấy Đức Cha giao **địa phận** Cố Chính Nam cho mình, thì lấy làm lo sợ và chịu khổ cố gắng làm việc Bề Trên đã dạy, cho hết sức. Trong thư người viết cho nhà quê, thì nói rằng : Đức Cha đã giao **địa phận** Cố Chính Nam cho tôi coi sóc. Gánh ấy nặng nề, tôi hèn mọn, tôi lo gánh không nổi mà thiệt linh hồn người ta. **Địa phận** ấy được một vạn hai nghìn nhân danh, chia ra làm bốn xứ, có xứ được hai Cụ coi sóc, lại có xứ chỉ được có một Cụ mà thôi. Chính việc tôi là coi sóc bốn xứ ấy, di làm phúc những họ khô khanh, mắc rối; làm phép Thêm Sức mạnh đạo cho trẻ con ; thỉnh thoảng cấm phòng chung cho hàng xóm, tha nhưng ngăn trở phép nhất phu nhất phụ, coi sóc những người nhà Đức Chúa Lời, những người Nhà Đồng Nữ ; cách riêng xứ những kiện kẽ

có đạo, khuyên bảo thúc giục người ta giữ đạo cho sôt sắng và thêm lòng kính mến Đức Chúa Lời một ngày một hơn ; lại tìm thế liệu cách cho kẻ ngoại đạo bỏ bụi trần ma quỉ mà ăn năn trở lại chịu đạo. Trong lúc cấm đạo như bấy giờ, thì tôi khó coi sóc những kẻ có đạo, vì không mấy khi di làm phúc các họ được. Bằng về sự khuyên kêu ngoại đạo ăn năn trở lại chịu đạo trong thời buổi hép hòi này thật là khó lắm. Chúng nó thấy vua cấm đạo ngặt, thấy các quan di bắt đạo sách thủ tiền tài kêu có đạo, chém giết các Cố, các Cụ, phát lưu các đạo đồ, thì nó còn muốn di đạo làm sao được ?

Lễ Đức Bà Linh Hồn Vâ Xác Lên Trời rồi, tôi đã di làm phúc họ Kiều Đông, gần huyện Phú Xuyên. Làng ấy xôi đỗ, những kẻ có đạo thì ít, được ước chừng hai trăm nhân danh mà thôi. Người ta nói rằng từ cổ chí kini, không có Cố nào đến làm phúc họ ấy bao giờ. Trong mười ngày tôi ở họ ấy, thì vốn ẩn nấu trong nhà có đạo kín lầm, ban ngày chẳng ra ngoài bao giờ sôt. Chẳng may, những con trẻ tôi đã làm phép Thêm Sức mạnh đạo thì kháo láo ngoài làng, nó

dã xem thấy một người Tây nhở nh้าน, trääng tréo, dẹp dẽ lấm. Kẻ ngoại đạo nghe thấy làm vậy thì di dò dĩnh chung quanh những nhà có đạo cho được xem ông Tây thế nào. Những kẻ có đạo lo lắng sợ hãi lấm ; nhưng mà tôi trông cây và khuyên bảo người ta trông cây Đức Bà cho vững vàng, rồi cứ ở đây cho đến khi người ta xưng tội hết, thì tôi mới di họ đạo khác ban đêm. Vì chưng, trong thời cấm ngặt này, tôi chẳng dám ra mặt ban ngày, kéo kẽ ngoại đạo xem thấy ; tôi có di đâu thì cứ di ban đêm.

Cũng một năm ấy, ngày hai mươi mốt tháng tư, quan Nam Định đem sáu bảy trăm quân xuống vây làng Bùi Chu, bắt được Đức Thầy An, lấy các đồ thờ cùng của cải Nhà Chung, rõ nhà thờ cùng hết mọi nhà của Đức Cha, chở gỗ về tinh. Còn Đức Thầy An cũng phải giải lện tinh, cùng phải giam hai tháng tròn, rồi phải xử ngày hai mươi tháng sáu. Khi đã bắt được Đức Thầy An, thì quan còn vây bọc những làng có đạo chung quanh cùng rõ nhiều nhà thờ.

Đến tháng chạp, các quan Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định đem một vạn quân vây làng Ngọc Đường, phá đốt nhà trường, nhà xứ và làng

ấy, chém giết nhiều người, bắt được Cụ Huân và xú trong tháng ấy.

Cuối năm Tự Đức thập niên, nhà xứ Kê Báng còn nguyên. Dũng kề hai Cụ, các thầy kề giảng và các chú, lại có thầy Diêm quê Trại Hương, làm thầy giáo nhà trường Kê Vinh đã đem học trò mình là mười lăm chú về đây mà dạy. Khi Nhà Chung và nhà trường Kê Vinh đã phải tan tác, bấy giờ có đưa ngoại đạo tố từ với quan Thượng Nam Định rằng : Làng Kê Báng có đạo dưỡng, đạo quán, có trường đạo, có nhiều người dị dạng tụ họp ở đây tập nghề võ nữa. Cho nên, đêm mười lăm rạng mười sáu tháng chạp, có bảy trăm quân cùng lính hương dũng, cả thầy là hơn một nghìn người đều vây bọc Kê Báng, khám soát làng ấy từ giờ thứ tư ban sáng cho đến giờ thứ mười một ban đêm, rõ nhà thờ, nhà xứ, nhà mụ, phá phách nhà người ta, cướp lấy của cải đồ vật, đốt hơn hai mươi gánh đồ thờ, bắt mười sáu người dàn anh làng Kê Báng, và bốn chú học trò thầy giáo Diêm. Còn các Cụ, các thầy kề giảng và các chú khác thì chạy sang làng trại Hương Cà.

Quan bắt bấy nhiêu người thì đem nộp cho quan Thượng Nam Định.

Quan Thượng tra bấy nhiêu người, kỳ thứ nhất thì tần dữ lắm, song mọi người đều kiên, bất khắng khóa quá. Đến kỳ thứ hai, thì mười sáu người dân phải kìm chín đau quá, chịu chẳng được liền khóa quá. Quan tha về nhà ngay. Ông trưởng Châu làm trưởng xứ cùng là dàn anh nhất làng Kê Bàng cũng xuất giáo và quan đã cho về; nhưng mà sau, ông ấy nghe lời Cụ Khang khuyên bảo, thì không về, lại đến xưng đạo ra trước mặt quan, cùng chịu cùm năm miếng, chịu quỳ trên bàn chông sắt mà cứ bất khắng mãi, thì phải thích chữ cùng phát lưu Cao Bằng. Còn bốn nhà trưởng, là chú Pháp mười lăm tuổi, quê Kê Khang, trong Thanh Hóa, là em ruột cụ Sáu, chú Bột quê Kê Lự về xứ Sơn Minh, độ mười bảy, mười tám tuổi, và hai chú khác không biết tên, thì cũng phải cùm chín năm miếng, cùng phải quỳ bàn chông sắt, mà cứ bất khắng khóa quá. Quan Thượng thấy các chú còn trẻ tuổi mà kiên tâm, cố tình cưỡng với ông ấy, thì giận lắm, liền truyền cho lính lôi chú Bột và hai chú kia qua ảnh chuộc tội, đoạn tha về, mà ba chú ấy bấy giờ không kịp phân phô điều gì; còn chú Pháp thì lính cũng kéo qua Thập Tự, song

chú ấy kêu lên phân phô rằng: Các quan làm thế mặc các quan, song tôi không chịu khóa quá dài. Cho nên, chú ấy phải phát lưu ở tỉnh Lạng Sơn, cùng chết ở đây êm ái và sốt sắng trong tay cụ Sáu, cũng đã phải bắt cùng phải lưu ở đây.

Khi chú Bột đã được tha về, thì bối rối sợ hãi lắm, cho nên tìm đến ông già Triêm ngày sáu lần, cụ gọi là cụ Sáu đang ở bên Lầu Mát, mà rằng: Con đã khóa quá mất rồi, xin thầy già cho con biết Đức Cha ở đâu, để con tìm đến với người. Ông già Triêm bảo chú ấy rằng: Đức Cha vào ẩn trong rừng rồi, không biết đâu mà tìm được. Chú phải về xưng tội với Cụ xứ, mà người dạy thế nào thì phải vâng như vậy, người ra hình phạt nào thì phải chịu hình phạt ấy. Chẳng khói bao lâu, chú Bột viết thư cho ông già Triêm rằng: Lạy ông già, xin ông già lo liệu cho con cách nào, vì con đã làm mọi sự như lời Cụ xứ dạy, con đã gánh nón cho mẹ đi chợ, cũng làm các việc hèn hạ khác, mà con hay còn bối rối sợ hãi, chưa được yên lòng. Cho nên, dù thế nào con cũng phải đi xưng đạo lại. Ông già thấy chú

ấy hăng bối rỗi sợ hãi, không được yên lòng, thì viết lại rằng : Chú phải cứ lời thầy cả bẩn xú dạy ; mà có muôn chữa tiếng dạo cùng làm cho sáng danh Đức Chúa Lời, thì phải đến tỉnh Nam Định, mà xung dạo ra, chính nơi mình đã khóa quá trước.

Chú Bột được thư ông già Triêm viết làm vậy, đến tối, khi mẹ và cậu chú ấy ngồi ăn cơm, thì chú ấy mặc áo thami dài, đến lấy mà rằng : Lạy mẹ, lạy cậu, mẹ dã cho con đi ở nhà thầy, có ý cho con được rỗi linh hồn, thì bây giờ xin mẹ và cậu nghỉ lại, con quyết di tìm dàngh cho được rỗi linh hồn ; nói bấy nhiêu lời, chú ấy liền di xuống tỉnh Nam Định, vào ngay cửa dinh quan Thượng. Bấy giờ có quan thông phán ở trong dinh ra, gặp chú ấy thì hỏi rằng : Thằng này di đâu ? Có khi là thằng hôm nọ dây chăng ? Chú ấy thưa rằng : Phải, hôm ấy tôi phải bắt vì đạo diệu xuống dây, quan Thượng bắt tôi khóa quá, mà tôi chưa kịp phân phô lại; bây giờ tôi xuống cho được lại xung dạo ra dây. Quan thông phán thấy chú ấy nói làm vậy, thì thương, liền đưa chú ấy về nhà mình cùng phó cho người nhà canh giữ, kéo chú ấy lại

ra dinh quan Thượng mà phân phô chăng. Ông ấy lại bảo chú Bột rằng : Con đừng vào trong dinh quan Thượng nữa. Người bấy giờ đương dữ tợn như sư tử vậy. Con vào đấy thì phải chết chăng khôi.

Khỏi hại ba ngày, đương phiên diệp nghị mà quan thông phán cũng vào phiên diệp nghị, thì chú Bột trốn mà xông vào trước mặt các quan và kêu lên rằng : Tên tôi là Bột, phải bắt ở Kẻ Báng, diệu về dây. Ông lớn đã truyền cho tôi khóa quả; song tôi không chịu, thì lính kéo tôi di qua Thập Tự. Bây giờ tôi ra dây trả sự khóa quả ấy lại cho ông lớn, tôi không chịu khóa quả đâu.

Quan Thượng nghe làm vậy thì thét lên như ngựa, mà truyền trói chân tay chú ấy lại, tròn như khúc gỗ, đeo buộc vào chân voi để voi kéo ra mà đánh. Khi voi lôi di thì chú ấy gập đá sành gạch gai góc đâu, thì phải dây, cho nên cũng đã sát cả và mình. Khi phải lôi di qua hàng phố, thì chú ấy còn phân phô lớn tiếng rằng : Này tôi là Bột, tôi đã phải bắt ở Kẻ Báng, bữa trước quan lớn truyền cho tôi khóa quả, song tôi không chịu, thì quan lớn truyền lính lôi tôi qua Thập Tự. Khi ấy tôi chưa

kịp trả sự khóa quá lại cho quan lớn. Nay tôi xuống trả sự khóa quá, thì quan lớn truyền làm khốn tôi đây. Xin các hàng phô biết cho tôi với.

Khi đến trường hình⁽¹⁰⁹⁾, thì cởi trói cho chú ấy, để voi đánh; song voi giùng giăng đến hai ba giờ đồng hồ, xem ra sợ lầm, dù thúc thể nào cũng không đi, cho nên phải có kẻ lấy mác mà dâm sau lưng nó, thì nó mới lấy ngà mà tung chú ấy lên, cùng lấy chân mà vò. Lúc ấy, người ta nghe tiếng chú ấy hằng kêu hai tên cực trọng Giêsu, Maria, mãi cho đến khi chết thật. Xưa Ông Thánh Phêrô chối Đức Chúa Giêsu ba lần đoạn ăn năn khóc lóc cho đến lợn dời. Chú Bột phải lính quan lôi di qua ảnh tượng Đức Chúa Giêsu có một lần, thì lo buồn ăn năn cho đến chết. Ấy là gương sáng láng tốt lành, chẳng khác gì gương Ông Thánh Phêrô.

Cũng một năm ấy, Cụ Khang làm chính xứ Kê Trình phải bắt tại Địa Ốc, ngày mồng hai tháng mười cùng giam ở Nam Định. Đến mồng mười tháng chạp năm sau thì phải xử. Nhân dịp quan bắt cụ Khang thì phá nhà thờ, nhà xứ Địa Ốc, và cướp lấy hầu hết của cải những kẻ

có đạo ở đây.

Quan Thượng Nam Định bắt cùng phá đạo trong các phủ huyện làm vậy, huống lỵ trong thành phố tỉnh Nam Định thì càng bắt ngặt, càng phá phách hơn nữa. Ông ấy đã nói rõ rằng : Mình sẽ phá đạo trong thành phố Nam Định đã, đoạn mới phá trong các phủ huyện sau. Bấy giờ, họ đạo tỉnh Nam Định được độ hai trăm bếp, chia ra làm bốn giáp. Quan Thượng sai quan vây cùng soát các nhà có đạo lúc bất thình lình, không ai nghi, thì bắt được sáu mươi người dàn ông đem giam trong thành. Trong sáu mươi người ấy có mười người bắt khổng khóa quá, thì phải phát lưu. Ba ông lão tuổi tác và bảy người trai còn trẻ ít tuổi, thì được tha về. Có ít nhiều người khác dứt tiền cho quan thì không phải xuất giáo mà cũng được tha. Còn độ ba mươi người thì khóa quá, cũng được tha về nữa. Từ bấy mà đi, những kẻ có đạo chẳng ai dám ở tỉnh, vì thỉnh thoảng quan lại sai khám soát những nhà có đạo, cho nên người ta phải bỏ tỉnh mà trốn về nhà quê, chỉ để một hai người dàn bà ở lại coi nhà. Có nhiều nhà bỏ không, chẳng ai coi. Quan Thượng nghe có một người dàn bà họ Tịnh tên là

cô Ái đã nuôi cụ Khang dang khi Cụ phải giam, thì giận ghét cô ấy lắm, sai tẩm nã mãi cùng đe rằng : hễ bắt được cô ấy, thì sẽ đóng đinh như Đức Chúa Giêsu xưa vậy.

Trong những người họ Nam Định bắt khổng khóa quá, thì ông lang Tảo có tiếng hơn cả. Ông ấy làm trùm họ, cũng buôn bán giàu có, và có lòng đạo nhất trong họ Nam Định. Các Đấng di lại Nam Định, thì tro nhà ông ấy, mà ông ấy trọng kính những người nhà Đức Chúa Lời hết sức, và nhất là các Cụ, cùng thiết đãi cách rộng rãi lịch sự, chẳng ngại tốn kém chút nào. Khi Cụ xứ về làm phúc họ, thì ở nhà ông ấy và làm lễ cũng ở nhà ông ấy nữa. Hai ông bà ngoan đạo cả hai, có khi trong nhà không bỏ đọc kinh bao giờ, dù từ tinh mà vào đến Kẻ Trình, xa non một trống canh thì ông lang Tảo cũng năng đi lẽ. Trong Mùa Chay, họ ngắm những sự thương khó Đức Chúa Giêsu, đọc kinh và học bổn, thì ở nhà ông ấy. Chính ông ấy dạy kinh bổn cho con trẻ và đọc sách cho người lớn. Năm nào trong ba ngày Tết, ông ấy bắt các lớp trong họ thi bổn, mà một mình ông ấy chịu tiền

phần thường, cho nên khi quan vào khám soát nhà ấy, thí bắt được các thể thi ở đấy. Thật là ông ấy sốt sắng chăm chút việc đạo hết sức, hơn các thầy kẻ giảng và kém các Cụ ít vây. Quan Thượng đã biết làm vậy, cho nên khi làm án cho ông lang Tảo mà biết ông ấy có vợ con, thì không dám cho ông ấy là đạo trưởng, song nói rằng : *sùng đạo như đạo trưởng, phi đạo trưởng tự hô đạo trưởng*⁽¹¹⁰⁾; vì vậy quan làm án cho ông ấy phải xử trảm quyết như các đạo trưởng vậy.

Khi ông ấy phải điệu đi xử thì mặt tươi tắn vui vẻ, miệng ngầm đàng câu rút⁽¹¹¹⁾, cùng vừa đi vừa chào hỏi anh em bạn hữu. Ông ấy đi chịu chết vui vẻ như kẻ phải lưu đày khi được về nhà quê, như các Thánh lúc bỏ thế gian mà lên Thiên Đàng vậy.

Ông lang Tảo ví như cây hoa thơm tho tốt đẹp, như cây cao lớn rườm rà mọc lên trong vườn Thánh I-ghê-rê-gia giữa tỉnh Nam Định, thì đã làm sáng danh đạo thánh Đức Chúa Lời, cùng làm sáng danh họ đạo Nam Định. Nay mai Tòa Thánh sẽ phong cho ông ấy làm Thánh, sẽ đặt Người làm quan thầy bầu cử cho các kẻ có đạo và cho những

người Nam Định cách riêng.

Trong Kinh Thánh có lời rằng : Đức Chúa Lời thương xem phù hộ cho dòng dõi con cháu các Thánh. Điều ấy thật, vì chung con cái cháu chắt ông lang Tảo thì người nào cũng hiền lành hồn hoà, giữ đạo sốt sắng và phần xác làm ăn khá thay thảy.

Trong kỳ cầm đạo, bốn đạo họ Nam Định hằng giúp đỡ những kẻ phải bắt, phải giam vì đạo, hết lòng hết sức. Khi thì giúp cùa, lúc thì giúp công, cùng giúp mọi cách, chẳng tiếc dí gì, cho nên khi quan Thượng Hưng làm ngặt quá, cùng làm cho họ Nam Định phải tan tác đi, thì hết mọi người có đạo khắp mọi nơi lấy làm lo buồn thương tiếc lẩm. Phần thì vì thương họ phải khổn khổ dường ấy, phần thì vì những kẻ phải coi sóc các tù đạo ở tỉnh, không còn biết nhờ ai, không biết trợ nhà nào được. Bởi những kẻ có đạo họ Nam Định đã hết lòng giúp đỡ những kẻ phải bắt phải giam vì đạo ở tỉnh trong cơn cầm cách, thì Đức Chúa Lời đã trả công cho. Khi trước họ Nam Định là một họ lẻ, thuộc về xứ Kê Trình, rày đã biệt ra một xứ riêng, gọi là xứ Nam Định. Có nhà thờ trọng thể nguy nga. Phần xác người ta

cũng đông dấn giàu có hơn khi trước, nhất là phần linh hồn thì đạo đức sốt sắng một ngày một hơn.

Đoạn Thủ Tám

Về những nhà trường Hoàng Nguyên, Kế Non, Kế Vĩnh phải phá, cùng sự Cố Ven phải chạy đi ẩn, trước xuống Bút Đông, sau vào Đồng Chiêm. Từ Đức thập nhất niên, một nghìn tám trăm năm mươi tám.

Giữa năm Tự Đức cửu niên và đầu thập niên, có tàu Pha-lang-sa chạy vào cửa Hòn cho được giao ước với nước An-nam về sự thương mại buôn bán, cùng xin vua tha đạo. Song vua thấy có một hai chiếc tàu mà thôi thì không sợ, không ưng nghe lời quan Pha-lang-sa. Quan tàu thấy vua không ưng nghe điều gì, mà lại ra điều khinh mạn, làm sĩ nhục, thì giận, bắn phá đồn Sơn Trà, đoạn inhổ neo mà đi. Từ bấy giờ, vua càng thêm ghét đạo hơn và chỉ khắc cấm đạo ngặt hơn nữa.

Cố Ven không muốn nghỉ, chỉ muốn đi làm phúc liên, các họ đạo sợ hãi không dám rước, song người cũng di làm phúc những họ Hoàng Nguyên, Lãnh Trì và Bút Đông. Đoạn về

nha trường Hoàng Nguyên nghỉ. Độ ấy, người và Cố Đông là Bé Trên nha trường, sai một người đem những thư Tây xuống Nam Định, cậy những lái buôn khách có cửa hàng ở đấy, gửi sang cho Cố Giữ Việc ở Hương Cảng như đã quên xưa nay. Chẳng may người mang thư ấy phải bắt cùng phải giải nộp cho quan Nam Định. Quan tra tấn dữ lắm, cho nên nó xưng ra những làng Hoàng Nguyên, Kê Non, Kê Vinh có Nhà Chung, nha trường và có trường đạo Tây ở đấy nữa. Vì vậy, tối ngày mồng mười tháng năm, có kẻ đưa tin cho Cố Đông và Cố Ven rằng : Quan Hà Nội deni quân xuống vây bọc nha trường đã đến nửa dàn rồi. Cố Đông tra mà biết tin ấy thật, thì truyền cho nha trường phải chạy cả dồ, cả người ngay đêm hôm ấy, chỉ để xác nha không. Học trò chạy đồ gửi nhà bốn đạo ngoài làng, rồi đi. Cố Đông và Cố Ven cũng đi nữa.

Sáng sớm mai, quân quan và phủ hai ba tổng, ngoài hai nghìn người đến vây bọc làng Hoàng Nguyên, chúng nó đã chắc sẽ bắt được hết mọi người nha trường, song chỉ bắt được có hai chú và một bô mù, một bô cảnh cổng, hai mẹ con nhà sãi ; còn về sự của cải thì không

lấy được, vì trong nha trường chẳng còn dí gì, chỉ có xác nhà không mà thôi. Chúng nó thấy vậy thì giận lắm, liền kéo vây bọc Bái Đô, Bái Vàng, Đồng Ti, Châu Thượng, Châu Hạ, Cố Liêu. Song chỉ bắt được một thầy già sáu, tên là Tư đã bảy mươi tuổi, và chín người học trò đang chạy ngoài đồng. Nó đóng gông bẩy nhiêu người cùng giải về Hà Nội. Ông già Tư phải giam cùng chết rũ tù ; còn những người kia bắt khắng xuất giáo, thì phải lưu Tuyên Quang và Thái Nguyên. Các quan đốt nha trường, chặt các lũy tre, cùng giao vườn đất, đồng diền của nha trường cho kẻ ngoại nhặt cày cấy nộp thuế. Còn nhà thờ Hoàng Nguyên và những làng nó đã vây bọc thì nó rõ xuống hết.

Ngày rằm, các quan vây bọc làng Kê Non, lấy hết đồ vật của cải, đoạn phá đốt nha trường, cấm lấy vườn đất ruộng nương của nha trường, phạt cho kẻ ngoại nhặt canh trung. Đức Cha Khiêm và cả nha trường chạy được hết. Các quan chỉ bắt được một chú học trò và mấy người bốn đạo mà thôi.

Ngày mười chín, nha trường cùng Nhà Chung Vinh Trị phải phá, làng Kê Vinh di dạo dời vua Vĩnh Thịnh⁽¹¹²⁾ nhà Lê, năm

Đức Chúa Giêsu ra đời một nghìn bảy trăm năm, đến đời Cảnh Hưng, năm một nghìn bảy trăm sáu mươi lăm, Đức Cha Bê-răng-dô⁽¹¹³⁾, lập Nhà Chung, nhà trường ở đây, vì làng ấy trung độ, ở chính giữa Địa Phận Tây, địa thế rộng rãi; đường thủy bộ thông cả Hà Nội, Ninh Bình, Thành Hóa tiếp giáp Ninh Bình, thông ra sông Cái, dễ ăn dễ chạy lúc cấm cách, cùng vì xã ấy toàn tòng đạo và dân cung cát, táo bạo, có lòng men đạo, mến các Đấng và có công chịu khó giúp các Đấng lúc ngặt nghèo khổn khổ. Vì vậy, các Đấng, các bậc có lòng thương làng Kê Vinh cách riêng. Năm Tự Đức thập niên, khi cụ Tịnh phải bắt vừa xong, thì quan đem hai trăm quân có ý phá Nhà Chung, nhà trường, song chạy bạc thì quan chỉ phá đạo đường, còn bốn chiếc đạo quán thì để lại, và Nhà Chung, nhà trường, ba phần thì rỡ xuống nít, còn hai phần thì để nguyên; cho nên khi quan đi rồi, thỉnh thoảng Đức Cha Liêu còn vãng lai đây.

Đến tháng Tư năm sau, các quan bắt được thư Đức Cha Liêu gửi về Tây, thì quan Thượng Nam Định là Nguyễn Đình Tân, là người ghét và phá đạo cùng giết người đã có tiếng, người ta đã gọi là

hùm là cọp, sai quân vây bọc Vĩnh Trị thì bắt được sách kinh, sách đạo, đồ đạo nhiều lắm, lấy các cửa cải, phá phách Nhà Chung, nhà trường, các đạo quán, bắt ba mươi bảy người dân, giải ra tỉnh Nam Định. Rồi chẳng những là buộc tội cho dân Vĩnh Trị oa tàng các đạo trưởng dã lâu năm, gọi làng ấy là đại đồ nhà đạo, là chốn các đạo trưởng, các đạo đồ tụ hội giảng đạo, tụng kinh, tích trữ lúa thóc, tiền bạc, mà lại vu cho dân Vĩnh Trị dã biết đạo trưởng Liêu, đạo trưởng Thế gửi tờ xin Tây sang đánh An-nam cứu chữa bốn đạo mà chẳng giác, cho nên làm án cho dân là ám thông ngoại quốc mống lòng khởi ngụy với triều đình.

Ta tóm lại án quan Thượng Tân làm như sau này: Chánh phó lý trưởng và hai người đầu mục phải giáo quyết; hai mươi ba người bắt khống khóa quá thập tự phải phát lưu; mười người xuất giáo thì phạt một trăm trượng rồi tha về. Còn bao nhiêu người xã ấy, dàn ông dàn bà, phải sáp nhập các dân *vô tòng Da-tô đạo*⁽¹¹⁴⁾ quản thúc.

Điền thổ thì chia ra, giao các xã phụ cận nhận canh thủ thuế. Còn xã hiệu Vĩnh Trị thì bỏ di cho hẵn

chẳng còn có xã ấy nữa.

Quan Thượng Tân đệ án này vào Kinh, mà vua chúa phê rồi lại gửi ra Nam Định.

Tiếng Nhà Chung, nhà trường cùng làng Kê Vinh phải phá tan khốn nạn đường ấy, thì lan dại khắp cả mọi nơi, như tiếng sấm sét. Những kẻ có đạo nghe thấy thì giật mình, rụng rời, sợ hãi, kinh khiếp ; khi kinh đô đã thất thủ, thì các tinh khác còn trông chống với giặc làm sao được. Cũng một lẽ ấy, khi làng Kê Vinh và Nhà Chung là như kinh đô nhà đạo trong Địa Phận Tây đã phải phá tuyệt, san tước bình trị, chẳng còn hình tích nào, dân phải sáp vào những làng không đạo, và làng phải phá, phải tước khứ di, thì các làng các dân khác có đạo lo sợ, chẳng khỏi bao lâu mình cũng sẽ phải như làm vậy. Các Cố, các Cụ cùng những người nhà Đức Chúa Lời đã ở, đã học lâu năm trong nhà trường Kê Vinh, vui vẻ sầm uất đường ấy, thì lo buồn thương tiếc biết là đường nào ! Nhất là dân Kê Vinh phải bỏ quê cha đất tổ, mê mẩn ông bà cha mẹ mà phiêu lưu đất khách quê người, cố thi mang gông, con thì tay dắt tay bồng, mẹ nào con nấy, phải giải đi như lũ tù

phạm, vừa đi vừa khóc, cùng chảy nước mắt như mưa, thật là thảm thiết, cay đắng khôn kể cho siết !

Dù mà dân khổ cực cay đắng lẩm lẩm, song không có ngã lòng, một trống cậy vững vàng Đức Chúa Lời phép tắc vô cùng, lòng lành vô cùng, sẽ thương đến dân Vinh Trị; như xưa đã thương dân Giu-dêu phải lưu dài thành Ba-bi-lon, mà ngày sau sẽ đưa dân về quê cha đất tổ. Cho nên, có người Kê Vinh làm thơ than Vinh Trị Cố hương thể này :

Ở cha, ở mẹ, ở trời ôi !

Vinh Đường cảnh sắc thật là vui

Phong ba một trận liền tan tác

Nam Bắc đổi phương cũng ngậm ngùi

Nhớ đến ngày xưa sa nước mắt

Trông về đất tổ đổ mô hôi

Đã hay khi bì còn khi thái

Đến vận hanh gia, cảnh lại hồi.

Các điều ta chép vào sách này về sự vua quan cầm cách bắt bớ đạo, cùng vây bọc phá phách dân nợ làng

kia, thì Cố Ven đã viết trong thư người gửi về nhà quê hẫu hết.

Vậy chính dêm người ta đưa tin quan quân Hà Nội xuống vây bọc nhà trường Hoàng Nguyên, thì học trò bỏ nhà trường mà trốn chạy. Cố Đông và Cố Ven cùng chạy xuống Bút ĐÔng. Hai Cố ẩn, khi thì ở làng ấy, khi thì ở Bút Hành, ở Đồng Tư, không ở nơi nào cho lâu được. Đức Cha ẩn trong rừng Đồng Bèo, thấy các quan tầm nã liên māi cùng lo nó bắt được các Đάng, thì viết thư cho các Đάng bỏ đồng bằng mà vào ẩn trong rừng trong núi. Cố Chính Tân, Cố Đông và Cố Ven vâng lời theo ý Đức Cha thì rủ nhau vào rừng Đồng Chiêm.

Cố Ven kể tích Cố Chính Tân, Cố Đông và người trốn vào Đồng Chiêm, thì rằng : Khi ấy đang lụt ; chập tối, chúng tôi xuống thuyền đi tắt đồng, chạy vào trong Đồng Chiêm. Bốn đạo làng ấy đưa chúng tôi vào rừng, trèo hai ba quả núi đá tai mèo, sứt chân sứt tay đau lấm, thì mới đến một thung lũng vắng vẻ kín đáo kia. Người ta làm nhà lều cho chúng tôi ở đấy, và sỉ lụt nhau canh nhặt dạ, vì ở đấy lấm hùm. Chúng tôi ở đấy được bằng yên hơn hai mươi ngày,

cùng bắt chước các thánh tu hành xưa, khi thì đọc kinh nguyện ng Kami, xem sách học hành, lúc thì làm việc phân xác, cuốc đất trồng ngô, trồng cù, đón đường đi bách bộ, hứng nước mưa nấu trà. Một ngày kia có ba bốn người mang súng, mang dao giả di săn bắn qua đấy, chào hỏi chúng tôi và nói mấy câu chuyện vui vẻ rồi đi. Chúng tôi hiểu biết chúng nó là đưa quan sai đi do, thì không dám ở đấy nữa, liền xuống thuyền mà ở, cùng chèo đi nơi nọ nơi kia, không dám dỗ nơi nào lâu. Sau đó có tin quan sai quan lầm nã thì chúng tôi không ở trong đấy được, phải lìa nhau mà đi một người một ngả. Tôi lại về Địa Phận tôi ở Bút Hành một tháng, đoạn lại lên Bút Đông.

Đang khi Cố Ven ẩn trong rừng Đồng Chiêm, thì Đức Thầy Xuyên là Vít-vồ chính Địa Phận Trung, phải bắt, phải lăng trì tại Nam Định. Hai thầy kẻ giảng phải bắt làm một với người, phải trảm quyết.

Đoạn Thủ Chín

Về Cố Ven đang ẩn ở Bút Đông, được tin Đức Cha Liêu qua đời, thì buồn bã thương tiếc người là thế nào.

Cố Ven trong Đồng Chiêm yề, thì ẩn ở Bút Hành, một tháng, rồi lên ở Bút Đông, cùng ẩn ở làng ấy hơn hai năm, khi thì trong nhà Mụ, lúc thì trong nhà người ta ở ngoài làng. Nhưng mà người không ở làng ấy luôn ; khi thì người ở hai ba tháng rồi di nơi khác ít lâu ; lúc thì về một hai tháng, đoạn lại di làm phúc. Vì chung, người có lòng sốt sắng lắm, dù mà đang giữa kỳ cấm đạo ngọt, thì người cũng không bỏ sự làm phúc. Nhân dịp người ẩn ở họ nào, thì người làm phúc họ ấy. Khi người mở tuần làm phúc nơi nào, thì thường bảo người ta ăn chay một ngày, mà chính người cũng ăn chay. Người giục giã người lớn xưng tội, nhất là những kẻ bỏ xưng tội lâu năm, và những kẻ mắc rối, thì người chẳng những là khuyên chung, mà lại gọi bảo riêng. Người coi sóc con trai cách riêng, và hằng giục các thầy kẻ giảng chịu khó dạy dỗ nó kinh bốn, và tập tành cho nó biết dàng xưng tội chịu lẽ. Dù người yếu luôn, không được khỏe mấy, thì cũng giảng giải mỗi ngày, mà người giảng sốt sắng, kiểu nói thì xuôi, giọng nói thì nhẹ như giọng người An-nam. Người chịu khó giải tội khuya, thường quá nửa đêm, bao

giờ hết người thì mới thôi, không có khi nào giãn người ta về. Các thầy kẻ giảng thấy người yếu mà khó nhọc ngồi tòa giải tội lâu, thì xin người dừng giải tội khuya quá, kéo sinh bệnh mà chết, thì người bảo rằng : Thầy có sinh bệnh mà chết vì tại ngồi tòa giải tội lâu, thì thầy sẽ lấy làm mừng.

Bản ngày, khi không trở đọc kinh lần hạt, thì xem sách học hành. Người đã xem được các sách Nôm in trong Địa Phận Tây, cùng đã thuộc các chữ trong các sách Nôm. Người lấy sách *Duy tập* để dàng nhận đức làm thích hơn, cùng đã xem hết bộ sách ấy. Người xem đến câu nào nói không trọn, không xuôi, thì hỏi các thầy kẻ giảng, đoạn chưa câu ấy. Về sau, khi in sách ấy lại, thì Bồ Trên truyền lấy bản Cố Ven đã chữa mà in. Người cũng học Nho, đã hơi thông ; không có mấy Đăng ham và chăm xem sách học hành bằng Cố Ven. Con mắt người không rời sách, tay người không rời bút mấy khi. Người đã chép một bản xét mình cho những người nhà Mụ, cùng bắt đầu làm một quyển sách gọi là *Thánh Giáo Yếu Tự Luận*, song chưa kịp làm xong. Người chẳng có ở nhưng, không bỏ mất ngày giờ nào.

Cố Ven ẩn

ở Bút ĐÔng được dộ hai tháng, thì được tin Đức Cha Liêu qua đời trong rừng Đồng Bèo, thì lo buồn khóc lóc kẽ chắng siết. Chắng có con thảo hiếu nào thương khóc cha mình bằng Cố Ven thương khóc Đức Cha Liêu.

Từ khi cụ Tịnh phải bắt và nhà trường phải rờ cùng tan di, thì Đức Cha trốn lên Lan Mát cùng Lạt Sơn và Bút Sơn. Thỉnh thoảng người quá bộ về Kẻ Vinh, khi thì một tuần lễ, lúc thì mươi ngày, rồi thì lại di. Bấy giờ Nhà Chung, nhà trường vẫn vê lấm, chỉ còn năm ông cụ già lão yếu duỗi bệnh tật và mấy bô coi nhà mà thôi. Cuối tháng mười, đầu tháng một, Tự Đức thập niên, Đức Cha thấy không còn thể ở đây được thì di thật, không trở lại nữa. Những người làng Kẻ Vinh không muốn cho người di, thì khóc lóc kêu van, nài xin người ở lại mà rằng : Xin cha ở lại với chúng con để cha con đồng sinh đồng tử với nhau ; Đức Cha bảo rằng : Đức Chúa Lời có định cho cha chết, thì cha muôn chết một mình, không muôn cho chúng con phải hại, phải chết vì cha. Cha không thể ở với chúng con được, thì phó chúng con trong tay Đức Chúa Giêsu, Đức Bà và các Thánh Thiên Thần

gìn giữ cho được bằng an. Còn cha thì phải di, phải trốn vào rừng.

Đức Cha Liêu ở Kẻ Vinh mà di thì lên Bút Sơn, có Cố Chính Đoài, Cố Hương, ba Cụ và sáu thầy kẽ giáng di làm một với người nữa. Đức Cha ở Bút Sơn được bằng yên mấy tháng. Đoạn quan Hà Nội biết người ẩn trong miền ấy thì đem quân xuống đóng ở phủ Lý Nhân, cùng sai khi thì bốn năm trăm, lúc thì bảy tám trăm quân đi vây bọc, khám soát Bút Sơn và các họ đạo quanh đấy. Chúng nó bắt được giấy má sách vở, đồ lề, đồ thờ, đồ dùng của Đức Cha, của các Đáng dã giấu, để ở lăng Bút Sơn và trong rừng gần đấy hơn một trăm gánh. Đức Cha và các Đáng di với người, phải chạy vào rừng rậm rạp, chỉ mang mỗi người có một khăn gói là hai cái quần áo, sách nguyện và một chiếc chiếu mà thôi. Từ ngày mười bảy tháng năm cho đến mươi chín tháng sáu, các Đáng phải ở trong rừng Bút Sơn, gấp hang thì nằm hang, không gấp hang thì nằm đất dưới gốc cây. Độ ấy, phải mười lăm hai mươi ngày trời mưa rào đêm ngày. Mọi người ướt như chuột, lại phải đói khát vì không có cơm ăn nước uống. Mỗi ngày chỉ

được hai năm cõm nguội; mà có ngày không được hạt nǎo. Lại đêm phần thì sợ hùm, phần thì lo người ta bắt, cho nên không ngủ được, một thức giấc suốt năm canh.

Đức Cha không thể ở rừng Bút Sơn được vì quan quân soát khám và càn rừng luân, thì lên Đồng Sơn. Họ Đồng Sơn giàn tòng cho nên kẽ dãy Đức Cha sợ kẽ ngoại, thì không dám đưa người về làng, lại đưa người vào rừng. Đức Cha ở trong rừng được ba bốn ngày, rồi có tin kẽ ngoại đem người đến bắt, thì chập tối phải bỏ lều mà chạy vào rừng. Đêm ấy trời mưa rào, mọi người chịu nước mưa cả đêm. Đức Cha thấy các Đάng vất vả cùng khổ sở quá; thì đưa tin cho họ Đồng Bèo ra rước. Đến chiều hôm sau họ Đồng Bèo ra, thì Đức Cha và các Đάng bỏ rừng Đồng Sơn mà vào trong Đồng Bèo ban đêm. May thay ! Vì chung, Đức Cha vừa di ban đêm, thì đến sáng sớm quan đêm quân đến vây bọc làng Đồng Sơn, soát và càn rừng nữa.

Đức Cha vào Đồng Bèo ngày hai mươi tháng sáu. Ở trong ấy thì không lo sợ quân quan bắt, chỉ lo sợ nước và khí độc mà thôi. Thoát mới vào thì Đức Cha và các Đάng ở trong làng

ở nhà người ta được mười ngày. Song người ta thấy các Đάng đông lắm, thì sợ trống ra, cho nên xin làm nhà lều cho các Đάng ở trong rừng gần đây, xa làng độ ba khắc. Đức Cha ở nhà ấy từ đầu tháng bảy cho đến mười bảy tháng tám, thì phải bỏ nơi ấy vì độc nước độc khí, chết một người kẽ giang và ba bốn người khác ốm nặng.

Người ta đưa Đức Cha và các Đάng vào cái hang đá ở trên đỉnh núi cao, khó lên khó trèo lặm. Hang ấy lại càng độc quá ; mới ở đây được có mấy ngày thì Cố Chính Đoài phát sốt rét ngã nước. Đức Cha dạy người xuống Bạch Bát uống thuốc. Hai ba người khác cũng sốt rét nữa. Đức Cha và các Đάng bỏ hang ấy mà về làng Đồng Bèo ít ngày, cho đến khi người ta tìm được nơi nào lành cho các Đάng ở.

Rồi ra người ta lại làm hai nhà khác cho Đức Cha và các Đάng ở trong rừng rậm xa làng độ một giờ rưỡi. Đức Cha và các Đάng đến ở những nhà ấy ngày mồng một tháng chín.

Trong những ngày Đức Cha và các Đάng phải trốn ẩn vào làng, vào rừng Bút Sơn, Đồng Sơn và Đồng Bèo thì bốn đạo các họ ấy chịu

khó giúp các Đấng không tiếc công, tiếc sức, không quản khó nhọc chút nào. Bốn đạo Đồng Bèo làm nhà cho các Đấng hai lần, mỗi lần là hai ba chiếc, cùng sỉ lợt nhau mà canh giờ đêm ngày và đem cơm nước cho các Đấng ăn, một ngày hai lần. Người ta khó nhọc đã dành, lại phải di lại trong rừng, thật là cheo leo liều mình nữa, vì năm ấy dữ rừng và cỏ bát nhiêu người. Song ơn Đức Chúa Lời thương và gìn giữ cách riêng, thì những kẻ di lại lập dịch giúp đỡ, hầu hạ các Đấng được bằng yên vỗ sự, chẳng phải nao. Có một người dàn bà sáng ngày đi chợ xa mua đồ ăn ; đến hôm di đường rừng lội bùn lội nước mà đem cơm cho các Đấng mọi ngày. Đức Cha hỏi mụ ấy rằng : Con di đường rừng đem cơm nước cho ta mỗi ngày, mà không sợ hùm bắt làm sao ? Người ấy thưa rằng : Lạy Đức Cha, giả như con phải di đường rừng liệu việc riêng con, hay là việc kẻ khác, thì không dám di một mình. Nhưng mà con đem cơm hầu Đức Cha và các Đấng thì chẳng sợ, vì con đã biết Đức Chúa Giêsu, Đức Bà và các Thánh Thiên Thần sẽ gìn giữ con chẳng phải nao.

Đức Cha ở nhà mới

làm thì được bằng yên mười lăm ngày, không có tin nào quân quan đến vây bọc sít. Song những tin quan vây bọc phá phách họ nọ, làng kia, cùng bắt Cụ, bắt người nhà thầy, và bốn đạo, thì hằng đến Đức Cha liên mãi, cùng làm cho người buồn bã cay đắng quá sức.

Ngày mười sáu, Đức Cha phải một cơn sốt rét nặng. Cách một ngày người lại phải sốt, cùng di ly ra huyết. Ngày hai mươi, người lại phải một cơn nữa; người phải cơn này thì nhọc mệt, không còn dậy được nữa. Chiều ngày hai mươi một, người thất thanh không nói được, cùng sạ tinh sạ mê. Ngày hai mươi hai, giờ thứ nhất, quá nửa đêm thì Cố Hương làm các phép cho người. Bấy giờ người tinh người biết, song không nói được. Nửa buổi, độ giờ thứ chín, thì người tắt hơi. Ngày hôm sau là thứ bảy, thì táng xác ở trong làng Đồng Bèo.

Trong các Đấng đã giảng đạo bên Phương Đông, từ đời Ông Thánh Pha-chi-cô Xa-vi-e cho đến bây giờ, Đức Cha Liêu vào số những Đấng đã nổi tiếng hơn. Người độ lượng, khoát đạt, trôi xa người ta nhiều lăm, cùng thông nho vượt các thầy đại khoa. Người ta thường gọi người là Đức Thầy Nho. Người hiểu cùng xử ngay, xử

dứt những nỗi rối rít trắc tréo về sách lý-doán, cùng nói xuất ngôn thành chương, những quan tư cùng những người thân hào đến với người, phần thì sợ uy người, phần thì nghe thấy giọng cùng lời người nói lý sự, khôn ngoan sắc sảo thì khiếp, cùng chịu người hết thay thảm.

Người đạo đức, hiền lành, khiêm nhường, khoan nhẫn nhịn nhục rất mực. Khi thì người thẳng nhặt, lúc thì người dễ dàng tùy nghi, tùy thời, tùy việc. Người lấy nhân đức hiền lành mà chế phép thẳng, không ở thẳng nhặt quá, cũng không nhu nhược non tay và rộng thương quá, cho nên người vừa miễn vừa sợ. Người thường nói rằng : Cho được cai quản những người phương này, thì một cái chỉ, một sợi tơ dã dù, nhưng mà phải cầm cho thẳng liên, kéo buông hay là nảy ra lúc nào thì hỏng lúc ấy.

Người thương những kẻ khó khăn hèn hạ, và nhất là những kẻ phải chịu khó vì đạo cách riêng, cùng hằng sẵn lòng xuất tiền bạc mà thuộc kẻ dã phải bắt, cùng nuôi những kẻ phải lưu đày và giam chấp vì đạo, chẳng tiếc chút nào.

Trong lúc cầm đạo ngọt, người vẫn đi kinh lược cùng mở lẽ, mở tuần làm phúc làng nọ, làng kia liên. Bốn đạo thấy người di

kinh lược làm vậy thì bớt sợ hãi và thêm vững vàng. Người đi đến đâu thì kẻ có đạo nức lòng vui mừng, cùng rước trọng thể linh đình, không lo sợ chút nào. Mà thậm phải lầm, vì chung Đức Cha ở đâu thì được bằng yên ở đấy, nhưng mà Đức Cha đi rồi, thì người ta lại lo lắng sợ hãi.

Từ khi Đức Cha sang An-nam cho đến lúc người qua đời, thì vua quan hằng bắt đạo liên, cho nên người hằng phải lật vật và cùng khổn khổ mãi, nhất là năm Tự Đức thập nhất niên, người phải vật vả, cay đắng khổn cực quá, vì chúng trong vòng mười lăm ngày, quan phá Nhà Chung Kê Vĩnh, trường Kê Non, trường Hoàng Nguyên, cướp lấy đồ vật của cải, ruộng nương, vườn đất, cùng hết mọi sự. Đức Cha chẳng còn nhà mà ở, chẳng biết ở chỗ nào ; lại phải các quan sai tám chín trăm quân vây bọc người, như vây bọc tim nã thây thẳng giặc, thẳng ngụy vây. Cho nên, người phải trốn vào rừng bốn tháng trời, chịu mưa, chịu nắng, nằm hang, nằm đất, chịu đói, chịu khát, không có xống áo mà thay, không được làm lẽ lần nào, vì không có đồ, không có nơi nào mà làm. Lại ngày nào người ta hằng đưa cho người những tin dữ

như tin người ta đưa cho ông Gióp xưa mà rằng : Làng Vĩnh Trị đã phải phá phách san tước bình trị, những người làng ấy phải phân sáp những làng ngoại đạo ; làng khác phải quan vây bọc khám soát lấy hết cửa cài, cùng triệt hạ nhà thờ, nhà xứ. Ông cụ này đã phải bắt, phải giam, ông cụ kia đã phải xử. Thầy kẻ giảng nọ, chú học trò kia đã phải bắt, phải lưu đày. Những đầu mục làng này bắt khăng xuất giáo đã phải thích chữ, cùng phát lưu ; những dàn anh họ kia đã xuất giáo khóa quá. Những tin thế ấy hằng đến Đức Cha liên mãi, thì biết lòng người cay đắng xót xa khổn cực là dường nào !

Như xưa Ông Thánh tiên tri Giê-rê-mi-a khóc thương thành Giê-ru-sa-lem đã phải giặc phá hủy và dân thành ấy đã phải bắt đi làm tôi vua nước Ba-bi-lon thế nào, thì Đức Cha Liêu ngồi trong rừng Đồng Bèo khóc thương I-ghê-rê-gia người đã phải phá hủy, khóc thương con chiên người phải bắt bớ, tẩm nã, giam chấp, chém giết cùng lưu đày mọi nơi, mọi phương cũng thế ấy. Mười ngày trước khi người qua đời, thì viết thư kể tất những sự khổn khó con chiên người chịu cho bốn đạo bên Tây biết.

Người ta nghe thấy lời thảm thiết cùng giọng ai khóc người, thì như nghe tiếng kèn đưa ma kẽ chết vậy. Lời người thật là thảm thương xót xa, có ca thán nào thảm thương cho bằng ?

Xưa ông Mai-sen ước ao khao khát vào đất tổ tông hơn bốn mươi năm. Đến lúc người chết ở trên núi kia, thì mới trông thấy đất ấy xa xa mà thôi, song chẳng được vào. Vậy Đức Cha Liêu khao khát cho được bằng yên rộng đạo, non ba mươi năm, đến khi người chạy vào rừng Đồng Bèo, thì được tin Tàu Tây đã đánh cùng lấy được các đồn cửa Hàn rồi. Bấy giờ, người đã trông cây vững vàng bốn đạo sẽ được bằng yên, được thông đồng giữ đạo. Nhưng mà tin ấy vừa đến người được mấy ngày, thì người qua đời. Cho nên, người không được thấy, không được sự bằng yên rộng đạo bao giờ.

Các Đấng, các bậc cùng bốn đạo Địa Phận Tây được tin Đức Cha Liêu qua đời, thì đau đớn sâu khổ khóc thương và để tang người hết thay thắp. Cố Vén được tin ấy thì rụng rời sợ hãi, cũng như thế là người thấy sét đánh bên mình vậy. Người đã lấy Đức Cha Liêu làm cha riêng, cùng kính miến và

trông cây hết lòng, hết sức. Người mất Đức Cha thì lo buồn khóc lóc như con mất cha vậy. Người viết thư về nhà quê rằng : Địa phận tôi hằng phải sự khốn khó quá sức liên măi, nhưng mà có sự này khốn khó hơn cả, là Đức Cha Liêu đã qua đời trong rừng Đồng Bèo, ngày hai mươi hai tháng mười. Khi người còn ở bên Tây chưa sang Âu-nam, có một đêm người nằm chiêm bao thấy mình dang quỳ dưới chân Cầu Rút lớn trên đỉnh núi kia, và có Đức Bà hiện ra đáy, chỉ Cầu Rút mà phán bảo rằng : Ở con, con sẽ phải vác Cầu Rút nặng và chịu gian nan khổn khó cho đến lợn dời. Mà thật như vậy, vì chúng từ khi người sang bên này và nhất là từ ngày tháng tư năm nay, thì phải khốn khó kể chẳng xiết. Người chẳng còn nhà mà ở, và bốn đạo sợ hãi đến nỗi không còn ai dám chứa người, cho nên người cùng đồ túng kể chẳng biết làm thế nào, thì phải trốn vào rừng xanh rậm là tổ hùm beo hòn bốn tháng trời. Lại bởi nặng khí độc nước, thì phải sốt rét mà chết trong cái lều khó khăn thiếu thốn, cùng đau đớn cay đắng, như Đức Chúa Giêsu xưa khi chết trên Cầu Rút vậy.

Dù mà vua quan đã triệt hạ các đạo đường, đạo quán, cướp lấy hết đồ vật của cải cùng hằng tẩm nă, chém giết, lưu đầy các thầy cả và bốn đạo, nhưng mà Đức Cha Liêu còn sống, thì chúng tôi còn vững, còn trông cậy nhân đức tài trí và sự khôn ngoan người chẳng có núng, chẳng có sờn lòng, song bây giờ Đức Cha qua đời thì chúng tôi như quân đã mất tướng, như con mất cha, như chiên mất chủ. Thương ôi ! Địa phận chúng tôi mất Đức Cha Liêu trong thời buổi cải biến thái quá, khốn nạn đường ấy, thiệt hại khốn khó và lúng túng không kể cho xiết được.

Đoạn Thứ Mười

Về Cố Ven ẩn ở trong Nhà Mụ Bút Đồng, thì dạy dỗ cùng bắt chị em giữ phép nhà cho nhặt là thế nào.

Phép dạo vốn cấm người nam không được ở Nhà Đồng Nữ, dù trọ một đêm mà thôi thì cũng cấm nhất. Song trong thời cấm dạo có nhiều khi các Đáng phải ẩn trong Nhà Đồng Nữ, vì Nhà Đồng thì kín đáo và nghiêm phép. Người

ta không hay ra vào trò truyện chơi bời ở đấy ;
cùng vì khi ấy bốn đạo sơ hãi, không mấy kẻ dám
chứa các Đăng trong nhà mình lâu. Cố Ven đã biết
làm vậy, cho nên khi người đến ẩn ở trong Nhà
Mụ Bút Đông, thì bảo Bà Mụ cùng chị em rằng :
Thầy từng chẳng biết ở đâu, cho nên bắt đắc dĩ
phải đến ở nhà chị em, ví bằng có được nhà nào
ngoài làng săn lòng chứa, thì thầy chẳng ở trong
Nhà Mụ ngày nào. Cố Ven ở Nhà Mụ Bút Đông
non ba năm, song khi di khi về, lúc ở lúe không,
chẳng có ở liên mái dâu. Chị Kínl và Chị Hiên là
người Nhà Mụ Bút Đông đã kể lại cách Cố Ven ăn
ở, việc người làm khi ẩn trong nhà mình, cùng sự
người dạy dỗ và bắt chị em giữ phép nhà cho nhặt
là thể nào, mà rằng :

Nhà chúng con có nhà nguyệt mới làm sáu
gian. Cố Ven và nhiều khi Cố Nhân, Cố Đông sau
làm Vít-vồ gọi là Đức Cha Đông ở nhà ấy, nằm ở
đấy, làm lẽ, giải tội cùng xem sách, viết lách cũng
ở đấy nữa. Chị em không ai được lên trên ấy. Có
muốn trình việc gì thì phải ở ngoài hè, không được
vào trong nhà.

Tính Cố Ven thì hiền lành, xuề xòa, dễ
dàng; song về những điều lối phép nhà, những
diều có tội thì người thảng nhặt lắm. Người bắt
chúng con giữ phép nhà dòng, giữ nết na, ở
nghiêm trang nhiệm nhặt, mà ai lối thì người quở
phạt ngay, bắt liếm đất, làm bếp, lắn hạt, ngấm
dòng. Câu Rút. Lần nào người nghe thấy chị em
nói to, cười to, hay là cãi cọ nhau, thì phạt Bà Mụ
làm một phiên bếp ; chúng con xin chịu thay thì
người không cho, lại nói rằng : Bà Mụ làm dầu
trong nhà thì phải cầm mực, cùng bắt chị em giữ
phép.

Có một lần, người nói nửa chơi, nửa thật
rằng : Bà Mụ là chính quyền, phải sửa phạt chị
em. Thầy như chị ả. Bởi vì Bà Mụ chẳng dạy dỗ,
sửa phạt chị em, thì thầy phải dạy, phải sửa
thay cho Bà Mụ. Lần khác, người bảo rằng :
Thầy chẳng trông được sống lâu, vì trong thời
eo hẹp này thầy chẳng có lẽ nào thoát được, cho
nên thầy có ý xử thảng cùng bắt chị em vào
khuôn phép, và giữ cho lọn mọi phép nhà dòng.
Dù mà chị em lấy làm khó chịu thì thầy cũng
phải cứ một mực ấy, để chị em được nhờ. Có
một ngày lẽ cả, Bà Mụ vô ý sai một người đi chợ

mua ăn, cùng cho hai người khác đi bán gạo lấy tiền tiêu trong nhà. Cố biết thì làm thỉnh chẳng nói gì, nhưng mà khi bà người ấy về, thì người truyền thu lấy thùng đồ ăn và tiền nong mà phát cho kẻ khó, lại bảo rằng : Nhà Mụ không giữ phép đạo thì còn ai giữ nữa ? Ví bằng không có gì ăn thì một người đi mua, nhưng mà cần gì phải cho hai ba người đi chợ mà lối không giữ ngày lễ cả làm vậy ?

Cố có lòng thương chị em lắm và có ý dạy dỗ lập hành, rèn cặp cho chị em được lòng sорт sắng giữ cho lợn các điều trong phép nhà, cùng dẫn mọi dâng mọi cách cho được dẹp lòng Đức Chúa Lời. Cho nên, chúng con thấy người hết lòng dạy chúng con tập đi dâng nhân đức, thì mến người lắm. Dù mà người ở thẳng nhất cùng sửa phạt các sự lỗi nhô mọn, thì chẳng những là không có ai kêu trách, mà lại mọi người trong nhà đều tôn kính, đều khen người đạo đức sорт sắng kính mến Đức Chúa Lời cho lợn.

Những điều người đã dạy dỗ bảo ban, thì chúng con quên chẳng nhớ cho hết được, chỉ nhớ được ít nhiều mà thôi. Về sự đọc kinh thì người dạy rằng : Chị em có cầm

trí mà đọc thì mới được dẹp lòng Đức Chúa Lời, mới có công phúc, và ma quỷ không lừa dối, không cám dỗ được. Khi đọc kinh lâu thì thường hay chia trí, song khi biết mình chia trí, thì phải cầm lại ngay kéo không cầm trí lại thì ra vô phép cùng Đức Chúa Lời, mà có tội ; nhất là khi chia trí về điều răn thứ chín, thì càng phải ra sức bỏ đi cho kíp, kéo để trí tư tưởng dông dài, và lòng chiêu về dâng ấy, có khi ra tội nặng. Trong khi chúng con đọc kinh, có lần Cố di bách bộ ngoài hè, ngoài sân mà chúng con không biết. Người thấy chị nào ngủ gật không đọc kinh, thì bảo Bà Mụ gọi lên cùng truyền đánh vào miệng chị ấy mà rằng : Miệng này biết ăn mà chẳng biết ngợi khen tạ ơn Đức Chúa Lời, làm sao ?

Người lại dạy rằng : Khi nào chị em trở việc, không đọc các kinh phép nhà được, thì đừng lấy làm lo làm chi, một vừa làm việc vừa thầm thi mấy kinh vẫn tắt, như kinh Sáng Danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Chúa Phi-ri-tô Sang-tô ; hay là kinh Thiên Chúa, kinh A-ve...

Người dạy chúng con cách nguyện ngầm mà rằng : trước hết phải sấp mình xuống, nhớ Đức

Chúa Trời ở trước mặt mình, đọc kinh cảm ơn, kinh ăn năn tội ; đoạn mình có ý tập nhẫn đức nào, hay là giữ điều gì thì phải suy ngẫm về nhẫn đức ấy, điều ấy, mà xem bấy lâu nay mình đã giữ nhẫn đức ấy, điều ấy làm sao ; rồi đốc lòng giữ về sau cho kỹ càng. Phải nguyện ngầm về một nhẫn đức, cùng một điều bảy tám ngày hay là hơn, cho đến khi quen và in nhẫn đức ấy, điều ấy vào trí khôn. Khi đã quen, đã giữ nhẫn đức ấy, điều ấy kha khá, thì mới nguyện ngầm về điều khác. Phải nguyện ngầm về những điều mình thường gặp, những điều mình phải giữ mọi ngày, như sự ở hòa thuận, thương yêu nhau ; sự ở khiêm nhường, lấy mình làm hèn ; sự vâng lời chịu lụy ; sự nhịn nhục bằng lòng chịu khó, khi người ta khinh dể quở mắng, cùng làm mất lòng mình ; đoạn sẽ nguyện ngầm về điều trọng hơn.

Người khuyên bảo chúng con về sự năng xứng tội chịu lê. Người cho các kẻ trong nhà mưu xưng tội các ngày thứ bảy, cho được chịu lê các ngày lê cả. Trong tòa giải tội, người khuyên bảo những điều sốt sắng, nhất là những cách cho chúng con giữ mình sạch tội, cho dâng năng chịu lê. Có người Cố

cho chịu lê một tuần ba lần, có người được chịu lê một tuần hai lần, có người một tuần một lần. Từ khi người đến ở nhà chúng con, thì chúng con đã được thêm lòng sốt sắng nhiều lắm.

Người nǎng dǎn bảo chúng con về sự hòa thuận, thương yêu nhau, cùng lấy điều ấy làm trọng, làm cần lǎm mà rǎng : Ai chẳng hòa thuận thương yêu chí em, thì chẳng có lẽ nào mà kính mến Đức Chúa Lời được. Ai nói lời gì, làm việc gì mất lòng chí em, thì cũng như làm mất lòng Đức Chúa Lời vậy.

Người khuyên bảo chúng con về sự trông cậy kính mến Đức Bà, cùng bắt chúng con học ngắm bảy sự thương khó Đức Bà và dạy chúng con năng lần hạt kính bảy sự thương khó Đức Bà. Từ bấy giờ, chúng con quen lần hạt bảy sự thương khó Đức Bà. Người kể tích bà Thánh Tê-rê-xa cùng bà Thánh khác, đã giữ mình đồng trinh cho lợn và đã nên Thánh vì bởi có lòng trông cậy kính mến Đức Bà cách riêng.

Người dạy chúng con về sự khi di dời
phải giữ thể nào, mà rằng: Khi toan di dời thì
phải làm dấu Câu Rút trên mình, xin Đức Chúa
Lời Ba Ngôi gìn giữ cho được bằng yên; lại vừa

đi vừa lèn hạt, hay là ngầm dâng Câu Rút. Khi đi chợ búa, thì phải giữ con mắt ngũ quan, đứng trông ngang, trông ngừa, đừng trò truyện pha phôi, chơi dùa, cười cợt, một phải ở nghiêm trang nết na, cho xứng đáng người nhà dòng. Người buộc Bà Mụ, khi cho chị em đi dâng thì phải cho người đã có tuổi đi với người trẻ, để mà giữ nhau, không được cho nguyên những người trẻ đi làm một với nhau. Người cấm chị em chúng con không được ra ngoài du ngoái đường, ngoài ngõ, không được vào nhà người ta. Khi đi làm ngoài đồng mà khát nước, thì người dạy phải cho người về nhà lấy, không được vào nhà người ta mà xin nước uống.

Người thấy chúng con đốt nát, không có mấy chị đọc sách được, thì bắt chúng con phải học các ngày lê cả, và xem sách *Ba Mươi Mốt Điều*, cùng sách *Dạy Tập Đi Dâng Nhân Đức Lợn Lành*.

Cố còn dạy chúng con nhiều điều khác, nhưng mà chúng con chỉ nhớ được có bấy nhiêu mà thôi.

Cố Ven vui tính lắm. Dù mà người yếu đuối gầy gò, vì có bệnh lao, bệnh suyễn, cùng tê một nửa mình bên tay trái, thì vẫn vui vẻ tươi mặt, chẳng thấy người buồn bã than thân trách phận bao giờ.

Khi người và Đức Cha Đông cùng Cố Nhân đang ở trong nhà chúng con, thì thỉnh thoảng các Đặng cất tiếng lên hát rõ to. Bà Mụ sợ có kẻ ngoại đi lại ngoài đường nghe thấy tiếng các Đặng hát, thì bảo chúng con đem cối xay lúa gần đây cho được át tiếng các Đặng. Có lần, Bà Mụ đã xin Cố hát nhỏ tiếng, kéo kẻ ngoại nghe thấy thì nó đến bắt, và làng phải sự khốn khổ, thì Cố cười mà nói rằng : Bà Mụ nhất quá, chỉ sợ khốn khổ phần xác, chỉ hãi chết.

Về sau, cấm đạo ngọt một ngày một hơn, hàng xã rõ nhà chúng con, thì Cố Ven phải gởi chúng con ở nhà bốn đạo trên Kẻ Châm, cùng yên ủi chúng con rằng : cửa nhà chị em đã phải rõ, đã phải phá, song chị em đừng ngã lòng, một trông cậy vững vàng, vì ngày sau Bà Mụ và chị em sẽ làm nhà khác rộng rãi lịch sự hơn nhà người ta đã rõ, và chúng con sẽ được khá phần xác hơn bây giờ. Người nói thế nào thì chúng con đã được thấy như làm vậy. Khi người đã phải bắt, đang phải giam ở trên Hà Nội, mấy ngày trước khi phải xử, thì người nhớ đến chúng con, cùng gửi thư yên ủi chúng con rằng :

chị em hãy cầu nguyện cho thầy được chịu khó cho
nên. Chị em cũng phải nhớ, phải giữ những điều
thầy đã bảo, và ra sức ở hòa thuận thương yêu
nhau cho lợn. Khi thầy đã chết rồi, thì cũng chẳng
quên chị em đâu. Chị em cũng đừng quên thầy
nữa. Người đã giỏi cho Cố Nhân việc coi sóc riêng
chúng con. Trước sau người vốn tỏ ra lòng thương
nhớ chúng con và biết ơn chúng con đã chữa, cùng
đã ra sức lẹ liệu mọi sự cho người trong thời buổi
cấm cách.

Áy là lời hai người Nhà Mụ Bút Đông đã kể
lại về Cố Ven thì làm vậy.

Trong thư Cố Ven viết về nhà quê thì nói
rằng : tôi từng quá không biết ở đâu được, thì đã
phải vào ẩn trong Nhà Mụ Bút Đông. Tôi không ở
một mình. Cố Đông và Cố Nhân thường ẩn ở đây
làm một với tôi nữa. Linh quan cho đi do thám
trong làng Bút Đông, thì hằng qua lại ngõ Nhà Mụ
liên. Nhà chị em có mười sáu người mà thôi, thì lo
lắng sợ hãi, cùng phải thay đổi nhau canh đêm
ngày liên ; mà lúc nghe thấy tiếng chó cắn, hay là
nghe tiếng người ta nói to hay là cãi mắng nhau,
liền giật mình. Chúng tôi ẩn trong Nhà Mụ, dù chị

em lấy làm lo sợ lắm mặc lòng, thì cũng muốn cho
chúng tôi ở, không muốn cho chúng tôi di. Vì
chúng tôi ở trong Nhà Mụ thì chị em được nghe lời
yên ủi, khuyên bảo, được nồng xung tội chịu lê
cùng được vững vàng, bớt sợ hãi. Giả như chúng
tôi không ở đây, thì khi chị em nghe những tin dữ
người ta đồn thổi về ông Cố này đã phải bắt, ông
Cụ kia đã phải sứ, nhà xứ nọ đã phải phá, Nhà
Mụ kia đã phải rỡ, thì càng sợ hãi hơn bội phần.

Đoạn Thứ Mười Một

Về Cố Ven phải tắm nã vây bọc trong Nhà
Mụ Bút Đông và ở ngoài làng ba bốn lần
là thế nào.

Ở miền rừng gần núi thì dễ lùi, dễ ẩn,
cũng chạy cho khỏi người ta bắt. Nhưng mà ở
đồng bằng thì khó lắm, cho nên trong thời cấm
đạo, đã phải làm trùng bách là vách kép, cùng
đảo hang dưới đất để cho các Đấng được ẩn lúc
túng ngặt. Các thầy kẻ giảng giúp Cố Ven, đã làm
một cái vách kép trong Nhà Mụ Bút Đông, cùng

dào bốn năm cái hang trong nhà người ta ở ngoài làng, để phòng khi quân quan có tầm nã vây bọc, thì Cố và các Đặng khác ở làm một với người, được ẩn ở trong ấy cho khỏi tay chúng nó.

Ông xã Ký là người làng Bút Đông, đã kể kiểu cách làm hang dưới đất mà rằng : thầy Lượng và tôi đã đào một cái hang trong buồng nhà tôi, rộng non một gian nhà, cao vừa bằng một người đứng. Dưới thì lát gạch, trên thì lát ván. Đoạn đồ một thước đất trên ván ấy, lại lấy đóm được hơ cho ra đất cũ để khỏi sinh nghi. Chúng tôi đào hang ấy ban đêm kín lấp, chỉ có những người nhà biết mà thôi. Còn trong làng chẳng ai biết có hang trong nhà tôi sót. Chúng tôi cũng lập bàn thờ các Đặng làm lễ được. Lại làm tám cái hốc, cùng đặt tám cái ống tre dài ngoài bờ ao cho nó thông khí khói tức, và dễ thở. Lại ở đầu buồng chúng tôi làm trùng bích, là một cái vách kép. Chẳng những là nhà ông xã Ký, mà lại nhà ông Hộ, nhà ông Định là bố Cụ Tuyên, nhà bà Tranh, cũng có hang, cũng có trùng bích nữa. Lúc động, Cố Ven và các Đặng khác khi thì xuống hang; lúc thì vào

vách kép mà ẩn.

Vậy cuối năm Tự Đức thập nhị niên, một nghìn tám trăm năm mươi chín, có đứa có đạo mặt tố với cai tổng và lý trưởng có hai ba Cố ẩn ở trong Nhà Mụ, cho nên cai tổng và lý trưởng de vào khám và rõ Nhà Mụ. Chị Kính là người Nhà Mụ đã kể lại tích ấy rằng : Cai tổng và lý trưởng dòi chúng con ba trăm quan tiền, cùng de nếu chẳng nộp thì các ông ấy sẽ khám cùng rõ nhà đi. Chúng tôi thưa rằng : Chúng tôi nghèo, chẳng làm sao liệu tiền cho các thầy được ; nếu các thầy chẳng thương thì muốn làm gì thì làm. Dù mà chúng con chưa biết chắc hàng tổng có khám hay là chẳng, song Bà Mụ cũng cho những người chị em còn trẻ tuổi ra ở nhà người ta ngoài làng, cùng dạy chị em chúng con dọn các đồ lề, đồ vật, các Đặng đem gửi giấu nhà bốn đạo nữa.

Vậy ngày ấy, đến chiều hôm bỗng không thấy hàng tổng, hàng xà xông vào nhà chúng con. Bấy giờ, Cố Ven và Đức Cha Đông đang ở trên nhà nguyễn thì lập tức chạy vào vách kép liền với nhà bếp. Thoạt khi mới vào thì chúng nó bắt trói Bà Mụ và những người chị em còn ở nhà mà rằng : Không

nộp tiền thì sẽ giải quan.

Bấy giờ, chúng con chẳng những là không sợ, mà lại nói già giận rằng : Ủ, các ông muốn giải cho đến tinh, thì chúng tôi sẵn lòng đi, chúng tôi chỉ muốn chết vì đạo. Mà đến đâu thì chúng tôi cũng không khóa quá bở đạo đâu.

Khi khám nhà nguyệt thì nó xâm nén nhà cho kỹ, cho xâu, mà bảo nhau rằng : Vào nhà này đêm ba bước mà cứ dào thì có hang. Con nghe thấy nói điều ấy thì hiểu là dứa có đạo trong họ Bút Đông đã di trần tố cho lý dịch hàng tổng, hàng xã biết có các Đấng ẩn ở trong nhà chúng con. Chúng nó khám soát ở trong nhà nguyệt kỹ và lâu thế nào thì chẳng thấy gì, vì chúng con đã dọn các đồ, mà trong ấy chẳng có hang nào sot. Khi soát cả nhà rồi thì nó xuống bếp ăn thuốc, song không xâm tường vách, chúng nó chỉ ngờ thùng trầu có của giấu ở đáy chǎng, cho nên nó kéo rác ra. Con thấy nó làm thế thì sợ lắm, vì cửa vào vách kép thì ở dưới thùng trầu. Con kêu van cầu xin Đức Bà cho hết lòng, dừng để cho nó kéo hết rác ra mà thấy cửa vách kép, thì Đức Cha Đông và Cố Ven chẳng khỏi phải bắt.

Vậy con đánh bạo mà đến bếp hỏi chúng nó rằng : Các anh tìm dí gì đấy ? Nó bảo rằng : Ở đây có vô vàn của thì ta tìm. Con lại bảo rằng : Chỗ này thật nhiều của lấm, các anh kéo hết rác thì sẽ được. Nó thấy con nói nhạo làm vậy thì thôi không kéo rác nữa. Con lại hỏi rằng : Sao các anh không kéo hết cho được của ? Nó bảo rằng : Nhiều quá, ta kéo hết thì nhọc lấm. Thôi, không kéo nữa. Bởi vì nó thôi không kéo hết rác, thì Đức Cha Đông, Cố Ven không phải bắt, song phải ở trong vách ấy cả đêm, mà chỗ ấy chật chội tức tối lấm. Đức Cha Đông, Cố Ven và thầy Dệ chỉ phải đứng, không quay trở mình được cho nên nhọc lấm.

Nó đã trói hai tay chúng con giật lại sau lưng, song chúng con còn dí lại được trong nhà. Chúng nó khám soát xong, thì kéo về nhà lý trưởng ăn chè, uống rượu. Nó cũng đem chúng con ra ngoài làng cùng dọa nạt cho được kiêm tiền, song nó thấy mình không dọa, không nạt được, thì nó tha cho về. Chúng con về Nhà Mụ, mở cửa vách cho Đức Cha, Cố Ven và thầy Dệ ra, rồi dọn cơm cho các Đấng ăn.

Khi Cố Ven ăn ở làng

Bút Đông trong nhà bốn dạo thì đã phải vây bọc hai ba lần. Người đã kể hai ba tích mình phải vây mà rằng : Có đứa nội công di tống từ với quan huyện rằng có trưởng đạo Tây ẩn trong làng Kê Bút. Tức thì, quan huyện sai phần việc, dề lại, thông lại, đội lệ, lính lệ và phu hàng tổng đi vây làng. Chúng nó đến bất ưng, không ai biết, lúc vừa mới tảng sáng, thì chúng nó đã vây kín bốn mặt làng, canh giữ các đường lối và dịch loa rằng : Nội bất xuất, ngoại bất nhập, ở trong không được ra, ở ngoài không được vào. Đoạn dề lại, thông lại, đội lệ lấy lính, lấy phu mà đi khám soát. Các xóm các nhà có đạo, chúng nó khám soát kỹ càng cả ngày, phá phách những tường vách nhà người ta mà chẳng bắt được mẫu ảnh, tràng hạt, quyển sách hay là đồ gì quốc cấm sốt. Nó phá đến những vách liền với vách kép Đức Cha Đông, Cố Nhân, và tôi đang ẩn, chỉ còn cách độ bốn năm bước mà thôi. Chúng tôi nghĩ : chắc nó sẽ bắt được. Nhưng mà nó đã phá phách nhiều tường vách trong ngày hôm ấy mà không công, chẳng bắt được ai sốt, thì nó chán, nó nhọc, nó thôi không phá đến vách chúng tôi ẩn. Âu

là bởi Đức Chúa Lời không cho nó bắt thì nó không bắt được mà chớ.

Lần khác, quan sai người nhà cùng lấy phu hàng tổng mà đến khám làng Bút Đông. Chúng nó soát các nhà có đạo, lấy của cải đồ vật người ta như đã quen mọi khi, thì không bắt được người nào hay là đồ gì quốc cấm. Nó không bắt được người, cũng không bắt được đồ, song bối tại một hai người có đạo nói vô ý, thì nó bắt được cái hang đào dưới đất trong nhà người ta, hang ấy bờ không chẳng có gì trong ấy sốt. Thế mà nó về trình quan cho biết nó đã bắt được cái hang, và nó chắc trong làng Bút Đông còn nhiều hang khác, thì chúng nó chắc có Tây Dương đạo trưởng ẩn ở trong ấy, cho nên nó khất quan về khám soát cho kỹ lần nữa. Quan ưng cho. Cách ba ngày, quan đem lính, đem phu hàng tổng cầm mai cuốc để cho được xâm cùng đào nền nhà người ta. Cai tổng Tán là người Phúc Châu cũng đem phu, và dầy tớ mình di hộ quan huyện nữa. Ông cai Tán này vốn có lòng bênh đạo cùng chúa các Đáng ở làng mình. Khi ông ấy đến làng Bút Đông, thì nhà ông Hộ là nhà có hang, Cố Nhân và tôi

dang ăn, đến thú với ông ấy rằng : Thật có ông Tây ở đây. Cai Tán nghe làm vậy thì đến ngồi giữa nhà Hộ, mà khi quan cùng dầy tớ quan huyện đến soát, thì ông ấy bảo rằng : hãy di nhà khác, dầy ta đã khám rồi. Cho nên, chúng nó di khám nhà khác mà không bắt được ai sốt. Đến tối ngày hôm ấy, khi quan đã về, ông cai Tán thấy tôi cùng Cố Nhân, cùng Đức Cha Đông ở làng Bút Đông rất cheo leo; thì mời về làng Phúc Châu là chính làng ông ấy, cũng là làng ngoại đạo cả, không có một người nào có đạo sốt.

Cố Ven có lòng thương làng Bút Đông cách riêng, và khen làng ấy có nhân đức tin vững vàng, có lòng đạo chắc chắn, có phép tắc mĩ phong tục. Dàn em vâng lời dàn anh, dàn anh thương dàn em, mọi người đều hòa thuận và đồng lòng với nhau, không có phe đảng. Lại làng ấy có công chứa các Đáng, và liều mình phải chịu nhiều sự khổn khó vì các Đáng trong thời buổi cấm đạo. Vả lại, có nhiều họ đạo về tỉnh Hà Nội như Bút Sơn, Bút Đông, Kẻ Vồi, Kẻ Trù, và nhiều họ khác đã chứa, đã giấu giếm giúp đỡ các Đáng cho hết lòng hết sức, vì chừng khi các quan

Nam Định phá Vĩnh Trị và bắt đao ngặt quá, các Đáng không thể ở đất tỉnh Nam được, thì chạy lên Hà Nội cùng ăn, khi ở họ nọ, lúc ở họ kia, mà bốn đao hết lòng chạy chữa ẩn nặc, oa tàng các Đáng. Chẳng vậy, âu là các Đáng phải bắt, phải chết hết trong kỳ cấm đạo. Ấy là dấu chắc bốn đao tỉnh Hà Nội có lòng đạo tốt lắm. Còn điều nói rằng : Bốn đao tỉnh Hà Nội chẳng có mấy người chịu tử vì đạo. Sự ấy không phải tại bốn đao đâu, mà tại các quan Hà Nội có lòng thương dân, không bắt đao ngặt quá. Già như các quan Hà Nội có dữ tợn độc ác, và bắt đao ngặt cũng như các quan Nam Định, ắt là tỉnh Hà Nội đã được nhiều Đáng tử vì đạo. Vì chung, lòng đạo người ta về tỉnh Hà Nội chẳng có kém lòng đạo người ta về tỉnh Nam Định đâu.

Cố Ven nói rằng : Quan huyện Nam Xương bấy giờ ghét đạo lắm, lại ghét làng Bút Đông cách riêng, vì ngờ cho làng ấy chứa các Đáng, cho nên khi thì chính ông ấy đến, khi thì sai đội lê và lính đến khám soát làng ấy luôn mãi. Mà bởi không bắt được Cố, Cụ nào, thì càng giận ghét, càng tức mình hơn nữa. Có

một lần, ông ấy đến làng dòi dàn anh ra đình cho được bắt xuất giáo khóa quá. Bấy giờ, Đức Cha Đông, Cố Nhân và tôi đang ẩn trong làng, nghe tin ấy thì de dàn anh rằng : Nếu dàn anh khóa quá, thì Ta sẽ ra mặt. Dàn anh nghe biết chúng tôi nói làm vậy thì bàn với nhau một lúc, rồi nam phụ lão áu, dàn ông, dàn bà, già trẻ, lớn bé, hết mọi người kéo ra đình quyết cưỡng với quan, không xuất giáo. Quan giận hết sức đánh năm ba người, song không bắt, không giam ai. Vì mấy ngày trước ông ấy đã trót bẩm tình rằng : Da-tô tâ đạo mọi người trong hạt tôi đã phụng mệnh đức hoàng đế mà xuất giáo hết thay thầy.

Cả một làng, dàn ông, dàn bà, già trẻ đều xung đạo ra trước mặt quan, cùng bắt khẳng khóa quá, là gương họa hiếm tốt lành nhất trong dời người ta. Ấy vậy, làng Bút Đông và các nơi phải nhớ, phải soi gương ông cha mình đã làm xưa, để mà giục lòng mến cung giữ đạo. Thánh Đức Chúa Lời cho lợn.

Quan huyện thấy mình không thể bắt được người ta khóa quá, thì căm giận lắm, cho nên đồng tình với kẻ ngoại trong hàng xã, mà lập mưu làm hại kẻ có đạo thế

này. Thỉnh thoảng cách năm sáu ngày, ông ấy sức tờ cho lý trưởng rằng : Ngày ấy, ngày nọ, quan sẽ đến làng Bút Đông, thì lý trưởng phải bắt kẻ có đạo đem ra đình, để cho quan bắt nó khóa quá. Đến ngày quan đã hẹn, sáng sớm dầu canh năm, kẻ ngoại đã vây các xóm có đạo, và canh giữ các đường lối, kéo kẽ có đạo trốn. Đoạn xông vào nhà kẻ có đạo lấy đồ vật của cải, hiếp tróc dàn bà, bắt trói dàn ông đưa ra đình và canh giữ ở đấy cho đến chiều hôm, chẳng thấy quan đến, thì nó tha về ; nhưng mà phải mất tiền cho, nó mới tha về. Quan và kẻ ngoại đạo làm thế ấy nhiều lần. Những kẻ có đạo lo phải khóa quá, cho nên khi nào được tin ngày mai quan sẽ đến làng, thì tối hôm nay bỏ nhà mà trốn, kẻ thì di làng khác, người thì ra ngoài đồng, chịu sương, chịu mưa, chịu rét, chịu dói cả đêm cho đến trưa mai.

Đoạn Thứ Mười Hai

Về Cố Ven chạy sang làng Phúc Châu một tháng, cùng về tàu Tây sang đánh cửa Hàn
bắt lấy thành Gia Định.

Quan huyện Nám Xương giận bắn làng Bút Đông một ngày một hơn, hằng khâm luân, cùng truyền đóng thập tự các ngõ, các cổng làng ấy. Các Đáing ở làng ấy thi cheo leo liều mình phải bắt, cho nên Cố Ven chạy, khi thì lên Kê Độ, lúc thì xuống Bút Tranh ở nhà ông lý Đệ. Có một lần, người và Đức Cha Đông cùng Cố Nhân phải sang Trung Văn là làng ngoại đạo ở nhà bà Viện ba ngày.

Có một ngày, ông cai Tán sai người nhà mình sang Kê Bút bảo dân anh làng ấy rằng : Ông Tây không nên ở Kê Bút nữa, người phải di nơi khác kéo nhỡ to. Tôi mời ông ấy sang Phúc Châu, và tôi cho người nhà đem thuyền sang rước người. Cố Ven biết tớ bá Tán thương bệnh kẻ có đạo cùng chứa các Cụ, các thầy trong làng mình, thì tin ông ấy. Vả lại, lúc bấy giờ người túng lăm, không biết ở đâu, cho nên người theo đầy tớ bá Tán xuống thuyền mà sang Phúc Châu.

Làng Phúc Châu thì rất những người ngoại đạo cả và là đất nghịch di ăn cướp cả làng. Bá Tán đương thứ cai tổng bấy giờ cũng là tướng cướp, là người anh hùng có quyền và có thời danh trong cả hàng huyện. Dù quan mặc lòng cũng

phải vì phải nể ông ấy. Đức Chúa Lời mở lòng cho ông ấy bênh vực che chở những kẻ có đạo, và chứa các Đáing, các thầy cùng những người Nhà Mụ trong làng ông ấy. Lúc cấm đạo ngặt, chẳng những là ông ấy, mà lại cả làng Phúc Châu có lòng với các Đáing và nhà thầy, cùng chứa các Cụ và nhà thầy nhiều lăm. Cụ già Nghị ở làng ấy cho đến khi tha phân sáp. Cụ Tường làm chính xứ Kim Bảng và nhiều Đáing khác đã ẩn ở làng ấy lâu. Còn các thầy kẻ giảng ẩn ở làng ấy cũng có khi đến bốn mươi người một trại. Bá Tán hội dân mà hỏi có bằng lòng cho ông ấy rước Cố Ven về Phúc Châu, thì dân nói rằng : Ông muốn rước bao nhiêu trưởng đạo, thì chúng tôi thuận, mà chúng tôi quyết quan không bắt các ông ấy ở làng chúng tôi được.

Làng Phúc Châu có thói này, là khi có người làng khác đến làng ấy mà hỏi nhà nọ, nhà kia ở đâu, ở xóm nào thì nó không chỉ, không bảo. Dù đứa sáu bảy tuổi cũng thế, vì cha mẹ đã dạy nó làm vậy, cho nên ai muốn vào nhà nào, thì phải biết lối vào nhà ấy mới được. Bằng không biết thì thôi, phải trở về, vì người ta

không bão, Cố Ven trú ở nhà lý Đồ. Cả làng đã biết, thỉnh thoảng dàn anh cũng đến hầu người. Cố cất nghĩa lẽ đạo cho người ta, khuyên người ta đi đạo. Người ta lấy làm phải làm thật, song đang lúc cấm ngọt không dám đi đạo, một khết về sau, khi nào bỗng yên và rộng đạo thì sẽ đi. Người ta nói thật, vì được mươi lăm năm nay có ít nhiều người Phúc Châu đã theo đạo. Vậy đang khi Cố Ven yên hàn ở làng Phúc Châu, thì ta phải kể tích tàu Tây sang lấy cửa Hàn, đoạn chạy vào Đồng Nai, hạ thành Gia Định, và sự vua quan lấy làm giận mà cấm cùng bắt đạo ngọt hơn.

Năm Tự Đức thập nhất, đầu tháng tám có mươi chiếc tàu Pha-lang-sa và bảy chiếc tàu I-pha-nho vào cửa Hàn, đánh phá các đồn. Quận quan vua Tự Đức bắt các Đổng cùng phá đạo mọi nơi, thì mạnh bạo lắm. Song lúc đánh với Tây, thì nhát quá không dám giao chiến, không dám giáp trận, chỉ phát mấy mồi súng rồi chạy tan. Tàu bắn phá đồn đoạn, lính Tây đổ bộ lên đất, song không thấy quân quan An-nam đâu, vì đã chạy xa rồi. Trong vòng ba khắc giờ đồng hồ, quan Tây phá cùng bắt các đồn, giết

bốn mươi lính, bắt sống một trăm năm mươi, còn bao nhiêu thì chạy cả. Giả như quan Tây có đem quân lên Huế, thì hẳn bắt được kinh đô, và vua Tự Đức phải cầu hòa, cùng tha đạo ngay. Song quan Tây lấy lẽ mình chưa dù quân và thiếuandanđược,thì đónglạiởcửaHàn.Đếnđầu tháng giêng năm sau, là Tự Đức thập nhị niên, quan Tây chạy tàu vào Đồng Nai, bắt thành Gia Định, để ba trăm quân giữ thành, rồi lại về cửa Hàn. Cũng một năm ấy, nước Pha-lang-sa di làm một với Hồng Mao đánh Bắc Kinh, trong nước Ngô, thì lấy những quân ở cửa Hàn đem di, chỉ để lại có ít mà thôi. Vì vậy, quân quan còn ở cửa Hàn chịu phép đóng yên đầy một năm, không đánh Huế, vì ít binh quá.

Vua Tự Đức thấy quan Tây đã đánh được cửa Hàn rồi, thì sợ tàu chạy vào đánh Kinh, liền lấy một vạn bốn nghìn quân mà hân ngữ cửa Thuận An, cùng cấm cù giữ cửa sông cho khỏi tàu vào. Vua cũng ra chỉ thường bốn nén bạc cho kẻ giết được một người Tây, lại cấm không được đem thư từ xuống tàu hay là bán gạo, bán đồ ăn cho tàu. Mà ai bắt được đứa nào xuống tàu, hay là bán

giống gì cho tàu, thì được thưởng tiền bạc, và được chức quyền nữa. Vua nghĩ rằng : Tàu hết lương ăn thì phải di, chẳng còn ở lại mà đánh nữa. Từ khi Hoàng Bảo là anh ruột vua đã chết, thì các vợ và các con ông ấy vốn phải giam trong thành. Tự Đức sợ quan Tây truất mình mà đặt con ông Hoàng Bảo làm vua, thì truyền giết các vợ con anh mình cách kín ban đêm và cấm không cho ai nói ; bằng có ai nói ra thì phải chết.

Vua giận gắt Tây hết sức, cùng dập phá các đồ Tây quen dùng trong đền. Vua tin thật tại kẻ có đạo cho nên tàu Tây sang đánh nước An-nam, thì càng ghét cùng sốt lòng sốt ruột muốn phá đạo cho chóng, liền truyền đóng thập tự các phố và các cửa thành Huế, mà ai chẳng bước qua thì phải bắt, phải giam. Khi ấy, ông Trương Đăng Quế là bố vợ vua Tự Đức, là đầu các quan triều, và tổng đốc Nam Định là Nguyễn Đình Tân quen gọi là Thượng Hưng dâng sớ tâu xin vua giết hết mọi người có đạo. Vua ưng lời hai quan ấy tâu, song bảo rằng thong thả ít nữa, hễ tàu Tây di rồi thì sẽ tàn sát cả.

Năm ấy, vua ra bốn, năm chỉ cấm đạo

liên. Trước là vua ra chỉ bắt đầu mục dem về giam tại tỉnh, họ thì ba bốn người, họ thì năm sáu người, tùy họ lớn, họ bé, tính cả nước được hai nghìn đầu mục. Những đầu mục bắt khắng thì phải lưu đầy, những đầu mục xuất giáo còn phải giam ở tỉnh cho đến khi tàu Tây di rồi mới được tha về. Lớp ấy địa phận Tây được ba trăm năm mươi đầu mục. Trong ba trăm năm mươi người ấy, được có bốn mươi tám người bắt khắng, còn hơn ba trăm thì xuất giáo.

Sau là vua ra chỉ bắt các quan có đạo. Chỉ ấy dạy rằng : Các quan có đạo dù mà xuất giáo, thì cũng phải cách chức mất quan hết. Các quan văn võ từ lục phẩm trở xuống bắt khắng xuất giáo, thì phải xử giáo giam hậu ; các quan từ lục phẩm trở lên bắt khắng xuất giáo, thì phải xử giáo quyết. Sau nữa, vua ra chỉ bắt những lính có đạo khóa quá, người nào bắt khắng thì phải thích chữ phát lưu.

Sau hết, đến tháng chạp, vua lại ra hai chỉ khác nữa, một chỉ truyền làm sổ các kẻ có đạo từ mươi lăm tuổi trở lên, bắt xuất giáo hết thay thầy, cùng giao cho lương dân quản thúc giữ nó ở nhà, không cho nó bỏ

làng mà di nơi khác ; lại thỉnh thoảng phải hội kê có đạo lại mà điểm mục cùng bắt xuất giáo nữa. Một chι dạy phải bắt hết những người Nhà Mụ hay đưa thư từ nơi nọ nơi kia, cùng giúp đỡ nuôi nấng các đạo trưởng, hoặc bắt nó làm gia nô trong nhà các quan, hoặc phân sáp nó các làng, hoặc lưu đày nó phương xa.

Thỉnh thoảng, vua sai mấy ông quan đến với quan Tây ở cửa Hán, giả như có ý bàn sự giao hòa ; song vua không muốn làm hòa, một có ý xin quan Tây để cho những tàu vuα được tải lương vào Kinh. Vì chung, khi ấy tàu Tây phòng triệt các cửa biển, không cho tàu nào tái lương vào Kinh, cho nên trong Kinh dối lầm. Nhưng mà vua chẳng muốn làm hòa, vì chẳng muốn tha đạo ; lại khi ấy vua bắt đạo ngặt hơn mọi khi và muốn làm cỏ kẽ có đạo. Khi tàu Tây chưa sang đánh nước An-nam, thì cũng có ít nhiều quan chẳng ghét, chẳng bắt đạo ngặt là bao nhiêu. Nhưng mà từ khi tàu Tây sang đánh, thì các quan đều giận ghét kẽ có đạo và bắt đạo ngặt hết thay thảy. Từ mồng một tháng tám năm Tự Đức thập nhất cho đến cuối thập nhι, ở Dàng Ngoài các quan đã

xử mười sáu Cụ rồi, còn bảy tám Cụ đang phải giam. Các ngực đầy những tù đạo. Còn những tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quan, Hưng Hóa, thì đầy những người phải lưu vì đạo. Các quan không có đủ nhà mà giam, không đủ lính mà canh những tù đạo.

Khi Đức Cha Liêu qua đời rồi, thì Đức Cha Khiêm là Đức Cha phó nối quyền người mà coi sóc Địa Phận Tây. Người đã già sáu mươi bảy tuổi, sang bên này đã bốn mươi năm, thì yếu đuối không gánh việc coi sóc địa phận trong thời buổi khốn khó dường ấy một mình được, cho nên người truyền chức Vít-vô cho Cố Đông tại Kẻ Trù, ngày mồng sáu tháng hai năm Tự Đức thập nhι niêñ. Đức Cha Phó này học ở nhà trường Pha-ri một lớp với Cố Ven và sang Hương Cảng một chuyến tàu với người. Hai anh em thân thiết với nhau lắm. Cố Đông chịu chức Vít-vô được ít lâu, khi đã tha đạo rồi thì cải tên và gọi là Đức Cha Chiêu.

Đoạn Thứ Mười Ba

Về Cố Ven làm phúc Kẻ Bèo, Bút Sơn và Kim Bảng.

Cố Ven ở Phúc Châu băng yên được một tháng, đoạn người dời sang Kẻ Bèo, thì bà Tán lo liệu đưa người sang làng ấy. Bấy giờ, Cụ Quý ngày sau chịu tử vì đạo tại Hà Nội, làm chính xứ Kẻ Bèo. Nhà xứ Kẻ Bèo mới phải phá rỡ, chỉ còn một vài cái nhà mà thôi. Trước Cố Ven và các thầy ở những nhà ấy, sau mới ra ở nhà bà Nhiêu Căn. Bà ấy góa bụa, có lòng đạo tốt lắm, săn lòng chứa Cố. Trong hai kỳ Cố Ven ở Kẻ Bèo, thì trợ nhà bà ấy, mà bà ấy vốn nuôi Cố và các thầy, không phiền chi đến họ.

Cố đến Kẻ Bèo được bà bốn ngày, thì mở tuần làm phúc. Người làm phúc cùng giảng giải sốt sắng đã bốn năm ngày, mà thấy người ta còn khô khhan chưa động lòng, thì dạy cả họ, hết mọi người phải ăn chay một ngày. Chính người cũng ăn chay, đoạn cấm phòng cho họ một tuần lễ. Dàn anh đã lập bàn thờ ở đình chờ được thờ rồi

cùng sắm đồ thờ nữa, thì Cố thu lấy đồ thờ cùng truyền cho dàn anh phá bàn thờ đã lập trong đình, đoạn mới cho ăn mày xưng tội. Lại có ít nhiều kẻ đã lập giường thờ ở nhà mình, thì người gọi cùng khuyên bảo hai ba lần, thì kẻ ấy bằng lòng vâng lời người mà phá giường thờ đi.

Trong họ Kẻ Bèo có một người dàn ông chè rượu bê tha, say sưa luôn, chẳng mấy ngày không, và một người dàn bà làm nghề buôn rượu và đặt nợ ăn lãi. Cả hai người ấy không xưng tội dà lâu năm. Cố cho gọi cùng khuyên bảo hai người ấy bảy tám lần, thì nó xin sửa mình lại. Người dàn bà đem vò rượu, cùng đánh vỡ trước mặt Cố. Hai người ấy xưng tội chịu lẽ, và từ ấy về sau chưa tội lỗi cùng giữ đạo hắn hoi.

Người giục người ta xưng tội, mà người càng thấy nhiều người dì xưng tội thì càng mừng. Trong tòa giải tội, người lấy những lời sốt sắng mà khuyên bảo người ta chữa tội lỗi, cùng giữ đạo, giữ điều răn Đức Chúa Lời cho trọn; lại giục người ta năn nít xưng tội. Khi người gặp kẻ nào có lòng đạo tốt, thì bắt người ấy xưng tội chịu lẽ một tuần một lần, cùng dạy cách

làm việc bậc mình và cách giữ mình sạch tội. Có ít nhiều người nghèo dối phải đi làm thuê luôn, thì Cố phát tiền để cho nó được ở nhà một hai ngày, mà dọn mình xung tội chịu lê.

Cố Ven làm phúc họ Kẻ Bèo độ một tháng, rồi người cho di bảo những họ đạo gần đây đến xung tội ở Kẻ Bèo. Song le, dàn anh làng không muốn cho người ở đây, thì thưa người rằng : Cố cho di bảo các họ đến xung tội ở đây, thì chúng tôi không bằng lòng, vì bây giờ ai ai cũng đã biết Cố ở đây. Việc đã lộ quá, cho nên chúng tôi xin Cố dời di nơi khác kéo nhỡ to. Cố bảo rằng chúng con đừng lo, vì chúng dù thấy có phải bắt ở đây, thì làng cũng không phải hại như những nơi đã chứa nhiều Đáng khác. Dàn anh lại đến giục người di nơi khác hai lần nữa, thì người chưa di, còn ở lại mấy ngày nữa. Về sau, người biết có một hai kẻ dàn anh giận cùng rủa người vì không di, mà liều để làng phải hại thì người sang làng Kim Bảng.

Cố Ven đến Kim Bảng có ý ẩn và làm phúc làng ấy nhân thể. Nhưng mà người ta không chịu, lại thua Cố

rằng : Nếu Cố có ý ẩn ở làng chúng con, thì chúng con bằng lòng cho Cố ở. Song chúng con không muốn cho Cố làm phúc kéo trống ra. Cố thấy người ta nói làm vậy thì buồn, cùng định sang làm phúc họ Bút Sơn. Song người sai thầy Khang sang làng ấy xem ý người ta trước, kéo đến làng mà người ta không chịu thì khó lòng lăm. Bấy giờ, ông lý Nhu là người đầu bò cứng cổ, đang làm thủ chỉ làng, ông ấy được tin Cố muốn sang làm phúc thì thuận ngay, và khởi hai ba ngày thu xếp cho họ sang Kini Bảng rước Cố về Bút Sơn. Những người làng Bút Sơn không ngại rước Cố, vì người ta bạo dạn, đầu bò cứng cổ, cùng vì làng Bút Sơn có thành lũy rậm rạp bao bọc chung quanh và áp núi, cho nên hiểm lăm. Trong các thời cấm đạo, làng Bút Sơn vốn chứa các Đáng, cũng là như đại đồn các Đáng ẩn mài xưa nay lúc túng ngặt. Dời Minh Mạng, làng ấy đã chứa Đức Cha Khiêm lâu ngày lâu tháng, lại mới chứa Đức Cha Liêu vừa rồi nữa.

Khi Cố Ven làm phúc Bút Sơn, thì có cụ già Trình cũng làm phúc giúp người. Cụ già Trình là người đạo đức sốt sắng. Cố Ven và cụ chịu khó giảng

giải, khuyên bảo người ta, thì người ta xưng tội, chịu các phép sốt sắng lấm. Độ ấy thiện hạ dối khát. Cố vốn có lòng thương kẻ khó lấm, thì gọi ông lý Nhu mà bảo rằng : thầy có một nén bạc Đức Cha bạn để uống thuốc, nhưng mà thầy thấy người ta dối khát thì không cầm lòng được. Nay, thầy giao cho ông bán lấy tiền phát cho kẻ bần cùng. Ông lý Nhu thấy Cố xử làm vậy thì thích Cố lấm, nhưng mà về sau xảy ra tích này thì ông ấy giận người lấm.

Vậy Cố làm phúc Bút Sơn thì trọ ở nhà lý Nhu. Người thấy đã dọn giường thờ như kê ngoại ở nhà trên, là nơi người ở, thì bảo lý Nhu rằng : Ông cự phải cất giường thờ này đi, kéo còn để thì ta không làm lễ được, vì Đức Chúa Lời không ở chung làm một với ma quỷ được. Ông lý Nhu xin vâng, song cũng không cất. Cố lại bảo năm sáu lần nữa. Ông ấy cứ xin vâng, song vốn dể. Cách độ sáu bảy ngày, Cố gọi thầy Khang mà bảo rằng : Thầy đã bảo lý Nhu dọn giường thờ, cất các đồ thờ quỷ đi. Ông ấy xin vâng song không làm. Thầy không được phép dọn kéo có tội, song được phép phá chẳng có tội gì. Vậy con

tính làm sao ? Thầy Khang thừa rằng : Thế thì xin Cố phá. Người bảo rằng : Con tìm cái gì cho thầy phá ? Thầy Khang tìm được hai con dao, đưa cho Cố một, thầy ấy giữ một, rồi hai cha con cứ băm chém nát cả ống hương, dài trán, cùng chân nến, cây đèn của lý Nhu đã sầm mất mười lăm, mười sáu quan tiền. Lý Nhu ở nhà dưới nghe thấy phá đồ thì lên nhà trên. Đến cửa, ông ấy giang hai tay ra, trừng mắt lên mà rằng : Cố không được phá; Cố không được phá. Cố phá những đồ này, rồi con lại phải mất tiền mua đồ khác. Ông ấy nói làm vậy thì Cố và thầy Khang mới thôi. Song những đồ ấy, cái thì nát nhiều, cái thì nát ít, chẳng còn cái nào lành. Thầy Khang vun cả vào trong xó nhà, mà lý Nhu lại xuống nhà dưới.

Khỏi một giờ, thầy Khang nghĩ rằng lý Nhu đã nguôi cơn giận, thì xuống nói lại để ông ấy bớt buồn. Khi thầy Khang đến thì thấy ông ấy đã sa sầm mặt xuống, coi ra buồn lấm. Thầy ấy hỏi rằng : Ông cự giận Cố ru ? Ông ấy lặng yên. Thầy ấy lại bảo rằng : Ông cự mất đồ có phải tại Cố đâu ? Cố đã bảo cất đi nhiều lần, ông không cất. Cố được phép

phá những đồ thờ quý, song không được phép dọn, vì có tội, thì người phá thế bất lưỡng lập. Ông lý Nhu nghe thầy Khang nói làm vậy thì bớt buồn, song còn lâu lâu mới làm lành với Cố.

Cố Ven thấy ở Bút Sơn thì yên hàn, cùng dễ ẩn thì cho tin mời Đức Cha Khiêm đến ẩn ở đây. Người có lòng thương các Đức Cha và các Cố khác, cho nên người được chỗ nào yên thì không chịu ở một mình, lại đưa tin cho kẻ khác cũng đến ở đây. Như khi người ở Nhà Mụ Bút Đông, thì đã sai thầy Lượng đem thư cho Đức Cha Liêu bấy giờ đang ẩn ở trong rừng Đồng Bèo, là nơi độc nước, xin Đức Cha về Bút Đông. Đức Cha không chịu đi. Người cùng đã rước Đức Cha Khiêm, Cố Đông và Cố Nhân về ẩn ở đây nữa.

Ông lý Nhu bằng lòng cho Đức Cha Khiêm về đây, cùng sai anh em mình đi rước người. Đức Cha và Cố Ven ở với nhau trong làng Bút Sơn bốn năm ngày. Đoạn Đức Cha viết thư cho họ Kim Bảng sang rước Cố Ven làm phúc, thì họ vâng lời Đức Cha mà rước Cố.

Cố Ven về làm phúc Kim Bảng, trú ở nhà ông trùm Độ. Cụ Tường làm chính xứ

Kim Bảng cũng làm phúc giúp Cố nữa. Nhưng mà không có mấy người đến xung tội. Trong những năm cấm đạo ngặt, làng ấy đã chia nhau ra làm hai phường, một phường Tư Lê và một phường Tư Văn. Lê Phục Sinh thì Tư Lê ăn tiệc và mời Tư Văn. Lê các Thánh, Tư Văn làm bữa mà mời Tư Lê. Bấy giờ, đã đến lễ các Thánh, cho nên người ta dọn một nhà mà hội nhau. Cố nghe làm vậy thì sai thầy Khang xem nó có cúng tế, hay là làm sao.

Người ta dọn giường thờ cùng dù các đồ thờ rồi và nói rằng : Chúng tôi Tư Văn đây có lệ ăn một bữa với nhau. Chúng tôi dựng giường thờ gọi là che mặt thế gian trong thời buổi cấm cách này. Song chúng tôi không cúng tế gì sốt. Thầy Khang thấy thế nào thì về trình Cố thế ấy. Bấy giờ, Cố bảo thầy Khang đi bắt bát hương đem về cho người. Thầy Khang lại đến nơi quan viên còn dang hội mà nói rằng : Cố bảo tôi lấy bát hương đem về cho người. Thầy ấy vừa nói vừa bưng lấy bát hương đem cho Cố, mà chẳng ai giáng lại. Bát hương ấy bằng sứ, và lớn bằng cái chậu. Thầy Khang đem bát hương đến nhà Cố ở mà trình rằng : Nay bát

hương dây. Cố bảo rằng : Thế thì con đánh vỡ nó ra cho thầy. Thầy Khang liền dập vào thềm đá vỡ nát ra cả. Nhà gần đấy nghe tiếng vỡ to thì ra xem, đoán bắn tiếng cho Tư Văn biết rằng : Cố đã đánh vỡ bát hương rồi.

Sáng mai họ đem hai cỗ, lời Cố, lời Cụ cho phái phép. Nhưng mà xem ra họ buồn, vì Cố đã đánh vỡ bát hương. Cố biết làm vậy thì bảo rằng : Các ông không được bằng lòng, vì thầy truyền dập vỡ bát hương. Các ông phải xét, thầy không chủ ý làm mất lòng các ông đâu, song phép đạo buộc thầy phải làm thế ấy. Ví bằng các ông có nghĩ phần thiệt thì thầy sẽ dền cho. Bấy giờ, chỉ Lý Khánh trình Cố rằng : Xin Cố đừng dền bát hương, con xin dền thay, thì Cố cũng bằng lòng.

Cách một ngày Cố trẩy. Có một người quan viên tên là xã Sư đưa chân Cố và các thầy xuống thuyền mà chở đến Kê Bèo.

PHẦN THỨ BA

Từ Cố Chính Ven phải bắt đến khi đã phải xử đoạn.

Đoạn Thứ Nhất

Về Cố Ven phải bắt ở Kê Bèo là thế nào.

Tự Đức thập tam niên, một nghìn tam
trăm sáu mươi.

Cố Ven ở Kim Bảng về Kê Bèo ban đêm, thì lại ở nhà bà Nhiêu Căn, là nhà người dã ở khi trước. Giả như người có muối ở đây kín thì cũng được. Song vì ngày trước độ tháng năm, tháng sáu, khi người làm phúc họ ấy, thì còn ít nhiều kẻ mắc ngăn trở chưa xung tội được, cho nên người lại giục đến để gỡ ngăn trở cho chúng nó. Vậy những kẻ ấy không đến, lại tìm đường đuổi người đi, nhưng mà Cố không chịu di. Người nói với thầy Khang rằng : Hê trong làng này không còn nhà nào cho thầy ở, thì thầy mới di. Nhưng mà bao lâu nhà này còn cho thầy ở, thì thầy cứ ở. Dân anh trong họ đến xin người di, vì sự người ở trong họ thì đã

trống lăm, nhiều người biết. Mà dù Cố nói làm sao, yên ủi thế nào, thì dàn anh cứ lo lắng sợ hãi. Có kẻ rủa người, lại trách rằng : Cố không có lòng thương con chiên. Người thấy vậy thì đưa tin cho họ Bút Đông vào rước. Song họ chưa kịp đến thì người đã phải bắt rồi. Lần ấy, người ở Kê Bèo độ một tháng. Thầy Khang giúp người bấy giờ đã kể truyện người phải bắt như sau này :

Có một người ở làng Lê Khoai, về tổng Đồi Sơn, người ta quen gọi là tuần Đồ, vì năm giặc chầu chầu, nó đã làm tuần huyện. Đến năm bắt Cố Ven, nó còn làm cai tổng bá hộ, đang nổi thời danh. Nó đã gả con cho cai tổng Đồng Bào, tên là Phan. Năm Tự Đức thập tam, ngày mươi tám tháng mười quá nửa buổi non trưa, tôi đang nói truyện với Cố ở giữa nhà, thì thấy bà Nhiêu Căn chạy lên nói rằng : Có người nhà cai tổng đến. Bà ấy nói làm vậy, vì tuần Đồ đã lấy người nhà con rể chèo thuyền mà dẫn đi bắt Cố. Bà ấy nói vừa đoạn, Cố và tôi vào ngay trong buồng Cố quen ở mà cài thận kỹ lăm.

Buồng ấy có hai cửa, một cửa ra ngoài hè, một cửa ra mấy gian giữa

nha ấy. Buồng ấy có hai gian, một gian có giường cho Cố nghỉ, một gian quây ba cót lúa, mà tôi thì nằm trong kẽ những cót lúa ấy. Lại ở chái nhà dàng sau cót lúa, thì có vách kép mà có cửa ra vào đã trát kỹ, cũng như vách vậy, ai không biết thì in trí là vách liền.

Khi thuyền tuần Đồ đã vào đến cầu ao, những dây tơ lão ấy chừng độ mươi lăm, hai mươi đứa cầm thừng, gậy, giáo mác lên cả, mà tuần Đồ cắt nó ngồi dàng trước cứ mỗi gian một đứa, còn dàng sau phần thì nước lụt ngập đến nhà, phần thì không có cửa, cho nên dù muốn chạy mặc lòng cũng không làm sao được.

Tuần Đồ vào ngồi trong nhà giữa, cùng gọi bà Nhiêu Căn mà bảo rằng : Ở đây có Cụ Tây, hãy đem ra cho tao. Bà ấy thưa lận rằng : Chúng tôi mẹ góa con côi, cõ dám chứa cụ Tây đâu. Tuần Đồ lại bảo rằng : Dũng sơ, đem Cụ Tây ra cho tao, tao chẳng bắt, tao dẫn chỗ cho mà ở. Bà Nhiêu Căn lại thưa rằng : Chúng tôi mẹ góa con côi, chúng tôi không biết việc ấy. Có các ông quan viên trong làng hoặc có biết chẳng, xin ông hỏi. Tuần Đồ cứ hỏi di hỏi lại mãi lâu

lấm. Mà tôi và Cố còn ở ngoài phòng lảng tai nghe chưa chạy vào trong vách kép.

Đến sau, tuần Đồ thấy bà Nhiêu Căn chối māi, thì bảo rằng : Ở đây có ông Cụ Tây ở bên Kim Bảng mà sang. Đừng chối làm gì. Khi Cố Ven nghe tiếng Kim Bảng thì người hiểu là tuần Đồ, liền ghé vào tai tôi mà bảo rằng : Tuần Đồ. Ta dọn đồ. Rồi cả Cố, cả tôi xếp đồ vào thùng làm một gánh đồ lẽ, một gánh đồ dùng, mà đem vào trong vách kép đoạn lại ra.

Cách dộ một giờ đồng hồ, tuần Đồ thấy bà ấy chối māi, thì bảo dây tớ phá cửa buồng. Bấy giờ, Cố đã vào ẩn trong vách kép, mà tôi còn ở ngoài. Trước thì nó đập cửa trong, song cài kỹ lấm cho nên nó không phá được, thì quay ra cửa ngoài hè, cũng không phá được. Song bật cái chốt cửa hé một chút, thì tôi ra chỗ ấy xem chúng nó làm gì. Nó thấy tôi thì cầm tay lôi ra, đem cho tuần Đồ. Ông ấy hỏi tôi rằng : Có phải trưởng đạo hay là đạo đồ dây ? Tôi nói rằng : Tôi là đạo đồ. Lão ấy lại rằng : Đây có trưởng đạo nữa không ? Tôi nói lận rằng : Có tôi dây, có trưởng đạo đâu ? Hắn quát dây tớ rằng :

thế thì cứ phá vách.

Chúng nó phá vách kép thấy Cố ngồi trong ấy thì lôi ra. Bấy giờ, tuần Đồ dạy dèm cả Cố, cả tôi xuống thuyền mà chở về nhà nó. Tôi thì nó để ngồi mạn thuyền, không trói. Còn Cố thì nó trói vào thang thuyền chặt lấm.

Khi tuần Đồ đến bắt Cố thì đến bất ứng, họ Kẻ Bèo vô tình không biết, cho nên nó bắt ngọt lấm. Đến khi nó bắt cùng diệu Cố xuống thuyền chở đi rồi, thì họ mới biết.

Khi thuyền đã chở ra khỏi làng Kẻ Bèo, thì tôi nói với tuần Đồ rằng : Trình thầy cai, đã trói thầy tôi chặt lấm, xin ông cởi cho. Tôi vừa nói vừa cởi trói, song có một thằng dây tớ giơ cái chèo lên mà bảo tôi rằng : Chẳng buông ra thì tôi đánh cái này bấy giờ, cho nên tôi phải thôi. Khỏi một chốc, tuần Đồ nghỉ lại thì bảo dây tớ cởi trói cho Cố, đoạn mời Cố ngồi khoang giữa thuyền với hắn. Đây có lồng ấp, vì hôm ấy rét lấm, lại có trầu cau và thuốc lá cuốn bằng giấy, thì hắn mời Cố ăn trầu, ăn thuốc thì Cố ăn. Tôi rét chỉ thèm miếng trầu cho nó ấm trong mình, cho nên tôi xin một miếng thì nó cũng cho. Tôi không sợ

tuần Đồ làm hại oa già, vì nó có khai bắt được Cố ở Kê Bèo, thì cai Phan là chàng rể nó không khỏi tội được. Vì chưng, ông ấy dường như cai tổng Đồng Bào, mà Kê Bèo thuộc về tổng xã Đồng Bào, và cai Phan cũng ở xã ấy, song về thôn khác. Nếu có tên phạm nào phải bắt trong tổng xã mình, thì chàng khỏi quan bắt tội nặng được.

Tôi nghĩ chắc thế. Song Cố sợ lão tuần Đồ khai oa già cho làng Kê Bèo mà sinh hại dân, thì nói với lão ấy rằng : Xin ông cai trông lại thương dân, mà đừng khai oa già kéo hại dân. Tuần Đồ nói rằng : Tôi vốn thương dân. Các ông làm hại dân, còn chúng tôi có làm hại dân đâu ? Các ông giết dân. Nay con tôi Khánh Kỳ sở hữu. Cố nghe làm vậy chẳng biết người có hiểu hay là không, song người nín lặng. Còn tôi hiểu rõ lão ấy có ý nhắc lại truyện này.

Năm trước họ Kê Bèo gởi hai gánh đồ đao trong nhà kẻ ngoại ở xã ấy, song ở thôn khác. Bấy giờ, có đứa tố tử giác với cai Phan, thì cai Phan di bắt hai gánh đồ ấy đem về nhà mình, rồi cho tin sang Kê Bèo bảo quan viên bốn đạo có muốn chuộc,

thì đánh thuyền sang nhà ông ấy, và phải đem hai trăm quan tiền mà chuộc. Họ Kê Bèo sợ nó đã bắt đồ đao, hoặc nó lại bắt được người nữa, thì nó đem nộp cả người, cả đồ cho quan mà sinh sự to chàng, cho nên họ không dám sang chuộc. Cai Phan thấy họ Kê Bèo không chuộc, thì để hai gánh đồ ấy ở trong chùa. Chẳng may, có người ngoại đạo thù cai Phan thì di tố với quan phủ. Quan phủ lên bắt các đồ ấy, cho nên tuần Đồ phải chạy bạc cho con rể với quan phủ và quan lìa Nội, cả thảy hết hai mươi bốn nén. Vì vậy, cai Phan hẫu hết cả cơ nghiệp.

Tôi đã biết truyện ấy, cho nên khi lão tuần Đồ nói rằng : Các ông làm hại dân, các ông giết dân, mà không thấy Cố nói lại, thì tôi bảo lão ấy rằng : *Tuần thiên lý tắc bất cầu lợi, nhi tự vô bất lợi ; tuần nhân dục tắc cầu lợi vi đắc nhi hại tỳ tùy chi*⁽¹¹⁶⁾. Tôi lại nói rằng : Tôi gì mà ông cai Phan giữ hai gánh đồ ấy. Thấy người ta không chuộc thì đốt đi cho xong. Không được hai trăm quan tiền thì cũng khởi mất hai mươi bốn nén. Tuần Đồ thấy tôi nói vậy thì nín lặng. Khỏi một

lúc Cố lại nói với tuần Đồ rằng : Xin ông cai trông lại mà thương dân. Tuần Đồ nói rá giọng đòi tiền mà rằng : Ông liệu thế nào cho tôi thương dân ? Cố không nói lại, cho nên tôi nói rằng : Các ông muốn thương dân thì có khó gì. Hãy cho là đồ ngộ. Tôi nói làm vậy có ý chọc lão ấy, vì hai chữ " đồ ngộ " có ý nghĩa là tình cờ mà gặp dọc đường, song tôi có ý nói Cố và tôi chẳng may gặp phải tuân Đồ bắt giữa đường. Lão nghe làm vậy thì không nói làm sao sot, lại sa sầm mặt xuống, vì thấy tôi trêu chọc làm vậy.

Khỏi một lúc tôi lại tìm dịp chọc lão một lần nữa mà hỏi rằng : Ông cai đã bắt thầy tớ chúng tôi thì có ý giải, hay là có ý kiêng tiền bạc làm sao ? Tuần Đồ thấy tôi nói làm vậy thì tươi mặt ngay, mà nói rằng : Các ông có liệu cho tôi được một trăm nén, thì tôi sẽ tha về, lại liệu một chồ hồn hoí cho các ông ở, và cấp dưỡng nuôi nấng cho nữa. Tôi lại nói một câu sách nhỏ rằng : *Tiền nghĩa nhì hậu lợi giả nhân, tiền lợi nhì hậu nghĩa nhục*⁽¹¹⁷⁾. Thế thì ông cai chọn đảng nào ? Tuần Đồ nói rằng : Tôi xin chịu nhục, xin các

ông liệu cho tôi một trăm nén, thì tôi xử hồn hoí với các ông. Ấy là lời thầy Khang kế tích mình và Cố Ven phải tuân Đồ bắt ở họ Kê Bèo thì làm vậy.

Đoạn Thứ Hai

Về Cố Ven phải giải xuống Phủ Lý, đoạn
lại điệu lên Hà Nội.

Làng Lê Khoai xã Kê Bèo, lại phải gió to và ngược, cho nên quá nửa hôm thuyền mới đến nơi. Tuần Đồ đem Cố vào nhà mình làm tờ bẩm quan Phủ Lý, rồi làm khao mổ lợn mời chúng bạn đến ăn mừng. Đến tối có thông lại đội lệ và hai mươi tên lính đến, thì tuân Đồ làm cơm cho và mời Cố nữa. Cố ngồi một mâm với tuân Đồ và thông lại cùng đội lệ. Hôm ấy là ngày kiêng, cho nên đã bão đánh cá làm cơm cho Cố. Đêm chúng nó cho Cố nằm trường kỷ ở ngoài nhà khách, và canh riết lắm. Sáng ngày ra cơm nước rồi, nó mời Cố ngồi cũi đem xuống thuyền và cứ lối sông mà xuống Phủ Lý. Khi qua Kê Đầm là làng có đồng bốn dạo,

thì nó sợ làng ấy ra đánh tháo. Song người ta chưa kịp biết, cho nên không ai ra sốt.

Đến phủ thì nó khiêng cũi Cố vào nhà công dường. Quan phủ ra hỏi Cố tên tuổi, quê quán là gì, lấy khẩu cung để làm tờ bẩm tinh, đoạn bảo Cố rằng : Cụ đã đi những nơi nào, đã ở xứ nào thì phải kể ra. Cố bảo rằng : Thầy đã đi nhiều xứ, nơi nào thầy cũng đã đi, song xin quan lớn đừng hỏi làm chi, vì bên An-nam ai chưa trưởng đạo thì vua quan bắt tội. Quan thấy người nói làm vậy thì thôi không hỏi nữa. Quan cho Cố ở nhà công dường, không bỏ trại giam, lại xử với Cố lịch sự phái thể. Cố phải điệu vào phủ nửa buổi. Đến chiều hôm, quan sai lính ra phố mua đồ dọn cỗ trọng thể cho Cố ăn. Song chúng nó không biết làm, cho nên Cố không ăn được mấy. Quan thấy vậy thì bảo hai người nhà thầy bên Địa Phận Trung, là thầy Hân và thầy Lê bấy giờ đang phải lưu vì đạo ở phủ, rằng : các thầy đã biết cách dọn cho Cụ Tây ăn, thì lấy đồ mà dọn, kéo lính tráng không biết làm thì người không ăn được. Hai thầy ấy ráo thịt cùng dọn đồ ăn như dã

quen làm trong Nhà Thầy, thì Cố ăn được.

Quan cũng tha phép cho người ta đến thăm cùng nói năng truyện trò với Cố, không cấm ai sốt. Có một lần quan phủ thấy người viết thư, thì hỏi rằng : Tiếng bên này thì cụ có viết ra chữ Tây được không ? Cố bảo rằng : Viết được. Quan bảo lấy bút cho người, đoạn đọc một câu rằng : *Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng*⁽¹¹⁸⁾. Quan vừa đọc mà Cố vừa viết. Khi quan đọc xong thì Cố cũng ngả bút. Vậy quan phủ hỏi rằng : Thế thì câu ấy cụ đã viết chưa ? Cố bảo rằng : Thầy đã viết rồi. Quan rằng : Vậy thì cụ đọc xem có thật chăng ? Cố cầm giấy đọc y như quan đã nói. Quan phủ nghĩ rằng : Đọc một câu văn tắt thì Cố viết được, nhưng mà câu dài phỏng người không viết được, cho nên quan lại đọc một bài thơ tám câu, mỗi câu bảy chữ, thì Cố viết theo câu quan đọc, mà quan thôi thì Cố cũng viết xong, và đọc lại cho quan nghe y như quan đã đọc, cho nên quan cùng cả nhà ti và đồng người đứng dậy khen, lấy làm lạ mà khen rằng : Chữ thật khéo.

Nhà môn cùng những người nhà quan năng đến thăm nói truyện với Cố, ai ai cũng tố

ra lòng kính và thương người thay thảy. Có một lần lúc người ăn cơm nhà ti, binh lính cùng những người ngoài phố vây chung quanh xem người đóng lầm. Bấy giờ, có một thông lại thưa rằng : Phổng cụ thấy chúng tôi đứng xem cụ đóng thế này, thì cụ giận lầm chẳng ? Người đang ăn giờ miếng thì cứ ăn xong, đoạn bảo rằng : Thầy thấy ạnh em đến đóng thế này, thì chẳng những là không giận mà lại lấy làm mừng, vì thầy sang An-nam có một ý tìm anh em, mà thấy anh em đến càng đóng, thì càng lấy làm vui làm mừng. Người nhờ dịp người ta đến thăm mà cất nghĩa lẽ đạo. Người ta lấy đạo làm phải, làm thật mà rằng : Đạo Thiên Chúa là đạo lành, đạo thật, giả như vừa quan không cấm, thì chúng tôi cũng muốn theo lầm. Em ruột quan phủ thấy Cố còn thanh niêng, hình dong thanh kỵ, mặt rạng rỡ tươi tắn, ăn nói mềm mại, hòa nhã, vui vẻ, thì thương lầm; nǎng đến thăm cùng xin người xuất giáo cho khỏi chết sớm, chết non. Phép nước dạy từ phải mang xiềng. Quan phủ thương Cố yếu đuối, thì kéo xiềng nhẹ nhẹ. Khi người phải xử rồi, thì hương Mới thuộc xiềng ấy có bốn tiền mà thôi.

Cố Ven ở Phú Lý có bốn

ngày. Đoạn có một ông hiệp quản, một ông dô lai và hơn năm mươi tên quân ở trên Hà Nội xuống giải người lên tỉnh. Quan phủ sợ kẻ có dạo đánh tháo dọc dàng, thì thêm lệ phủ và thủ hạ tuần Đồ đóng lầm, có khi đến ba trăm người, mà tuần Đồ phải chi biện cơm nước cả, cho đến khi lên tỉnh Hà Nội. Cho nên xong việc Cố Ven, lão đã lỗ mất mười hai nén bạc, mà ba trăm lượng bạc vua thưởng thì các quan ăn cả. Trước chưa bắt Cố Ven, nhà tuần Đồ là đại phú gia, nhưng mà từ khi bắt Cố thì sa sút và nghèo dần đi. Khi đã sám sắn mọi sự và quân quan sắp trẩy, thì thầy Hân và thầy Lê, cùng một người tên là mục Nghĩa, là người có đạo quê huyện Vụ Bản, xã Hiện Môn, cũng phải lưu vì đạo ở Phú Lý, đến lạy Cố Ven đang ngồi cũi, gọi người là cha linh hồn rõ ràng trước mặt các quan và đông người đứng đây, chẳng sợ chút nào. Cố thấy ba người ấy lạy người là cha linh hồn, cũng là như xưng đạo ra trước mặt thiên hạ lúc đang cầm cách ngặt nghèo đường ấy, thì động lòng vui mừng tràn nước mắt ra. Khi các quan cất quân ra đi, lúc qua phò người

ta tuôn đến dông lấm, mà thấy Cố thanh niên dẹp
dẽ, tươi mặt, thì nói rằng : Ấy Cụ Tây dẹp dẽ, tươi
mặt là dường nào. Dáng ông này là dáng người
lành, người lương thiện, chẳng phải thằng cướp,
thằng giặc. Nhiều kẻ khác động lòng thương
người, thì rằng : Người vô tội mà các quan đem đi
giết làm sao ?

Từ Phủ Lý cho đến Hà Nội phải đi mất hai
ngày mới tới. Cố ngồi trong cũi tám người khiêng,
mà thầy Khang thì mang gông đi trước cũi. Khi di
đọc dàng, thì người ta ra xem dông như kiến.
Phông cũng có người có đạo, song không ai dám tố
mình ra. Đến chợ Cống thì tối, phải nghỉ lại đây
một đêm, sáng ngày ra lại đi. Bấy giờ, Đức Cha
Đông đang ẩn ở Ké Vôi gần đường thiên lý ; người
thấy kẽ đến trình rằng có một Cố phải giải lên
tỉnh đi qua phố, thì Đức Cha sai hương Mới ra xem
Cố ấy là Cố nào, mới biết là Cố Ven. Khi đến
Thường Tín, thì quan phủ ra bắt quan đóng lại,
vì quan muốn xem Cố và hỏi mấy điều. Vậy quan
phủ đến gần cũi mà hỏi rằng : Ông là người ở
dâu ? Ông về nước Pha-lang-sa hay là I-phá-nho,
hay là Đô-bà⁽¹¹⁹⁾ ? Cố bảo rằng : Ông làm việc

quan bên này, có đi đâu mà biết Pha-lang-sa, I-
pha-nho cùng Đô-bà thế nào ? Ông chẳng biết gì
về các nước ấy thì hỏi làm chi ? Có muốn xem mặt
tôi thì cho xem, nhưng mà đừng hỏi những điều ấy
lại chi. Quan phủ nghe vậy chẳng dám hỏi nữa,
liền [lui] gót.

Đoạn Thứ Ba

Về Cố Ven phải tra hỏi là thế nào.

Đến tỉnh, thì quân khiêng cũi vào thành
đi lối cửa dông, song cửa ấy có thập tự đóng
ở giữa, thì Cố truyền phải cất đi. Lính không
chịu cất, cứ khiêng cũi đi. Cố thấy vậy thì dãy
dọn đồ nghiêng cũi xuống, cho nên lính chịu
phép phải tháo thập tự ra, đoạn khiêng cũi vào
đinh quan án. Khoảng một lúc, quan án và quan bối
ra ngoài công đường. Các nhà ti ngồi chung
quanh cũi kín cả. Cố thì ngồi trong cũi tươi mặt
như mọi khi, chẳng sợ hãi chút nào. Quan án
bảo quạt nước cho các quan, và nhân dịp cũng
bảo bưng nước cho Cố uống với. Cố cầm chén

nước mà rằng : Bẩm quan lớn ban, tôi xin vô phép, rồi uống ngay. Đoạn quan án hỏi Cố tên tuổi, quê quán là gì ? Ai sai sang An-nam ? Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn, tên tôi là Giu-ong Thê-ô-phâ-nê Vê-na. Quê tôi ở nước Pha-lang-sa, năm nay tôi ba mươi mốt tuổi. Chẳng phải vua quan nào sai tôi sang nước An-nam, bèn tự ý tôi tình nguyện đi giảng đạo, mà Bề Trên dạy tôi sang giảng đạo trong nước này. Quan nghe Cố nói người mới ba mươi mốt tuổi, thì bảo rằng : Cụ còn thanh niên lắm. Đoạn quan hỏi rằng : Có biết trưởng đạo Liêu chăng ? Có biết trưởng đạo Liêu đã viết tờ bảo những tướng ngụy mộ dân Da-tô, để mà làm giặc đánh vua, đánh triều chăng ? Cố thừa rằng : Tôi đã biết, đã quên ông trưởng đạo Liêu. Ông ấy vốn ẩn trên rừng, thì ngã nước chết đã hơn hai năm nay. Còn diều quan lớn dạy rằng : Ông trưởng đạo Liêu đã viết tờ bảo đạo dân rầy ngụy, thì tôi dám bẩm : Ai đã nói diều ấy với quan lớn ?

Quan bảo rằng : Có tờ ông tổng đốc Nam Định tư lên làm vậy.

Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn, tôi cũng đã nghe nói ông tổng đốc Nam Định đã bắt được thư

ông trưởng đạo Liêu⁽¹²⁰⁾; song tôi quyết hẳn những thứ ấy là thư mạo, vì ông trưởng đạo Liêu là người rất khôn, chẳng có làm càn thể ấy. Lại chẳng những là ông trưởng đạo ấy không bảo đạo dân⁽¹²¹⁾ đi làm giặc, mà lại tôi đã được xem tờ ông ấy truyền cho các trưởng đạo thuộc quyền người, phải cấm đạo dân không được theo giặc mà khốn.

Quan lại hỏi rằng : Những tàu Tây đã sang đánh nước Nam, cùng đã lấy cửa Hân và tỉnh Gia Định, thì ai sai ? Mà các chúng đánh An-nam có ý làm sao ?

Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn. Tôi cũng đã nghe đồn những diều ấy, song tôi không rõ những tàu ấy là tàu nào, và có ý làm sao ? Cố nói lời ấy vừa đoạn, thì quan Thượng vào nhà công đường. Ông ấy vừa ngồi thì nhìn Cố một lúc, đoạn nói nhỏ với quan án và quan bố rằng : Trưởng đạo này ra dáng con nhà tông, mặt thì rạng rỡ sắc sảo. Rồi ông ấy cất tiếng nói to rằng : Trưởng đạo kia, đã biết phép nước Nam, cầm những người Tây không được sang giảng đạo cho dân nước này, bằng sang mà bắt được thì phải giết đi, sao còn sang chi ? Tại các trưởng đạo, cho nên tàu Tây mới sang đánh nước Nam. Những diều

chuyên một việc giảng đạo, khuyến nhân hành thiện mà thôi. Tôi không làm sự gì ác. Tôi không có tội nào đáng chết sot. Bằng các quan có khép án xử tôi, thì tôi vui lòng chết vì người An-nam.

Quan lại hỏi rằng : Cụ có giận ghét những kẻ đã bắt nộp Cụ chăng ?

Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn, tôi không giận, chẳng ghét kẻ ấy, vì phép đạo chúng tôi dạy phải thương yêu những kẻ ghét mình, kẻ làm hại mình.

Quan lại bảo rằng : Cụ đã ở những nơi nào, đã trợ những nhà nào, thì phải nói ra.

Cố thừa rằng : Bẩm ông lớn. Ông lớn là phu mẫu dân ; tôi đã đi nhiều nơi, đã trợ nhiều nhà. Tôi chỉ đi giảng đạo, chẳng có làm việc khác ; mà bây giờ tôi có khai những điều ông lớn hỏi, thì hại dân, hại con cái ông lớn. Xin ông lớn đừng bắt tôi khai những điều ấy. Quan Thượng thấy người ngoại quốc biết thương dân hơn mình, thì thiện và không bắt khai những điều ấy nữa. Bấy giờ, quan dạy đem thập tự ra, thì lính đem ra ba ảnh nạm đồng lớn, có tượng cũng bằng đồng. Quan bảo đưa cho Cố một mẫu, rồi bảo rằng : Trưởng đạo kia, phải khóa quá di.

này trưởng đạo phải thú, phải xung ra, bằng không ta già nghiêm hình bấy giờ.

Cố thừa rằng : Bẩm lạy quan lớn. Quan lớn hỏi hai điều : Một là tôi đã biết luật nước An-nam cấm người Tây không được sang giảng đạo Thiên Chúa cho dân nước này, sao tôi còn dám sang giảng đạo ấy ? Vậy vua nước An-nam cấm giảng đạo Thiên Chúa, nhưng mà Thiên Chúa truyền phải giảng dạy đạo Người khắp mọi nơi thiên hạ. Đã hay rằng chúng tôi phải phụng mệnh vua chúa thế gian, song chúng tôi cũng phải phụng mệnh vua trên trời hơn. Hai là tôi không xui tàu Tây sang đánh nước An-nam, tàu có sang đánh nước An-nam thì chẳng tại chúng tôi.

Quan bảo rằng : Cụ hãy di bảo tàu Tây dừng đánh nữa, thì sẽ tha cho Cụ.

Cố trả lời rằng : Tôi không có quyền mà bảo tàu Tây về. Tôi có bảo thì tàu cũng không về. Tôi không muốn cho nước An-nam phải hại, cho nên các quan có sai tôi di thì tôi cũng di, cũng bảo. Tàu không về thì tôi lại về đây cho được chết vì An-nam.

Quan lại hỏi rằng : Cụ có sợ chết không ? Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn, tôi không sợ chết. Tôi sang bên này chỉ

Cố thừa rằng : Bẩm lạy quan lớn, bấy nhiêu năm tôi ở nước này thì chỉ một sự khuyên người ta theo đạo, mà quan dạy tôi bỏ đạo. Tôi chẳng quý sự sống là mấy, tôi thà mất sự sống và chịu chết chẳng thà bỏ đạo. Cố vừa nói vừa cầm lấy ảnh mà hôn.

Quan lại rằng : Ví bằng Cụ không trọng sự sống và chẳng sợ chết, sao ẩn cho khỏi người ta bắt ?

Cố thừa rằng : Bẩm quan lớn, phép đạo cầm không được cậy sức riêng mình, không được nộp mình khi có thể chạy được ; vì vậy tôi mới phải di ẩn nhiều nơi.

Đây tóm lại những điều quan tra hỏi Cố Ven. Quan còn hỏi nhiều điều khác, ta không kể dày. Cố thừa với các quan mềm mại dịu dàng và có phép, cho nên các quan hiểu biết người là con nhà già giáo phép tắc, là người khôn, biết tôn ti đẳng cấp và trai cách ăn nói với người ta tùy dâng bậc.

Cố Ven thừa bấy nhiêu lời vừa đoạn, thì có tên đô Tú là nhà ti đã linh bắng cho được đi bắt đạo, và năm Tự Đức thập nhị đã bắt bốn cụ và đã linh thường bốn trăm lượng bạc, cùng được bàng cửu phẩm nữa. Cố Ven thừa rằng : Chớ thì

ông Cố trước gọi là Đông, rầy đã lên làm Giám mục thì ở đâu bấy giờ ? Tôi khát mặt người lầm, song chưa có khi nào được gặp, rầy người có được khỏe chẳng ? Cố Ven bảo rằng : Anh làm nghề bắt đạo thì hèn lầm, vì trong sách có lời rằng : *Tiền nghĩa nhi hậu lợi giả nhân, tiền lợi nhi hậu nghĩa nhục*⁽¹²²⁾. Vậy anh phải biết chắc bằng cửu phẩm anh đã được, thì chẳng khác gì như hoa mùa xuân sớm nở hồn tàn, chẳng được bao lâu. Các quan cùng nhà mòn nghe Cố nói lời ấy thì cười că.

Sẵn dịp ta kể qua tích đô Tú thế này : Đô Tú quê làng Vũ Khê, về huyện Nam Xương ; mẹ là người không sinh được con, song năng uống thuốc cù Diều, thì sinh được đô Tú. Khi đô Tú đã lớn thì làm nhà ti ở trên Hà Nội. Trước nó ở với kẽ có đạo thì hắn hoi, sau nó mới ra lòng khác mà thông với người bốn đạo mới tên là Mẫn, là đầy tớ ông già sáu Lê cõi sóc các tú đạo ở trên Hà Nội, và hay đưa thư từ cho các Cụ. Song thằng ấy là dứa gian, nó tố ra cho đô Tú biết các Cụ ẩn ở đâu. Đô

Tú chẳng có ghét dạo, không ghét các Cụ, nhưng mà bởi nó muốn lập công cho được thưởng cùng lên chức cao quyền trọng, thì nó làm đơn quý quan lén tinh, xin phát bằng cho nó đi nã hoạch các Cụ. Cuối năm Tự Đức thập nhị niên, trong vòng một tháng nó bắt được Cụ Diều, Cụ Phú Thịnh ở Hà Thao và Cụ Duyệt, Cụ Tư ở Kê Rùa, đem nộp cho quan tinh Hà Nội, và được thưởng bạc cùng được bằng cửu phẩm, mà về sau kiếm được nhiều của và nên giàu có lắm.

Chẳng phải một Cố Ven trách mắng dò Tú mà thôi. Quan Thượng cũng mắng nó nữa. Có một lần, quan Thượng dò nó đến mà mắng rằng : Nghe rằng bố mẹ chú vốn không sinh được con, song bởi mẹ uống bài thuốc Cụ Diều thì sinh được chú, mà sao chú dụng tình giết Cụ cho được chức cao, thì chú chẳng bội bạc lắm ru ?

Khi dò Tú đã bắt các Cụ được năm năm, thì lên làm chủ kho Phù Lý ; song bởi nó tiêu thất của công khố, thì phải tội. Cửa nhà nó phải tịch ký, nó thì phải di quân thư, cùng phải bệnh khổn nạn mà chết dữ

tại.

Quan tra hỏi Cố xong rồi thì bắt khai tờ để theo lòng tờ mà dựng án. Cố khai tờ thì không tiêu xung ai sốt, một cứ tờ tuần Đồ đã bẩm, là đã bắt hai thầy tờ đang di thuyền nhỏ ở giữa đồng. Quan hỏi rằng : Lấy thuyền ấy ở đâu ? Thầy Khang thưa rằng : Chúng tôi mua. Quan lại rằng : Mua ai ? Thầy Khang rằng : Mua chợ. Quan thấy nói mua chợ thì thôi, không hỏi nữa. Thầy ấy viết tờ khai rồi Cố ký. Khi thầy ấy viết thì thông lại bắt viết, nguyên tòng Da-tô tả dạo. Cố không cho viết chữ " tả ". Khi thông lại dệ tờ khai lên quan, mà quan thấy không có chữ " tả ", thì truyền viết lại. Thầy Khang lại viết, song cũng không viết chữ " tả ", cho nên quan lại bắt viết lần nữa. Thông lại bảo rằng : Quan lớn truyền phải có chữ " tả ", không có thì không được. Thầy Khang bảo rằng : Chúng tôi vốn theo dạo Da-tô, còn chữ " tả " các quan đặt vào thì mặc các quan, tôi không viết, xin thầy bẩm ông lớn làm vậy. Quan thấy nói thế ấy thì thôi, không bắt viết chữ " tả " nữa.

Khai tờ xong, quan khép án Cố là Tây Dương dạo trưởng, luận trảm quyết, *kiêu thủ tam nhát, đầu khí vu giang*. Lại lên án cho

thầy Khang là đạo đồ bất khắng xuất giáo, luận lưu Hùng Hóa. Vậy các quan khép ái cho Cố và thầy Khang, thì khép về mặt đạo cả, chẳng buộc điều gì khác. Khi đã dựng án rồi thì sớ bộ.

Đoạn Thứ Bốn

Về Cố Ven phải giam

Khi các quan đã tra hỏi Cố Ven xong, thì giam người trong cùi trên dinh quan Thượng. Người không phải tống ngục thất bao giờ. Các quan thấy người ở trong cùi thấp bé và chật hẹp thì truyền thay và cho người ở trong cùi gỗ rộng và cao vốn lưu lại trong thành. Khi người đứng trong ấy thì phải cùi dầu một ít mà thôi. Trong cùi thì giải chiểu miến, chiểu hoa cho người ngồi. Chung quanh cùi thì đóng bốn cái cột và giăng dây cho được giữ người ta kéo đến gần. Quan đã cắt ba đội quân thay đổi nhau mà canh Cố. Chúng nó là lính Dàng Trong, nó ở hẩn hoi. Ban ngày thỉnh thoảng nó mở cùi cho người ra bách bộ ngoài sân. Đến giờ cơm, thì nó cũng cho người ra

ngoài ăn cơm. Nó không khuấy khuất bắt bớ tiền nong, mà có ai xin vào thăm Cố thì nó cũng cho, không cấm ai sốt. Nó vốn trọng kính người. Chỉ có một lần, thằng bếp tên là Định thừa một điều xác mà rằng : Cụ có lấy vợ chăng ? Cố dỗ mặt lên mà mắng nó rằng : Đừng xác, đừng lếu láo chi. Còn chính đội dốc canh tên là Kỳ, thì ở lịch sự, hẩn hoi tử tế, có lòng kính người, cùng răn cấm lính không được vô phép ngạo mạn với người. Có một lần, quan thượng đi qua sân, mà Cố vô tình dang ngồi chõng thì không đứng dậy, cho nên về sau quan quở cai đội. Cai đội giận thì giam Cố cả một ngày trong cùi không cho ra. Cố bảo rằng : Bắt ngồi cùi cả ngày làm vậy, dù có phải quan Thượng thì cũng chết, chẳng chịu được. Cai đội thấy nói vậy thì không giam người nữa, và thỉnh thoảng lại cho ra ngoài sân như trước.

Độ mới giải Cố lên Hà Nội thì cả người trong thành, cả người ngoài phố, đàn ông, đàn bà, con trẻ, mọi thứ người nghe tiếng ông Cụ Tây, thì đua nhau đến xem đông lăm, song người ta đứng ở xa. Những ngày người ta đến xem nhiều quá, thì người ta lấy làm chán mà bảo rằng : Xem

gì mà xem lầm bấy ? Bấy giờ, người bảo Thị Mến là cháu bà Nghiên bỏ màn xuống, vì chung trước cũi có màn che cho khỏi người ta xem thấy người. Những quan nhỏ, những bát cỗ phẩm hay đến thăm người cùng hỏi điều này điều khác, nhất là hỏi những truyện bên Tây. Cố không hay nói, có một khi người ta hỏi hắn hoi tử tế, thì người mới nói mấy điều mà thôi. Còn mọi khi thì chỉ ngồi hay là nằm trong cũi, chẳng nói truyện gì với ai sot. Có một ngày, quan huyện Nam Xương đã làm ea bỉ báng cùng nói phạm đạo, và bắt các kẻ có đạo trong hạt mình học thuộc lòng, cũng là chính quan năng đến khám soát làng Bút Đông cho được bắt Cố Ven, bấy giờ cũng lên Hà Nội và nhận dịp đến xem Cố. Khi ông ấy xung danh mình là tri huyện Nam Xương, thì Cố bảo rằng : Ông tìm bắt tôi mãi mà bắt không được. Ông ghét và quyết phá đạo Da-tô trong huyện Nam Xương, song phá không nổi đâu. Xưa nay có nhiều kẻ khôn ngoan, và quyền hành hơn ông đã ra sức phá đạo ấy mà cũng không phá được. Vậy đã hắn ông không phá được đạo ông Da-tô, nhưng mà ông hãy lo kéo ông Da-tô phá và triệt ông

dĩ nhé. Thỉnh thoảng những kẻ đến xem cũng hỏi người, thì có đứa ở vô phép nói xác láo, song người không nhịn, liền mắng nó ngay.

Những kẻ có đạo sợ phép quan, không dám đến thăm Cố. Vả lại, độ ấy quan đã truyền đóng thập tự các cửa thành, cho nên những kẻ có đạo khó đến với Cố lầm, chỉ có ông bếp Khánh bấy giờ đang di lính hầu quan Thượng năng di lại, nói truyện hầu Cố ban ngày và nhất là ban tối. Ông ấy có lòng đạo đức hồn hoà, có lòng kính và mến Cố. Cố cũng thương ông ấy và cậy việc này việc khác. Về sau lại có bà Nghiên, bà Mẫn, Thị Bình, Thị Mến. Hai người này là cháu bà Nghiên, và một hai người đàn bà khác di lại với người mà thôi.

Khi Cố mới phải giam, thì quan Thượng bảo hàng đội phải nuôi, và quan phát mỗi ngày sáu tiền để nuôi người. Có một độ quan Thượng đi kinh lược vắng, thì Cố phải nhịn đói hai ngày. Người lấy sự ăn lương quan làm không tiện, vì kẻ có đạo không nuôi người, thì không có dịp đến thăm người, cho nên ông già Lẽ là kẻ Đức Chà đã sai coi sóc các tù đạo ở tỉnh Hà Nội, đút tiền cho cai đội vào

bẩm quan Thượng rằng : Cơm chúng tôi dọn, Cụ Tây không quen, người ăn thì sinh bệnh, xin quan lớn bắt người bên Da-tô làm cơm, vì chúng nó đã biết cách phải dọn cho người. Quan Thượng sợ Cố sinh bệnh mà chết trong cũi, thì cho phép tìm người có đạo thổi cơm cho Cố. Ông già Lê bảo bà Nghiên có nhà ở trong thành làm cơm hầu Cố, cùng giao tiền cho bà ấy lo liệu cơm nước hẩn hoi. Bà Nghiên nuôi người hơn một tháng. Bà ấy nói rằng : Cố ăn mỗi ngày hai bữa cơm, một bữa nước. Tôi người bắt nấu một ấm nước sôi để người uống trà. Người ăn ít, mỗi bữa có hai vức, mà tôi dọn thế nào thì người cũng bằng lòng. Các ngày thứ sáu người ăn chay. Trong bấy nhiêu ngày người phải giam thì vẫn khỏe mãi, chỉ có hai ngày người phải sốt rét. Người uống hai ba chén thuốc thì khỏi. Ấy là lời bà Nghiên nói thì làm vậy.

* Quan Thượng Hà Nội bấy giờ tên là ông Hoàng Văn Thu, là người có nhân đức, có lòng thương dân, và trọng Cố lắm. Dang khi Cố phải giam, ông ấy chẳng những là không làm ngặt, làm khổ người, mà lại gửi cỗ cho người ba lần. Chính ngày Cố phải xử thì ông ấy truyền

dọn yến cho người nữa. Hễ lần nào ông ấy truyền lính dọn cỗ cho Cố, thì truyền phải dọn cho từ tế mà rằng : Bay phải dọn hẩn hoi lịch sự, như dọn cho tao vậy ; chớ làm cho qua gọi là, vì tuy rằng hẩn phải làm vậy, song ở nhà hẩn chỉ ăn mâm Ngọc Dưa ngà đấy. Cho nên, lính dọn cỗ phải thế, có mâm đồng, bát bit, dưa ngà, be rượu, thịt cá đặt nhiều đĩa lẩm. Cố ăn đoạn còn bao nhiêu thì ban cho lính ăn với nhau. Có một lần quan Thượng làm giỗ, thì truyền đem một cỗ biếu Cố, song Cố biết của cúng thì không ăn. Lính trinh quan thì quan truyền lấy những đồ ăn thường, những đồ chưa cúng mà dọn cỗ khác cho Cố. Lần khác, quan Thượng cũng cho lính đem biếu, thì Cố bảo rằng : Đây tớ tôi cũng phải giam dây, quan lớn có cho dây tớ tôi ăn, thì tôi mới ăn. Từ bấy giờ, lần nào quan Thượng cho lính đem mâm biếu Cố, thì cung có mâm cho thầy Khang và thầy Lượng nữa.

Trong hai tháng người phải giam thì thông thả. Nhưng mà người không làm mất ngày giờ nào, chẳng ở nhưng bao giờ. Lúc người không trở nói truyện với khách, thì đọc kinh lần hạt. Người ta thường thấy người mỗi ngày

hai ba lần cầm sách nguyện nhở, đi bách bộ ngoài sân vừa di vừa đọc kinh. Khi người ngồi trong cũi, người ta cũng thấy người lẩn hạt luân, mà có lúc quỳ nguyện ngâm trong ấy nữa. Bếp Khánh nói rằng : Cố Ven đạo đức sốt sắng lăm. Tôi đến hầu lần nào, thì thường gặp người đang đọc kinh. Sáng ya tối người hay hát La-tinh cách mừng rõ lăm. Nửa đêm lê Sinh Nhật, người cất tiếng hát to một lúc lâu ; lính canh bảo bà Nghiêm rằng : Ban đêm cụ Tây hay hát, mà người hát to tiếng. Người vốn vui vẻ, tươi mặt liên, không có âu sầu khó mặt bao giờ.

Người phải giam được hai mươi ngày, thì viết thư xin Đức Cha Đông lo liệu cho người được xưng tội chịu lễ. Bấy giờ, Đức Cha đang ẩn ở Kẻ Trù, thì dạy Cụ Thịnh đang làm Cụ phó xứ Kẻ Sét phải lên giải tội, cùng đưa Mình Thánh cho Cố Ven, lại dạy Cụ phải cậy hương Mới quê Kẻ Vồi, là dầy tớ thủ hạ quan án lo liệu đưa mình vào đến chỗ Cố phải giam. Việc ấy thật là khó lòng và cheo leo, phần thì vì khi ấy đã đóng thập tự các cửa thành, ai muốn vào thì phải đạp qua mới vào được, bằng không đạp thì lính liền biết là

kẻ có đạo và bắt ngay ; phần thì phép quan nghiêm cầm và lính canh cần mật chẳng cho người nào ra vào đến gần cũi Cố. Đức Cha biết có một hương Mới có thể liệu việc ấy được, cho nên người dạy Cụ Thịnh phải cậy ông ấy. Vậy hương Mới đưa Cụ đến nơi giam Cố Ven bình an vô sự. Cụ Thịnh cũng đã đưa Mình Thánh để vào cái ống như ống thuốc lào, song không dám đưa cho Cố kéo trống việc ra. Cụ giáo ống ấy cho bà Nghiêm đưa cho Cố tối hôm ấy. Cố giữ cùng chầu Mình Thánh trong mình cho đến quá nửa đêm thì người chịu lễ. Người được chịu ơn trọng thì vui mừng lăm, liền viết thư tạ Đức Cha đã lo liệu cho mình được phúc ấy. Ngày ấy là ngày hai mươi mốt tháng mười một.

Ông hương Mới đã lo liệu đưa Cụ Thịnh vào thành giải tội và đưa Mình Thánh cho Cố Ven, là người can đảm giỏi giang, có công giúp việc đạo trong thời cầm cách. Ông ấy đã mắc tiếng xấu và kẻ có đạo bấy giờ khiếp ông ấy lăm, vì thấy ông ấy di làm dầy tớ đô Tú là kẻ ngoại đạo đã bắt bốn Cụ, cùng thấy ông ấy đem quân di vây các làng có đạo làm một với đô

Tú, thì nghĩ cho ông ấy đi bắt đạo bắt các Đấng. Nhưng mà oan lăm, vì ông ấy đi làm đầy tớ thủ hạ quan án, cùng theo dô Tú vây các làng có đạo, là có ý giúp việc đạo và chữa các Đấng cho khỏi tay các quan, chẳng phải có ý bắt đạo đâu. Khi dô Tú di vây nơi nào, thì ông ấy đưa tin trước, để hoặc có ai ẩn ở đấy biết mà trốn đi. Bởi ông ấy đưa tin làm vậy, cho nên Đức Cha Đông khỏi phải bắt. Trong cung niết dịp, toán quân dô Tú bắt Cụ Tư và Cụ Duyệt, thì hương Mới cũng bắt Cụ Triệu, song lại liêu chio người trốn. Còn hai ông kia phải giải cùng phải xử. Ông hương Mới có lòng với các Cố, các Cụ và các thầy lăm. Đức Cha Đông, Cụ Thịnh, Cụ Lan, thầy già Lê, thầy Nghiêm sau là Cụ Nghiêm đã ẩn trong nhà ông ấy. Cố chính Tân đã ẩn trong nhà ông ấy lâu, mà khi chết thì cũng chết ở nhà ông ấy chính lúc đang cầm ngặt nữa.

Đoạn Thứ Năm

Kể tắt việc đạo từ khi Đức Cha Liêu qua đời, cho đến khi Cố Ven phải xử.

Khi các quan Hà Nội tra Cố Ven thì hỏi rằng : Sao tàu Tây sang đánh An-nam, bắt cửa Hàn và thành Gia Định, các chúng có ý nào ? Cố Ven không muốn kể gốc tích duyên do việc ấy kéo dài dở lôi thôi, thì thưa tắt rằng : Lạy quan lớn, tôi cũng đã nghe thiên hạ đồn về những điều quan lớn hỏi. Song tôi chỉ một sự di giảng đạo, không dám biết những điều ấy. Vậy những điều Cố Ven không nói cho các quan biết, thì ta kể ra đây. Dời nhà Hậu Lê, các quan An-nam mải chơi bời, lấy việc trị nước làm ngại, làm khó, thì đặt hai ông chúa : Một ông về họ Trịnh cai trị Đàng Ngoài, một ông về họ Nguyễn cai trị Đàng Trong thay mặt vua. Hai chúa ấy khuấy khuất, hà hiếp dân lăm, cho nên đến dời vua Cảnh Hưng, năm một nghìn bảy trăm bảy mươi ba, có bốn anh em quê Binh Định quen gọi là quân Tây Sơn khởi ngụy và chiếm lấy nước. Chúa Trịnh trị Đàng Ngoài thấy mọi người

bô mình và túng cực quá, thì tự vẫn cho khôi tay quân Tây Sơn. Chúa Huệ Vương trị Đàng Trong thì trốn vào Đồng Nai, nhưng mà quân Tây Sơn bắt giết cùng giết cả họ ông ấy, chỉ còn sót một người cháu tên là Nguyễn Ánh. Ông này thấy quân Tây Sơn tâm nã mình mãi, thì chạy đến cùng Đức Thầy Phê-rô đang làm Vít vồ Đàng Trong, xin Đức Thầy di sứ sang nước Pha-lang-sa kêu vua nước ấy đem binh sang cứu. Vua nước Pha-lang-sa bấy giờ tên là Lu-y⁽¹²³⁾, thương ông Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn chém di họ mình cùng chiếm lấy cả nước, thì sai quan quân, tàu bè sang đánh quân Tây Sơn và lấy nước lại giao cho ông Nguyễn Ánh. Vì vậy, ông Nguyễn Ánh là dòng dõi chúa, chẳng phải dòng dõi vua đâu. Song nhờ nước Pha-lang-sa thì được làm vua cai trị cả nước An-nam, và nhận niên hiệu là Gia Long.

Vậy trước khi sai quân sang nước An-nam, thì vua nước Pha-lang-sa và Đức Thầy Phê-rô là sứ toàn quyền thay mặt ông Nguyễn Ánh, đã giao ước với nhau những điều này : Một là vua nước Pha-lang-sa sẽ sai hai mươi chiếc tàu và một vạn quân sang nước An-nam đánh Tây Sơn

lấy lại nước nó đã chiếm, rồi giao cho ông Nguyễn Ánh làm vua thống trị cả nước ấy. Hai là cho được trả nghĩa vua nước Pha-lang-sa, thì vua An-nam giao cửa Hàn và địa phận liền với cửa ấy cho nước Pha-lang-sa để làm của riêng mình mãi dời dời : vĩnh vi kỷ vật. Ba là vua nước An-nam tha phép cho các trưởng đạo Tây, Nam được giáng đạo Thiên Chúa và dân An-nam được theo cùng giữ đạo mặc ý mình, chẳng ai được ngăn cấm cách nào bao giờ. Hai nước còn giao ước nhiều điều khác, song ta kể bấy nhiêu mà thôi.

Bao lâu vua Gia Long còn sống, thì biết ơn nước Pha-lang-sa đã cứu và đặt mình lên làm vua, thì giữ những điều đã giao ước, cho nên đạo vẫn được bằng yên. Nhưng mà khi cha vừa chết đoạn, thì con cháu là Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức liền phụ ân tệ bạc, phá lời giao ước và cấm đạo ngặt, giết các Cố, các Cụ, các kẻ có đạo, cùng quyết hủy tuyệt đạo trong nước An-nam. Vì lẽ ấy, Tây mới phải sang đánh nhà Nguyễn, bắt vua Tự Đức phải giữ lời ước. Ta nghe điều ấy liền biết sự tàn Tây sang đánh nước An-nam, thì chẳng phải vô

cớ vô lý, chẳng phải là ức dâu, bèn là sự công bằng phải lẽ. Bởi không biết những điều ấy, cho nên có nhiều kẻ thấy tàu Tây sang đánh An-nam thì sinh lòng ghét, và làm khổ kẻ có đạo, vì ngờ kẻ có đạo kêu Tây sang cứu mình thì Tây mới sang. Nhưng mà chẳng phải thế ấy đâu, Tây sang nước An-nam đánh nhà Nguyễn, vì tại những vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức đã lõi, không giữ những điều giao ước; vì tại những vua ấy không biết ơn kẻ vẽ mặt cho mình, vì tại những vua ấy bất nhân tệ bạc đã chịu ơn mà lại bao oán, cho nên Tây mới sang đánh nước An-nam, chẳng phải tại kẻ có đạo xin Tây sang cứu dâu. Chẳng may khi mới đánh cửa Hàn và thành Gia Định, thì Tây phải giãn việc đánh nước An-nam cho được sang đánh nước Ngô. Vì vậy, quan Tây lấy quân cửa Hàn mà đi đánh Bắc Kinh, chỉ để lại một ít mà thôi. Vua Tự Đức thấy vậy thì nhờ dịp ấy mà cố sức phá đạo cho hết, cho chóng, để khi Tây đi đánh Bắc Kinh về thì không còn có lý mà đánh mà bắt tha đạo nữa, vì đạo đã hết, và trong cả nước không

còn có người nào có đạo sốt. Cho nên, vua dùng mọi thể mọi cách và làm hết sức cho được làm cỏ kẻ có đạo, cùng ra chử nọ, chử kia liên mài. Khi thì ra chử bắt đầu mục, lúc thì ra chử bắt các quan, các lính có đạo và những người dòng nữ. Rồi lại ra chử truyền bắt những người lớn bé, già trẻ, mọi người có đạo phải xuất giáo hết, bằng ai chẳng xuất giáo thì phải dòn, phải tấn, phải kìm, phải ngồi trên bàn chông sắt, phải lưu đầy, phải chém giết hết. Ai không bỏ đạo thì vua không thương, không tha, không còn kể là dân vua nữa, một kẻ là dứa nguy, là thằng giặc mà chớ. Khi ấy, có hai ông quan tôn thất là chú, là bác vua, thấy cả và nước phai loạn lạc giặc giã, mất mùa, đói khát, cùng ôn dịch thần khí, thì dâng sớ xin vua tha đạo như vua Gia Long xưa. Vua cầm tờ sớ xem đoạn phiê có một chữ sỉ mà thôi. Nghĩa là vua phải tha đạo, thì xấu hổ nhuốm nha lấm. Thật khi ấy là tận thế riêng những kẻ có đạo.

Từ khi Đức Cha Liêu qua đời, về sau các Đáng, các bậc và các bốn đạo phải nhiều sự khổ quá, chẳng thể nào mà kể cho xiết được.

Ta chỉ kể qua một hai điều mà thôi. Trước là nói về hai Đức Cha và các Cố, sau sẽ nói về các Cụ, các người nhà Đức Chúa Lời, những người Nhà Mụ, và bốn đạo.

Từ khi trường Kẻ Non phải phá, thì Đức Cha Khiêm hằng phải chạy trốn nơi nọ, ẩn lánh chỗ kia liên mãi ; khi thì ở miền rừng núi, lúc thì ở đồng bằng, nhưng mà người không dì khỏi tỉnh Hà Nội. Trong cả tỉnh ấy, hễ đâu chứa thì người ở, song không ở nơi nào lâu sốt. Năm Tự Đức thập tử, người xuýt phải bắt, vì đưa có đạo giác người và những làng chứa người, cho nên quan cất quân đến vây làng người ẩn, bắt được sáu người kẻ giang và mười hai người bốn đạo ; lại bắt được hang để các đồ của Đức Cha. Giả như lính có đào cách xa hai thước nữa, thì bắt được hang Đức Cha đang ẩn. Đức Cha Đông chạy trốn quanh quéo những xứ Bái Vàng, Bút Đông, Kẻ Trù, Kẻ Vồi ; khi thì ở trong nhà người ta, trong vách kép, lúc thì ở dưới hang. Có ba bốn đêm người phải ở ngoài đồng, vì chẳng có nhà nào dám chứa. Người xuýt phải bắt năm lần cùng đã phải bắt thật một lần, song kẻ bắt ngờ người là Cụ thì tha, sau khi

nó biết là Đức Cha thì lại đuổi theo, nhưng mà người đã chạy xa rồi. Có một lần, người phải túng cực lầm xuýt chết ngạt. Vậy ngày hôm ấy, bất ưng có tin người nhà quan đến khám nhà người ở ; tức thì người và các thầy xuống hang mới đào ngày hôm trước. Xuống đấy được một lúc thì Đức Cha và các thầy thấy khó chịu, không thở được, mướt mồ hôi ra. Người nhà quan khám qua một lúc không thấy gì thì đi, và người nhà vội vàng mở cửa hang cho Đức Cha ra. Thật là may vì chậm một ít nữa thì cha còn chết ngạt cả, mà đã có một thầyanga xuống bất tỉnh rồi ; người ta làm hốc đặt ống thở, đoạn Đức Cha lại phải xuống hang ấy cùng ở dây mười bảy ngày mới được ra.

Cố Chính Đoài và Cố Hương đã ẩn ở làng Bạch Bát, trước ở trong Nhà Mụ, sau khi Nhà Mụ đã phải rỡ thì ở ngoài làng, rồi lên An Cư, Đồng Bài, lại vào Đồng Tranh, Lào Cả, mất non một năm. Đến sau, các quan làm ngặt quá, người ta không ai dám chứa nữa, mà hai Cố sốt rét ngã nước, cho nên phải vào Thanh Hóa, thuê thuyền vượt biển chín ngày đến cửa Hàn, là ngày ba mươi tháng hai, Tự Đức thập tam

niên. Chẳng may khi hai Cố đến cửa Hán, thì Tây đã bỏ nơi ấy mà vào Gia Định được sáu ngày, không còn người Tây nào ở đây sốt, chỉ còn một cái dồn và bốn năm đội lính Nam đóng. Hai Cố thấy vậy thì vội vàng quay mũi thuyền trở về; đến cửa Bạng thì đổ bộ cùng ẩn ở làng ấy hơn một năm. Đến hai mươi chín tháng bảy năm Tự Đức thập tứ, hai Cố phải bắt trong hang ở chân núi gần cửa Bạng, cùng phải giải lên Thánh Hóa, phải giam, phải tần, phải treo kẹp kìm khảo, đoạn phải giải vào kinh.

Cũng trong một tháng, Cố Chính Đoài và Cố Hương phải bắt ở cửa Bạng, thì Cố Bắc phải bắt trên Đoài ở làng An Tập, cùng phải giải xuống Sơn Tây, đoạn phải xử ở đấy ngày hai mươi mốt tháng chín.

Đến mươi tám tháng mười, Cố Ven phải bắt ở Kẻ Bèo. Còn Cố Chính Tân thì đã chết bệnh trong nhà hương Mới ở Kẻ Vồi tháng chạp năm Tự Đức thập nhị. Cho nên, khi Cố Ven đã phải xử, thì Địa Phận Tây chỉ còn hai Đức Cha và Cố Nhân mà thôi.

Ấy là hai Đức Cha và các Cố đã chịu khó cùng chịu chết thì làm vậy. Còn các thầy cả bần quốc cũng chịu khó, chịu

chết như các Cố chẳng kém chút nào. Xưa trong mươi hai Tông đồ, phải một Giu-da phản cùng nộp thầy mình cho quân dữ. Nhưng mà trong ba mươi tư Cụ trong Địa Phận Tây đã phải bắt vì đạo trong đời Tự Đức, thì chẳng có Giu-da nào. Các Đấng ấy đều tỏ ra lòng vững vàng, can đảm xứng đạo ra trước mặt thiên hạ, cùng mang gông, mang xiềng theo chân Đức Chúa Giêsu lên núi Ca-la-va-ri-ô đổ máu ra chịu chết vì Chúa mình thay thầy. Thật là gương sáng láng tốt lành là đường nào. Đây ta kể tên những thầy cả bần quốc Địa Phận Tây đã chịu chết vì đạo, từ khi Cố Ven sang bên này cho đến khi người phải xử.

Lao-sen-sô Cụ Hướng quê Kê Sái, phải bắt tại Vân Du, và sử tại Ninh Bình.

Bảo-lộc Cụ Tịnh, quê Trinh Hà, phải bắt tại Vĩnh Trị, và sử tại Nam Định.

Phê-rô Cụ Khang, quê Phú Lôi, phải bắt tại Địa Ốc, và sử tại Nam Định.

Giu-ong Bao-ti-xi-ta Cụ Quý, quê Bút đồng, phải bắt tại Bến Cát, và sử tại Ninh Bình.

Phê-rô Cụ Cần, quê Phương Thà, phải bắt tại Trại Phong, Kẻ Chợ.

Phê-rô Cụ Lưu, quê Kẻ La, phải bắt

tại Cát Lại.

Giu-ong Cụ Quý, quê Kẻ Đầm, phải bắt tại Thận Tu. Ba ông này phải sử một lớp tại Hà Nội.

An-rê Cụ Tri, quê Châm Thị, phải bắt tại Trại Bút, và sử tại Thanh Hóa.

Phê-rô Cụ Ngôn, quê Đồng Chuối, phải bắt tại Trình Xuyên, và sử tại Nam Định. Người không chịu khai bắn quán, cho nên quan Thượng giận và khảo cực hình. Bắt người ngồi trên bàn chông sắt, cùng cõi ngựa gỗ có chông sắt, lại truyền lính nứu haj vại người mà nén xuống cho hết sức, để chông dâm vào cho sâu. Cụ đau quá thì ngất đi hai lần, lính phải khiêng về ngực, rồi người chịu xử.

Gia-cô-bê Cụ Ngân, quê Kẻ Đầm, phải bắt tại Kẻ Sét, và sử tại Hà Nội.

Bảo-lộc Cụ Điều, quê Kẻ Lượng, và Phê-rô Cụ Thịnh, phải bắt ở Hà Thao.

Phê-rô Cụ Tư, quê Kẻ Sét, và Giu-ong Cụ Duyệt, quê Kẻ Điện, phải bắt tại Kẻ Rùa. Bốn ông này phải sử một lớp tại Hà Nội.

Phê-rô Cụ Cần, quê Kẻ Non, phải bắt tại Phúc Nhạc, xử tại Ninh Bình.

An-rê Cụ Hoan, quê An Khoái, phải bắt tại Thiên Linh, và xử tại Thanh Hóa.

An-giê-lô Cụ Xuyên, quê Hoàng Nguyên, phải

xử tại Sơn Tây.

Bảo-lộc Cụ Chấn, phải bắt tại Đồng Quang, xứ Kẻ Dừa và xử tại Thanh Hóa.

Phê-rô Cụ Phú, quê Kẻ Chợ, phải bắt tại Quy Hậu, cùng xử tại Ninh Bình.

Phê-rô Cụ Hạnh, quê Hương Điện, phải bắt tại Hảo Nho, cùng xử tại Ninh Bình.

Giu-se Cụ Lý, quê Bình Hải, phải bắt tại Hy Nhiên, cùng xử tại Ninh Bình.

Phê-rô Cụ Thủ, quê Bút Đồng, phải bắt tại Tam Sơn về tỉnh Ninh Bình, giải ra Nam Định cùng phải xử ở đấy.

Bảo-lộc Cụ Khanh, quê Vinh Trị, phải bắt tại Diên Hộ, cùng xử giáo tại Thanh Hóa.

Phan-chi-cô Xa-vi-e Cụ Tri, quê Nam Xá, phải bắt tại Kẻ Ngâm, cùng xử tại Nam Định.

Tu-me Cụ Kỳ, quê Châm Thị, phải bắt tại Tự Tân, và xử tại Ninh Bình. Người làm chính xứ Phát Diệm ; người giỏi giang, cứng cổ, khôn ngoan, mưu trí, lý sự có tiếng, cùng dã vào kinh kiện nhau với quan nội các, tên là Khởi, quê Thiên Trì về tích ruộng Diên Hộ. Các quan ghét thì làm án cho người phải trảm quyết kiêu đầu khí vu giang, là phải chém cùng bêu đầu ba ngày rồi bỏ xuống sông như các Cố vậy.

Hai mươi bốn ông này phải xử trước Cố Ven. Còn mươi Đấng khác trong hai năm sau. Kẻ thì phải sứ, người thì phải chết hâm lương hay là rũ tù.

Tự Đức ghét các trưởng đạo hơn cả, rồi đến các đạo đồ, cùng những người nữ Dòng Mến Cầu Rút. Vua đã ra chỉ truyền thích tự cùng phát lưu những đạo đồ bất khắng xuất giáo. Lại có chι khac truyền xử những đầy tớ các trưởng đạo Tây, nghĩa là các kέ giǎng, các chú giúp Đức Cha và các Cố. Những chỉ vua ra thì làm vậy, nhưng mà các quan khi cứ, khi không. Có khi xử các đạo đồ, có khi phát lưu mà thôi. Trong kỳ cấm đạo ngặt, từ Tự Đức thập niên, thập nhất niên về sau, thì những người nhà Đức Chúa Lời là các kέ giǎng, các học trò La-tinh và các chú nhà xứ, phải bắt bớ cùng chịu nhiều sự khốn khổ lắm lắm. Vì chung, khi các nhà trường phải phá, thì học trò tan di. Lúc các quan hay là kέ ngoại rõ các nhà xứ, thì các thầy cả phải gián người nhà về, chỉ còn giữ được một hay là hai người mà thôi. Bấy giờ, những người ấy bơ vợ và tung cực

không biết di dâu, ở đâu. Những kέ còn cha mẹ, anh em thì về nhà quê, song cũng cheo leo lầm, vì nhiều khi không ở nhà quê được, phần thì vì quan cùng tổng lý tầm nã, phần thì vì cha mẹ, anh em giục ép kết bạn cho ra người dời để khỏi tiếng là đạo đồ.

Có nhiều kέ không còn cha mẹ anh em, thì không về nhà quê được. Những kέ ấy quen đâu thì ở đấy, hay là trốn chạy nay chồ này, mai chồ khác, trú ngụ hai ba ngày, không ở nơi nào lâu sot, vì sợ người ta phải khốn tại mình, cùng vì nhiều nơi người ta không muốn chữa. Thật là khổ sở quá sức. Từ khi Đức Cha Liêu qua dời, cho đến khi Cố Ven phải xử, thì những người nhà Đức Chúa Lời phải bắt, phải xử, phải lưu đầy quá một trăm người. Có nhiều kέ đến trước mặt quan thì nói những lời khôn ngoan, cứng cáp, như thầy Hợp quê Kế Số, phải sứ tại Sơn Tây ; thầy ấy vốn kém trí khôn, học chậm, nhưng mà đến trước mặt quan thì thưa những lời khôn ngoan chắc chắn, làm sáng danh sự đạo. Lại có nhiều kέ dù còn ít tuổi, song cũng tỏ ra lòng can đảm vững vàng lắm, như chú Pháp là học trò trưởng Kế

Vĩnh, phải bắt tại Kê Báng. Chú ấy mới mười sáu tuổi, mà phải tần, phải kìm, phải quỳ bàn chông sắt. Như chú Hào quê Trại Hương phải voi xé. Chú Bột là học trò trường Vĩnh, phải khảo kìm dữ lầm thì đã khóa quá ; về sau ăn năn lại xưng đạo ra, cùng phải voi xé. Còn nhiều kẻ khác phải hâm lương mà chết, hay là rũ tù. Lại nhiều kẻ phải chết chốn lưu đày, hay là phải bệnh ở đấy mà về chết ở nhà. Những kẻ được về nhà bằng yên, khỏe mạnh là phần ít.

Trong kỳ cầm đạo ngọt, những người chị em Đồng Mến Câu Rút giúp việc đạo cho hết lòng hết sức. Khi thì chứa cùng giấu các Đấng trong nhà mình, lúc thì nuôi nấng, và đưa Mình Thánh vào trong ngực cho các Đấng đang phải giam, lại đưa thư, đưa tin nơm nớm kia, cho nên vua quan ghét cùng bắt bớ và tẩm nǎ liên. Các Nhà Mụ phải phá, phải rõ một trật với các nhà xứ. Các người chị em phải tan di hết : Kê thì về nhà quê, những kẻ không về nhà quê thì di ở nhờ nhà bốn đạo. Có chỉ vua truyền bắt những người Nhà Mụ làm gia nô trong nhà quan, hay là sáp vào những làng không đạo hay là đầy đi phương

xa. Có hơn mươi người chị em phải bắt, phải giải vào quan, cùng xung đao cách mạnh bạo và bắt khổng xuất giáo thay thầy. Lại có ba người phải bắt cùng giải nộp quan Thượng Nam Định. Quan truyền cho ba người phải dập ảnh. Cả và ba chị em không chịu, thì quan truyền lính cầm roi đánh rất đau. Nhưng mà dù lính đánh đã mồi tay, đánh nát thịt ra, thì ba người cứ kháng khăng một mực, không dám dập ảnh. Quan thất lính kéo lôi qua tượng, thì sáu bảy thằng liền tụm đến, dứa thì lôi kéo, thằng thì quất đánh mãi. Bấy giờ, một người chị em cầm lấy ảnh mà hôn kính, đoạn đưa cho hai người kia cũng hôn kính nữa. Quan thấy vậy thì hung giận mà rằng : Sùng thể này thì ta mất công, không làm gì được, dù đàn bà cũng bất trị. Nói lời ấy đoạn, quan truyền đem giam cả ba.

Còn những sự khốn khó bốn đạo chịu, thì kể làm sao cho xiết. Những năm trước vua cho những người bốn đạo bắt khổng xuất giáo là ngư dân, đã mắc mưu các trưởng đạo lừa dối, thì không nỡ lưu đày, không nỡ giết, chỉ phát lạc rồi cho về. Vua chỉ giết những oa gia là những kẻ chưa các trưởng đạo mà thôi. Năm sau, vua ghét đạo

một ngày một hơn, thì quyết bắt hết mọi người xuất giáo bỏ đạo thay thảy. Trước vua truyền bắt các đầu mục, là những người dàn anh, những người có tuổi phải xuất giáo. Đầu mục nào bắt khắng thì phải thích tự phát lưu, những kẻ đã xuất giáo cũng còn phải giam chưa được về. Trong những đầu mục bắt khắng xuất giáo, có ông lang Tảo quê phố tỉnh Nam Định, phải sử trảm quyết, và bốn người làng Vĩnh Trị, là ông lý Thi, ông lý Huynh, ông phó Nhu và ông quản Sự, phải sử giáo quyết tại Nam Định. Ở tỉnh Thanh Hóa, quan giam đầu mục làm một với nhiều người khác có đạo trong kho, mà hăm lương, chỉ cho ăn mỗi ngày bằng sáu đồng tiền gạo mà thôi, cho nên có hơn ba trăm người phải chết đói. Ấy là điều Cố Chính Đoài đang phải giam ở Thanh Hóa bấy giờ đã truyền lại làm vậy. Vua bắt đầu mục đoạn, thì bắt các quan và các lính có đạo xuất giáo. Các quan có tước phẩm triều đình, dù xuất giáo, dù bắt khắng, thì cũng phải cách, phải mất quan, cùng luận sử giáo giam hậu. Các lính có đạo bắt khắng xuất giáo phải thích tự cùng lưu đầy. Vua cấm không cho kẻ có đạo được di lính nữa. Khi ấy, có một người

lính quê Kẻ Bàng, tên là binh Phương bất khắng xuất giáo, phải khảo nhiều hình khổ quá mà chết trong tù.

Sau nữa, vua truyền làm sổ các kẻ có đạo từ mười lăm tuổi trở lên, cùng dạy thỉnh thoảng lại bắt xuất giáo, khóa quá, bắt vào làng cùng làm việc **sự thân phụng Phật**⁽¹²⁴⁾ với kẻ ngoại đạo. Ấy là những nơi gián tòng thì làm vậy. Còn những nơi toàn tòng, thì bắt kẻ có đạo phải làm chùa miếu. Vua buộc các quan và tổng lý phải quản thúc kẻ có đạo, cùng dạy dỗ tập tành theo thói lành, là những thói kẻ ngoại đạo, cùng giữ ở làng không cho người nào trốn đi nơi khác. Người nào cứng cố cứ một mực bắt khắng xuất giáo thì phải bỏ tù, hay là sáp vào những làng không đạo.

Vua cốt có một ý bắt người ta bỏ đạo, có ý phá đạo cho tuyệt. Còn các quan thì nhờ dịp ấy mà lấy tiền kẽ có đạo cho nhiều. Mà thật chẳng có dịp nào tốt cho được ăn tiền cho bằng dịp vua cấm đạo. Trong mười bốn năm Tự Đức mới lên làm vua, thì ra mười bốn chỉ cấm đạo ngặt một ngày một hơn. Hễ vua ra chỉ cấm đạo lần nào, thì các quan bắt các tổng lý khai di khai lại về

kẻ có đạo luôn, mà khi khai lần nào thì kẻ có đạo phải dứt tiền cho lý dịch, phải mất tiền cho quan lần ấy. Chẳng những là các quan năng bắt khai kẻ có đạo, mà lại năng vây bọc kiểm soát các làng, các xóm có đạo, xem có bắt được trưởng đạo nào hay là ánh, sách đạo, và những đồ quốc cấm chẳng. Khi quan khám làm vậy, thì kẻ có đạo thiệt hại lắm. Vì chung, lính cùng phu hàng tống thường phá tường vách, cùng đào nền, đào sân nhà người ta cướp lấy tiền nong, trâu bò, gà lợn, nôi niêu, xông áo, cùng các đồ người ta làm ăn. Còn những đồ nó không đem đi được, thì nó đập phá làm hư di cả.

Chẳng những là kẻ có đạo phải mất nhiều tiền cho quan, mà lại cho kẻ ngoại nữa, vì kẻ ngoại hằng khuấy khuất, hà hiếp liên măi. Cứ những chỉ vua ra, thì kẻ có đạo phải vào làng với kẻ ngoại, cùng làm các việc **sự thần phụng** Phật⁽¹²⁵⁾ với nó. Cho nên, kẻ có đạo muốn khôi làm việc rồi, thì phải dứt tiền cho kẻ ngoại, thì kẻ ngoại mới nghe, mới tha. Chẳng những là phải mất tiền một đôi khi, mà lại mất luôn; có khi một năm hai ba lần. Hễ lần nào có chỉ mới ra,

thì phải dứt tiền cho nó, chẳng vậy thì nó không để yên. Có nhiều nơi kẻ ngoại khuấy khuất, hà hiếp kẻ có đạo mọi thể mọi cách, khi thì nó vay tiền nong, lúa thóc, lúc thì nó mượn trâu bò, đồ vật rồi không trả. Nó muốn lấy của gì thì kẻ có đạo phải để lại cho nó của ấy. Nó chửi, nó đánh, thì kẻ có đạo phải chịu. Nó muốn bắt thể nào, thì kẻ có đạo phải chịu thể ấy, không chịu thì nó giác với quan. Những kẻ có đạo có của gì thì phải giấu giếm, hay là gởi kẻ ngoại có tình nghĩa giữ cho, còn mình thì không giữ được. Cho nên, kẻ có đạo túng bấn, đói khát, không có mấy nhà giữ được bát mà ăn. Chẳng những là kẻ ngoại hà hiếp, lấy của kẻ có đạo, mà lại cướp lấy người nữ ; hễ nó thấy nhà nào có con gái sạch sẽ, thì nó bắt phải gả cho nó hay là cho con nó.

Trong cơ hội ấy, những kẻ có đạo khổn khổ nói ra chẳng xiết. Vua không nhận kẻ có đạo là dân mình và gọi là **tú dân**⁽¹²⁶⁾, cùng kẻ là quân ngụy, quân giặc. Bấy giờ, ai hà hiếp làm khổ, cùng giết người có đạo, thì

không có tội. Những lý hương và kỳ mục hăm lương, hay là giết một người có đạo chẳng kỳ cách nào, thì chẳng những là vua không bắt tội, mà lại thường cho ba quan tiền.

Lại khốn thay, trong cơn gian nan khốn cực dường ấy, không còn Đấng nào đi lại được mà yêu ủi, khuyên bảo con chiên chịu khó bằng lòng, cho nên con chiên càng khổ sở và đáng thương hơn nữa. Song chưa hết sự khổ, sự nhục đâu. Kẻ có đạo còn phải khổ, phải nhục một phen dǎo đẽ nữa. Đời trước, bốn đạo nước Rô-ma và nước Nhật Bản đã phải chịu khổ vì đạo lầm lầm, nhưng mà chẳng có chịu khổ quá như bốn đạo An-nam. Từ tháng tám năm thập tứ, cho đến tháng năm thập ngũ niên.

Cuối năm thập tam, lúc Cố Ven đang phải giam, mà quỷ đã ám vào Tự Đức, thì xui vua ấy bày ra một cách phá đạo rất dữ tợn, rất độc ác, rất quái gở, các cách những vua chúa đời trước đã bày ra thì chẳng dữ, chẳng độc cho bằng. Xưa vua nước Ba-bi-lon giận ghét dân Giu-dêu, thì phá hủy bình trị thành Giê-ru-salem, bắt vua cùng dân Giu-dêu đem về làm tôi trong nước mình bảy mươi năm tròn, rồi mới

thả cho về quê cha đất tổ. Vậy Tự Đức dữ tợn độc ác hơn vua nước Ba-bi-lon, cho nên ghét cùng phạt những kẻ có đạo nặng và dữ hơn vua Ba-bi-lon phạt dân Giu-dêu nhiều phần. Khi vua đã bàn di, bàn lại cùng những quan ghét đạo, thì định ra chỉ truyền ba điều này : Một là phân sáp hết mọi người có đạo, chẳng kỳ dàn ông, dàn bà, lớn bé, già trẻ vào những làng ngoại đạo ; hai là phá phách bình trị những làng toàn tòng đạo và giao ruộng nương, đất cát cho những xã phụ cận ngoại đạo nhận canh thu thuế ; ba là thích tự mọi người có đạo hai bên má, một bên hai chữ tả đạo, một bên tên phủ huyện.

Dù đến móng một tháng tám năm thập tứ vua mới ra chỉ ấy, song kẻ có đạo đã biết trước vua có ý ra chỉ làm vậy, cho nên lấy làm sợ hãi kinh khiếp và hầu như ngã lòng mà kêu r้อง : Chớ gì vua giết ngay chúng tôi đi cho xong ; thà chúng tôi chết, chẳng thà sống khổn nạn, sống nhục nhã thế này.

Bởi vì trong sách này ta kể truyện Cố Ven, mà Cố đã phải xử trước khi vua ra chỉ phân sáp, thì ta chẳng phải kể ra đây những sự

gian nan khổn khổ kẽ có đạo phải chịu trong kỳ phân sáp, chỉ nói qua một điều này rằng : Nếu Đức Chúa Lời chẳng thương, không cứu bốn đạo, ắt là bốn đạo phải chết nơi sáp hết, chẳng ai được về quê chia đất tổ bao giờ ; mà đạo Đức Chúa Lời trong nước An-nam, thì mất đi, cũng như trong nước Nhật Bản xưa. Nhưng mà Đức Chúa Lời lòng lành vô cùng, thương bốn đạo đã chịu nhiều sự khổn khó vì Người, thì khiến quan Tây bắt vua Tự Đức phải tha đạo. Vua không thể cưỡng được, thì bắt đắc dĩ phải ra chỉ tha đạo ngày mười bảy tháng năm, năm thập ngũ, cũng là năm nhâm tuất, những kẻ có đạo đã phải ở nơi sáp chín tháng, năm ngày.

Vậy đạo Đức Chúa Lời là đạo thật, là đạo lành dạy làm sự lành, cấm làm sự dữ. Những kẻ có đạo là kẻ trung thần, vốn nộp quý thuế cùng chịu các bô việc như người ta, không làm ngụy làm giặc, không trộm cướp, không hà hiếp ai, chỉ một sự giữ đạo, ăn ngay ở lành. Vua và các quan đã biết kẻ có đạo là người lương thiện, chẳng có tội gì. Năm Tự Đức thất niên, ông Thượng Giai làm tổng đốc Hà Nội là người khôn ngoan, có thời

danh và dắc thế vì đã đánh được giặc Châu Văn, thì sớ tấu vua mà khen đạo Đức Chúa Lời và kẽ có đạo là người hiền lành, thuần thực, có lòng trung với vua, nộp quý thuế, chịu các việc quan, chẳng làm giặc, làm ngụy bao giờ, không trộm cướp, không hà hiếp ai, lại hay thương giúp những kẻ khổn khó, cho kẽ dói ăn, cho kẽ trần mặc, cùng làm ơn cho hết mọi người, chẳng kỳ anh em thân thích hay là người dung. Những sách đạo thì chép đơn sơ thật thà, chỉ khuyên người ta ăn ngay ở lành và hướng hóa, tập di dăng nhân đức mà thôi, không nói lời nào trái nghịch hay là điều gì bội thường, văn hoại phong tục. Cho nên, những kẻ biết đạo ấy nức lòng mến, cùng đua nhau giữ, dù mà phải chết cũng chẳng bỏ. Ấy là những lời ông Thượng Giai sớ tấu vua về đạo và kẽ có đạo thì làm vậy.

Vậy đạo Đức Chúa Lời là đạo thật, đạo lành dường ấy, sao mà vua ghét quá sức, gọi là tả đạo, mà cố tình phá di cho tuyệt ? Những kẻ có đạo là người lương thiện, chẳng có tội lỗi gì, sao mà vua giận ghét, bắt bớ, tấn khảo, giam cháp, lưu đầy, chém giết những kẻ có đạo lớn bé, già trẻ

như thế là quân giặc, quân ngụy, sự ấy làm sao ? Tại đâu làm vậy ? Sự ấy bởi tại ma quỷ. Từ khi ma quỷ phải truất chưc thiên thần, phải mất phúc Thiên Đàng, phải phạt xuống làm loài ma quỷ, cùng phải trầm luân địa ngục, thì nó hằng giận ghét, hằng tìm dâng phản nghịch cùng Đức Chúa Lời liên. Mà bởi nó không làm gì được Đức Chúa Lời, thì nó báo thù loài người ta, nhất là nó cố tình làm hại kẻ có đạo cách riêng, vì kẻ có đạo thờ phượng Đức Chúa Lời, cùng làm con cái riêng Đức Chúa Lời, ngày sau được lên Thiên Đàng ngự tòa cao trọng ma quỷ đã ngự xưa, và được hưởng phúc thanh nhàn ma quỷ đã mất rồi. Ma quỷ làm hại kẻ lành, kẻ làm con cái Đức Chúa Lời không đủ, không xuể, thì vien lấy đầy tớ là những kẻ dữ tợn độc ác trong thiên hạ để giúp nó. Sự vua chúa, quan quyền đã cấm đạo cùng giết kẻ có đạo vô vàn, vô số trong nước An-nam, cùng các nước thiên hạ, sự kẻ dữ tợn cùng kẻ độc ác vốn hằng ghen ghét và làm khổn kẻ lành, kẻ nhân đức liên mãi từ xưa đến nay, thì bởi ma quỷ xui xiểm mà ra.

Ma quỷ vốn cố tình phá đạo Thánh

Đức Chúa Lời khắp mọi nơi luôn, song một mình nó phá không nổi, thì nó phải vien lấy đầy tớ, thủ hạ để mà giúp mình. Những vua chúa, quan quyền đã cấm đạo từ xưa đến nay, cùng những kẻ độc ác xấu nết là đầy tớ, thủ hạ ma quỷ hết. Những kẻ ấy hằng vâng lời ma quỷ mà ghét, cùng phá đạo Thánh Đức Chúa Lời và làm hại những kẻ lành kẻ giữ đạo luôn mãi.

Còn sự Đức Chúa Lời làm thịnh cho ma quỷ và đầy tớ nó cấm đạo, cùng làm khổn kẻ có đạo, thì bởi tại Người muốn cho những kẻ được rỗi linh hồn lên Thiên Đàng, phải nên giống như Đức Chúa Giêsu là Đấng đã chịu nhiều sự thương khó, nhiều sự nhục nhã, cùng đã phải kẻ dữ giết nứa. Lại Đức Chúa Lời có ý cho kẻ có đạo chịu nhiều sự khó, thì được thêm công phúc ở đời này, và được thêm sự cả sáng đời sau vô cùng. Ấy là gốc tích duyên do sự cấm đạo thì làm vậy.

Đoạn Thứ Sáu

Về Cố Ven phải xử là thể nào.

Cố Ven ước ao cho được phúc tử vì đạo và khao khát đổ máu mình ra vì Đức Chúa Giêsu lăm lăm. Người không thấy án trong bộ ra. Lúc bà Nghiên và bà Mẫn bưng cơm cho người, thì thường bảo hai bà ấy rằng : Các Cụ chỉ phải đợi một tháng trở lại thì được chỉ. Về phần thầy phải giam đã non hai tháng nay mà chưa được chỉ, thì lấy làm lâu lăm. Thỉnh thoảng người hỏi bếp Khánh và những người nhà quan đến thăm rằng : Àn tôi đã ra chưa ? Khi nào thấy án ra thì xin cho tôi biết ngay. Người nóng nảy ước ao lên chầu chúc Đức Chúa Lời và Đức Bà trên Thiên Đàng, người đã bảo bà Nghiên may một bộ áo mới trọng thể cho người mặc khi đi chịu xử, mà rằng : Tôi muốn mặc áo sạch sẽ đi chịu xử.

Người thu xếp mọi việc như kẻ dọn chết vậy, cùng viết thư giã Đức Cha Chính, Đức Cha Phó, Cố Nhân và những người tình nghĩa, những kẻ đã làm ơn, đã chữa người lâu ngày, như Nhà Mụ Bút Đông .v.v... Người cũng viết về cho nhà quê mỗi người một bức thư riêng, mà giã cha cùng chị em. Trong những thư ấy, người tỏ ra lòng vui mừng vì được đổ máu mình ra vì đạo

Thánh Đức Chúa Lời, lại khuyên cha cùng chị em giữ đạo cho sốt sắng, đừng mến sự vui giả thế gian, một ước ao trông mong những sự vui thật trên trời. Dù bấy giờ người đã gần đến giờ chết mặc lòng, song lời cùng giọng nói thì vui vẻ như kẻ ở đát chơi vậy. Những thư ấy dù viết ban đêm, viết trộm vụng vắn tắt, song khéo lầm, ngôn doản tình trường, người ta bên Tây thích những thư ấy cùng tranh nhau mà xem. Sự ấy chẳng lạ, vì chung dù Cố Ven viết những thư ấy đã lâu, non năm mươi năm, nhưng mà đến bây giờ khi xem thì ai ai cũng vui thích cùng cảm mến người, và động lòng cầm nước mắt chẳng được.

Ngày hai mươi tháng chạp, bà Mẫn bưng cơm hầu Cố, thì người hỏi rằng : Thầy có phải chết năm nay, thầy có được sống đến sang năm chẵng ? Bà ấy thưa rằng : Đến hai mươi lăm là ngày sắp ấn, nếu ngày ấy Cố còn sống thì cũng được sống đến sang năm. Song có khi nay mai Cố phải xử chẵng.

Lời bà ấy nói thì thật, vì chung sáng ngày hai mươi ba, khi bếp Khánh đang hầu quan Thượng, thì thấy lính đưa ống vào. Quan mở ống thấy là án Cố Ven trong bộ phát ra. Quan

xem thì thấy vua y nghị như án các quan dã tâu. Có nhiều lần Cố dã bảo bếp Khánh, hễ khi nào thấy án dã ra thì phải đưa tin cho người biết ngay. Ông ấy không dám đưa tin cho Cố, vì sợ lính khác biết thì làm rầy rà mình. Nhưng mà ông ấy sang ngục nói cho thầy Khang và thầy Lương đang phải giam ở đấy biết, đoạn lại chạy bảo bà Nghiên nữa. Thầy Khang và thầy Lương khất ông dội canh ngục mà đến đưa tin ấy cho Cố, và nhân dịp xưng tội với người lần sau hết.

Cố được tin án người dã ra và người phải xử ngày hôm ấy, thì tỏ ra lòng vui mừng, cùng làm phép giải tội cho hai thầy. Quan Thượng giữ lòng kính Cố cho đến sau hết, thì truyền dụn yến cho người ăn trước khi đi chịu xử. Lính bưng yến cho Cố, thì thưa người rằng : Ông ăn cho no, uống cho say nhé. Cố bảo rằng : Các cậu để mặc thầy ; thật là hôm nay thầy sẽ được ăn bữa no và sẽ được uống bữa say. Lời ấy có ý nói bóng về sự khi người chịu chết đoạn, thì sẽ được lên Thiền Đàng no đầy vui vẻ. Song chúng nó không hiểu, thì lại thưa rằng : Ông ăn cho khỏe nhé. Hôm nay ông sẽ

dược ngồi một mình một chiếu. Ấy là nó nói nhạo chỉ người phải xử, vì lúc xử tử tù quen ngồi chiếu. Cố ăn ít vậy và uống một chén rượu.

Người ăn cơm xong thì nghỉ một chốc, đoạn đọc kinh. Người vốn tươi mặt chẳng tỏ ra dấu gì sợ hãi sốt. Bấy giờ, bà Nghiên đưa một bộ áo mới, người dã bảo bà ấy may, là một cái áo trắng vải nhỏ, niết cái áo thâm dài bằng the, một cái khăn lượt bồng, một cái thắt lưng và một đôi dép. Người cởi áo cũ ra, đóng bộ áo mới vào, thì trông đẹp đẽ xinh tốt lắm. Đang khi Cố mặc áo, thì quan sức lính phải sấp khí giới để diệu Cố đi xử. Bấy giờ, cô Chân là người Kẻ Sét, Cụ Thịnh sai đưa Minh Thánh cho Cố chịu như của ăn đàng, mới đến mang Minh Thánh để trong cái ống như ống thuốc dã lót giấy. Cô ấy thấy lính cầm khí giới súng ống, giáo mác, và dã sấp hàng rồi, thì sợ hãi bối rối, liền vào thẳng đến cũi, toàn đưa ống đựng Minh Thánh cho Cố. Lính thấy cô ấy cầm ống toan đưa cho Cố, thì kêu rằng : Mụ nàng đưa thuốc độc cho tù dây, liền bắt cùng trói cô ấy, cùng bắt cả ống đựng Minh Thánh nữa.

Bấy giờ, bà Nghiên đã quen lính, thì chạy đến bảo nó rằng : Chẳng phải thuốc độc đâu, bèn là của bên chúng tôi quen ăn lúc sấp chết cho được về Thiên Đàng, mà cậu không trả thì cậu chết. Cố cũng truyền cho nó phải trả ống ấy ngay lập tức mà rằng : Ai dám mở ống ấy ra thì chết. Cho nên, chúng nó sợ không dám mở ra, mà lại trả ngay cho bà Nghiên và bà ấy đưa nộp cho Cụ Thịnh. Bởi việc dã lõ làm vậy, thì Cố không được chịu lẽ như của ăn dàng.

Trước khi diệu Cố đi xử, thì lính đưa người vào công đường. Ba quan lớn đang ngồi đấy truyền đọc án cho người nghe. Án người rằng : Tây Dương đạo trưởng Vê-na, ba mươi mốt tuổi, đã biết luật nước An-nam cấm đạo Da-tô, mà còn dám sang bên này giảng đạo ấy và lừa dối dân. Nó đã phải bắt, phải tra hỏi cùng dã nhận các điều ấy. Tôi nó đã rõ, cho nên chiếu luật nó phải trảm quyết, cùng bêu đầu ba ngày, đoạn bô xuống sông.

Đọc án xong, thì quan án bảo Cố rằng : Bên Cụ thì lấy sự chết làm phi lòng, làm vui lẩm. Rồi phép vua, phép triều truyền cho Cụ phải chết, chẳng phải ta giết Cụ đâu. Cố trả

lời rằng : Phải. Bên chúng tôi biết sinh ký tử quy⁽¹²⁷⁾. Tôi sang An-nam chỉ một sự giảng đạo lành, khuyến nhân hành thiện mà thôi. Tôi không làm sự gì nghịch ác, không làm tội nào đáng chết, mà các quan đã làm án giết tôi, thì tôi bằng lòng chết vì đạo Thiên Chúa, cùng vì người An-nam. Hôm nay, đến lượt tôi phải chết, mai kia đến lượt các quan mà chết, đoạn cả tôi, cả các quan sẽ đến trước tòa Đấng công bằng vô cùng, hay thường kẻ lành, kẻ nhân đức, và phạt kẻ dữ, kẻ gian ác, xin các quan hãy nghĩ.

Quan án thấy Cố nói làm vậy thì sợ mà nói rằng : Chú chết mặc chú, việc này tại chú. Ta chỉ xin chú đừng oán. Cố trả lời rằng : Các quan đừng lo, tôi không oán, mà lại cầu cho các quan được phúc. Xin các quan nghỉ lại, tôi về Thiên Đàng. Các quan xin Cố đừng oán, vì vốn kẻ ngoại hay tin những kẻ phải xử thì trở về oán thù những kẻ đã giết mình.

Cố nói đoạn thi quan án truyền đem người đi xử. Phó quản cơ làm giám sát cõi ngựa đi trước, Cố đi sau giữa lính. Có bốn tên lính cầm gươm trấn di kèm hai bên người, sau có voi và hơn một trăm

quân theo nữa. Đến cửa Bắc, Cố thấy có thập tự đóng, thì bắt cất ra một bên, rồi người mới đi.

Đức Cha Đông đã viết thư cho Cụ Thịnh rằng : Khi án xử Cố Ven ra, ví bằng Cụ biết sớm, thì cụ phải lên tinh, mà khi Cố đã ra khỏi cửa thành được ba trăm bước, cùng dể tay trên ngực thì Cụ sẽ giải tội cho người. Tôi đã có lời giao với người làm vậy. Vậy khi Cố Ven đã ra khỏi thành độ ba trăm bước, thì dể tay trên ngực, cùng trông chung quanh như thế là có ý xem có thấy Cụ Thịnh chăng. Song hôm ấy Cụ Thịnh không lên tinh, vì người không biết Cố phải xử ngày hôm ấy. Người ta đưa tin không kịp.

Mọi khi quan xử tù ở Cầu Giấy. Còn Cố thì quan diệu di qua phố hàng Đậu, đoạn trẽ ra cánh Hà gần bờ sông, vì án dạy Cố phải trảm quyết, bêu đầu ba ngày đoạn bỏ xuống sông. Cố mang xiềng, mặc áo the, mặt vui vẻ tươi tắn, hồng hào, vừa di vừa hát kinh La-tinh to tiếng. Ké ngoại thấy người còn trẻ tuổi, dẹp đẹt, tốt lành thì kháo nhau rằng : Người thế này mà phải chết, thật là đáng thương. Người khác nói rằng : Ông Cụ Tây mạnh

bạo và gan thật. Người di chịu xử như người ta dí dám vui. Gươm kề cổ mà vẫn cười đầy. Lúc di dọc dàng, cai Kỳ vốn canh giữ Cố thưa rằng : Bẩm Cụ, những thanh gươm đã đem di đây thì đụt cả. Cụ có bằng lòng tôi di mượn gươm khác, kéo chém bằng gươm này thì Cụ lâu chết và đau quá. Cố bảo rằng : Thầy càng phải nhiều lát thì càng tốt.

Đến nơi xử lính đóng vòng, mà Cố thì quỳ xuống vừa đọc kinh La-tinh to tiếng, vừa ngửa mặt lên trời như phó linh hồn cho Đức Chúa Giêsu, cùng Đức Bà, thỉnh thoảng người cũng trông bốn bên chung quanh như thế là có ý xem Cụ Thịnh có đến làm phép giải tội cho người chăng.

Người cầu nguyện xong, thì lính bắt người đứng dậy mà di phỏng bộ một mẫu ruộng, đoạn nó mới đóng cọc, bẻ xiềng cho người ; lúc nó toan trói người vào cọc, thì nó dõi người rằng : Ông phải lăng trì, cho nên xin ông để lại xống áo cho chúng tôi, thì người cởi áo ngoài ra cho chúng nó. Chúng nó lại lột cả khăn lụt, áo lót và dây lưng, chỉ để có một cái quần mà thôi. Người không quở mắng, chỉ nói có ba tiếng : xê xi xê⁽¹²⁸⁾. Bấy giờ,

bếp Khánh vốn theo người mãi, thì đến gần mà xắn quần lại cho chặt kẽ nó tụt xuống.

Cố tụt dép đưa cho bà Nghiêm, rồi quỳ xuống chiếu miến dã giải sấn. Người vốn cầu nguyện và thỉnh thoảng trông lên trời, cùng mỉm cười, mặt vốn tươi tắn, chẳng có dấu gì lo sợ. Thằng lý hình chém người tên là Tuế, dạng nó xấu xa, sau lưng nó có bướu to bằng cái nồi, trông thật gớm ghiếc lắm. Nó quen đi phường chèo, mà nó dã chạy với quan xin xử Cố, vì nó tham xống áo người. Đến nơi xử, nó thưa Cố rằng : Ông cho tôi ba quan, thì tôi sẽ xử một lát mát mẻ. Cố bảo nó rằng : Càng lâu càng hay, chủ muôn làm thế nào thì chủ làm mặc chủ. Thầy không có tiền.

Vậy khi dã săn cả rồi thì quan giám sát dịch loa rằng : Nghe dứt ba hồi chiêng thì cứ phép, song vừa morm chiêng thì, thằng bếp Tuế chém ngay. Nó chém một lát trước thì đầu nghiêng ra bên vai ; nó chém hai lát nữa thì chưa dứt, mà gươm gãy, cho nên nó phải lấy gươm khác mà chém hai lát nữa, thì đầu Cố gập xuống ngực, mà gươm thì cong lên. Nó phải lấy chân uốn gươm lại cho thẳng, rồi luồn gươm dưới cổ mà

cưa đi cưa lại thì mới dứt. Thằng Tuế tung dầu Cố lên ba lần cho quan giám sát xem. Quan gọi dân sở tại bảo bêu dầu ba ngày và canh nhật dạ⁽¹²⁹⁾, đoạn quan quân kéo về tỉnh.

Người ta, kẻ ngoại và kẻ có đạo đến xem đông như kiến. Mà khi Cố phải xử vừa xong, thì tranh nhau thám máu người, đến nỗi nó nhổ cả cổ, và đào cả đất nơi xử đưa về nhà nó.

Đoạn Thư Bảy

Về sự táng xác Cố Ven

Vậy dân sở tại nhận lấy dầu Cố Ven quan giao cho, bỏ vào sọt bêu ba ngày như lời quan đã truyền. Còn xác thì nằm trần trên chiếu người ngồi khi phải xử một lúc lâu, vì chưa có quan tài. Bà Nghiêm, bà Mẫn, cô Ân, cô Lý và hai ba người đàn bà khác có đạo ngồi bên xác mà khóc, như người ta quen khóc khi cha mẹ mình chết vậy. Lúc ấy, có một người lái mành quê Nghệ An, thấy xác Cố nằm trần thì thương, và cởi

áo mình ra mà mặc cho người. Khỏi ít lâu, người họ Trại Phong khiêng quan tài đến, song chưa có người đào huyệt. Bấy giờ, hương Mới nói với ông Tài là người có đạo, quê Kẻ Lượng, đang làm quyền suất đội xin ông ấy giúp việc táng xác. Ông ấy bằng lòng liền sai lính đào huyệt và mai táng cho Cố. Người ta quấn xác vào chăn vải và chiếu Cố ngồi lúc phải xử để vào quan tài, mà khi đã hạ huyệt thì lấp lại cùng đắp mồ nồi. Lý Vững là người Đồng Trì và hương Mới là người Kẻ Või đứng đầu lo việc ấy.

Nơi táng xác Cố ở liền bờ sông, và có lẽ mà ngại khi nước lớn và chảy mạnh thì đánh lở mất mộ người, cho nên đến tháng năm năm sau, thì Cụ Thịnh sai lý Vững và hương Mới lên bốc xác mà đưa về táng ở làng Đồng Trì. Xác Cố Ven ở làng Đồng Trì cho đến khi tha đạo rồi. Bấy giờ, Bè Trên định bốc, thì sai Cố Chính Phúc đang ở Tầm Sở, lên Đồng Trì cho được áp việc ấy. Cố Chính Phúc đến nơi bắt khai quật, đoạn người bốc xương đem về Kẻ Tầm, rửa phơi cho kỹ, cùng biến từng cái một, rồi đem về nộp cho Đức Cha Khiêm, mà Đức Cha gửi

về Tây, năm một nghìn tám trăm sáu mươi lăm cũng là Tự Đức thập bát niên. Khi Cố Chính Phúc bốc hài cốt Cố Ven, thì có Cụ Thịnh, ông già Lê, hương Mới giúp, còn ông lý Vững thì đã chết rồi.

Áy là về xác Cố Ven thì làm vậy. Còn đầu cứ án các quan đã làm, thì phải bêu ba ngày, đoạn bỏ xuống sông. Cho nên, khi Cố đã phải xử rồi, thì dân sở tại nhận lấy đầu quan giám sát giao cho bỏ vào sọt. Vì tóc Cố vẫn lấm và bêu lên ngọn cây luồng cắm ở bờ sông ba ngày, lý Vững và hương Mới bàn với nhau lập cách nào để khi đầu Cố đã phải bỏ xuống sông thì dễ tìm lại được. Vậy hai ông ấy sắm mấy cái lưỡi câu và ba bốn chục sợi gai, cùng định móc lưỡi câu vào hai tai cho vững, còn dây thì một đầu buộc vào lưỡi câu, một đầu buộc vào đầu chuối cho được làm phao, để khi đầu đã bỏ xuống sông mà phao chuối nổi ở đâu thì đầu ở đấy. Hai ông ấy nói với sở tại bằng lòng và cũng đồng với hai ông mà làm cách ấy.

Đến tối ngày thứ ba, quan huyện Thọ Xương sai người em

di bỏ đầu Cố xuống sông. Khi đã chở thuyền đến giữa sông, thì người nhà quan truyền bỏ đầu xuống. Người ta vâng bô xuống thật, nhưng mà tay còn cầm giữ đầu dây cùng buộc vào thang thuyền. Xong việc thì thuyền chèo về. Lúc đến gần bờ, thì có tiếng kêu rằng : Quan huyện đến khám, chính quan huyện đến khám. Bấy giờ, kẻ coi đầu dây sợ, kéo quan bắt được, thì kéo mạnh dây đứt cho nên mất đầu.

Việc đã lỡ làm vậy thì lý Vững và hương Mới đến trình Cụ Thịnh cho người biết. Cụ Thịnh yên ủi, bảo đừng ngã lòng, một chịu khó tìm thì sẽ thấy. Hai ông ấy thuê hai chiếc thuyền di câu rò dưới sông hai ba ngày mà không thấy. Bấy giờ té đến, người ta bỏ không tìm nữa. Ngày mồng năm tháng giêng, lý Vững thuê thuyền lên tỉnh Hà Nội, có ý đào trộm xác Cố Ven, song ngăn trở chàng này cách khác không làm được, thì trở về. Ông ấy đi dã xa, đến vũng dột xa tinh cỏ, khi đến bốn giờ đồng hồ, lái thuyền không có dạo thấy cái gì lập lòe lúc đèn lúc trăng đang nổi lên, thì bảo lý Vững xem là dí gì. Lý Vững bảo lái thuyền mắc te, chèo đến chỗ ấy xúc lấy. Lái thuyền chèo đến

nơi cất lấy vào thuyền. Bấy giờ, lý Vững nhận thật là đầu Cố Ven. Ba lưỡi câu đã mắc thì mất hai, chỉ còn lưỡi câu đã mắc vào tai hữu và độ một gang chỉ gai, mặt thì lấm, song dễ nhận. Lý Vững bỏ đầu Cố vào túi gai ông ấy quen dựng tiền, cùng đem về nhà, rồi đưa tin cho Cụ Thịnh biết. Cụ Thịnh đang ở Kẻ Sét, liền xuống Đồng Trì xem, thì cũng nhận là thật đầu Cố Ven. Người liệm vào cái nồi, đoạn đưa nộp cho hai Đức Cha đang ở Kẻ Trù. Lúc Cụ đưa đầu vào, thì hai Đức Cha đang ngồi nói truyện. Đức Cha Đông liền đứng dậy, mở nồi lấy đầu Cố ra để trên kệ chảng cho ai mó vào sốt. Người vừa khóc vừa đọc kinh, rồi bảo nấu nước hoa rửa và lau đầu cho kỹ, lấy lược chải tóc, đoạn liệm vào cái nồi đất. Đức Cha Đông quỳ trước đầu Cố Ven, vừa khóc lóc vừa cầu nguyện cho đến khuya. Sáng mai, hai Đức Cha làm lễ tạ ơn vì đã tìm được đầu Cố. Rồi Đức Cha táng trong nhà ông Tạ là người Kẻ Trù.

Năm Tự Đức tam thập nhất niên, một nghìn tám trăm bảy mươi chín, Đức Thánh Pha-pha Lê-ông thứ mười ba đã

phong Cố Ven lên bậc đáng kính. Lại đến năm Duy Tân tam niên, một nghìn chín trăm chín, Đức Thánh Pha-pha Phi-ô Thủ Mười đã tặng người lên chức chân phúc, làm một với năm Đáng tử vì đạo khác về Địa Phận Tây, là Cụ Hưởng, Cụ Tịnh, thầy Vân, Cố Bắc và I-nê bà Đê.

Đoạn Thứ Tám

Về Cố Ven đã làm gương sáng nhân đức là thế nào.

Trong những đoạn trước này, ta đã kể tắt truyện Cố Ven, từ khi sinh ra cho đến lúc người chịu chết vì đạo. Nay giờ, ta phải kể qua năm ba nhân đức người đã tập cùng đã làm gương cho người ta cách riêng.

Có lời Ông Thánh Bê-na-du⁽¹³⁰⁾ dạy rằng : Các Thánh khi còn ở thế gian thì làm gương nhân đức cho người ta, mà khi đã về Thiên Đàng, thì bầu cử cho người ta trước mặt Đức Chúa Lời. Điều ấy thật lắm. Về phần Cố Ven, khi còn bé ở nhà, và trong những năm người học hành trong nhà trường, cùng khi đã làm thầy cả, thì hằng

làm gương nhân đức liên. Trước là người đã làm gương sáng cho mọi người khi còn bé ; vì chung, khi người còn bé ở nhà, thì thảo kính cùng vâng lời chịu lụy cha mẹ, hòa thuận thương yêu chị em, ở nghiêm trang nết ná, say mùi đạo, siêng năng đọc kinh lần hạt, cùng lấy sự đi nhà thờ, nhà thánh làm vui thích. Người mới lên chín tuổi, xem sách truyện các Thánh Tử Vì Đạo, thì vui mừng, nức lòng cùng ước ao đổ máu mình ra vì Đức Chúa Lời. Ấy Cố Thánh Ven khi còn bé ở nhà thì đạo đức, và có lòng kính mến Đức Chúa Lời làm vậy.

Sau là khi Cố Ven đã vào nhà trường, thì làm gương nhân đức cho những kẻ đã dâng mình trong nhà Đức Chúa Lời. Vì chung, dù khi học Latinh, dù lúc học **cách-vật**⁽¹³¹⁾, cùng sách lý-doán, dù khi học ở địa phận người, dù lúc học ở Nhà Chung Pha-ri, thì người vốn làm gương cho anh em, bạn học về sự đạo đức sốt sắng, sự năng chịu lẽ, sự chầu Mình Thánh, sự trông cậy kính mến Đức Bà, sự tôn kính vâng lời kê Bê Trên, sự hòa thuận thương yêu anh em, và sự chịu khó học hành. Trong Kinh Thánh có lời nói về ông Tô-bi-a rằng :

khi người còn trẻ tuổi thì ăn ở như người lớn vậy. Cố Thánh Ven cũng vậy. Khi người còn trẻ tuổi thì ăn ở chính dính, đứng dần, ăn nói khôn ngoan, chắc chắn. Dù mà người sáng dạ, thông minh vượt các anh em, bạn học, song vốn khiêm nhường hiền lành, chẳng cậy tài trí mình chút nào. Các Đấng dạy dỗ coi sóc thấy người có đức, có tài, dù điều khác thường người ta, thì mừng và trông ngày sau người sẽ làm sáng danh bậc đấng làm thầy, và giúp Thánh I-ghê-rê-gia được nhiều việc. Cho nên, khi thấy người bỏ Địa Phận mà đi giảng đạo cho kẻ ngoại, thì tiếc là dường nào ! Đức Vít-vồ Địa Phận truyền lại rằng : Khi người đến già tôi, mà quỳ xuống xin tôi làm phép, thì tôi phải cho đi, không dám cầm người lại, vì sợ trái Thánh Ý Đức Chúa Lời. Song tôi tiếc người lăm, cùng biết địa phận tôi mất người thì thiệt nhiều. Ấy Cố Thánh Ven đã làm gương nhân đức khi người học hành trong các nhà trường thì làm vậy.

Sau nữa, Cố Thánh Ven làm gương sáng cho các đấng làm thầy. Đến được càng giờ cao thì càng sáng ra. Khi Cố Thánh Ven đã lên bậc đấng làm thầy, là bậc cao trọng hơn mọi bậc, thì

càng làm gương sáng nhân đức, nhất là sự theo Thánh Ý Đức Chúa Lời, và chịu bệnh tật, chịu khó bằng lòng, sự thờ phượng kính mến Đức Chúa Lời, trông cậy Rất Thánh Đức Bà, sự hãm mình, hãm xác thịt, thương kẻ khó khăn và sự chịu khó cứu linh hồn người ta.

Trước là Cố Thánh Ven đã làm gương sự theo Thánh Ý Đức Chúa Lời, và bằng lòng chịu những sự khó thường gặp ở đời này. Trong những năm người học hành, thì vốn khỏe vừa phải, song Bề Trên vừa gọi người chịu chức được mấy ngày, thì người ngã bệnh nặng. Ai ai cũng tưởng rằng chẳng có lẽ nào người chịu chức làm một với anh em được. Chính người cũng tưởng như vậy. Song ơn Đức Bà thương người cất cơn sốt, mà đến ngày lễ Truyền Chức thì gắn bò ra nhà thờ chịu chức thầy cả.

Xong lễ Truyền Chức được một ngày, Bề Trên phát bài sai cho các thầy cả mới chịu chức được sang giảng đạo nước nọ, nước kia, còn người thì không. Bề Trên dạy người phải nghỉ uống thuốc, rồi ra Bề Trên cho người sang Hương Cảng, song chưa phát bài sai, một dạy người hãy nghỉ lại đây, bao giờ khỏe thì sẽ gửi bài sai cho. Người chờ ở Hương Cảng mười lăm tháng

tròn, đoạn mới được bài sai di giảng đạo trong Địa Phận Tây Đàng Ngoài.

Người phải những sự khó lòng ấy, gặp những điều trái ý mình làm vậy, thì chẳng có phần nàn buồn bã, năn nỉ bao giờ, một vốn bằng yên vui vẻ liên. Người đã biết mọi sự thế gian này, thì Đức Chúa Lời định hết. Lại đã biết ý Bề Trên cũng là ý Đức Chúa Lời, cho nên người ép mình, ép xác cho được bỏ ý riêng mình mà theo Thánh Ý Đức Chúa Lời và ý Bề Trên cho lọn.

Khi người đã sang địa phận này, còn dang học tiếng, thì phải bệnh lao, bệnh suyễn, cùng bất phục thủy thổ, khi thì sốt rét, lúc thì đi tả, chẳng được ngày nào khỏe sốt. Người mang bệnh nặng làm vậy dù ba năm tròn, và đã nhiều lần xuýt chết, cùng đã phải chịu các phép ba lần. Khỏi ba năm, người nhờ cụ Điều làm điều hộ Nhà Chung cứu⁽¹³²⁾ cho thì mới bớt bệnh, mới khá, mới gắng di làm phúc được ít nhiều. Trong những năm người ốm đau bệnh tật, thì chẳng ai xem thấy người âu sầu, buồn bã, phàn nàn, cùng than thân trách phận bao giờ. Người bằng cứ bình tĩnh tươi mặt liên. Độ người phải ốm nặng lắm, thì viết thư về nhà quê rằng:

tôi gắng viết mấy chữ già cha cùng chị em. Có khi thư này là thư sau hết; tôi chẳng còn viết thư nào nữa, vì các thầy thuốc dã chê, dã bỏ, không còn bốc thuốc cho tôi nữa. Tôi kiệt sức di dần dần như đèn dã gần hết dầu. Nhưng mà dù Đức Chúa Lời định cho tôi yếu hay là khỏe, sống hay là chết, thì tôi cũng bằng lòng, chẳng dám phàn nàn chút nào. Xác tôi hèn hạ, tội lỗi phải chịu đau đớn khổ cực ở đời này, thì mới được sáng láng tốt lành đời sau.

Có nhiều kẻ khi phải bệnh não hay là yếu nhè nhẹ vậy, liền nghỉ không làm việc gì, mà thường bỏ đọc kinh lần hạt nữa. Các thầy kể giảng đã giúp Cố Thánh Ven làm chứng: Khi người ốm đau dáng nghỉ mọi việc, thì cũng gắng làm lễ đọc kinh lần hạt, cùng xem sách học hành, dịch sách họ, chữa sách kia liên. Người đã dịch ra sách tóm bốn E-van và thư Ông Thánh Bảo-lộc nữa. Ngày sau, khi người đã di coi sóc địa phận, dù yếu đau thì cũng Cố gắng di làm phúc, giảng sốt sắng và giải tội khuya. Đang lúc cấm ngặt, người ẩn ở họ nào thì làm phúc họ ấy. Người ta thấy người yếu, thì xin người nghỉ, nhưng

mà người không nghe, lại bảo rằng : Rầy tôi sống, tôi phải chịu khó làm ; lúc tôi đã chết rồi thì sẽ nghỉ trên Thiên Đàng.

Về sự thờ phượng Đức Chúa Lời, thì Cố Thánh Ven sốt sắng làm lẽ nghiêm trang, không lâu không chóng, vừa phải. Người nguyện ngầm dọn mình làm lẽ lâu, và khi làm lẽ đoạn thì quỳ cám ơn trước bàn thờ. Lúc đọc kinh thì cầm lòng cầm trí, không trông ngang trông ngửa bao giờ. Người ta thấy diệu dạng người lúc đọc kinh, liền hiểu biết người quên mọi sự thế gian, cùng ra như xem thấy Đức Chúa Lời ở trước mặt mình và mãi miết nói khó cùng Đức Chúa Lời.

Người có lòng trông cậy và kính mến Đức Bà phi thường lắm, cùng đã phó lót mình trong tay Đức Bà từ thuở còn bé. Các việc người làm, nhất là những việc trắc trở, khó lòng, thì người trông cậy Đức Bà hết ; lại khi phải sự gì khốn khổ, gặp cơn gian nan, liền chạy đến xin Đức Bà cứu chữa. Có kẻ truyền lại rằng : Cố Thánh Ven cầu xin Đức Bà sự gì thì được sự ấy luôn, chẳng bao giờ không. Khi ta suy sự Cố Thánh Ven sinh ra ngày lễ Đức Bà Dâng Mình Trong Đền thánh và chịu chết vì đạo ngày lễ Đức

Bà Dem Đức Chúa Giêsu Vào Đền Thờ, thì có lẽ mà đoán sự ấy chẳng phải tình cờ, bèn là dấu Đức Bà đã nhận người làm con cái và thương cách riêng. Người kính mến Đức Bà cho hết lòng và khuyên bảo người ta trông cậy Đức Bà cho hết sức. Khi người ăn ở nhà người ta, lúc phải giam trong cũi trên Hà Nội, thì vốn deo tràng hạt ở cổ và người ta hằng thấy người lần hạt liên. Có một thầy cả quen xưng tội với người, truyền lại rằng : Lúc người ngồi tòa giải tội, thì khuyên bảo những điều tốt lắm. Song chẳng có khi nào người nói sốt sắng cho bằng lúc người khuyên bảo về Đức Bà, xem ra người kính mến Đức Bà lắm.

Đoạn Thứ Chín

Còn nói về các nhân đức Cố Thánh Ven.

Cố Thánh Ven hay hãm mình, hãm xác thịt. Về sự ăn uống, thì người ăn tiết kiệm ; người ta dọn thể nào thì lấy làm bằng lòng, làm đủ, không nói đến sự ăn uống bao giờ. Mà hoặc người có nói lần nào thì nói cho

được cấm dọn nhiều đồ ăn, dọn trọng thể. Dù khi người ốm nặng, thì không ăn thịt ngày kiêng. Trong nước An-nam, những người bần quê nhờ phép rộng Tòa Thánh ban cho, thì cả Mùa Chay chỉ phải ăn chay các ngày thứ sáu mà thôi. Nhưng mà Cố Thánh Ven, Đức Cha và các Cố là người Tây Phương, không được nhờ phép rộng ấy, thì phải ăn chay lót mùa chay. Đức Cha Liêu thấy Cố Thánh Ven ốm đau liên măi, thì cấm người không được ăn chay. Nhưng mà người vốn ăn chay chẳng những là các ngày thứ sáu trong Mùa Chay, mà lại các ngày thứ sáu quanh năm. Chẳng những là người ăn chay, mà lại hay đánh tội nữa. Người đã sám roi bằng dây gai thắt nút cứng lăm, cùng giấu kỹ không cho ai biết. Song khi người đang ẩn ở Kẻ Bèo, thì rõ rà có kẻ xem thấy. Đến lúc tuần Đô bắt cùng diệu người đi, thì người quẳng vào bụi tre, mà người ta được ở đấy.

Người chỉ mặc áo vải, quần vải, đắp chăn vải mềm bông An-nam. Trước người không có dệm, song ngày sau người ốm đau lăm, mà nằm thì đau mình, cho nên Đức Cha Liêu bảo người phải may một cái. Mùa đông người chỉ mặc áo đơn. Các thầy kẻ giảng giúp

người xin may áo bông, áo mền cho khỏi rét, thì người bảo rằng : Làm thế, nào còn nhân đức gì ? Khi người lạnh lùng rét quá, thì chạy ra sân vo chân, vo tay một lúc rồi lại vào ngồi xem sách.

Cố Thánh Ven có lòng thương kẻ khó khăn cùng hay làm phúc cho nó, khi thì cho tiền, lúc thì cho áo. Người đã bảo các thầy, khi may áo lót cho người thì phải may khí dài, để khi có phát cho kẻ khó thì nó mặc được, mà không cộc quá. Có lần người cho hết áo, không còn cái nào mà thay. Có một năm, người đang ở Bút Đông, thiêng hạ dối lăm, thì người phát tiền phát áo, mà khi hết không còn dí gì mà phát, thì người gọi ông Thọ là người Kẻ Bút, bán cho ông ấy một miếng ảnh chuộc tội nạm bạc quý hóa, người vốn mang trong mình. Ông ấy trả cho người một chục quan tiền, thì người bằng lòng bán, rồi người lấy tiền ấy mà làm phúc cho kẻ khó. Những tiền bạc Đức Cha ban cho người uống thuốc, thì người cũng lấy mà làm phúc cho kẻ khó nữa. Kẻ khó biết người có lòng thương nó lăm, thì thường ăn mày người trong tòa giải tội, mà lúc giải tội đoạn thì người bảo các thầy đưa

tiền cho nó. Các thầy xin người đừng làm phúc cho những kẻ vào ăn mày trong tòa giải tội, vì có nhiều đứa vào tòa chỉ để lòng, để trí mà xin, không để trí mà xứng tội. Người bảo rằng : Úi thầy sẽ chưa. Nhưng mà thấy nó khốn khó quá, và thiếu thốn lẩm, thì thầy không cầm lòng được.

Nhân đức riêng kẻ ở bậc dâng làm thầy, là thương xót và chịu khó cứu lấy linh hồn người ta. Thầy cả nào chẳng có lòng thương linh hồn người ta, không để lòng, để trí, tìm thế liệu cách cứu lấy linh hồn người ta đêm ngày, thì mang tiếng là dâng làm thầy song không làm việc bậc dâng làm thầy. Cố Thánh Ven đã làm gương nhân đức ấy. Người có lòng thương linh hồn người ta quá sức nói ra chẳng được. Người thấy mình ốm đau liên măi, thì than thở rằng : Chớ gì thầy được khỏe mà làm phúc cho bốn đạo ! Thầy sang An-nam cho được giảng đạo, mà chỉ ốm yếu thế này, thì không làm ích gì cho con chiên được. Khi người ở Nhà Chung Kẻ Vĩnh, phải ốm liệt không ra khỏi giường, thì người còn giải tội cho người nhà. Đức Cha phải cấm người không được giải tội. Người ốm đau ba năm trời. Khỏi ba năm mới bớt bệnh,

mới khá và có thể đi làm phúc cho người ta được ít nhiều, thì Đức Cha Liêu dạy người coi sóc bốn xứ, thay cho Cố Chính Nam đã qua đời. Từ bấy giờ cho đến ngày người phải bắt, thì hằng lo lắng về con chiên mình liên. Người hằng giục các họ rước làm phúc, mà người cũng đã di làm phúc nhiều họ. Họ nào người ta sợ hãi quá không dám rước, thì người cũng đến thăm một hai ngày mà yên ủi khuyên bảo người ta trông cậy. Đức Chúa Lời, và giữ đạo cho vững vàng, đừng ngã lòng, vì xong cơn bão táp thì trời lại yên lại sáng. Đang giữa cơn cấm đạo ngọt, khi các Nhà Chung, nhà trường, nhà xứ đã phải phá, đã phải triệt hạ, lúc các thầy cả di ẩn chẳng còn ai dám ra mặt, thì người còn mở tuần làm phúc ở Kẻ Bèo, Bút Đông và Bút Sơn hằng tháng trời. Trong tuần làm phúc, người khuyên chung, và gọi bảo riêng những kẻ khô khan đã bỏ xưng tội lâu năm, cùng những kẻ mắc rối ăn năn lở lại, gỡ mình ra. Những kẻ tốt lòng đạo, thì người khuyên bảo năng xưng tội chịu lễ, cùng dạy kỹ càng người ta cách giữ linh hồn mình thanh sạch. Người hằng lo lắng cho trẻ con được học kinh bổn, biết

dàng xung tội chịu lẽ. Người thương kẻ liệt lào cùng kẻ mong sinh thì cách riêng, cùng hết sức lo liệu cho nó được chịu các phép. Độ người đang ẩn trong Nhà Mụ Bút Đông, thì ở làng ấy có một người khó khăn, liệt nặng, ước ao xung tội với người lăm. Những người chỉ em biết, song không muốn trình, vì sợ Cố ra làm phúc cho người ấy thì trống, và người ta biết người ẩn ở đấy. Cố nghe biết làm vậy thì buồn lăm, phạt cả Nhà Mụ, mà không các phép, thì ai chịu tội ấy ? Ai đền linh hồn ấy ? Phần thầy thà chết, chẳng thà để người ta chết mà không được ăn mà các phép.

Về những nhân đức Cố Thánh Ven thì ta nói bấy nhiêu, không nói hết được. Nhưng mà ta kể bằng ấy cũng đã đủ, cho người ta biết người đã làm gương nhân đức họa hiềm lăm. Có lời dấng khôn ngoan nhân đức kia nói rằng : Tôi xem Truyện Các Thánh thì vui thích, song khi tôi thấy các Thánh chỉ rặt những nhân đức, không có một chút nết xấu nào, thì tôi buồn và ngã lòng, vì không trông bắt chước các Thánh, không trông nên Thánh được. Dấng ấy nói phải lăm, cho nên những kẻ chép truyện

các Thánh thì cũng phải nói đến nết xấu các Thánh nữa, kéo chỉ kể những nhân đức mà che dậy chẳng nói đến nết xấu các Thánh, thì làm dịp mở dàng cho những kẻ xem Truyện Các Thánh ngã lòng không trông bắt chước các Thánh, không trông nên Thánh được. Vậy ta phải tin thật, dù mà các Dấng lọn lành thể nào mặc lòng, thì hãy còn mang nết xấu trong mình, chẳng có không đâu. Nhưng mà các Dấng ấy không dung nết xấu mình như người ta, bèn chịu khó ra sức sửa nó lại liên mài, cho nên lâu lâu được nhiều công phúc và được nên lọn lành, được đến bậc Thánh. Cố Thánh Ven cũng có nết xấu như các Thánh khác. Người ta truyền lại rằng : Người nóng tính, hay bắn gắt, mắng mỏ những kẻ giúp người, nhưng mà người chỉ gắt một lúc, nói một hai lời mà thôi, rồi lại hiền, lại vui vẻ, cùng nói một hai lời đem lại cho người ta khỏi buồn. Người mắc nết xấu ấy trong những năm phải bệnh, và ốm đau quá. Vì khi trước vốn người không có tính ấy, và ngày sau lúc người đã bớt bệnh, thì cũng không còn tính ấy nữa. Sự ấy chẳng lạ gì, vì chúng những kẻ phải bệnh, nhất là kẻ phải lâu ngày lâu tháng thì thường đổi tính,

cùng sinh ra bắn gắt, bởi tại đau đớn khó chịu trong mình mà ra. Các Đấng đã quen biết và ở làm một với người ở Nhà Chung Kẻ Vĩnh, như Cụ Thế, Cụ Sáu, Cụ Thịnh, đều nói rằng Cố Ven ăn ở lịch sự, hòa nhã, vui vẻ. Lại ngày sau, khi người phải bắt, phải tra hỏi, thì thưa với các quan cách mềm mại tử tế, cho nên các quan đã thương cùng nể, vì không nỡ đánh và làm khổ người, như đã làm cho nhiều Đấng khác. Vì vậy, ta phải hiểu Cố Thánh Ven bắn gắt với đầy tớ trong nhà khi bệnh tật, lúc lên cơn mà thôi. Còn với người ta ở ngoài cùng lúc đã bớt bệnh, thì không bắn gắt với ai, một ở hiền lành hòa nhã cùng vui vẻ, tươi mặt liên.

Lại có ít nhiều kẻ kêu rằng : Cố Thánh Ven thẳng nhặt quá ; người thấy ai lối phép, làm sự gì có tội, liền phạt ngay không làm thính. Các thầy phòng bộ có lối diều gì nặng nhẹ, thì người cũng phạt bắt quỳ, đọc kinh, lân hạt, làm một hai phiên bếp, không nhân thứ chút nào. Những kẻ kêu làm vậy là những kẻ không hiểu, không suy chính việc bậc kẻ Bề Trên phải làm là thế nào. Vậy phải biết, trong nhà Đức Chúa Lời có nhiều

thứ người làm. Có người đạo đức nết na, giữ phép và hay chịu khó, có lòng mến nhà Đức Chúa Lời, sống chết muốn ăn mày trong nhà cho trọn. Những kẻ ấy thật lòng giúp việc cùng giữ tiếng tốt cho nhà Đức Chúa Lời, chẳng mấy khi làm sự lỗi. Lại có thứ người chỉ ở nhà Đức Chúa Lời trợ thì mà thôi, chẳng quyết ở cho lợn, hay ở nhỡ bước, chẳng thiết gì, hễ nó gặp dịp gì tốt, món nào bở, thì bỏ nhà Đức Chúa Lời mà về thế gian ngay.. Những kẻ thể ấy có tính dài các, chỉ lo ăn lo mặc, sắm sửa đồ lě quý trọng quá bậc ; lại muốn nghỉ, muốn chơi, không muốn làm, cùng lối phép, ăn ở bậy bạ luôn. Vậy chính việc kẻ Bề Trên là bắt mọi người phải giữ phép, cùng quở trách sửa phạt kẻ có lỗi. Nếu kẻ Bề Trên thấy kẻ bê dưới làm sự lỗi mà ngoảnh mặt làm ngơ, hay là nhu nhược non tay, cùng vì e sợ miệng lưỡi người ta chê báu nói xấu mình, thì người bỏ không làm việc bậc mình, người bắt chước thầy cả Hê-li xưa, dung nết xấu con cái, mà không khỏi tay Đức Chúa Lời phạt được. Lại có lời Ông Thánh Bảo-lôc bảo ông Ti-mô-thêu rằng : Có nhiều kẻ hay lỗi

phép, ăn gian nói dối, tham của, mê đời, lười linh, muốn ăn, không muốn làm, thì con phải lấy quyền phép mà phạt nó nghiêm thẳng, đừng để cho nó khinh dể con, cùng làm cho hứ mất quyền cai trị. Cố Thánh Ven đã biết những điều ấy, cho nên người thấy ai làm sự lỗi, thì quở phạt kẻ ấy. Vả lại, Cố Thánh Ven vốn là người đạo đức sốt sắng, giữ phép nhiệm nhặt từ thuở còn bé. Chẳng những là chính người giữ phép nhiệm nhặt, chẳng sắm cho mình bao giờ, mà lại người cũng muốn bắt kẻ khác giữ như vậy nữa. Người thẳng phép với những người nhà Đức Chúa Lời và những người Đồng Nữ, vì những kẻ ấy đã dâng mình cho Đức Chúa Lời cách riêng, cùng ở bậc lòn lành. Bằng sự bốn đạo thì người ở rộng phép và dễ dàng hơn. Khi người phạt thì không có sốt động trong lòng, không gắt, chẳng giận, cứ bình tĩnh yên hàn, vui vẻ như thường. Mà khi người ta đã chịu phạt rồi, thì người lại ở với kẻ ấy như trước vậy.

Có nhiều kẻ non dạ, non tay nghĩ rằng : Nhân đức hiền lành ở tại ngoảnh mặt làm thinh khi thấy kẻ bề dưới

làm sự lỗi. Những kẻ ấy lầm lỡ lầm. Vì làm thế ấy thì mở đường cho kẻ làm sự lỗi càng thêm lỗi nhiều hơn; và kẻ nghịch chẳng chữa, lại càng ra bạo ngược hơn.

Đoạn Thứ Mười

*Về Cố Thánh Ven cầu bầu cho ta trên
Thiên Đàng, cùng về ta phải trông cậy, cầu
xin và bắt chước người.*

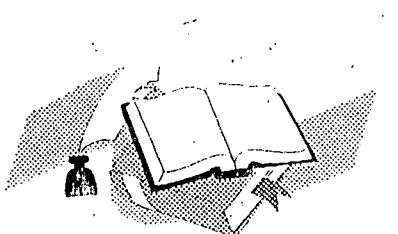
Cứ lời Ông Thánh Bê-na-du dạy : Các Thánh khi còn ở thế gian thì làm gương nhân đức cho người ta, mà khi đã về Thiên Đàng thì cầu bầu cho người ta. Chẳng những là Cố Thánh Ven đã làm gương nhân đức cho ta khi người ở thế gian, mà lại bây giờ người đã lên Thiên Đàng, thì người cũng bầu cử cho ta nữa. Sự Cố Thánh Ven thương ta và bầu cử cho ta trên Thiên Đàng bây giờ, là điều chắc, chẳng khá hồ nghi. Vì chúng, khi người còn sống ở thế gian thì đã tình nguyện bỏ nhà quê, cha mẹ, anh em, của cải, cho được sang bên này giảng đạo và dạy dỗ ta dàn đồng rõ linh hồn. Người chẳng những là đã chịu nhiều sự khổn khổ, chịu ốm đau bệnh

tật, cùng chịu người ta bắt bớ khổ sở, mà lại người đã vui lòng chịu chết vì ta. Khi quan Thượng Hà Nội tra hỏi, thì người thừa rắng : Bẩm quan lớn, tôi sang An-nam chủ một việc giảng đạo lành, đạo thật cho người ta, tôi không làm sự gì nghịch ác, chẳng có làm tội nào đáng chết. Nếu quan lớn khép án xử tôi vì đã giảng đạo cho người An-nam, thì tôi bằng lòng chết vì đạo, chết vì người An-nam. Trong *Sám Truyện*⁽¹³³⁾ có lời Đức Chúa Giêsu phán rắng : Chẳng có ai thương ta bằng kẻ chịu chết cho ta. Vậy Cố Thánh Ven đã chịu chết vì ta, thì người có lòng thương ta biết là dường nào ! Nếu xưa kia ở thế gian người đã có lòng thương ta dường ấy, huống lợ bây giờ người ở trên Thiên Đàng đã làm Thánh, thì càng có lòng thương ta, hằng nhớ đến ta, hằng cầu bầu cho ta trước mặt Đức Chúa Lời hơn nữa, là dường nào ! Khi người phải giam ở Hà Nội mà kẻ có đạo đến thăm, thì chính người đã hứa điều ấy mà rắng : Mai kia thay về Thiên Đàng, thì sẽ nhớ anh em, sẽ cầu nguyện cho anh em chẳng có quên đâu. Xưa kia còn ở thế gian, người hằng lo lắng cho con chiên

bằng yên, được giữ đạo cho vững vàng. Rồi người ở trên Thiên Đàng, thì càng thương ta và cầu bầu cho ta được mọi sự bằng yên, được giữ đạo cho sốt sắng, được rõ linh hồn. Người đã bỏ nước nhà mà sang bên An-nam, người đã nhận nước này là quê mình, cùng dã chết, dã gửi xương ở nơi đất nước này, dã thấm máu người, thì người là **thành hoàng**⁽¹³⁴⁾, là quan thầy nước An-nam. Vậy ta phải kính thờ và trông cậy, cầu xin người bầu cử cho ta được mọi sự lành, khỏi mọi sự khốn khó, cho dạo Thánh Đức Chúa. Lời được sáng ra, được thêm lên một ngày một hơn.

Chẳng những là ta phải kính thờ, trông cậy, cầu xin Ông Thánh Ven, mà lại phải bắt chước người. Người bỏ cha mẹ, anh em, cửa cải, chức quyền, cùng mọi sự sang trọng vui vẻ thế gian vì Đức Chúa Lời, chẳng tiếc dí gì sốt. Ta hãy bắt chước người mà làm tôi Đức Chúa Lời hết lòng hết sức ; dù mà người phải ốm đau, vất vả và khốn khó lợn dời, thì người vốn vui vẻ cùng chịu khó bằng lòng vì trông phúc Thiên Đàng đời sau. Ta hãy soi gương người mà giữ đạo vững vàng, chẳng những là khi khỏe mạnh bằng yên, mà lại lúc ốm

đau bệnh tật, và khi phải sự khốn khó, vì đời người ta chóng qua chóng hết, không được bao lâu. Khi người còn bé mới lên chín tuổi, mà xem sách đọc đến tích Cố Thánh Tân⁽¹³⁵⁾ chịu tử vì đạo ở Sơn Tây, liền nói rằng : Tôi cũng muốn sang giảng đạo trong nước An-nam, tôi quyết chịu chết vì đạo. Người đã nói, đã quyết thế nào, thì Cố gắng cho được thế ấy. Đức Chúa Lời cũng thương nghe lời người cầu xin, thì cho người được sang giảng đạo trong nước An-nam, trong Địa Phận ta, được chịu chết vì đạo, và được làm Thánh như lòng người muôn ước ao. Ta hãy noi theo bắt chước người, mà nói rằng : Tôi muốn giữ đạo cho lòn, tôi quyết rồi linh hồn, quyết lên Thiên Đàng, rồi gắng gỏi chịu khó, ra sức lánh tội lỗi, làm việc lành và cầu xin điều ấy, vì công nghiệp Cố Thánh Vén thì sẽ được chẳng sai.



CHÚ THÍCH

(BẢN QUỐC NGỮ)

I. TRONG SẮC PHONG CHỨC THÁNH.

- (1) Ma-i-ô (Majus) : Tháng 5 Dương Lịch.
- (2) Chức Phúc Lộc (Beati) : Bậc Chân Phúc hay Á Thánh trong Hội Thánh, trước Bậc Hiển Thánh.
- (3) Ca-ro-di-na-lê (Cardinal) : Đức Hồng Y.
- (4) Vít-vồ (Bispo, Evêque) : Chức Giám Mục.
- (5) Pha-pha (Papal) : Từ để gọi Đức Thánh Cha.
- (6) Phi-ô (Pius, Pie) : Đức Thánh Cha Pie X.
- (7) Nước Ngô : Nước Trung Hoa.
- (8) I-ghê-rê-gia (Igreja) : Hội Thánh Công Giáo.
- (9) Se-cu-lô (Saculum) : Thế kỷ.
- (10) Phan-chi-cô : Thánh François de Capillas.
- (11) Tê-vọng Thê-ô-dô-rô Ghê-nô Vít-vồ Mê-tê-lô-phô-li : Thánh Giám Mục Etienne Théodore Guénot, Giám Mục Tòa Hiệu Metellopoli.

- (12) **Vi-ca-ri-ô A-phô-dút-tô-li-cô** : Đáng Đại Diện Tông Tòa.
- (13) **Tàu voi** : Chuồng voi.
- (14) **Giu-ong Phê-rô Nê-en** : Thánh Jean Pierre Néel tử vì đạo.
- (15) **Mi-dút-xi-ô-na-ri-ô** (Missionnaire) : Vị thừa sai.
- (16) **Ca-to-li-ca** (Catholique) : Công Giáo.
- (17) **Trường Pha-ri Đầu Hội Giảng Đạo Ngoại Quốc** (Maison de la Mission Etrangère de Paris, MEP) : Nhà Mẹ Hội Thừa Sai Ngoại Quốc Paris.
- (18) **Phê-rô Phan-chi-cô Cố Bắc** : Thánh Pierre François Néron, tên Việt là Bắc. Tất cả các Linh Mục Thừa Sai Pháp đều mang tên Việt.
- (19) **Giu-ong Thê-ô-pha-nê Cố Ven** : Cha Jean Théophane Vénard, mang tên Việt là Ven.
- (20) **Trảm quyết** : Án chém đầu.
- (21) **Sống mạng** : Mạng sống mình.
- (22) **Sử giáo** : Sử thắt cổ.
- (23) **I-nê Lê Thị Thành là vợ ông Đê** : Thường gọi là Bà Thánh Đê.
- (24) **Tòa Áp việc định lập án tra** : Bộ Phong Thánh.

- (25) **Phan-chi-cô dê Ca-phi-la** (Xem 10).
- (26) **Tê-vọng Thê-ô-dô-rô Ghê-nô** (Xem 11).
- (27) **Ca-rơ-di-na-lê Phê-ra-ta** (Cardinal Ferrata) : Đức Hồng Y Ferrata.
- (28) **Kiên** (堅) : Đáng lý phải viết là BẢN (伴).
- (29) **Diệp** (叶) : Đáng lý phải đọc là Hiệp (協力) (như trong hiệp nghị hay hội nghị).
- (30) **Điều định** : Bàn bạc.
- (31) **Át-ven-tô** (Atventus) : Mùa Vọng.
- (32) **Kê-rê-tô-nê** : Đức Hồng Y Cretoni.
- (33) **Tòa Áp việc các lẽ phép** : Bộ Các Bí Tích.
- (34) **Đức Thầy Pha-ni-si Vít-vô Lao-di-sen-thê** : Đức Cha Panici Laodicencê.
- (35) **Vi-rơ-dê** : Alexander Verde.
- (36) **Dê-xem-bê-rê** (Décembre) : Tháng 12 Dương Lịch.
- (37) **Hội Pha-ri Giảng Đạo Ngoại Quốc** : Hội Thừa Sai Ngoại Quốc Paris (MEP).
- (38) **Vi-ca-ri-ô A-phô-dút-tô-li-cô** (Xem 12).
- (39) **Có Phúc Lộc** (Xem 2).
- (40) **Op-phi-xi-âm** (Officium) : Kinh Phụng Vụ.
- (41) **A-phi-ri-lê** (Aprilis) : Tháng 4 Dương Lịch.

- (42) I-ghê-rê-gia (Xem 8).
- (43) Phê-bê-ru-a-ri-ô (Februario) : Tháng 2 Dương Lịch.
- (44) Ma-i-ô (Xem 1).
- (45) Giu-ni-ô (Junius) : Tháng 6 Dương Lịch.
- (46) Trương 588 - 591 : Phần này chỉ có trong cuốn *Thu Chung*, quyển I, Kẻ Sở, 1924, trang 42.
- (47) In-du (Indulgentia) : Ân xá.
- (48) In-du đầy (Indulgentia Plena) : Ôn Đại Xá.
- (49) Giu-li-ô (Julius) : Tháng 7 Dương Lịch.

II. TRONG TRUYỆN THÁNH VEN.

- (50) Giu-ông Thê-ô-pha-nê Cố Ven tử vì đạo : Cha Thánh Jean Théophane Vénard martyr.
- (51) Sang-tô Lô-phô : Làng St Loup-sur-Thouet, thuộc miền Tây Nam nước Pháp.
- (52) Môt : Tháng 11 Dương Lịch.
- (53) Mê-la-ni-a (Mélanie) : Tên chị cả của Thánh Ven, sau trở thành nữ tu. Thánh Ven là con thứ.
- (54) Hen-ri-cô (Henricus, Henri) : Con thứ 3 (con trai), ở nhà lập gia đình.

- (55) Èu-giê-bi-ô (Eusebius, Eusèbe) : Con thứ 4, lâm Linh Mục.
- (56) Gio-giê-phi-na : Josephine.
- (57) Cố Thánh Tân : Thánh Jean Charles Cormay Tân (MEP) tử vì đạo tại Sơn Tây ngày 20-9-1837.
- (58) Lăng trì : Bị cắt từng miếng thịt.
- (59) Rê-cô (Grec) : Tiếng Hy Lạp.
- (60) Bốn chức dưới : Chức 1, 2, 3, 4 chịu trước khi làm Linh Mục. Hiện nay không còn bốn chức đó.
- (61) Chức thứ Năm : Chức Phụ Phó Tế, hiện nay không còn.
- (62) A-lê-san-ri : Cha Alexandre de Rhode.
- (63) A-lê-ma-nha (Allemagne) : Nước Đức.
- (64) Xiêm : Nước Thái Lan.
- (65) Cao Mên : Nước Campuchia.
- (66) Cố Du : Thánh Marchand Du (MEP)
- (67) Bá dao : Cắt thân thể thành trăm miếng.
- (68) Đức Thầy Cao : Thánh Dumoulin Borie Cao tử đạo (MEP), Giám mục hiệu tòa Castorie (1831 - 1838).
- (69) Cố Đông tiền : Linh Mục Đông đến Việt Nam trước hồi cấm đạo.

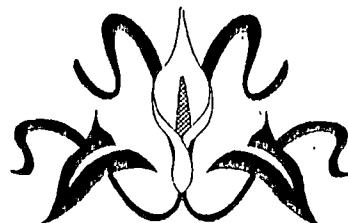
- (70) **Đức Cha Liêu** : Đức Cha Pierre André Retord. Ngài sống suốt thời Tự Đức cấm đạo, rồi chết vì bệnh ngã nước trên rừng.
- (71) **An-vê** : Thành phố Anvers ở Bỉ.
- (72) **Bê-gi-ô** (Belge) : Nước Bỉ.
- (73) **Hồng Mao** : Nước Anh.
- (74) **Cổ Bồng** : Kênh Suez.
- (75) **I-chi-tô** (Egypte) : Nước Ai Cập.
- (76) **Phi-năng** (Penang) : Thành phố Penang của Singapore.
- (77) **Cố Giữ Việc** : Cha quản lý.
- (78) **Gò nhỏ** : Bán đảo nhỏ.
- (79) **Khách** : Người Tàu, người Trung Quốc.
- (80) **Cách vật** : Môn Triết Học.
- (81) **Đức Cha Hy** : Thánh Giám Mục Hermosilla Địa Phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng 1840 - 1861).
- (82) **Đức Cha Liêm** : Đức Cha Jérôme, Giám Mục Phó Địa Phận Trung Đàng Ngoài (Bùi Chu).
- (83) **Dòng Nữ Mến Cầu Rút** : Dòng Mến Thánh Giá bây giờ.
- (84) **Đức Cha Liêu** (Xem 70).
- (85) **Đức Thầy An** : Thánh Sanjuriq An, Giám Mục Địa Phận Đông Đàng Ngoài (Hải Phòng).

- (86) **Án thư** : Bàn cao chân làm bàn thờ.
- (87) **Trùng bích** : Tường đôi để trống ở giữa.
- (88) **Ông Tây không thấy, ông tiền phả da** : Bổn đạo cho càng nhiều tiền, thì quan quân về báo không có Thừa Sai Tây Phương.
- (89) **Mê-sô-phô-ta-mi-a** : Xứ Mesopotamie.
- (90) **E-giao** : Esau nhân vật Thánh Kinh, anh ruột của Giacop.
- (91) **Pha-rô-cô** (Parocus) : Linh Mục Hạt Trưởng.
- (92) **Sảng** : Hòm (chôn người chết).
- (93) **Xiêm Thành** (Xem 64).
- (94) **Cao Miên** (Xem 65).
- (95) **Tiêu** (標) : Phải viết là (標). Tiêu hay tiêu xưng là tố cáo gian.
- (96) **Đức Thầy Phan** : Đức Cha Marie Pellerin, Giám Mục Địa Phận Huế (1850 - 1862).
- (97) **Oa tàng** : Giấu kín ở trong nhà.
- (98) **Đạo đồ** : Bổn đạo, hay giáo dân.
- (99) **Thích tự** : Khắc tên ở mặt.
- (100) **Sức** : Thông báo.
- (101) **Đạo đường** : Nhà thờ.
- (102) **Đạo quán** : Nhà họp của Giáo xứ.
- (103) **Đút lót** : Hối lộ, đưa tiền cho quan.

- (104) **Cứu** : Hơ nóng bằng thuốc chỗ đau trong thân thể.
- (105) **Phê-rô A-cang-ta-ra** : Thánh Pierre d'Alcantara.
- (106) **Kính hiển vi** : Kính lúp.
- (107) **Huyệt** : Các điểm trong thân thể (gồm 360 huyệt).
- (108) **Địa Phận** : Xứ đạo.
- (109) **Trường hình** : Nơi, chỗ sử tử.
- (110) **Sùng đạo như đạo trưởng, phi đạo trưởng dī hō đạo trưởng** : Sống đạo như các đạo trưởng (Linh mục), tuy không là đạo trưởng, mà được coi như là đạo trưởng.
- (111) **Đàng Câu Rút** : Đàng Thánh Giá.
- (112) **Vua Vĩnh Thịnh** : Vua Lê Dụ Tông (1705).
- (113) **Phe-nang-đô** : Fernand.
- (114) **Vô tòng Da-tô đạo** : Người lương chưa theo đạo Chúa Giêsu.
- (115) **Nhà Mụ** : Nhà Phước, hay là Nhà Dòng Nữ dời xưa.
- (116) **Tuần thiên lý tắc bất cầu lợi, nhi tự vô bất lợi ; tuần nhân dục tắc cầu lợi vị đắc nhi hại tỳ tùy chi** : Vâng lẽ trời thì không cầu lợi, mà bao giờ cũng có lợi ; theo lòng người thì cầu lợi, mà lợi chưa thấy

- thì vạ đã đến rồi.
- (117) **Tiền nghĩa nhi hậu lợi giả nhân, tiền lợi nhi hậu nghĩa nhục** : nghĩa trước mà lợi sau thì đó là nhân ; lợi trước mà nghĩa sau thì đó là nhục.
- (118) **Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng** : Trời ban thông minh, còn Thánh thì thêm sức cho mà làm.
- (119) **Đồ-bà** : Roma (?) .
- (120) **Ông trưởng đạo Liêu** : Đức Cha Liêu (Xem 70).
- (121) **Đạo dân** : Giáo dân, bốn đạo.
- (122) **Tiền nghĩa nhi hậu lợi giả nhân, tiền lợi nhi hậu nghĩa nhục** (Xem 117).
- (123) **Lu-y** : Vua Louis XVI.
- (124) **Sư thần phụng Phật** : Thờ phượng Thần Phật.
- (125) **Sư thần phụng Phật** (Xem 124).
- (126) **Tú dân** : Dân cỏ dại.
- (127) **Sinh ký tử quy** : Sống gửi thác về.
- (128) **Xe-xi xê (C'est si !)** : Được dùng (theo tiếng Miền Nam nước Pháp).
- (129) **Canh nhật dạ** : Canh giữ ngày đêm.
- (130) **Bê-na-du** : Thánh Bernard.
- (131) **Cách-vật** (Xem 80).

- (132) **Cứu** (Xem 104).
- (133) **Sấm Truyền** : Tân Ước, Sách Tin Mừng.
- (134) **Thành hoàng** : Quan thầy địa phương, hay thần địa phương.
- (135) **Cố Thánh Tân** (Xem 57).



BẢN CHỮ NÔM

HARVARD COLLEGE LIBRARY

疖病疾吧欺沛事困庫爲代得些探戈探歇空特包數欺得群
 閑買遼尅歲麻祐典讀且跡故聖新韶死爲道於山西連呐浪。
 碎拱悶郎講道齕諸安南碎決韶麌爲道得也呐金决体苦時
 固亘朱特体氏德主委拱傷疽噬得求噴時朱得特郎講道齕
 諸安南龜地分些特韶麌爲道吧特濫聖如懇得悶約泐些唉
 跛躡扒研得麻呐浪碎悶侍道朱論碎決齕靈魂决遼天堂未
 亘膾韶庫呷飭另罪磊濫役苓吧求噴調氏爲功業故聖邊時
 仕特庄差。

疾共韶得些扒播苦楚麻吏得色盃悉韶斂為些欺官尚河內
查晦時得疎浪稟官竊碎郎安南主沒役講道苓道實朱得些
碎空濫事之逆惡庄固濫罪節當斂裏官竊怯案處碎為色講
道朱得安南時碎平悉斂為道斂為得安南韶識傳固墮德主
支秋判浪庄固埃傷些平几韶斂朱些丕故聖邊色韶斂為些
時得固悉傷些別罪兼節裏初欺於世間得色固悉傷些兼衣
況路悲睞得於達天堂色濫聖時強固悉傷些恆汝旦些恆求
保朱些略柄德主丕欣女罪兼節欺得沛懶於河內麻几固道
旦懶時正得色許調衣麻浪枚箕柴衛天堂時仕汝英俺仕求
願朱英俺庄固涓兜 初欺群於世間得恆忼惄朱昆彥特

平安特侍道朱俺傍揭得於達天堂時強傷些吧求保朱些特
每事平安特侍道朱肆爛特噏靈魂得色補諾茹麻郎邊安南
得色認諾尼罪圭命共色斂色喰昌於諾尼坦諾尼色瀋泖得
時得罪城皇罪官柴諾安南丕些沛敬徐吧篷忌求嗔得保舉
朱些特每事苓塊每事困庫朱道聖德主丕特創罪特添蓮沒
得沒欣 庄仍罪些沛敬徐篷忌求嗔翁聖邊麻吏沛扒研
得得補吒嫌英俺貼改職權共每事郎重懶尾世間為德主丕
庄惜帝之肆些唉扒研得麻濫碎德主丕歇悉歇飭油麻得沛
瘡疖勿把吧困庫論代時得本懶尾共韶庫平悉為篷福天堂
代繼些唉燔嗣得麻侍道俺傍庄仍罪欺跬孟平安麻吏盼瘡

二百五十二

塘稱罪離禮。得傷凡劣勞共凡蒙生時格盈共歇箇帖料朱奴特鄭各法度。閏當隱離茹媒爭東時於廁氏固沒得庫巾劣礪約泐稱罪貝得凜。仍得婦俺別雙空悶星爲悼故哩。濫福朱得氏時被吧得些別得隱於帝。故職別濫丕時濫凜副奇茹媒麻浪。齊平得氏麤麻空特。咬眉各法時。埃及離罪氏。埃及靈魂氏。分柴他麤庄他底得些麤麻空特。咬眉各法。情仍仁德故罪邊時些呐閉饒空呐歇特。仍麻些計平氏拱龜堵朱得些別得犯濫。廸仁德禍險凜。固睡等坤頑仁德箕呐浪。碎禱傳各聖時。益適雙欺碎覽。各聖只溢仍仁德。卒固沒拙。濫醜茆時。碎禱吧我。懸爲空籠扒研。各聖空籠年聖特。等氏呐浦禦朱年。仍凡劄傳。

各聖時拱沛呐且。涅醜各聖女矯只計。仍仁德麻雲。震庄呐且涅醜各聖時。濫擗。爛塘朱。仍凡祐傳。各聖我懸空籠扒研。各聖空籠年聖特。丕些沛信寶油麻各等論。苓体苗默懸時。唉群芒涅醜。命庄固空兜。仍麻各等氏空容。涅醜命如得些卡。鄰。呷筋所奴吏連買朱年。數數特。夥功福吧特。年論苓特。且北聖故聖邊拱固。涅醜如各聖恪。得些傳。更浪。傳。嬾性哈昧。哈瞬牒仍凡執得。仍麻得只。嘻沒。盼呐沒。乍。寐麻崔。未吏賢。吏益尾。共呐沒。乍。寐彈吏朱。得些塊。惄。得默。涅醜。氏。醜。仍。薛。沛病吧。瘡。病過爲。欺。畧本。得空。固。性。氏。吧。暉。微。呴。得。亟。扒病時。拱。空。群。性。氏女。事。氏。庄。運。之。爲。悉。仍。凡。沛。病。一。罪。凡。沛。數。時。數。脢。時。常。對。性。

錢朱奴。各柴噴得打濫福。朱仍凡。凹。咬眉龜座解罪爲圓盤。凹座只底惡底智麻噴空底智麻稱罪。得保浪。柴仕除。仍麻。覽奴困庫過吧少寸。灤時柴空。扠惡特。仁德盈。凡於比等。濫柴罪傷帽吧鄭。庫救祕靈魂。得些柴奇苗庄固。惡傷靈魂。得些空底惡底智尋。勞料格救祕靈魂。得些店賜時。芒嘴罪等。濫柴雙空濫役北等。濫柴故聖邊也。濫。廸仁德。兵得固。惡傷靈魂。得些過筋。呐哩庄特。得覽命。瘡。妨。連買時。喫咀浪。渚之柴特。腫。麻濫福。朱本道柴郎安南。朱特講道。麻只瘡要体尼。時空濫益。之。朱昆。茲特。敗得於茹。終凡。永沛瘡劣空。呻塊床。時得群解罪。朱得茹。德。吒沛禁。得空特解罪。得瘡妨。吒。辭。亞。塊。吒。辭。買扒病。

買可吧固体移濫福朱得些特色慙時德吒僚哦得槐朔眾處台朱故正南色戈伐自閉除朱旦晦得沛扒時恆忙憊衛昆彥命連得恆逐各戶違濫福麻俾拱色移濫福夥戶戶節得些博核過空敢違時得拱旦探沒午時麻安慰勸保得些筆忌德主丕吧侍道朱、俛傍行我悉為衝干雹颶時丕吏安吏創當坤干禁道歹欺各茹終茹場茹處色沛破色沛撤下昉各柴奇移隱庄群埃敢喫恤時得群翹旬濫福於几蘚筆束吧筆山恆腦丕默縕哎難呂吏換命呪仍凡卒悉道時得勸保能稱罪炤禮共哦技強得些格侍靈魂命清瀝得恆忙憊朱祀昆特學經本別

特禁迦陀圖安達重休油欺得瘡礮時空安達船得京師諾安南
 仍得本國汝法礮座聖頒朱時奇務齊只沛安達各得次卷麻
 崔仍麻故聖邊德吧各故罪得西方空特汝法礮衣時沛安
 遊律務齊德吧僚梵故聖邊瘡疖連買時禁得空特安達齊仍麻
 得本安達齊庄仍罪各得次卷麻務齊麻吏各得次卷麻
 罪得安達齊麻吏哈打罪女得色懺橋平綾亥紈互凜共丑技
 空朱埃別雙欺得當隱於几瓢時呂囉固几祐梵旦昉巡徒扒
 共調得移時得肱色菩枷麻得些特於帝 得只默襖繩裙
 繩搭襖繩綿菟安南略得空固禪雙得饑得瘡疖凜麻糾時疖
 命朱年德吧僚保得沛繩沒丐務冬得只默襖單各柴几講執

得嗔繖襖蘆襖綿朱塊冽時得保浪濫勢苗群仁德之欺得冷
 淚冽過時猶唧噏抒真打猶沒昧來更凸塗祜冉 故聖邊
 圓惡傷几庫巾共哈濫福朱奴欺時朱錢狀時朱襖得包保各
 柴敗繖襖律朱得時沛繩氣颶底欺圓發朱几庫時奴默特麻
 空局過固吝得朱歇襖空群丐苦麻台圓沒薛得當於筆東天
 下鬪凜時得發錢發襖麻欺歇空群帝之麻發時得憎翁諱罪
 得几筆半朱翁氏沒母影贖罪鎰鉛貴貨得本哲龜命翁氏把
 鉛德吧頌朱得旺策時得拱襖麻濫福朱几庫女几庫別得固
 慈傷奴凜時常咬眉得龜座解罪麻昧解罪段時得保各柴遂

二百四十六

- 325 -

麻得空瞋吏保浪。揭碎莊碎沛。翫庫濫。咷碎色覩。來時仕擬連
 天堂。衛事徐奉德主丕時。故聖邊肆烟濫禮嚴莊空數空。
 摺皮沛。得願吟述命濫禮數吧。敗濫禮段時跪感恩略槃徐咷。
 讀經時。拎悉拎智空。筭昂筭語包。睂得些。凭窓樣得咷。讀經連。
 曉別得。悞每事世間共囉。如祜梵德主丕於略。翫命吧賣攢。吶。
 庫共德主丕。得固悉筭忌吧。敬勉德妃非常凜共色付律。
 命。翫猶德妃自課群閑。各役得濫一罪。仍役側阻庫。悉時得筭。
 忌德妃歇。吏欺沛事之困。庫及干艱難連。徒旦嗔德妃救助。固。
 几傳吏浪。故聖邊求嗔德妃事之時。特事衣輪庄包。睂些。
 推事故聖邊生。咷。得禮德妃。登命。翫殿聖吧。翫覩為道。咷禮德。

- 324 -

她撲德主支秋包。殿祿時固理麻。斷事民庄沛。情期十罪。卧德。
 她也認得濫。昆丐吧。傷格益得敬。勉德妃朱歇。悉吧。勸保得些。
 篓忌德妃牙歇。筋敗得隱於茹。得些。耽沛攢。翫櫃連河內。時本。
 刀長。紇於古吧。得些。恒。覩得。咨。紇連。固沒柴奇。涓稱罪。貝得傳。
 吏浪。耽得。金座解罪時。勸保仍調卒。凜雙庄。固歟。苟得。咷。爍爍。
 朱平。咷得。勸保。脩德妃。祜。咷得。敬。勉德妃。凜。

段次檢

群呐。揅各仁德故聖邊。

故聖邊。咱陷命。陷壳船。術事。唔旺時。得。唆節。儉。得些。速体。苗時。
 祕濫平。憲濫堵空。咱。旦事。唔旺包。瞭麻。或得固。呐。咨。苗時。呐。朱。

論假買特牌差教講道絕地分西塘外。得沛仍事庫懸兵及仍調債意命濫丕時庄固焚難愴把離呢包賒沒本平安益尾連得並別每事世間尼時德主委定做更並別意皮連棋界意德主委朱年傳押命押壳朱特補意盈命麻跳聖意德主委吧煮皮連朱論。敗得並郎地分尼群當學嘴時沛病癆病端共不服水土時燠測昧時教濫庄特賜苗跳熒得巴病礮濫丕堵吃辭論吧並夥客啜耗共並沛鄭各法吃客塊吃辭得迦具調濫調護茹終炎朱時買扒病買可買並教濫福特並夥。礮仍辭得瘡病疾時庄埃祐覽得謳愁愴把焚難共嘆身責分包賒得恒據平靜鱗輪連度得沛瘡礮凜時曰書拊茹走浪。

韓直曰余諱賜昵共姪俺固欺書尼罪書微歇碎庄群曰書苗女爲各柴莢並岐並補空群下策朱碎女碎竭飭教寅寅如烟並斯歇油仍麻油德主委定朱碎要哈罪蹉跎哈罪耗時碎拱平懲庄敢焚難拙苗壳碎慣不罪磊沛鄭疔疽苦極於代尼時買特創期卒斧代皴。固夥几敗沛病惱哈罪要忒忒丕連擬空濫役之麻常補讀經吝紇女各柴几講並執故罪邊濫証怒功典箕連得並譯岬冉繆眾賊唄吧書翁聖保祿女賜微欺得并教魂朔地分油要疖時拱圓亘教濫福講熒爛吧解罪房當狀禁瓦得隱於戶苗時濫福戶長得些貸得要時喰得擬仍

欺得群祿歲時咬於如得所。故聖邊拱丕。欺得群祿歲時咬
 於正頂蹲且咬。坤顏職板油麻得創施聰明越各英俺伴學
 雙木謙讓賢苓庄忌才智命拙苦。各等嘴吐魂溯覽得固德固
 才堵調格常得些時朝吧。籠得饅得仕濫創名北等濫柴吧執
 聖衣計移加特夥役朱年欺貨得神地分麻教講道朱几外時
 情罪兼苗德曰無地分傳吏浪。欺得旦賜碎麻跪懸噴碎濫法
 別地分碎秩傳時舌夥。故聖邊扼濫創仁德欺得學行。趙各
 茄場時濫丕。
饅女故聖邊濫創朱各等濫柴。烟燭強
 拏高時強創唧。故聖邊扼達北等濫柴。界北高重欣每北時

強濫創仁德一界事蹟聖意德主至吧。鄭病疾鄭庫平惡事
 祢奉敬勉德主至籠忌慄聖德妃事陷命陷壳。虧傷凡庫巾吧
 事鄭庫救靈魂得些。
譽界故聖邊扼濫創事蹟聖意德主
 至吧平惡鄭仍事庫常及於代尾。鄭仍辭得學行時本蹟皮沛
 雙皮連皮。嗰得鄭職特余蹟時得我病礮。埃埃拱想浪。庄固理
 齊得鄭職濫沒貝英俺特正得拱想如丕雙恩德妃傷得捨干
 雄麻且賜禮傳職時直蹟哩。鄭祿鄭職柴奇。
 没得皮連發牌差朱各柴奇買鄭職特郎講道濫怒濫箕群得
 時空皮連毗得沛擬旺菴。未哩皮連朱得郎香港雙諸發牌差

封故邊造北當敬。更且辭維新三年沒辭。煥森。慄德聖葩。葩丕
烏次逝。乞贈得道職真福。濫沒具祉等死。爲道恪。循地分西罪。
具享具淨柴。雲故北吧衣泥她低。

假次繆

循故邊造濫。翫創仁德罪体苗。

鮑仍假器尼些。乞計撻傳故邊。自欺生岬朱。旦欺得。翫。葩爲道。
悲賒些。浦計戈。葩。翫。仁德得。乞習共。乞。濫。翫。朱。得些格盈。

固。咂。翁。聖。陂。那。遊。峨。浪。各。罪。欺。群。於。世。間。時。濫。翫。仁。德。朱。得些
麻。欺。乞。術。天。堂。時。保。舉。朱。得些。署。樞。德。主。丕。調。氏。實。涼。循。分。故
邊。欺。群。閉。於。茹。吧。鮑。仍。辭。得。學。行。鮑。茹。場。共。欺。乞。濫。柴。奇。時。恒。

濫。翫。仁。德。連。略。罪。得。乞。濫。翫。創。朱。每。得。欺。群。閉。為。烝。欺。得。群。閉。
於。茹。時。討。敬。共。唧。咂。翫。累。吒。媄。和。順。傷。天。姪。俺。於。嚴。莊。涅。那。醜。
叫。道。生。能。讀。經。吝。紇。共。祕。事。移。茹。祿。茹。聖。濫。丕。適。得。買。達。戈。
祐。冊。傳。各。聖。死。為。道。時。恆。惆。嘔。悉。共。約。渤。堵。卯。命。喟。為。德。主。丕。
衣。故。聖。邊。欺。群。閉。於。茹。時。道。德。吧。固。悉。敬。勉。德。主。丕。濫。丕。

繼。罪。欺。故。邊。乞。包。茹。場。時。濫。翫。仁。德。朱。仍。几。乞。登。命。鮑。茹。德。主。
季。為。烝。油。欺。學。羅。星。油。昉。學。格。物。共。冊。理。斷。油。欺。學。於。地。分。得。
油。昉。學。於。茹。終。葩。移。時。得。本。濫。翫。朱。英。俺。伴。學。衛。事。道。德。肆。爛。
事。能。翫。禮。事。朝。命。聖。事。筭。忌。敬。勉。德。她。事。尊。敬。唧。咂。几。皮。達。事。
和。順。傷。天。英。俺。吧。事。翫。庫。學。行。鮑。經。聖。固。咂。呐。衛。翁。蘇。悲。亞。浪。

二百三十八

- 333 -

該補頭故翫流賊犯道船且艸淹時得茹官傳補頭鄙得些哩
補翫實仍麻糲群拎脊頭練共紳犯湯船衝役時船棚梢昧且
斯坡時固嗜叫浪官縣且勘正官縣且勘。閉隙凡翫頭練惄矯
官扒特時擣孟練坦朱年秩頭。役犯呂濫丕時里凭吧鄉
買且呈其盛朱得別具盛安翫保有我懇沒船庫尋時住竇。任
翁氏稅乍隻船該鈎榔櫛流乍。得麻空竇。閉隙節且得些補
空尋女賜夢敵腦瓶里凭稅船遣省河內固意陶盜壳故邊雙
垠阻塘尼格恪空濫特時呂辨翁氏該犯犯賜。且繩膜隙省固
賊且眾賜銅壺。但船空固道竇丐之立臚昧顛昧。當接逢時
保里凭祐罪帝之里凭保俚船默練棚且塗氏觸祀。俚船棚且

塊祥祀犯船。閉隙里凭認實罪頭故邊犯祀鈎犯默時秩乍只
辟祀鈎犯默犯腮右吧度沒擣。紝裝桶時監雙易認。

里凭袖頭故犯織茲翁氏消鄧錢共撲。旣來遙信朱具盛別。
具盛當於几處連翫同池祐時拱認罪實頭故邊得殮犯丐衲
段遙紹朱仁德。當於几除。旣遙頭犯時仁德。比當塗。呐傳。
德。吒東連躡踐爛。犯祀頭故唧底連樹庄朱埃。摸犯。傳皮哭
皮讀經未保燭。諾花泪吧。撈頭朱枝祀掠扯蠶段殮犯丐衲坦。
德。吒東跪畧頭故邊皮哭。咷皮求願朱旦房。劍枝。合德。吒濫禮
謝恩爲犯尋持頭故。未德。吒葬於犯茹翁射罪得几除。
辭嗣德三十一年沒辭。穆縣。罪。逝。犯德。聖葩葩黎蜂次。逝。犯

- 332 -

二百三十六

- 335 -

碑命嘒麻默朱得塊逐數得戶聚瀛輕棺材且雙諸固得陶穴
 開隙鄉買呐貝翁才罪得固道圭几量當濫權率隊嗔翁氏執
 役葬壳翁氏平遷連差另陶穴吧埋葬朱故得些捲壳包積繩
 吧詔故鑿取沛處底包棺材麻歟包下穴時墳吏共塔墓塚里
 凭罪得戶同池吧鄉買罪得九培躡頭怙役兵。 坡葬壳故
 於連坡淹吧固理麻得敗諾籍吧汎孟時打呂秩墓得朱年旦
 腦毓醉徵時具盛差里凭吧鄉買遷卜壳麻遂衝葬於廟同池
 壳故邊於同池朱旦敗澈道未開隙皮連定卜時差故正福當
 於潯所遷同池朱特押役兵故正福旦鬼扒開掘段得小昌撓
 捏几潰汨冢朱技共編曾可沒乘撓納朱德吒謙麻德吒畷

- 334 -

脩西辭沒蔚繆霖崧逝森拱罪嗣德十八年故故正福卜骸骨
 故邊時固具盛翁妣禮吧鄉買執。群翁里凭時包葬未。
 兵罪南壳故邊時濫丕。群頭據案各官包濫時浦標疋得補
 蘭淹朱年歟故包沛處未時民所在認祀頭官鑑殺交朱補包
 蘭爲靈故間凜吧標遣院核攏擗於坡淹疋得。翁氏里凭
 吧鄉買盤貝饒立格苗底歟故包沛補蘭淹時易尋吏特丕
 翁翁氏械余巧祀鈎吧疋眾遂淮練葬共定鉢祀鈎包紅壘朱
 補蘭淹麻拋絰接於兜時頭於帝翁翁氏呐貝所在時所在平
 藏吧拱同貝翁翁麻濫格氏。且最賜次疋官縣壽昌差得俺

炮慶本跳得買時且斯麻擦裙吏朱鑽矯奴率
遂朱妃妍表跪鼈詔麌也狹產得本求願吧請飼籠避亟共晚
暝糊本鮮晉庄固卧之恊憇。總理刑胡得鼈罪。樣奴鞭車綵
駿奴固瘞蘇平丐衲籠實憾怖凜。奴涓茲坊勒麻奴也狹貝官
嗔處故爲奴貪衝禡得且呢處奴疎故浪翁朱碎鼈買時碎仕
空圓錢。丕敗伍產奇表時官鑑殺譯鑠浪職撻鼈回鑠時
據法雙皮釁鉦時繩炮歲胡鑠奴胡沒陳畧時頭迎呷邊禡奴
胡年悚女時諸坦麻劍技朱年奴沛禡劍格麻胡仁辣女時頭
故板龜臚麻劍時工遺奴沛禡真婉劍吏朱倘表輪劍鄧古麻

鋸茲鋸吏時買田繩歲渴頭故遺鼈客朱官鑑殺祐。官憎民所
在保標頭屹聳吧更日夜假官軍擣脩省。得些几外吧凡
固道且祐冬如覲。麻歟故沛處皮術時爭餽藩御得且接奴捲
奇鞚吧陶奇坦塊處邊情茹奴。

段 次

脩車塗壳故邊

丕民所在認禡頭故邊官交未補也篤共標屹聳如唔官也傳
群壳時齷陳連詔得鼈歟沛處沒狀數爲諸固棺材。妃妍妃敏
姑恩始里吧紅屹得彈妃恪固道鼈邊壳麻哭如得些涓哭歎
咤媒命鼈丕。畎兵固沒得俚萌圭又安覽壳故齷陳時傷吧掀

軍蹠女旦閨北故梵固十字揀時扒拮哩沒邊未得買移

德吒東色曰書朱具盛浪欺案處故邊哩亦平具別斂時具沛
遼省麻欺故色哩塊閩城特巴森此共底猶達臘時具仕解罪
朱得碎色固唾交貝得濫丕丕欺故邊色哩塊城度巴森此時
底猶達臘共筆終觥如体罪固意祐固梵具盛庄雙欹衣具盛
空遼省為得空別故沛處得欹衣得些遼信空及

每欺涓處因於棣紙群故時官調移戈鋪行荳段雉哩翹寒斯
壠淹為案狀故沛斬決標頭巴時段補竈淹故芒錚默襖縷極
盃尾鮮晉紅豪皮移皮喝經羅星蘇省几外梵得群祀歲慄悌
卒苓時靠饒浪得体尼麻沛堯實罪當傷得恪呐浪翁具西孟

暴吧肝寶得茲難處如得些茲益盃劍拱古麻刎眞帝咁茲獨
塘該旗本更尙故疎浪稟具仍青劍色挽茲低時錢奇具圓平
懸碎茲慢劍格矯胡平劍尼時真數茲吧妨過故保浪柴強油
轂辣時強卒。一旦坭處另揀綏麻故時蹠魁皮讀經羅星蘇
嘴皮語綏遷至如付靈魂朱德主支秋共德她請倘得拱筆眾
邊終觥如体罪固意祐其盛固且濫法解罪朱得庄。

得求願衝時另扒得躡踐麻茲倣度沒畱囉假奴買揀褐掀鐸
朱得咁奴算綏得包褐時奴嚼得浪翁沛凌遲朱年噴翁底更
衝襖朱衆碎時得掀襖外唧朱衆奴衆奴吏揀奇巾納襖律吧
綻艘只底固沒丐裙麻崔得空喟瞬只呐固巴嘴吹吹吹閉睂

閉睞她妍也。涓男時徒且保奴浪庄沛策毒兜卡罪貼邊衆碑
涓唼耽拉麿朱特衙天堂麻男空把時舅麿故拱傳朱奴沛把
魏氏竄立即麻浪。唉敢酈魏氏。岬時麿朱年衆奴博空放酈
麻吏把竄朱她妍吧她氏遂納朱其盛。罷役也昌濫不時故空
特鄰禮如貼唼塘。畧欺調故茲處時另遂得也公堂。屹官
籍當塗帝傳讀案朱得脂案得浪。西洋道長邊那屹避沒歲也
別律諾安南禁道爺蘇麻群收郎邊尾講道氏吧嘯嘲民奴也
沛扒沛查晦共也認各調氏。罪奴也燭朱年招律奴沛斬決共
標頭屹聳段補醜流。讀案衝時官按保故浪邊具時祀事麿
濫匪懶濫懶灑法希法朝傳朱具沛麿庄沛些折具兜故把

哩浪沛邊眾碎別生寄死歸。碎郎安南只沒事講道苓勸人行
善麻崔碎空濫事之逆惡空濫罪節當麿麻各官色濫案折碎
時碎平悉麿為道天主共為得安南。欲哈旦辣碎沛麿收箕旦
辣各官麻麿段奇碎奇各官仕旦略座等公平無窮哈賞几苓
几仁德吧罰几與几奸惡。噴各官唉議。官按梵故呐濫丕
時博麻呐浪注麿默注役尼在注些只噴注仔怨故把哩浪各
官仔忙碎空怨麻吏求朱各官特福噴各官擬吏碎衛天堂。各
官噴故仔怨為本几外哈信仍几沛處時呂衛怨讐仍几色折
命。故呐段時官按傳攬得移處副管奇濫鑑殺騎馭移略
故移繼神另固署名另拎劍陳移兼合邊得繼固猶吧欣沒算

故邊約泐朱特福死爲道吧滴渴懶御命嘒爲德主支秋凜凜。
得窄覽案迺部嘒。咷妃妍吧妃敏抑餅朱得時常保年妃氏浪。
各具只沛待沒腦阻更時得旨。稍分柴沛懶也。娘年腦齡麻諸
特旨時祕濫數凜。請倘得晦煥慶吧仍得茹官且深浪案碎也。
嘒諸欺苗覽案嘒時嗔朱碎別宦。得儂勿約泐遼朝直德主垂
吧德妃連天堂。得乞保妃妍緻沒部禮買重体朱傳默歎。移
處麻浪碎闕默禮灑泣麻茲姪處。得收插每役如几述耗
丕共曰書諸德吒正德吒副故仁吧仍得情義仍几危濫恩也。
貯得數時如茹媒筆東云云。得拱曰稍朱茹圭每得沒幅書盈
麻睹吒共姊俺迺仍書氏得訴嘒惡惄惄爲特觀御命嘒爲道

聖德主丕更勸吒共姊俺符道朱輝爛有勉事。益假世間沒約
泐籠蒙仍事益實逼丕。油閉賒得乞斯旦賒姪默惡雙瞳共瞳
吶時益尾如几於益制丕。仍書氏油曰班店曰盜俸問撻雙寧
凜言短情長。得些邊西適仍書氏共爭饒麻祐。事氏庄還爲益
油故邊曰仍書氏乞數嫩醜避辭仍麻且悲賒欺祐時埃埃拱

益適共感勉得吧動惡矜潘相庄特。一得乞避脳賒妃敏抑
餅候故時得晦浪柴固沛妣辭齡柴固特祉且郎辭庄妃氏疎
浪。且仁逝森罪賜拉印與唱氏故群姓時拱特祉且郎辭庄妃氏疎
欺齡枚故沛處庄。一咷妃氏吶時實爲悉創得仁逝匪欺煥
慶當候官尙時貧劣遂窮急。官艸窮覽罪案故邊廳部發嘒官

如体界軍賊軍僞事民濫牢在兜濫不事氏罷在魔鬼自欺魔鬼沛黜職天神沛秩福天堂沛罰罷濫類魔鬼共沛沉淪地獄時奴恒憚情恒尋廻反逆共德主至連麻罷奴空濫之特德主至時奴報讐類得些一界奴固情濫害几固道格盈爲几固道祿奉德主至共濫昆丐盈德主至聘微特達天堂御座高重魔鬼乞德主至空堵空嶮時援祕苦廻界仍凡與羨毒惡魘天下底執奴事霸主官權伍禁道共折凡固道無萬無數魘安南共各瀦天下事凡與羨共凡毒惡本恒慳情吧瀦困凡苓凡仁德連買自初旦齡時罷魔鬼吹詔麻哩。 魔鬼本固情破道聖

德主至泣每塊輪雙沒命奴破空援時奴沛援祕苦廻手下底麻執命仍霸主官權伍禁道自初旦齡共仍凡毒惡醜涅界苦廻手下魔鬼歌。仍凡兵恒喚啞魔鬼麻情共破道聖德主至吧濫害仍凡苓凡倚道輪買。 群事德主至瀦清朱魔鬼吧苦廻奴禁道共濫困凡固道時罷在得悶朱仍凡特歸靈魂遣天堂沛年種如德主支秋界等乞難夥事傷庫夥事辱牙共金沛凡與折女。更德主至固意朱凡固道難夥事庫時特添功福於代尼吧特添事苟創代鐵無窮長界榕跡緣由事禁道時濫丕。

段次卷

稱故邊沛處界体苗

娘難困庫。凡固道沛鄭廳期分插只呐戈沒調尼浪。穀德主至庄傷空救本道乙罪本道沛鄭泥插歇庄埃特捎圭旺坦祖包縣麻道德主至龜渚安南時秩趨拱如龜渚日本初仍麻德主至惡等無第傷本道龜鄭縣事困庫爲得時遣官西扒罪嗣德主浦派道。霤空体強特時不得已沛鄭旨赦道賜通鑑臘辭十五拱罪赦壬戌仍凡固道龜沛於泥插燭臘辭十
丕道德主至罪道實罪道等哦濫事等禁濫事與。仍凡固道罪凡患臣本納季稅共鄭各逋役如得些空濫僞濫賊空濫劫空等脅埃只沒事倚道唆証於等。霤吧各官犯別凡固道罪得良善庄固罪之。辭嗣德七年翁尚佳濫總督河內罪傳坤頑固時

名吧得勢爲伍打特賊洲雲時疏奏等麻曆道德主至吧凡固道罪得賢等純熟固惡忠貞請納季稅鄭各役官庄濫賊濫僞包縣空濫劫空荷脅埃吏哈傷執仍凡困庫朱凡饑唆朱凡陳默共濫恩朱歇每得處期英俺親戚哈罪得凌仍冉道時劄單疎實他只勸得些唆宦於等吧向化習該塘仁德麻崔空呐添苗積逆哈罪調之背常累壞風俗。朱年仍凡別道氏曆遞勉共都饒侍油麻沛鄭俱庄補。氏罪仍喳翁尚佳疏奏霤脩道吧凡固道時濫丕。 丕道德主至罪道實道等兼氏牢麻霤情過節哈罪左道麻固情破姦朱絕。仍凡固道罪得良善庄固罪磊之牢麻霤情扒播訊考撫執流苦胡折仍凡固道顧閉燒禮

空圓罪。仍里鄉吧耆目陷根哈罪折沒得固道庄期格苗時庄
仍罪霑空扒罪麻吏賈朱匪買錢。更園台。醜干娘難困極
羨氏空群等苗趁吏特麻安慰勸保昆茲鄭庫平彊朱年凡茲
強苦楚吧當傷欣女雙諸歇事苦事辱兜。凡固道群沛苦沛辱
沒番到底女。代署木道諾喇瑪吧諾日本也沛難苦爲道凜凜
年。體前十三昧故邊當沛擅魔鬼亟暗凶嗣德時吹霑氏
排呷沒格破道慄與羨懷毒惡慄怪懼各格仍霑主代署亟排
呷時庄與庄毒朱平初霑諾巴惠嚴憚情民樞姚時破毀平治
城支山加林扒霑共民樞姚撓脩濫碎鼬諾命罪逆辭論未買

淑朱術圭眊坦祖丕嗣德與羨毒惡欣霑諾巴悲嚴朱年情共
罰仍几固道礮吧與欣霑巴悲嚴罰民樞姚轂分欺霑也盤茲
盤吏共仍官情道時定呷旨傳吧調尼。沒罪分捕歇每得固道
庄期彈翁彈妃蘋閉殘祿龜仍廊外道。乞罪破魄平治仍廊全
從道吧交囉娘坦噶朱仍社附近外道認耕受稅。乞罪刺字每
得固道乞邊鴨沒邊仁窮左道沒邊縣府縣。油旦夢沒腦
穆薛十四霑買呷旨氏雙凡固道乞別署霑固意呷旨濫丕朱
年禡濫惄核驚怯吧俟如我惡麻叫浪。濫之霑折缸衆碎茲朱
衝他衆碎茲庄他辭困難耻辱雅体尼。罷爲醜冉尼些計
傳故邊麻故也沛處署欺霑呷旨分捕時些庄沛計呷低仍事

九固道輪麻欺開客節時九固道沛挨錢朱里役沛秩錢朱官
吝氏庄仍罪各官能扒開九固道麻吏能圍紳勘刷各廊各苦
固道祐固扒特長道苦哈罪影冉道吧仍圖國禁庄。欺官勘濫
不時九固道舌害凜爲孫另其夫行總帶破牆壁共陶陶聯
茹得些刲祀錢鷄犧捕猗猪硝堵衝禮共各圖得些濫峻群仍
圖奴空扒該特時奴擠破濫虛姦奇。庄仍罪九固道沛秩
夥錢朱官麻吏朱九外女爲九外恒快屈荷脇連買。據仍旨看
呷時九固道沛鹹廊貝九外共濫各役事神奉佛貝奴朱年九
固道閩塊濫役縕時沛挨錢朱九外時九外買贍買赦。庄仍罪
沛秩錢沒堆欺麻吏秩輪固欺沒薛年疋客係客節固旨買呷

時沛挨錢朱奴庄丕時奴空底安固夥兒九外快屈荷脇九固
道每体每格欺時奴撫錢鷄犧捕圖物未空把。
奴悶祀貼之時九固道沛底吏朱奴貼氏奴貼奴打時九固道
沛鄰奴悶扒体芾時九固道沛鄰体氏空鄰時奴覺貝官仍九
固道固貼之時沛丑占哈罪喊九外固情義侍朱_辟命時空侍
特朱年九固道縱鬟饑渴空固茹侍特鉢麻咬。
昆奴灑汎時奴扒沛如朱奴哈罪朱昆奴。
虺機會氏仍九固道困庫呐呷庄掣。希空認九固道罪民命吧
哈罪莠民共計罪軍僞軍賊閉賒埃荷脇濫苦共折得固道時

二百十六

- 355 -

沒暉沒欣時決扒歇每得出教補道台汰。畧霑傳扒各頭目。仍得彈英仍得固歲沛出教頭目。不肯時沛刺字發流仍凡。也出教拱群沛攔諸特衝纏仍頭目。不肯出教固翁良早主補。省南定沛處斬決吧。舉得廊承治。翁里詩翁里兄翁副儒吧。翁管事沛處綏決在南定於省清化官攏頭目濫沒貝殼得恪。固道廳庫麻陷糧只來唆每暉平愁銅錢糧麻崔朱年固欣吧。霖得沛耗餉氏。卑調故正允當沛攏於清化閉縣危傳吏濫丕。霑扒頭目假時扒各官吧。各另固道出教。各官固爵品朝廷油。出教油不肯時拱沛革沛秩官共論處綏攏候。各另固道不肯。出教沛刺字共流苦。霑禁空朱凡固道特茲男女欺氏固沒得。

- 354 -

男圭凡謗懃卑兵方不肯出教沛考嚴刑苦過麻耗纏囚。饑女霑傳濫數各凡固道自逝森歲阻遷共毗請倘更扒出教跨過扒凶廊共濫役事神奉佛貝凡外道。氏卑仍堪聞從時濫丕。群仍堪全從時扒凡固道沛濫廚廁。霑紳各官吧總里沛督東凡固道共毗毗習情蹠退等卑仍退凡外道共停於廊空朱得苗遁趨呢格。得苗亘古據沒墨不肯出教時沛補因哈卑插凶仍廊空道。霑骨固沒意扒得些補道固意破道恭絕群。各官時洳擗兵麻祕錢凡固道朱廢麻實庄固擗苗卒朱特唆錢朱平擗霑禁道。廳遊眾辭嗣德買造濫霑時嘒逝眾旨禁道。歹沒暉沒欣係霑嘒旨禁道客苗時各官扒總里開趨開吏衙。

永沛扒在几謗注衣買進卷歲麻沛訊沛鈴沛跪盤落鐵如注
豪圭寨香沛猶熾注粹罕學路場永沛考鈴與凜時色跨過衛
畿安離吏稱道咱共沛猶熾群夥几恪沛陷糧麻耗哈罪瘦囚
吏夥儿沛耗准流苔哈罪沛病於帝麻衛耗於茹仍几特衛茹
平安跬孟罪分也。翫期禁道歹仍得姪俺潤勉拘粹執役道
朱歇悉歇飭欺時貯共丑各等翫茹命貯時餒捲吧逢命聖匱
翫獄朱各等當沛搘吏逢書逢信呢怒呢箕朱年希官惜共扒
播吧尋拿連各茹媒沛破沛換沒秩貝各茹處各得姪俺沛散
移歇几時衛茹圭仍几空衛茹圭時移於洳茹本道固旨希傳
扒仍得茹媒濫家擎翫茹官哈罪插包仍廊空道哈罪苔移方

賒固欣辻得姪俺沛扒沛解包官共稱道格孟暴吧不肯出教
台汰吏固巴得沛扒共解納官尚南定官傳朱巴得沛踏影奇
吧巴姪俺空韶時官傳另拎櫈打慄疖仍麻油另打色痘癩打
涅船哪時巴得據慷慨沒墨空敢踏影官吻另擣擂戈像時老
琵繩連繆旦釘時擂擣繩時掘打買閉賒沒得姪俺拎褪影麻
昏敬段遙朱乞得箕拱昏敬女官覽丕時凶憚麻浪崇体尼時
些祿功空濫之特油彈她拱空治呐噏衣段官傳搘搘奇巴
群仍事困庫本道韶時計濫牢朱掣仍辭略乖朱仍得本道不
肯出教罕愚民色默謀各長道噓嚼時空女流苔空女折只發
落來朱衛乖只折仍窩家罪仍几貯各長道麻崔辭畿希惜道

年逝舉翁尼沛處畧故邊群逝等恪謹年辭餞。凡時沛處得時
沛蕤陷瓶始釋疾因。

嗣德情各長道欣奇未且各道徒共仍得女洞勉拘梓霜苞唧
旨傳刺字共發流仍道徒不肯出教更固旨恪傳處仍苦側名
長道西義界各几講各注執德吒吧各散仍旨霑呷時懶丕仍
麻各官欺據欺空固欺處各道徒固欺發流廊崔勸期禁道歹
自嗣德十年十一年稍微時仍得茹德主至界各几講各學路
羅星吧各注茹處沛扒播共茹夥事困庫凜凜爲蒸敗各茹場
沛破時學路散茲昧各官暗界凡外換各茹處時各柴奇沛簡
得茹術只群侍轉沒暗界每固麻崔閉隙仍得氏巴撫吧縱極

空別姦兜於兜。仍凡群吒姨英俺時脩茹圭雙拱招擦牒爲
欺空於茹圭特分時爲官共總里尋拿分時爲吒姨英俺逐押
結伴朱呷得代底塊暗界道徒。固夥凡空群吒姨英俺時
空脩茹圭特仍凡氏消兜時於帝暗界遁貌齡蛭尾枚蛭恪住
寓屹屹賜空於坭苗數肆爲憚得些沛困在命共爲夥坭得些
空悶貯實界苦楚過飭。自欺德吒僚戈代朱旦欺故邊沛處時
仍得茹德主至沛扒沛處沛流若過沒贏得。固夥凡旦譽襦官
坤學踐。仍麻旦譽襦官時疎仍咂坤頑戚械灤創名事道。更固
夥凡油群色歲雙拱訴呷懇肝膽凭傍凜如注法界學路場凡

在吉吏。樞蜂具貴圭几潭沛扒在慎修。巴翁尼沛處沒笠在河內。安移具知圭掛市沛扒在寒筆吧處在清化。批嚙具言圭同桎沛扒在程川吧處在南定。得空韶開本館朱年官尚恃吧考極刑扒得塗達盤終鐵共騎馭楷固終鐵吏傳另擇缶鶴得麻鑲甌朱歇飭底蔥終挽包朱湊具疖過時竝移缶吝另沛輕衛獄未得韶處。加姑陂具銀圭几潭沛扒在几霸吧處在河內。保祿具條圭几量吧批嚙具盛沛扒於河灘。批嚙具罰圭几霸吧樞蜂具說圭几殿沛扒在几蠻眾翁尼沛處沒笠在河內。批嚙具謹圭几藪沛扒在福岳處在寧平。安移具歡圭安快沛扒在千靈吧處在清化。安支卢具川圭黃源沛

處在山西。保祿具振沛扒在同光處几榔吧處在清化。批嚙具富圭几器沛扒在歸後共處在寧平。批嚙具杏圭廊殿沛扒在好儒共處在寧平。樞樞具李圭平海沛扒在熙然共處在寧平。批嚙具書圭筆東沛扒在三山省寧平解哩南定共沛處於帝。保祿具卿圭永治沛扒在田戶共處紋在清化。潘支姑車爲朕具知圭南舍沛扒在几砂共處在南定。須眉具琦圭掛市沛扒在自新吧處在寧平。得艦正處發艷得侏江亘古坤頑謀智理事固暗共犯包京件饒貝官內閣憲界豈圭天池術跡囉田戶。各官情時濫案朱得沛斬決梟頭棄于江界沛胡共標頭毆賤未補魁滻如各故丕。

年庄理欺仁故且閹韓時西征補堤兵麻邑嘉定特赦賜空群
得西苗於帝難只群沒丐逆吧眾敵隊另南掠。仁故貸丕時僧
傍捕賊船呂術。且閹蚌時觀步共隱於廊氏欣沒辭。且仁逆斂
膾歸辭嗣德十四年故沛扒龜鑿於真房斯閹蚌共沛解遣清
化沛擅沛訊沛撩拔鈐考假沛解亾京。拱龜沒膾故正兌吧
故香沛扒於閹蚌時故北沛扒連兌於廊安習共淮解龜山西
假沛處於帝得仁逆沒膾。且逆移膾逆故邊沛扒在九灘。
群故正新時逆薨病龜茹鄉買於九培膾臘辭嗣德十二朱年
欺故邊逆沛處時地分西只群仁德毗吧故仁麻崔。氏罪合
德毗吧各故逆廟庫共廟薨時濫丕。群各柴奇本國拱廟庫廟

薨如各故庄劍拙苗初融逆仁宗徒沛沒樞耶反共納柴命朱
軍與仍麻龜逆蜀具地分西逆沛扒爲道龜代嗣德時庄固
樞耶苗各等氏調訴碑惡凭傍肝膽稱道碑畧彌天下共巴杠
巴錚踐真德主支秋遷房歌羅擣移烏覩御碑廟薨爲主命台
次實界劍創助卒等界兼苗。低些計將仍柴奇本國地分西
逆廟薨爲道自欺故邊那邊尼朱旦欺得沛處。勞蓮芻具享
圭凡淮沛扒在雲遊吧處在寧平。保祿具淨圭真河沛扒在
永治吧處在南定。批曉具康圭富雷沛扒在瓊壩吧處在南
定。樞峰包舉吹些具歸圭筆東沛扒在瓊壩吧處在寧平。
批曉具勤圭方他沛扒在寒楓几器。批曉具流圭凡羅沛扒

兵計戈沒乍調麻崔。畧罪咱咱乍德吧各故饅仕咱咱各具
各得茹德主歪仍得茹媒吧本道。自欺場凡嫩沛破時德吧
謙恒沛徒這塊省河內。迺奇省氏係兜貯時得於雙室於呢苗
仍麻得塞茲塊省河內。迺奇省氏係兜貯時於河棲房貯時於同平
數耀辭嗣德十四得啜沛扒爲釘固道覺得吧仍廊貯得朱年
官拮軍且圍廊得隱扒特菴得几講吧避乍得本道吏扒特饅
底各圖貼德吧。假如另圓陶隔賒紅焚女時扒特饅德吧當隱
德吧東徒遁觥篋仍處沛鑽筆東九除凡培欺時於饅茹得些
饅壁砌咗時於郿饅。固吃眾城得沛於外同爲庄間茹苗敢貯
得啜沛扒醜客共犯沛扒實沒客雙凡扒疑得罪具時菴饅欺

奴別罪德吧時吏邇蹠仍麻得犯徒縣來。固沒客得沛縱極凜
唆姪呀。丕賜散兵不應固信得茹官且勘茹得於卯時得吧各
柴饅審買陶賜散署。寇帝特沒昧時德吧吧各柴饅庫饅空咀
特沫滅派哩。傳茹官勘戈沒昧空饅之時茲吧得茹僧傍嫗閨
簪朱德吧哩。實罪埋爲踐沒亟女時吧昆姪呀奇麻犯固沒柴
罷賜買特哩。故正兌吧故香犯隱於廊白鉢畧於饅茹媒饅
欺茹媒也沛換時於外廊未遭安居同排吏包同幕牢奇秋藪
沒離。且饅各官濫死過得些空埃敢貯女麻乍故烽冽我渚水
年沛邑清化稅船遞漫烽賜旦闔韓罪賜吃逝腦乍嗣德十三

二百四

故無理庄沛。罪抑兜卡罪事公平沛理罷空別仍調兵朱年固
賤凡賊船西郎打安南時生惡情吧濫苦凡固道爲疑凡固道
叫西郎救命時西買郎仍麻庄沛休兵兜。西郎滿安南打茹阮
爲在仍罪明命紹治嗣德危磊空傳仍調交約爲在仍罪兵空
別恩凡屢稱朱命凡危達命達濫罪爲在仍罪兵不仁弊薄危
救兜庄理敗買抒闡韓吧城嘉定時西沛簡役打滿安南朱特
郎打滿吳爲丕官西祀軍闡韓麻茲打北京只底吏固沒亞麻
崔。罪嗣德覽丕時洳據兵麻固筋破道朱歇朱擇底欺西茲打
北京術時卒群固理麻打麻扒赦道女爲道危歇吧廳奇滿塞

群固得苗固道輝。朱年罪用每体每格吧濫歇筋朱特濫鞠凡
固道共岬旨怒旨箕連買。歟時岬旨扒頭目耽時岬旨扒各官
各另固道吧仍得羽女来吏岬旨傳扒仍得籲闡總祀每得固
道沛出教歇平埃庄出教時沛純沛訊沛鈴沛鑑通盤終鉄沛
流苔沛胡折歟。埃室補道時罪空傷空滅空群計罪民罪女沒
計罪貳僞罪繩賊麻渚。歟兵固乍翁官宗室罪注罪博罪覽奇
吧滿沛亂落賊嗜秩務餉渴共瘟疫神氣時登疏喚罪滅道如
罪嘉隆初罪扮詞疏祐假批固沒幹心麻崔義罪罪沛滅道時
醜虎辱牙凜實歎兵罪盡世盈仍凡固道。自敗德呢僚戈代
脩饋各等各北吧各本道沛賤事苦過庄休苗麻計參罪特些

二百二

補命吧縱極過時自刎朱塊猶軍西山。主惠王治塘鮑時道色
同犯仍麻軍西山扒折共折奇戶翁氏只群率沒得招夥阮
膜翁尼覽軍西山尋拿命買時鮑且共德柴批曉當濫曰無塘
鮑喚德柴殺使郎諾富浪沙叫霧諾氏撲兵郎救霧諾富浪沙
差官軍船發郎打軍西山吧祕諾更交朱翁阮膜爲丕翁阮膜
安南吧認年號罪嘉隆。丕畧欺差軍郎諾安南時霧諾富
浪沙吧德柴批曉罪使全權台樞翁阮膜征交約貝饒仍調尾。
沒罪霧諾富浪沙仕差任逊隻船吧沒萬軍郎諾安南打西山

二百三

祕吏諾奴征占未交朱翁阮膜濫霧統治奇諾氏。仁罪朱特把
義霧諾富浪沙時霧安南交闊韓吧地分連貝闊氏朱諾富浪
沙底濫貼盈命買代代永爲己物。匪罪霧諾安南赦法朱各長
道西南特講道天主吧民安南特蹠共侍道默意命庄埃特根
禁格苗包賒。仁諾群交約夥調恰雙些計閉饑麻祖。

包數霧嘉隆群鮑時別恩諾富浪沙包救吧達命達濫霧時侍
仍調鉅交約朱年道刎特平安。仍麻敗吒皮耗假時昆招罪明
命紹治嗣德連負恩弊薄破亟交約吧禁道刃折各故各具各
几固道共決毀絕道鮑諾安南爲理氏西買沛郎打茹阮扒霧
嗣德沛侍亟約些賄調氏連別事船西郎打諾安南時庄沛無

秀時疑朱翁氏趁扒道扒各等仍麻冤凜爲翁氏趁濫苦惱手
下官按共跳都秀圍各廊間道罪間意執役道吧助各等朱塊
猶各官庄沛圓意扒道兜欺都秀趁閑呢苗時翁氏遂信器底
成固埃隱於帝別麻遁趁龍翁氏遂信濫至朱年德明東塊沛
扒道拱沒據算軍都秀扒真罰吧具說時鄉買拱扒真壁雙更
料朱得遁群江翁箕沛解共沛處翁鄉買固懶具各具吧
各柴凜德呢東具盛具蘭柴縕禮柴嚴禮其嚴厄隨茹翁
兵故正新龜隱茹翁氏數麻賊麌時拱麌於茹翁氏正狀當
禁歹女。

四次南

計燧役道自欺德呢僚戈代朱旦欺故邊沛處。
欺各官河內查故邊時晦浪牢艚西郎打安南扒闔韓吧城嘉
定各衆固意苗故邊空閼計榕跡緣由役氏矯興預雷權時疎
燧浪迴官竊碎拱也曉天下毗脩仍調官竊晦雙碎只沒事趁
講道空敢別仍調兵丕仍調故邊空呐朱各官別時些計呻低。
代茹後黎各富安南賣制排祕役治濫濫碍濫庫時達仁翁主
沒翁脩戶鄭該治塘外沒翁脩戶阮該治塘趨台輪罪仁主氏
快屈奇脇民凜朱年旦代看景興辭沒斂罷歸逆臣眾英
俺圭平定消陰罪軍西山起僞吧占祕諾主鄭治塘外覽每得

一百九十八

- 373 -

乍巴客伶冉願馳茲百步外購皮茲皮讀經。欺得鑿礎置得些
拱龕得吝紇輪廄固狀跪願吟馳氏女。凝腰响浪。故邊道德輝
爛凜碎旦候著苗時常及得當讀經。剗吧最得哈喝羅星格喇
帽凜。婢塘禮生日得拮嘴喝蘇沒狀數。另更保妃妍浪。班塘其
西哈喝麻得喝蘇嘴。得本盃尾鮮極連空圓謳愁庫極包賒。
得沛攏特台逝賜時曰書噴德吒東帖料朱得特稱罪鄭禮閉
賒德吒當隱於几除時。毗具盛當濫具副處。几霸沛達解罪共
遂命聖朱故邊吏職具沛忌鄉買圭几培界苦側手下官按帖
料遂命亟旦延故沛攏役長實罪庫惡吧招擦分時爲敗氏亟
棟十字各闔城埃悶亟時沛踏戈買亟特平空踏時另連別罪

- 372 -

几固道吧扒窟分時爲法官嚴禁吧另更謹密庄朱得苗遷亟
且斯櫃故德吒別固沒鄉買固体料役長特朱年得毗具盛沛
忌翁氏。丕鄉買遂具且堦攏故邊平安無事。具盛拱亟遂命聖
底亟丐碧如碧萊勞雙空敢遂朱故矯被役暭。其交魏氏朱妃
妍遂朱故最欲氏。故倚共朝命聖馳命朱旦過婢塘時得鄭禮。
得特鄭恩重時益惄凜連曰書謝德吒厄帖料朱命特福氏。時
氏界賜乍逝沒腦逝沒。翁鄉買厄帖料遂其盛色城解罪
吧遂命聖朱故邊界得肝贈係江固功執役道馳時禁革翁氏
厄默暗醜吧几固道閉賊怯翁氏禦爲寬翁氏茲謳苦側都秀
界几外道厄扒眾具共覽翁氏撲軍茲圍各廊固道濫沒貝都

一百九十六

- 375 -

稟官尙浪。餅衆碎。速具西室。涓得。啖時生病。嗔官。穢扒得邊爺。
蘇濫餅爲衆奴。犯別格。沛述朱得官。尙慟故生病。麻髮。鮑櫈。時
朱法尋。得固道。餌餅朱故。翁。紹禮。保妃妍。固茹於鮑城。濫餅候。
故共交錢。朱妃氏。忼。料餅。濫罕灰。妃妍。候。欣。沒。膾。妃氏。呐浪。
故啖每。餌。乞。餌餅。沒。餌。濫。最。得。扒。燒。沒。蔭。濫。燶。底。得。旺。櫟。得。啖。
乞。每。餌。固。台。咸。麻。碎。述。体。苗。時。得。拱。平。毳。各。餌。次。愁。得。啖。齋。鮑。
閉。餌。得。沛。攔。時。本。跋。買。只。固。台。得。沛。肆。冽。得。旺。乞。齋。策。
時。塊。氏。罪。咥。妃。姐。呐。時。濫。丕。官。尙。河。內。閉。瞞。惄。罪。翁。黃。
文。秋。罪。得。固。仁。德。固。惡。傷。民。吧。蕙。故。凜。當。欺。故。沛。攔。翁。氏。庄。仍。
罪。空。濫。反。濫。苦。得。麻。吏。畋。餌。朱。得。匪。吝。正。餌。故。沛。處。時。翁。氏。傳。

述宴朱得女。係。吝。翁。氏。傳。另。述。餌。朱。故。時。傳。沛。述。朱。仔。細。麻。
浪。拜。沛。述。罕。灰。歷。事。如。述。朱。蚤。丕。潛。濫。朱。戈。嗰。罪。爲。雖。浪。饗。沛。
濫。丕。雙。於。茹。饗。只。啖。櫻。玉。絳。珥。帝。朱。年。另。述。餌。沛。体。固。櫻。銅。鉢。
鋤。絳。珥。坡。醡。蟠。鮒。達。孽。地。凜。故。啖。段。群。包。餌。時。頌。朱。另。啖。貝。餌。
固。沒。吝。官。尙。濫。旺。時。傳。撓。沒。餌。噉。故。雙。故。別。貽。供。時。空。啖。另。呈。
官。時。官。傳。祕。仍。圖。啖。常。仍。圖。諸。供。麻。述。餌。恰。朱。故。吝。格。官。尙。拱。
朱。另。拔。櫻。時。故。保。浪。苔。個。碎。拱。沛。攔。低。官。顧。固。朱。苔。個。碎。啖。時。
碎。買。啖。自。閉。瞞。吝。翁。尙。朱。另。拔。櫻。櫻。故。時。拱。固。櫻。朱。柴。康。吧。
柴。量。女。陋。乍。膾。得。沛。攔。時。從。且。仍。麻。得。空。濫。秩。時。瞞。翁。庄。
於。仍。包。膾。耽。瞞。阻。呐。傳。貝。客。時。讀。經。吝。紹。得。些。常。竇。得。每。餌。

一百九十四

- 377 -

之麻祐凜朗閉睞得保氏勉罪招妃妍補帳翫爲添畧櫃固慢
雲朵塊得些祐贊得仍官馳仍八九品哈旦槩得共晦調尼調
恪一罪晦仍傳邊西散空哈呐固沒欺得些晦罕灰仔細時得
買呐余調麻崔群每敗時只鑿哈喇瓢廳櫃庄呐傳之貝埃輝
固沒賜官縣南昌奄濫歌謠誇共呐犯道吧扒各几問道廳轄
命學屬惡拱罪正官能旦勘刷廊筆東宋特扒故邊閉睞拱遠
河內吧因揷旦祐故敗翁氏稱名命罪知縣南昌時故保浪翁
尋扒碎買麻扒空特翁情吧決破道爺蘇龜縣南昌雙破空溪
兜初齡固該几坤頑吧權衡欣翁奄嘒筋破道氏麻拱空破特
丕奄罕翁空破特道翁翁蘇仍麻翁唉怙矯翁翁蘇破吧撒翁

- 376 -

該駢請倘仍凡旦祐共晦得時固盯於無法呐倬老雙得空忿
連瞬奴血。仍凡固道憚法官空敢旦驟故題吏度氏官亟
傳揲干字各闔城朱年仍凡固道庫旦貝故凜只固翁炫慶閉
賒當該另候官尙能該吏呐傳候故班得吧一罪班最翁氏固
惡道德罕灰固惡敬吧勉故故拱傷翁氏吧忌役尼役恪所徵
吏固妃妍妃敏氏平氏勉。乍得尼罪招妃妍吧沒汗得彈妃恪
該吏貝得麻崔。欺故買沛攤時官尙保行隊沛餕吧官發
祕事唆糧官濫空便為凡固道空餕得時空固揲旦槩得朱年
翁貌禮罪凡德旺奄達魂朔各因道於省河內挨錢朱該隊包

柴康界道徒不肯出教論流興化。至各官怯案朱故吧柴康時
怯循桶道奇庄紳調之恪。欺犯孕案未時疏部。

假次果

指故邊沛攔。

欺各官犯查晦故邊衝時攏得龜櫃連營官尙得空沛送獄室
包除。各官覽得於龜櫃漏閉吧質陝時傳台吧朱得於龜櫃惜
攏吧高本留更龜城。欺得躋龜氏時沛偷頭沒亞麻漏。龜櫃時
解詔麪詔花朱得塗。終航櫃時揀眾丐梢吧拉練朱特尙得些
嬌且斯。官犯調巴隊軍台對餽麻更故。衆奴罕另塘龜奴於罕
灰班賛請倘奴艱櫃朱得呷百步外躋且豚餅時奴拱朱得呷

外唼餅奴空快屈扒播錢簷麻固埃噴亾探故時奴拱朱空禁
埃輝奴本重敬得只固沒答繩煥惱界定疎沒調倬麻浪具固
祿嫵庄故赭桶達麻瞬奴浪仔倬仔咅之群正隊督更惱界
旗時於歷事罕灰仔細固懇敬得共躋禁另空特無法倣慢貝
得固沒齊官尙茲戈躋麻故無情當塗櫟時空躋踐朱年術微
官課該隊該隊惄時擅故奇沒賛龜櫃空朱呷故保浪扒塗櫃
奇得外鋪彈翁彈她昆祿每次得賈嗜翁具西時都餽旦祐冬
凜雙得些躋於賈仍賛得些旦祐夥過時得祿濫攏麻保浪祐

秀庄固情道空情各具仍麻罷奴悶立功參特賞共違職高權
重時奴濫單跪官籲省喚發憑朱奴趁拿獲各具牕辭嗣德十
二年鼬縗沒膳奴扒特具調具富盛於河灤吧具說其罰於几
暨拔納朱官省河內吧特賞鉅共特憑九品麻脩饋劖特敷貼
吧年勦固票。

庄沛沒故邊責瞬都秀麻俱官尙拱瞬奴女固沒吝官尙瞬奴
且麻瞬浪。暄浪布媒注本空生特昆雙罷媒旺排輩具調時生
特注麻牢注用情折具朱特職高時注庄背薄凜咄。
欺都秀犯扒各具特醢辭時遷濫主庫府里雙罷奴消失貼公
庫時沛罪蘭茹奴沛籍記奴時沛該軍次共沛病困難麻疑與

美。官查晦故衝未時扒間詞底蹠憑詞麻孕案故開詞時
寧標稱埃炸沒據詞巡徒犯票罪扒紅柴個當趨船馳於兜
同官晦浪。祕船氏於兜。柴康疎浪。衆碎謨官吏浪謨埃柴康浪。
謨醫官覽吶謨醫時崔空晦女柴氏曰詞開未故記。欺柴氏曰
時通吏扒曰原從爺蘇左道。故空朱曰猝左。欺通吏遞詞開遣
官麻官覽空固猝左時傳曰吏柴康吏曰雙拱空曰猝左朱年
官吏扒曰猝女通吏保浪。官籲傳沛固猝左空固時空特柴康
保浪。衆碎木蹠道爺蘇群猝左各官達凶時默各官碎空曰噴
柴稟翁賴濫丕官覽吶体氏時崔空扒曰猝左女。開詞衝
官怯案故罪西洋道長論斬決梟首三日頭棄于江吏遙案參

一百八十八

- 383 -

故疎浪。稟迴官竊閉饒辭碎於諾尼時只沒事勸得些蹠道麻
官峨碎補道碎庄貴事莊罪余碎他執事莊吧鄭莊他補道。
故皮呐皮拎祕影麻昏。官吏浪齊平具空重事莊吧庄惲
魏牢隱朱塊得些扒。故疎浪稟官竊法道禁空特忌飭盈
命空特紳命欺固体魏特爲丕碎買沛茲隱夥呢。低繆吏
仍調官查晦故邊官群晦夥調恪些空計低。故疎貝各官餽賣
妙楊吧固法朱年各官曉別傳。魏昆茹家教法則。罪得坤別尊
卑等級吧臘格唆。貝得些隨等此。故邊疎閉饒唔皮段
時固貉都秀罪茹司伍領恩朱特茲扒道吧辭嗣德十二伍扒
舉具吧伍領賞舉慕兩鉛共特恩九品女。故邊疎浪渚時

- 382 -

翁故畧陰罪東揭也。遭濫鑑牧時於兜悲賒。碎渴惄得凜雙諸
固欺苗特及揭得固特跬庄。故邊保浪英濫藝扒道時憤凜爲
鼬冉圓唔浪前義而後利者仁。前利而後義辱。丕英沛別戰恩
九品英厄特時庄恪之如花務春蠶葵歡殘庄特包數。各官共
衙門曉故呐唔氏時噴奇。

產揀些計戈跡都秀体尼。都秀圭廊武溪脩縣南昌。媒罪得空
生特昆雙罷旺策真調時生特都秀欺都秀伍竊時濫茹司於
連河內。畧奴於貝凡固道時罕灰饑奴買呷懇恪麻通貝得本
道買貉罪敏罪苦。倒翁錢愁禮魂朔各因道於連河內吧哈遼
書詞朱各具雙繩氏罪訂奸奴訴呷朱都秀別各具隱於兜都

一百八十六

- 385 -

尼長道沛首。沛稱嘒平空些加嚴刑悲賒。故疎浪。稟。惄官
賴。官續晦。仁調。沒。罪。碎。犯。別。律。瀘。安。南。禁。得。西。空。特。郎。講。道。天
主。朱。民。瀘。尼。牢。碎。群。敢。郎。講。道。氏。丕。罪。瀘。安。南。禁。講。道。天。主。仍
麻。天。主。傳。沛。講。毗。道。傳。泣。每。堦。天。下。犯。晦。浪。衆。碎。沛。奉。命。罪。主
世。間。雙。衆。碎。拱。沛。奉。命。罪。連。至。欣。仁。罪。碎。空。吹。艦。西。郎。打。瀘。安
南。艦。固。郎。打。瀘。安。南。時。庄。在。衆。碎。官。保。浪。具。唉。該。保。艦。西
行。打。女。時。仕。赦。朱。具。故。把。唾。浪。碎。空。圓。權。麻。保。艦。西。梢。碎。
固。保。時。艦。拱。空。梢。碎。空。悶。朱。瀘。安。南。沛。害。朱。年。各。宮。圓。差。碎。該
時。碎。拱。該。拱。保。艦。空。梢。時。碎。更。梢。低。朱。特。薨。爲。安。南。
官。吏。晦。浪。其。固。博。薨。空。故。疎。浪。稟。官。賴。碎。空。博。薨。碎。郎。邊。尼。只

專。沒。役。講。道。勸。人。行。善。麻。恨。碎。空。濫。事。之。惡。碎。空。圓。罪。苗。當。薨。
難。平。各。官。圓。怯。案。處。碎。時。碎。懾。薨。薨。爲。得。安。南。官。吏。晦。浪。
具。固。憚。情。仍。几。犯。扒。納。具。庄。故。疎。浪。稟。官。賴。碎。空。博。庄。情。
几。氏。爲。法。道。衆。碎。毗。沛。傷。天。仍。几。情。命。几。濫。害。命。官。吏。保。
浪。真。犯。於。仍。犯。苗。犯。住。仍。茹。苗。時。沛。呐。嘒。故。疎。浪。稟。翁。賴。
翁。續。罪。父。母。民。碎。犯。苗。犯。住。茹。苗。碎。只。該。講。道。庄。圓。濫。役。
恪。麻。悲。賒。碎。固。開。仍。調。氏。官。尚。寬。得。外。國。別。傷。民。欣。命。時。憤。吧。空。扒。開。仍
扒。碎。開。仍。調。氏。官。尚。寬。得。外。國。別。傷。民。欣。命。時。憤。吧。空。扒。開。仍
調。氏。女。閉。賒。官。毗。撓。十。字。嘒。時。另。撓。嘒。毗。影。鎰。銅。賴。固。像。
拱。平。銅。官。保。遼。朱。故。沒。母。乘。保。浪。長。道。箕。沛。跨。過。該。

諾麻浪。稟官癩頒碎噴無法。未旺缸。段官按晦故。賂歲圭館。罪之。埃及郎安南。故疎浪。稟官癩。牘碎。卑樞蜂妻烏葩泥鷗那。圭碎於諾富浪沙。辭齡碎。毗迦沒歲。庄沛奉官芾。差碎郎。諾安南木。自恩碎情願。趨講道麻皮連。毗碎郎。講道龜。諾尼。官脂故。呐得買毗迦沒歲。時保浪。具群青年凜。段官晦浪。固別長道僚庄。固別長道僚。仇曰。詞保仍將僞募民。爺蘇底麻濫賊。打希打朝庄。故疎浪。碎仇別也。涓翁長道僚。翁氏本隸這。屢時我諾魏也。欣仁辭齡。群調官癩。毗浪。翁長道僚。仇曰。詞保道民曳僞時。碎敢票埃及。呐調氏貝官癩。官保浪。固詞翁總督南定。斧遭濫丕。故疎浪。稟官癩。碎拱仇。贊呐翁總督南定。仇扒特書。

翁長道僚雙碎。決罕仍。書氏界。書冒爲翁長道僚。界得標坤。庄固濫乾体氏。吏庄仍。界翁長道氏。空保道民。趨濫賊。麻吏碎仇。特祐調翁氏。傳朱各長道屬權。得沛禁道民空特。蹠賊麻困。官吏晦浪。仍。艚西仇郎。打諾南共仇。祿闈韓吧省嘉定時。埃及。麻各衆打安南。固意濫罕。故疎浪。稟官癩。碎拱仇。贊。呻仍。調氏雙碎空。瘤仍。艚氏界。艚苗吧。固意濫罕。故。呐。腫氏皮。段時官尙。包茹公堂。翁氏皮鑿時。祿故。沒。咅。段呐。馳貝官。按吧官。布浪長道尼。呷樣昆茹宗。櫛時樣瘤色稍。未。翁長。拮嘴呐。蘇浪長。道箕仇。別法諾南禁。仍得西空特郎。講道朱民諾尼平郎。麻扒特時沛折。趨牢群郎之。在各長道朱年。艚西買郎。打諾南。仍調。

些遜且冬凜麻箠故青年懼梯鮮榾時呐浪。兵具西懼梯鮮榾
界。蒙苗樣翁尼界樣偶答得良善庄沛繩劫繩賊。幾几恪動憲
傷。得時浪。得無罪麻各官。撓趁折濫牢。自府里朱旦河內
沛趁秩紅賜買細故。鑿龜櫃移得輕麻柴。康時琶杠趁器櫃。欺
趁獨塘時得些呷祐冬如覲倣拱固得固道雙空埃。敢訴命呷
且。幣橫時最沛擬吏帝沒店。創賜呷更趁。閉隙德。吒東當隱於
凡倍斯塘千里。得覽凡且呈浪。固沒故沛解遙省趁戈鋪時德
吒。差鄉買呷祐故氏界。故苗買別界故邊欺。且常信時官府呷
扒軍揀更爲官悶祐故吧晦余調。丕官府旦斯櫃麻晦浪。翁界
得於兜。翁梢渚富浪沙哈界衣葩儒哈界閣閻。故保浪。翁濫役

官邊尼固趁兜麻別富浪沙衣葩儒兵闔閻。體苗翁庄別之梢
各瀕氏時晦之。固悶祐猶碎時未祐仍嘛有晦仍調氏濫之。官
府貽丕庄敢晦女連蹠。

段次三

稍故邊沛查晦界体苗。

且省時軍輕櫃龜城趁歸閩東雙閩氏固十字揀於紳時故傳
沛桔趁另空鄭桔據輕櫃趁故。覽丕時把迪堵迎櫃龜朱年另
船法沛操十字呷段輕櫃龜營官按塊沒咅官按吧官布呷鑿
公堂。各茹司鑿終觥櫃謹奇故時鑿龜櫃鮮榾如每欺庄慄核
拙苗官接保櫞瀕朱各官吧因擗拱保拂瀕朱故旺貝故拾礮

哩惡做吧傷得台汰固沒客狀得喺餅茹司兵另共仍得外舖
閨終統祐得冬藥。閑賒固沒通吏疎浪做具覽衆碎躋祐具冬
体尼時具惄涼庄。得當喺堵嘅。時據喺衝段保浪。柴覽英俺旦
冬体尼時庄仍罪空惄麻吏祕濫惄爲柴郎安南固沒意尋英
俺麻覽英俺旦強冬時強祕濫惄濫惄。得汝擗得些旦探麻削
義理道。得些祕道濫油濫實麻浪。道天主罪道荅道實。假如罪
官空禁時衆碎拱悶蹠涼。俺脾官府覽故群青年形容青奇極
樣。燭鮮晉哎呐餽賣和雅益尾時傷涼能旦探共噴得出教朱
塊耗蠻耗蠻法。諾哦因沛芒鋸。官府傷故要濶時橋鋸貳貳。欺
得沛處未時鄉買贖鋸氏固眾錢麻崔。故邊於府里固眾

得段固沒翁叶管沒翁都吏吧欣醢。逆船軍於蓮河內魁解得
蓮省官府。博几圓道打操獨塘時添練府吧手下巡徒冬涼固
欺旦芒暮得麻巡徒沛支辦卽諾奇朱旦欺蓮省河內。朱年衝
役故邊老鉅魯秩逊紅鑲鉅。麻芒暮兩鉅薪賞時各官喺奇。譽
諸扒故邊茹巡徒罪大富家仍麻自欺扒故時沙率吧饒寅。
欺鉅懶產每事吧軍官拉祿時柴欣吧柴厲共沒得船罪目義
罪得固道圭縣務本社顯門拱沛流爲道於府里且撫故邊當
塗櫃憎得罪芒靈魂燭熾署極各官吧冬得躋帝庄博拙革故
覽芒得兵撫得罪芒靈魂燭熾署極天下昧當禁革
死饒蒙氏時動憲益惄瀉灌滿相哩。欺各官拮軍哩茲耽戈舖得

時奴惲廊氏嗁打操雙得些諸及別朱年空埃嗁熾。

且府時奴輕櫃故𠵼茹公堂官府嗁晦故牘歲主館卑之祿口供底濫詞稟省假保故浪其也茲仍坭苗奄於處苗時沛計嗁故保浪柴也茲般處墘苗柴拱也茲雙喴官竊行晦濫之爲邊安南埃貯長道時署官扒罪官覽得响濫丕時崔空晦女官朱故於茹公堂空補寒攢吏處員故歷事沛体故沛調𠵼府姓明且朝歛官差另嗁鋪謨圖述餌重体朱故唆雙衆奴空別濫朱年故空唆特余官覽丕時保仁得茹柴邊地分中卑柴欣吧柴厲閉隙當沛流爲道於府浪各柴金別格述朱其西唆時祿圖麻述矯另壯空別濫時得空唆特台柴氏烜颺共述圖唆如也

涓濫鼈茹柴時故唆特。

官拱赦法朱得些旦探共响能

傳路貝故空禁埃熒固沒吝官府覽得曰書晦浪暗邊尾時具圈曰唧幹西特空故保浪曰特官保祿筆朱得假讀沒句浪天錫聰明聖扶功用官皮讀麻故皮曰欺官讀衝時故拱我筆丕官府晦浪勢時句長具也曰諸故保浪柴也曰未官浪丕時具讀祐固實庄故矜紙讀依如句官奄呐官府議浪讀沒句間撻時故曰特仍麻句賤倣得空曰特朱年官吏讀沒排詩糲句每句罷窮時故曰蹠句官讀麻官崔時故拱曰衝吧讀吏朱官贍依然官也讀朱年官共奇茹司吧冬得蹠帝怯祿濫遲麻唔浪。猝實寄。衙門共仍得茹官能旦探响傳貝故埃埃拱訴

狀故吏呐貝巡徒浪噴翁該範吏麻傷民巡徒呐哩哩噠錢嘛浪翁料体苗朱碎傷民散空呐吏朱年碎兩浪各翁悶傷民時圓庫之唉朱罪途遇碎呐濫丕固意覩老氏爲仁罪途遇固憲義罪情期麻及獨塘雙碎固意呐故吧碎庄埋及沛酒巡徒扒孙塘老暄濫丕時空呐濫牢肆吏沙岑枷觀爲覽碎擦覩濫丕塊沒狀碎吏尋攢覩老沒奢女麻晦浪翁該也扒柴個衆碎時呐浪各翁固料朱碎特沒瓢鑽時碎仕赦術吏料沒挂罕灰朱各翁於吧給養餒搥朱女碎吏呐沒句典懦浪前義而後利者仁前利而後義辱勢時翁該拱塘苗巡徒呐浪碎噴雞辱噴各

翁料朱碎沒瓢鑽時碎處罕灰貝各翁反罪呸柴康計跡命吧故邊沛巡徒扒於戶凡瓢時濫丕

段次二

脩故邊沛解鼈府里段吏調遼河內

鄭黎均賑凡瓢吏沛鑪蘇吧虐朱年過姓砍船買旦呢巡徒扒故龜茹命濫詞稟官府里來濫犒荆猪噉衆伴旦咬悶旦最固通吏隊隸吧仁逝犧另旦時巡徒濫餅朱吧噉故女故鑪沒搜員巡徒吧通吏共隊隸砍氏罪賜更朱年伍保打鰐濫餅朱故店衆奴朱故瓢長凡於外茹客吧更糾票創賜呷餅諾未奴噉故鑪櫃撈鼈船吧據塲澆麻鼈府里欺戈凡潭罪廊固冬本道

巡徒濫害窩家爲奴固開扒特故於凡蘿時該潘罪撞姪奴空塊罪特爲脢翁氏當次該總同胞麻凡蘿屬衙總社同胞吧該潘拱於社氏雙脩村恰裏固夥犯苗沛扒龜總社命時庄塊官扒罪礮特碎議戢勢雙故博老巡徒開窩家朱廊凡蘿麻生害民時呐貝老氏浪嶼翁該筐吏傷民麻有開窩家矯害民巡徒呐浪碎本傷民各翁濫害民群衆碎固蘿害民兜各翁折民賸昆碎慶其所有故贍蘿丕庄別得固曉哈罪空雙得嘲喇群碎曉燭老氏固意或吏傳尾辭醫戶凡蘿岐仁梗圖道龜茹凡外於社氏雙於村恰開隙固刃訴子覺貝該潘時該潘茲扒仁梗圖氏撓箇茹命未殊信郎凡蘿保官員本道固閭贖

時打船郎茹翁氏吧沛撓仁蘿貫錢麻贖戶凡蘿憚奴亟扒圖道或奴吏扒特得女時奴撓納奇得奇圖朱官麻生事蘇庄朱年戶空敢貽贖該潘躉戶凡蘿空贖時底仁梗圖氏於龜厨庄埋固得外道讐該潘時茲訴貝官府官府邇扒各圖氏朱年巡徒沛絳鉛朱昆婿貝官府吧官河內奇汰歇仁逝架鑼爲丕該潘候歇奇基業碎苞別傳氏朱年歟老巡徒呐浪各翁濫害民各翁折民麻空貸故呐吏時碎保老氏浪循天理則不求利而自無不利循人欲則求利未得而害已隨之碎吏呐浪罪之麻翁該潘倚仁梗圖氏貸得些空贖時焯茲朱衝空特台蘿官錢時拱塊糾仁逝架鑼巡徒躉碎呐濫丕時嘲喇塊沒

一百七十二

- 399 -

凜麻碎吧故群於外房。勦腮脣諸鯨。匱龜壁砌。
貨她饒根。哩買時保浪。於低固翁具西於邊金榜麻郎。有哩濫
之。故邊賄暗金榜。時得曉。壁巡徒連牆。匱腮碎麻。保浪。巡徒
些。述圖。未奇故奇碎。插圖。匱龜壁砌。濫沒梗圖。禮沒梗圖。用麻。撲匱
龜壁砌段。更呷。隔度。沒。濫銅壺。巡徒。貨她氏。哩買時保答個
破闌。纏閉。濫故金匱。隱龜壁砌。麻碎群於外。畧時。奴踏闌。龜雙
拱技。凜朱年奴空破特時。插呷。闌外廈。拱空破特。雙彌丐。梓闌
戲。沒拙時。碎呷。塙氏祜。衆奴濫之。奴匱碎時。拎酒。播呷。撲朱巡
徒。翁氏晦。碎浪。固沛長道。哈罪道。徒低。碎。呷。道。徒。老氏
更浪。低固長道。女空。碎。呷。吝浪。固碎。係。固長道。兜。舞。刮。答。浪。

- 398 -

勢時據破壁。衆奴破壁砌。匱。故金榜。時。播呷。閉。濫。巡徒。哩
撲奇故奇碎。纏船麻。造笛茹。奴。碎時。奴底。鑿慢船。空。纏群。故時
奴。纏。包湯船。質。凜。欺。巡徒。且。扒。故時。且。不。應戶。几。纏。無。情。空
別。朱年奴扒。吼。凜。旦。欺。奴扒。共。調。故。纏。船。造。趨。未。時。戶。買。別。
欺。船。危。遭。呷。塊。廊。几。纏。時。碎。呷。貝。巡徒。浪。呈。柴。該。危。纏。柴。碎。質
凜。噴。翁。撒。朱。碎。皮。呐。皮。撒。纏。雙。固。沒。繩。苦。側。喇。呼。糊。造。麻。保。碎
浪。庄。攝。呷。時。碎。打。丐。尼。悲。賒。朱。年。碎。沛。崔。塊。沒。祝。巡徒。議。更。時
保。苦。側。撒。纏。朱。故。段。陋。故。鑿。桃。艸。船。貝。釗。帝。固。籠。邑。爲。欲。氏。冽
凜。更。固。朝。稿。吧。荳。蘿。捲。平。紙。時。蒙。陋。故。唆。萌。唆。策。時。故。唆。碎。冽
只。贈。呱。蒴。朱。奴。蔭。陋。命。朱。年。碎。噴。沒。呱。時。奴。拱。朱。碎。空。博

販。凜。船。得。別。麻。油。故。呐。濫。牢。安。懲。体。苗。時。彈。英。據。忙。刪。審。核。固。
 凡。曠。得。吏。責。浪。故。空。固。懲。傷。昆。茲。得。覽。丕。時。遜。信。朱。戶。筆。東。包。
 遷。雙。戶。諸。及。且。時。罔。包。沛。扒。未。吝。氏。得。於。凡。薪。度。沒。腦。柴。肩。執。
 得。閉。隙。並。計。傳。得。沛。扒。如。饑。尾。　　圓。沒。得。於。廊。黎。坊。脩。總。碌。
 山。得。些。消。憎。罪。巡。徒。爲。辭。賊。蠻。蠻。奴。包。懲。巡。縣。旦。辭。扒。故。邊。奴。
 群。濫。該。總。百。戶。當。溪。時。名。奴。包。廸。昆。朱。該。總。同。胞。駭。罪。潘。辭。嗣。
 德。十三。時。逝。移。腦。逝。過。姓。娘。藏。姑。碎。當。呐。傳。貝。故。於。軒。茹。時。覽。
 姮。餽。根。綻。遙。呐。浪。固。得。茹。該。總。且。她。氏。呐。濫。不。爲。巡。徒。包。祀。得。
 茹。昆。婿。搬。船。麻。引。趁。扒。故。她。氏。呐。皮。段。故。吧。碎。包。龜。龜。故。涓。
 於。麻。拱。杆。枝。凜。　　燧。氏。固。仁。闔。沒。闔。唧。外。廈。沒。闔。唧。余。間。鉤。

茹。氏。權。氏。固。仁。間。沒。問。固。床。朱。故。擬。沒。問。拆。屹。斧。稽。麻。碎。時。艷。
 魁。牧。仍。聳。稽。氏。吏。於。屋。茹。塘。饑。聳。稽。時。固。壁。砌。麻。固。闔。唧。包。包。
 扎。枝。拱。如。壁。丕。埃。空。別。時。印。智。罪。壁。連。　　欺。船。巡。徒。包。包。且。
 楠。泐。仍。苔。迺。老。氏。澄。度。逝。森。仁。逝。訂。矜。櫓。棍。教。鑽。達。奇。麻。巡。徒。
 闔。宋。年。油。闔。蕤。默。惡。拱。空。濫。牢。特。　　巡。徒。包。鑿。魁。茹。軒。共。憎。
 姮。餽。根。麻。保。浪。於。低。固。具。西。唉。拔。哩。朱。蚤。她。氏。疎。吝。浪。衆。碎。媒。
 寢。昆。塊。固。敢。貯。具。西。兜。巡。徒。吏。保。浪。有。憚。拔。具。西。哩。朱。蚤。蚤。庄。
 扒。蚤。引。蛭。朱。麻。於。她。餽。根。吏。疎。浪。衆。碎。媒。寢。昆。塊。衆。碎。空。別。役。
 氏。固。各。翁。官。員。魁。廊。或。固。別。庄。喚。翁。晦。巡。徒。搬。晦。趁。晦。更。買。數。

香低故保浪勢時昆打破奴喂朱柴柴康連搭包臻碌破涅喂
奇茹斯帝恆嘴破蘇時喂祐段彈嘴朱斯文別浪故色打破鉢
香來創枚戶枕台餌禮故禮具朱沛法仍麻祐喂戶懶為
故色打破鉢香故別濫丕時保浪各翁空特平悉為柴傳搭破
鉢香各翁沛察柴空主意濫秩悉各翁兜雙法道紳柴沛濫体
衣否平各翁固議分舌時柴仕坦朱閉睞姉里慶呈故浪噴故
行坦鉢香昆噴坦台時故拱平悉隔沒時故袒固沒得官
員粧罪社事逐真故吧各柴冠船麻遣旦几穢

分次吧

自故邊沛扒朱旦欺色沛處假

假次壹

稍故邊沛扒於凡蘿罕体苗嗣德十三年沒許移氣逝。
故邊於金榜術凡蘿班店時吏於茹妃饒根罕茹得色於欺畧。
假如得固悶於帝讙時拱特雙爲賜畧度膚膚膚欺得濫福
戶長時群色蘿凡默根阻諸稱罪特朱年得吏暎旦底擗根阻
朱衆奴丕仍凡氏空且吏尋塘避得茲仍麻故空蘿茲得呐貝
柴康浪係廄廊尼空群茹苦朱柴於時柴買茲仍麻包數茹尼
群朱柴於時柴據於彈英廄戶且噴得茲爲事得於廄戶時色

破仍圖祿鬼雙空特法速爲固罪時得破勢不兩立翁里柔暄
柴康呐濫丕時扒恤雙群眾數買濫蒼貝故。故邊覽於筆
山時安寒共易隱時朱信蹠德旺謙旦隱於帝得固惡傷名德
呢吧各故恪朱年得特延苗安時空齋於沒命吏遂信朱恪
拱且於帝如欺得於茹媒筆東時缶差柴量撲書朱德旺僚閑
德旺謙拊帝共差英俺命茲遠得德旺吧故邊於貝饒廳廊筆
山舉輶賜德旺曰書朱戶金榜那遠故邊濫福時戶卯亟德
昵麻連故。故邊拊濫福金榜輶於茹翁全度具詳濫正處

金榜拱濫福執故女仍麻空圓余得旦稱罪。旺仍薛禁道歹廊
兵近趁鏡唧濫乞坊沒坊斯禮吧沒坊斯文禮復生時斯禮唼
席吧迺斯文禮各聖斯文濫餚麻迺斯禮聞。除厄且禮各聖朱
年得些迺沒茹麻會饒故賈濫丕時差柴康祐奴固供祭哈罪
濫牢。得些迺床祿共堵各圖祿縕吧呐浪。衆碎斯文低固
例唼沒餚貝饒。衆碎孕床祿噃罪雲極世間廳時明禁革尼雙
衆碎空供祭之肆柴康覽体苗時拊呈故体兵。閉除故保柴康
祿扒鉢香撲搘朱得柴長皮呐皮押祿鉢香撲朱故麻庄埃扛吏。
鉢香兵平使吧祿平丐招柴康撲鉢香且茹故於麻呈浪。尼鉢

一百六十四

- 407 -

解勑保得些時得些稱罪額各法婢姻凜度氏天下饑渴故本
固惡傷儿庫凜時增翁里柔麻保浪柴固沒鑲鉛德吒頌底旺
策仍麻柴覽得些餽渴時空持惡特尼柴交朱翁半祀錢發朱
儿貧窮翁里柔覽故處濫丕時適故稟仍麻術饑侈哩跡尼時
翁氏惲得凜。丕故濫福筆山時住於茹里柔得覽奄述床祿
如凡外於茹連罪塊得於時保里柔浪翁舊沛拮床祿尼茲矯
群底時柴空濫禮特爲德主丕空於終濫沒貝覽鬼特翁里柔
噴哪雙拱空拮故吏保輶惹吝女翁氏據噴哪雙本底隔度惹
踢賜故憎柴康麻保浪柴奄保里柔速床祿拮各圖祿鬼趨翁
氏噴哪雙空濫柴空特法述矯固罪雙特法破庄固罪之丕昆

- 406 -

併濫牢柴康疎浪勢時噴故破得保浪昆尋丐之朱柴破柴康
尋特紅昆刀遂朱故沒柴氏侍沒朱紅吒昆據鍊切涅奇甕香
臺盡共真爛核畷貼里柔厄餓歎森逝愁貫錢里柔於茹郿
瓶覽破圖時遭茹連旦闔翁氏扛紅猶懲懲相遭麻浪故空特
破故空特破故破仍圖尼未昆吏沛秩錢謨圖格翁氏呐濫丕
時故吧柴康買崔雙仍圖氏丐時涅般丐時涅延庄群丐苗苓
柴康揜奇匈醜臭茹麻里柔吏鼈茹郿。塊沒賒柴康讓浪
里柔龜灑干焯時鼈呐吏底翁氏扒隘欺柴康旦時貸翁氏金
沙岑拯鼈醜咄隘禦柴氏晦浪翁舊惲故咄翁氏嘲安柴氏吏
保浪翁舊秩圖固沛在故兜故包拮趨般客翁空拮故特法

濫役北命吧格尙命瀝罪。固乞骸得饒鬪沛移濫稅輸時故發
錢底朱奴特於茹沒仁賜麻連命稱罪鄭禮。故邊濫福戶
凡蠶度沒膚未得朱移保仍戶道斯帝且稱罪於凡蠶雙離彈
英廊空閼朱得於帝時疎得浪。故朱移保各戶且稱罪於低時
衆碎空平惡爲悲豚埃及拱衙別故於低役金露過朱年衆碎
嗔故移茲塊恰矯蹤蘇。故保浪衆昆行憤爲蒸油柴固沛扒於
低時廊拱空沛害如仍塊也貯敷等恪。彈英吏且遂得茲
塊恰空也吝女時得諸茲群於吏余賜女脩繕得別閭沒乍凡
彈英惄共噏得爲空茲麻料底廊沛害時得郎廊金榜
故邊且金榜固意隱吧濫福廊氏因体。仍麻得些空鄰吏疎故

浪。故固意隱於廊衆昆時衆昆平惡朱故於雙衆昆空閼朱
故濫福矯販畔。故覽得些呐濫丕時恤共定郎濫福戶筆山雙
得差柴麻郎廊氏祜意得些畧矯且廊麻得些空韶時庫惡凜。
朗賸翁里柔卑得頭捕亘古當濫首紙廊翁氏特信故閼郎濫
福時順龜吧塊也空得收插朱戶郎金榜連故術筆山。仍得廊
筆山空碍遠故爲得些暴憚頭捕亘古共爲廊筆山固城壘甚
拱卑如大屯各等隱買初賸狀縱死。代明命廊長金貯德吒謙
數賰數膚吏買貯德吒僚皮未女。欺故邊濫福筆山時固
其縑程拱濫福孰得具縑程卑得道德肆崩故邊吧具縑廊講

段次遊

情故邊濫福几蘆筆山吧金榜。

故邊於福珠平安特沒腦假得縣郎几蘆時伯散忙料遂得郎
廊氏閒賒具貴賜微死爲道在河內濫正處几蘆茹處几蘆
買沛破換只群沒凹丐茹麻雀畧故邊吧各柴於仍茹氏微買
卿於茹妃饒根妃氏寡哺固懼道卒凜產懼貯故納年期故邊
於几蘆時住茹妃氏麻妃氏本儻故吧各柴空煩之且戶。

故旦几蘆特凹累賜時羈角濫福得濫福共講解烽燭冤累輒
賜麻覽得些群枯看講動懼時喊奇戶歇每得沛嗟齋沒賜正
得拱嗟齋段禁房朱戶沒旬禮彈英冤立槃祿於事朱特祿繩

共懶圖徐女時故收祿圖徐共傳朱彈英破槃徐冤立齋亭段
買朱安眉稱罪吏固色憲几冤立床徐於茹命時得噲共勸保
仁凹吝時几衣平悉唧呸得麻破床徐移 齋戶几蘆固沒
得彈翁茶醞陂他醞師輪庄余賜空吧沒得彈妃濫藝奔醞吧
達女安被奇凹得衣空稱罪色數辭故朱噲共勸保凹得衣稱
罪韶禮吧自衣衛繼除罪磊共侍道罕灰 得逐得些稱罪
麻得強凭憲得移稱罪時強憲醞座解罪得祿仍呸烽燭麻勸
保得些除罪磊共侍道侍調嘴德主丞朱論吏逐得些能稱罪
敗得及几节固憲道卒時扒得衣稱罪韶禮沒旬沒吝共咷格

段次遊四

南故邊濫福几蘆筆山吧金榜。

故邊於福珠平安特沒腦假得縣郎几蘆時伯散忙料遂得郎
廊氏閒賒具貴賜微難死爲道在河內濫正處几蘆茹處几蘆
買沛破換只群沒吃丐茹麻雀畧故邊吧各柴於仍茹氏微買
卿於茹妃饒根。妃氏寡嘯固惡道卒凜產惡貯故。納。記期故邊
於几蘆時住茹妃氏麻妃氏本儻故吧各柴空煩之旦戶。

故旦几蘆特吃眾賜時羣角濫福。得濫福共講解烽燭冤眾
賜麻覽得些群枯看諸動惡時喊奇戶歇每得沛咬齋沒賜。正
得拱咬齋段禁房朱戶沒有禮彈英厄立槃祿於事朱特祿繩

共懶圖徐女時故收祿圖徐共傳朱彈英破槃徐厄立齋亭段
買朱咬眉稱罪。吏固色躬几厄立床徐於茹命時得噲共勸保
仁巴客時几衣平悉唧墜得麻破床徐移。 齋戶几蘆固沒
得彈翁茶酬陂他醞師輪庄余時空吧沒得彈妃濫藝奔酬吧
達女咬被奇仁得衣空稱罪色數辭。故朱噲共勸保仁得衣罪
繆吝時奴嗔所命吏得彈妃挖塊酬共打破略極故仁得衣稱
罪韶禮吧自衣衛繼除罪磊共侍道罕灰。 得逐得些稱罪

麻得強凭躬得移稱罪時強憊。酬座解罪得祿仍墜烽燭麻勸
保得些除罪磊共侍道侍調嘴德主丕朱論吏逐得些能稱罪。
欺得及几节固惡道卒時扒得衣稱罪韶禮沒旬沒吝共咷格

廊麻茲塊恪吏請倘沛會几固道吏麻點目共扒出教女沒旨
哦沛扒歇仍得茹媒哈遜書詞呢怒呢箕共執拖飯攏各道長
或扒奴懶家擎廳茹各官或分扒奴各廊或流茹奴方賸
請倘希差余翁官旦貝官西於閣幹假如固意盤事交和雙希
空悶濫和沒固意喚官西底朱仍船希特載糧飢京爲悉欺氏
船西防撤各闊灑空朱船苗載糧飢京朱年廳京餉灑仍麻希
庄悶濫和爲庄悶赦道麻吏欺氏希扒道歹欣每欺吧悶濫船
几固道欺船西諸郎打諾安南時拱固並縣官庄惜庄扒道歹
罪包饒仍麻自欺船西郎打時各官調悼情几固道吧扒道歹
歇台汰自夢沒腦移辭嗣德十二朱旦體十二於塘外各官也

處逝趁具未群罷移參具當沛攏各獄苦仍因道群仍省高朋諒
山宣光興化時苦仍得沛流爲道各官空固堵茹麻攏空堵另
麻更仍因道欺德吒僚戈代未時德吒謙罪德吒副綏權
得麻魂朔地分西得厄統趁逝罷歲郎邊尼冤眾逝辭時要對
空梗役魂朔地分廳時限困庫羣氏沒命特朱年得傳職曰無
朱故東在几除晦夢趁脣乍辭嗣德十二年德吒副尼學於茹
場葩移沒笠貝故邊吧郎香港沒專船貝得台英俺親切貝饒
凜故東谿職曰無特亟數欺厄赦道未時改船吧嗰罪德吒昭

種之朱艤時特賞錢鉅吧特職權女希讓浪臘歇糧啖時沛趁
庄群於更麻打女自欺皇保卑英脾希瓦耗時各嬪吧各昆翁
氏本沛攜龜城嗣德博官西臘命麻達昆翁皇保濫希時傳折
各嬪昆英命格諱班膳吧禁空朱埃呐平固埃呐呷時沛耗。
希憇咗西歇筋共搘破各圖西消用龜殿希信實在几固道朱
年艤西郎打藩安南時強情共燁霆燁脾悶破道朱擇連傳揀
桂界布嬪希嗣德界頭各官朝吧總督南定界阮廷新消吟界
尚興對疏奏噴希折歇每得固道希應嗟官反奏雙保浪從
且也女係艤西趨未時仕盡殺奇。辭氏希唧眾轎盲禁道

連。界界希唧旨扒頭目揃術攜在省戶時屹眾得戶時轎惹得
隨戶轎戶閉併奇濶特紅酐頭目仍頭目不肯時沛流苔仍頭
目出教群沛攜於省參旦欺艤西趨未買特赦術笠氏地分西
特屹轎逝頭目。鮑屹轎逝得氏特固眾逝繆得不肯。群欣
屹轎時出教。微界希唧旨扒各官固道旨氏毗浪。各官固
道油麻出教時拱沛革職秩官歇。各官文武自六品阻龜不肯
出教時沛處絞攜候。各官自六品阻違不肯出教時沛處絞決。
微女希唧旨扒仍另固道跨過。得苗不肯時沛刺字發流。
歲阻遣扒出教歇台汰共交朱良民管束侍奴於茹空朱奴補

一百五十四

- 417 -

空保故邊住於茹里徒。奇廊乞別請飼彈英拱且候得故制義
理道朱得些勸得些教道。得些祕濫沛濫實雙當狀禁歹空敢
教道沒乞脩繖敗苗平安吧。肅道時住教得些呐實爲特避縣
辭齡固也教得福珠也。蹠道不當敗故邊安寒於廊福珠時些
沛計跡艦西郎祕閣翰假雜亂同犯下城嘉定吧事。嘉官祕濫
仲麻禁共扒道歹砍。 辭嗣德十一頭腦移固避隻艦富
浪沙吧。巴隻艦衣葩儒亂。閣翰打破各屯。軍官嘉嗣德扒各等
共破道每塊時孟暴凜雙咲打貝西時。懶過空敢交戰空敢夾
陣只發余救銃未。綻散艦彈破屯段另西堵步邇坦雙空寬軍
官安南兜爲。徂綻縣未。飈綷巴刻。瞭銅壺官西破共扒各屯折

- 416 -

舉避另扒鞋沒。羣包饒時。綷奇假如官西固。撈軍邇化
時罕扒特京都吧。嘉嗣德沛求和共赦道。宜雙官西祕理命諸
堵軍吧少禪藥時。揀吏於闕韓。且頭腦胚辭繖罕嗣德十二年
官西綷艦凹同犯扒城嘉定底。巴羣停城未。吏脩闕韓。拱沒
辭氏渚富浪沙。茲濫沒貝紅毛打北京。綷渚吳時。祕仍軍於闕
韓撈茲只底更固也。麻出爲丕軍官群於闕韓。斷法揀安帝沒
辭空打化爲也兵過。 嘉嗣德覽官西也打特闕韓未。時。惄
艦艇凹打京連祕沒萬眾。蔚軍麻捍禦闕順安共撈棋停闕淹
朱塊艦凹。看棋哩有賞眾鑽鉛朱几折特沒得西吏禁空特撈
書詞。綷艦暗。界半粘半圖。咬朱艦麻埃扒特訂苗綷艦暗。界半

官縣南昌憚鬚廊筆東沒時沒欣恆勘輪共傳揀十字各奸各
橫廊衣各等於廊衣時招撩料命沛扒朱年故邊徒欺時蓬几
度咷時竈筆溼於茹翁里弟固沒客得吧德吒東共故仁沛郎
中間罪廊外道於茹妃院凹得。固沒時翁該散差得茹命
郎几筆保彈英廊衣浪翁西空年於几筆女得沛移坭格矯跋
蘇碎趾翁衣郎福珠吧碎朱得茹攏船郎連得故邊別訴伯散
傷兵几固道共貯各具各柴齙廊命時信翁衣扈吏咷閉賒得
縱凜空別於兜朱年得蹠苔佃伯散竈船麻廊福珠。廊福
珠時逸仍得外道奇吧罪坦逆移唼劫奇廊伯散當次該總閉
賒拱罪將劫罪得英雄固權吧固時名齙奇行縣油官默悉拱

沛爲沛你翁氏德主歪翻惡朱翁氏兵城雲霧仍几固道吧貯
各等各柴共仍得茹媒齙廊翁氏咷禁道死庄仍罪翁氏麻吏
奇廊福珠固惡貝各等吧茹柴共貯各具吧茹柴殲凜具縫誼
於廊氏朱旦欺赦分插具詳濫正處金榜吧轂等恪每隱於廊
氏數群各柴几講隱於廊氏拱固欺且舉逝得沒秩伯散會民
麻晦固平惡朱翁氏連故邊脩福珠時民吶浪翁悶遠包饒長
道時衆碎順麻衆碎決官空扒各翁氏於廊衆碎特。廊福
珠固退尼罪欺固得廊恪且廊氏麻晦茹怒茹箕於兜於苦苗
時奴空指空保油訂菑罪歲拱勢爲旺媒也毗奴瀘丕朱年埃
悶包茹苦時沛別場包茹氏買特。平空別時崔沛呂術爲得些

沒吝翁氏旦廊暎彈英呷亭朱特扒出教跨過閉縣德旺東故仁吧碎當隱廳廊暎信氏時哆彈英浪。裏彈英跨過時些仕哩。裡彈英暎別衆碎吶濫丕時盤貝饒沒耽未男婦老幼彈翁彈她繩祉癡閉歇每得擣呷亭決強貝官空出教官。惲歇飭打轆屹得雙空扒空攏埃爲余賜畧翁氏亟卒稟省浪翁蘇左道每得廳轄碎厄奉命德皇帝廢出教歇台次。奇沒廊彈翁彈她繩祉調稱道呷器裡官共不肯跨過罪廸禍險卒等一廳代得些。民丕廊筆東吧各塊浦汝沛燭廸翁吒命厄濫初底廢逐懇勉共侍道聖德主丕朱論。官縣覽命空体扒特得些跨遇時咁惲禦朱年同情貝几外廳行社廢立謀濫害几固道体

尼請箇隔轆捺膺翁氏飭調朱里長浪。時氏得怒官仕旦廊筆東時里長浦扒几固道撈呷亭底朱官扒奴跨過。旦時官厄限創鐵頭更轆几外厄圍各苦固道吧更侍各塘囉嬌几固道道段衝包茹几固道祉圖物貼改脇提彈她扒縛彈翁遼呷亭吧更侍於帝朱旦朝歡庄隻官旦時奴赦稍仍麻沛秩錢朱奴時奴買赦稍。官吧几外道濫体氏夥吝。仍几固道忙沛跨過朱年欺茆特信賜枚官仕旦廊時最歡齡補茹麻遁几時姪廊恪得時呷鑑外同鄰霜雞齊雞湧雞奇店朱旦臘枚。

段次迎台

脩故邊徒郎廊福珠沒腦共術船西郎打閨翰扒祉城嘉定。

當隱旦首貝翁衣浪實固翁西於帝該散職濫丕時旦墾神姑
戶麻欺軍共苔衙官縣旦刷時翁衣保浪唉移茹恪低些屯勘
未朱年眾奴移勘茹恪麻空扒特埃煥旦最賜歆衣欺官屯衛
翁該散覽碎吧故仁共德吒東於廊筆東慄招撓時趾衛廊福
珠罕正廊翁衣共罕廊外道奇空固沒得帶固道煥故邊
固悉傷廊筆東格盈吧嗜廊衣固仁德信僥傍固悉道戢振固
法則美風俗彈俺鄂墮彈英彈英傷彈俺每得調和順吧同志
貝饒空固箇黨吏廊衣固功貯各等吧料命沛夥事困庫為各
等廳時唄禁道扈吏固夥戶道衛省河內如筆山筆東几倍几
徐吧夥戶恪屯貯屯丑占執拖各等朱歇悉歇飭為蒸欺各官

- 422 -

南定破永治吧扒道歹過各等空体於坦省南特時徒遷河內
共隱欺於戶怒昉於戶箕麻本道歇悉徒助隱匿窩藏各等庄
丕謳罕各等沛扒沛姪歇廳期禁道衣罕跋賊本道省河內固
悉道卒凜群調呐浪本道省河內庄固永得翫死為道事仪空
沛在本道兜沒在各官河內固悉傷民空扒道歹過假如各官
河內固與羨毒惡吧扒道歹拱如各官南定乙罕省河內乍特
夥等死為道為蒸悉道得些衛省河內庄固劍悉道得些衛省
南定兜故邊呐浪官縣南昌閉睞恬道凜吏恬廊筆東格盈
為疑朱廊衣貯各等朱年欺時正翁衣旦欺時差隊隸吧另旦
勘刷廊衣輪買麻罷空扒特故具节時強憚咭強息命欣女固

筆東廳茹本道時苞沛圍紹仁逃得苞計訕逃跡命沛圍麻浪固釘內攻姦訴于貝官縣浪固長道西隱廳廊凡等即時官縣差分役提吏通吏隊隸另隸吧夫行總趨圍廊衆奴旦不應空埃別狀皮買額創時衆奴苞圍謹眾柶廊更守各塘塲吧譯錄浪內不出外不入於廳空特嘒於外空特包段提吏通吏隊隸總另祀夫麻趨勘刷各管各茹固道衆奴勘刷技強奇聰破魄仍牆壁茹得些麻庄扒特母影長紅卷典苗哈罪圖之國禁肆奴破且仍壁連貝壁砌德吒東故仁吧碎當隱只群隔度眾醢跳麻崖衆碎議賊奴仕扒特仍麻奴龜破魄移牆壁廳散氏麻枉功庄扒特埃耀時奴憚奴辱奴櫻空破且壁衆碎隱謳

罪罷德主空朱奴扒時奴空扒特麻清。 睿恪官差得茹

共祀夫行總麻且勘廊筆東衆奴刷各茹固道祀貼改圖物得些如也涓每欺時空扒特得苗哈罪圖之國禁奴空扒特得拱空扒特圖雙罷在沒仁得固道吶無意時奴扒特丐審陶器坦廳茹得些審氏補空庄固之廳氏肆勢麻奴脩呈官外別奴苞扒特丐審吧奴職廳東群廢審恪時衆奴職固西洋道長隱於廳氏朱年奴乞官脩勘刷朱技睿女官應朱隔吧賜官挖另挖夫行總拎埋鍋底朱特侵共陶坪茹得些該總散罪得福珠拱挖夫吧苦惱命姦護官縣女翁該散尼本固惡兵道共貯各等於廊命欺翁氏旦廊筆東時茹翁戶罪茹固審故仁吧碎

納錢時仕解官。閉賒衆昆庄仍卑空慳麻吏呐繞明浪。於各翁悶解朱旦省時衆碎產惡。衆碎只悶姦爲道麻且兜時衆碎拱空跨過補道兜。敗勘茹願時奴侵奸茹朱枝朱漢麻保饒浪。凹茹尼點呸跳麻據陶時固審。昆煊貧呐調氏時曉罪。固道廳戶筆東犯茲陳訴朱里役行總行社別固各等隱於廳茹衆昆衆奴勘刷於廳茹願枝吧數体苗時庄覽之爲衆昆犯述各圖麻廳氏庄圓審苗輝。欺刷奇茹未時奴廳炫唆策雙空侵牆壁衆奴只疑桶蘿固貼丑於帝庄朱年奴擣花哩昆覽奴濫勢時憚凜爲闌凹壁砌時於鄰桶蘿昆叫喴求嗔德妃朱歎惡有底朱奴擣歇花蘿覽闌壁砌時德旺東吧故邊庄塊沛扒。

- 426 -

丕昆打暴麻旦炫晦眾奴浪。各英尋帝之帝。奴保浪於低固無萬貼時些尋昆吏保浪。沛莊尼實夥貼凜各英擣歇。莊時仕特奴覓昆呐嚙濫丕時崔空擣荅女。昆吏晦浪牢各英空擣歇朱特貼。奴保浪。夥過些擣歇時辱凜。崔空擣女罷為奴。崔空擣歇。荅時德旺東吧故邊空沛扒雙沛於廳壁衣奇店麻莊衣質株息最凜。德旺東故邊吧柴弟只沛躡空挾呂命特朱年辱凜。奴色縕。任猶眾昆秩吏繼。牋雙眾昆群移吏特廳茹眾奴勘刷衝時擣衛茹里長安茶旺醞。奴拱擁眾昆哩外廊共禍哩朱特劍錢雙奴覓命空囑空哩特時奴赦朱衛。眾昆衛茹媒翔閨壁朱德旺故邊吧柴弟囑未逃餅朱各等安。欺故邊隱於廊

蘭界。蘭丐審。齶茹得些於外廊底防欺軍官固尋拿圍紳時故吧各等恪於濫沒貞節特隱於齶氏朱塊酒衆奴翁社記罪得那筆東征計稿格濫審帶麻浪柴量吧碎也陶沒丐審齶縫茹碎齶藏沒間茹高皮平沒周蹕。歸時辣礮。連時辣版段覩沒矮由連版氏吏祕沾蠟婦朱蹕坦窯底塊生疑衆碎陶審氏班店謹凜只固仍傳茹別麻樹群齶廊庄埃及別固審齶茹碎燭衆碎拱立盤祿各等濫禮特吏濫繆丐解共達繆丐魏枷頭殊蹕外坡渤海奴通氣塊息吧易咀吏於頭齶衆碎濫重壁罪沒丐壁齶庄仍卑茹翁社記麻吏茹翁戶茹翁丁罪布具宣茹她蹕拱圓審拱圓重壁女昧動故邊吧各等恪欺時寇審昧時包

壁樹麻隱。丕履辭嗣德十二年沒斤繆慕輒逝。軫固町固道密訴貝該總吧里長固紅吧故隱於齶茹媒朱年該總吧里長哆包勘吧換茹媒姉敬罪得茹媒包計跡氏浪該總吧里長哆衆昆呸寫買錢共哆裏庄納時各翁氏仕勘共換茹姉衆碎疎浪。衆碎齶庄濫牢料錢朱各柴特。裏各柴庄傷時悶濫之時濫油麻衆昆諸別賤行總固勘哈罪庄雙妃媒拱朱仍得姉俺群祓歲蹕於茹得些外廊共唯姉俺衆昆述各圖禮圖物各等搜啾丑茹本道女。丕賜氏直朝歡俸空貧行總行社衝包茹衆昆閉蹕故邊吧德吒東當於連茹願時立即縱包壁齶連具茹燧脫欺買包時衆奴扒縛她媒吧仍得姉俺群於茹麻浪空

姉俺唉求願朱柴特鄭庫朱年。姉俺拱沛汝沛尙仍調柴厄保
吧。嗃飭於和順傷天饒朱論。欺柴厄麌未時拱庄帽姉俺兜。
俺拱行帽柴女。得厄陳朱故仁役魂朔盈衆昆。醫穀傳本訴唧
謹傷汝衆昆吧別恩衆昆厄貯共厄嗃飭帖料每事朱得鼴時
明禁革。長罪亟乍得茹媒筆東鉅計吏脩故邊時濫不。
鼴書故邊曰脩茹圭時呐浪碎縱過室別於兜特時厄沛鰐隱
鼴茹媒筆東碎室於沒命故東吧故仁常隱於帝濫沒真碎女。
另官朱趨由探鼴廊筆東時恒戈更忤茹媒連。茹姉俺圓逝愁
得麻崔時忼惄惄核共沛台對饒更店賜連麻狀眞貧嗜狂眼
哈罪暄嘴得些呐蘇哈罪啾隣饒連狀命衆碎隱鼴茹媒油姉

俺祕濫忼惄禦默懸時拱悶朱衆碎於室悶朱衆碎趁爲衆碎
於鼴茹媒時姉俺特暄亟安慰勸保特能稱罪郊禮共特凭傍
扒惄核假如衆碎室於帝時歎姉俺暄仍信與得些呻嘔銷翁
故尼厄沛扒翁具箕厄浦處茹處怒厄沛破茹媒箕厄沛換時
強惄核欣倍分。

假次逝沒

脩故邊沛尋拿圓紺鼴茹媒筆東吧於外廊厄眾客罪体苗。
於汎穰斯尚時易躡易隱共粧朱塊得些扒仍麻於同平時庫
湊朱年鼴時禁道厄沛濫重壁界壁砌共陶器鄰垣底朱各等
特隱狀繼瓦。各柴几講就故邊厄濫沒丐壁砌鼴茹媒筆東共

該皮客統哈罪吟塘拘梓。欺該畧鉢時沛尙昆相五官行籠昂
籠語行路傳葩配制曉暝隙沒沛於嚴莊涅那朱稱當得茹洞。
得紳妃媒欺朱姪俺該塘時沛朱得亟固歲該貝得祉底麻尙
饒空特朱原仍得祉該濫沒貝饒。得禁姪俺衆昆空特唧敷遊
外塘外塗空特鹹茹得些。欺該濫外同麻渴諾時得喊沛朱得
箇茹祕室特鹹茹得些。欺該濫外同麻渴諾時得喊沛朱得
讀典特時扒衆昆沛學各賜禮奇吧祐典匹迦沒調共冉喊習
該塘仁德論答。故群喊衆昆聲調恪仍麻衆昆只汝特固閉
饒麻窟。故邊盃性凜油麻得要潤痕樞爲固病癆病喘共
痺沒姓命邊糲債時本盃尾鮮輛庄覽得惱把嘆身責分包睭。

- 432 -

欺得吧德吒東共故仁當於陋茹衆昆時請個各等桔嘴蓮喝
燭蘇妃媒博固几外該吏外塘麻脣覽嘴各等喝時保衆昆挑
磚搘櫓斯帝朱特遏嘴各等。固吝妃媒奄嗔故喝馳嘴矯几外
脣覽時奴旦扒吧廊沛事困庫時故嗔麻呐浪。妃媒慢過只博
困庫分壳只核麪。箇微禁道歹沒得沒欣行社換茹衆
昆時故邊沛畷衆昆於茹本道連几樹共安慰衆昆浪。闡茹姪
俺苞沛換苞沛破雙姪俺行我惡沒籠忌凭傍爲賛微妃媒吧
姪俺仕濫茹格讚待壓事欣茹得些苞換吧衆昆仕持可分壳
欣悲瞭。得呐体苗時衆昆苞覽特如濫丕。欺得苞沛扒當沛攜
於連河內余賜畷欺沛處時得汝旦衆昆共畷書安慰衆昆浪。

德主於略。穉命讀經。感恩經。安難罪。段命固意。習仁德。茆哈罪。侍調之時。沛擢吟衛。仁德衣調衣麻祜。閉數唇。命危侍仁德衣。調衣濫牢。來篤慈。侍衛繼朱技。強沛願。吟衛沒仁德。共沒調匙。穆賈哈罪。欣朱旦。敗涓吧印。仁德衣調衣色智坤。敗色涓色侍。仁德衣調衣可可時。買願吟衛調格。沛願吟衛仍調命。常及仍。調命沛。侍每時如事於和順。傷天饒事於謙讓。惲命濫憒事。噏。噏累事。忍辱平。憲。噏座。欺得些輕易。噏。共濫秩。憲命。仕願。吟衛調重。欣。得勸。保眾昆衛事。能稱罪。噏禮。得朱各。儿。醜姑媒稱罪。各時次。踢朱特。噏禮各時禮奇。醜座解罪。得勸。保。仍。調。烽烟一。罪。仍。格朱眾昆侍。命瀝罪。朱當能。噏禮。固得故。

朱。郊禮沒。句。咤。咨。固。得。特。郊禮沒。句。咤。咨。固。得。沒。句。沒。咨。自。欺。得。且。於。茹。衆。昆。時。衆。昆。危。特。添。遞。烽。爛。膠。凜。得。能。剛。保。衆。昆。脩。事。和。順。傷。天。饒。共。祕。調。氏。濫。重。濫。勤。凜。麻。浪。埃。庄。利。順。傷。天。姊。俺。時。庄。固。理。茆。敵。勉。德。主。至。特。埃。呐。噏。之。濫。役。之。秩。懇。姊。俺。時。拱。如。濫。秩。懇。德。主。至。丕。得。勸。保。衆。昆。脩。事。籠。忌。敵。勉。德。妃。共。扒。衆。昆。學。吟。跔。事。傷。庫。德。妃。吧。哦。衆。昆。能。咨。紇。敵。跔。移。車。共。妃。聖。恪。伍。侍。命。童。貞。朱。諭。吧。苞。年。聖。爲。罷。固。懇。籠。忌。敵。勉。德。妃。格。盈。得。哦。衆。昆。脩。事。欺。該。塘。沛。侍。体。茆。麻。浪。欺。算。該。塘。時。沛。濫。卧。枸。梓。運。命。嗔。德。主。至。咤。嵬。躰。侍。朱。特。平。安。更。皮。

謨咬共朱𠙴得恪移半船褪錢消齶茹故別時濫青庄呐之仍
麻欺巴得衣衛時得傳收褪統圖咬吧錢農麻發朱几庫吏保
浪茹媒空侍法道時群埃侍女齊平空固之咬時沒得移謨仍
麻勤之沛朱𠙴巴得移聯麻磊空侍得禮奇濫丕故固悉傷
姉俺凜吧固意哉壯習情鍊扳朱姉俺特悉烽烟侍朱論各調
齶法茹共引每塘每格朱特牒悉德主丕朱年眾昆梵得歇悉
哉眾昆習移塘仁德時勉得凜油麻得於倘日共所罰各事磊
馳閉時庄仍罪空固埃叫責麻吏每得齶茹調尊敬調看得道
德烽烟敬勉德主丕朱論仍調得色哉壯保班時眾昆悧庄
汝朱歇特只汝特色麌麻崔衛事讀經時得哉浪姉俺固拎

智麻讀時買特牒悉德主丕買固功福吧魔鬼空驢對空感壯
特欺讀經數時常哈盼智雙欺別命盼智時沛拎吏竝矯空拎
智吏時嘿無法共德主丕麻固罪一罪欺盼智衛調嘴次尅時
強沛喂飭補移朱急矯底智思想容體吧悉朝衛塘衣固欺嘿
罪礮齶欺眾昆讀經固客故移百步外廈外鄉麻眾昆空別得
梵姉茆眸空讀經時保她媒噲達共傳打包哩姉衣麻浪哩
尼別喫麻庄別喰噲謝恩德主丕濫牢得吏哉浪欺茆姉
俺阻役空讀各經法茹特時行褪濫炉濫之沒皮濫役皮吭哧
余經問憇如經創名德主咤德主昆吧德主丕移蘇郎蘇哈罪
經天主經亞蠟得哉眾昆格願吟麻浪略歇沛腔命誣汝德

些空哈 啥 勒 路 傳 制 排 於 帝 共 為 欺 衣 本 道 慄 核 空 余 几 敢 貯
各 等 鬑 茹 命 數 故 邊 匂 別 濫 不 朱 年 欺 得 旦 隱 於 鬑 茹 媒 筆 束
時 保 她 媒 共 姉 倦 浪 柴 縱 庄 别 於 兮 朱 年 不 得 已 沛 旦 於 茹 姊
倦 厥 平 固 特 茹 节 外 廊 產 慄 貯 時 柴 庄 於 鬑 茹 媒 喇 节 故 邊 於
茹 媒 筆 束 蔽 巴 醒 双 欺 移 欺 衛 吵 於 眇 空 庄 固 於 連 買 兮 姊 敬
吧 姊 賢 罪 得 茹 媒 筆 束 匂 計 吏 格 故 邊 哗 於 役 得 濫 欺 隱 鬑 茹
命 共 事 得 哮 牡 吧 扌 姊 倦 节 法 茹 朱 日 罪 体 节 麻 浪

茹 羣 昆 固 茹 莫 濫 卷 間 故 邊 吧 鬑 欺 故 仁 故 東 繼 濫 曰 無 噇
罪 德 吒 東 於 茹 衣 飄 於 帝 濫 禮 解 罪 共 祜 冊 曰 握 拱 於 帝 女 姊
倦 空 埃 特 遷 連 仗 固 悶 呈 役 之 時 沛 於 外 廈 空 特 匂 鬑 茹

性 故 邊 時 賢 等 吹 扱 易 楊 雙 衛 仍 調 磊 法 茹 仍 調 固 罪 時 得 倘
日 凍 得 扌 羣 昆 节 法 茹 洞 节 涅 那 於 嚴 莊 再 日 麻 埃 磊 時 得 啟
罰 罪 扌 群 坎 濫 炫 咎 純 吟 塘 拘 粹 咎 得 罪 惟 姊 倦 呃 蘇 呕 蘇
哈 罪 啟 具 饒 時 罚 她 媒 濫 没 番 炫 羣 昆 嘴 台 時 得 空 朱 吏 呃
浪 她 媒 濫 頭 鬑 茹 時 沛 拎 墨 共 扌 姊 倦 节 法 固 没 咎 得 呃 姊
制 姊 實 浪 她 媒 罪 正 權 沛 所 罚 姊 倦 柴 如 姊 姪 罷 為 她 媒 庄 哮
壯 所 罚 姊 倦 時 柴 沛 哮 沖 所 台 朱 她 媒 咎 恪 得 保 浪 柴 庄 笠 特
莊 數 為 鬑 時 吻 陝 尼 柴 庄 固 理 节 脱 特 朱 年 柴 固 意 處 倘 共 扌
姊 倦 勒 框 法 吧 侍 朱 諭 每 法 茹 洞 油 麻 姊 倦 褚 濫 庫 翱 時 柴 沖
沛 据 没 墨 衣 底 姊 倦 特 河 固 没 聰 禮 奇 她 媒 無 意 差 没 得 移 罷

鼈忌歇悉歇飭得秩德吒時怙盜哭咷如昆秩吒丕得曰書脩
茹圭浪地分碎恒沛事困庫過飭運買仍麻固事尼困庫欣奇
罪德吒僚伍戈代廻棲同瓢賜年逊鉢頭連頂凶箕吧
郎安南固沒店得瓢占包簣命當跪鄧鉢頭連頂凶箕吧
固德妃現唧帝指杓鉢麻判保浪畊昆昆仕沛博杓鉢礮吧鄭
艱難困庫朱旦論代麻寶如丕爲烝自敗得郎邊尼吧一罪自
得腦罰辭齡時沛困庫計庄挈得庄群茹麻於吧水道憚核且
接空群埃敢貯得朱年得窮途縱計庄別濫体苗時沛遁廻棲
檸甚罪祖給豹欣眾腦丕吏罷穢氣毒浩時沛肆冽麻麌廻丐
糜庫巾少寸共疬痘駭蓋如德主支秋初敗麌運杓鉢丕

油麻乖官色撤下各道堂道館劫惱歇圖物貼改共恆尋拿刦
折流苦各柴奇吧本道仍麻德吒僚群莊時眾碎群僥群筆忌
仁德才智吧事坤頑得庄固濃庄固潺悉雙悲除德吒戈代時
眾碎如軍危秩將如昆秩吒如弦秩主傷喂地分眾碎秩德吒
僚劬時明改變太過困難乘衣舌害困庫吧隴縱空計朱掣特

段次近

朱日罪体节

衛故邊隱於劬茹媒筆東時玳牡共扒姪俺侍法茹

法道本禁得男空特於茹潤女油住沒店麻崔時拱禁日雙劬
時禁道固躬欺各等沛隱劬茹潤女為茹潤時謹到吧嚴法得

特旨揔餅汎麻固膠空特統苗更店分時憇翁分時憇得些扒
朱年空許特沒式搭率輸更。德吒空休於巒筆山特爲官軍
刷勦吧乾巒輪時邏同山戶同山間從朱年凡引德吒憇凡外
時空敢遂得梢廊吏遂得龜巒德吒於龜巒特眾賜來固信凡
外撈得旦扒時執最沛補廢麻鰐龜巒塘氏最至吧霍搖每得
船滿霍奇店德吒貨各等勿把共書楚過時遂信朱戶同瓢哩
連。旦朝歇纖戶同瓢哩時德吒吧各等補巒同山麻龜龜同瓢
班店埋台爲悉德吒皮趁班店時旦創嚴官撈軍旦圍紳廊同
山刷吧乾巒女。德吒包同瓢哩旦逝腦愁於龜氏時空怕惲
軍官扒只怕惲滿吧氣毒麻崔脫買包時德吒吧各等於龜廊

得些贊覽噃慘切共嘵哀哭得時如贊嘴鑊逐廢凡葬丕。噃得
實卑慘傷恤車庄固歌嘆苗慘傷朱平。

初翁枚蓮約泐渴渴凶坦祖宗欣眾逝辭。旦狀得耗於遠峯箕
時買籠貨坦氏賸贍麻崔雙庄特龜。不德吒僚渴渴朱特平安
願道藏逃逝辭。旦狀得征徒龜巒同瓢時特信轍西龜打共祀特
各屯關韓未。閑賸得征簪忌凭傍本道仕特平安特從容停道。
仍麻信氏皮旦得特余賜時得戈代朱年得空特覽空特事平
安贍道包踪。各等各北共本道地分西特信德吒僚戈代
時筋痕愁苦哭傷吧底喪得歇台汰。故邊特信氏時用移憇核
拱如体卑得覽霸打邊命丞得龜祀德吒僚濫昵盈共敬勉吧

坦仍繁縟綱側路消冉理斷共呐出這成章。仍官司共仍得紳
蒙且貞得分時。憚威得分時。恆覽嘸共。咷得呐理事。坤顏色稍
時怯共。鄭得歎台次。得道德賢答。謙讓寬仁。忍辱慄墨。欺
倘空於倘日過。拱空柔弱。蔽猶吧。纏傷過朱年。得些皮勉皮博。
得常呐浪。朱特該管。仍得方尾時。沒再糾。沒紺絲。奄堵。仍麻沛
拾朱倘連矯。攜咷罪。扔咷。狀苟時興取氏。得傷。仍凡庫巾
憤下吧一罪。仍凡沛。鄰庫爲道格盈共恒產。憑出錢鉢麻贖凡
也沛扒共。饅仍凡沛流答吧。攜執爲道庄情拙苦。謔咷禁
道歹得本趨經畧。共。嫵禮嫵。旬濫福廊怒廊箕連。本道覽得趨

偃侍朱特平安群。咷時沛趨沛遁。亾接。德咷僚於凡永麻趨
時遁筆山固故正兒故香咷。具吧。趁柴凡講趨濫沒貞得女德。

咷於筆山特平安余腦假官河丙別得隱。亾河丙時。援軍亾掠
於府里仁共差敗時。眾醢慕。咷時。巽移慕。軍趨圍納。勤刷筆山
吧各戶固道航帝衆奴扒特紙。騰冉硯圖禮圖祿圖用貼德咷
貼各等亾丑底於廊筆山吧。亾棱斯帝欣沒慕梗。德咷吧各等
趨貝得沛。趨亾甚。臘只苦。每得固沒巾繪罪。亾丐裙襪冉願
吧沒隻詔麻崔。自。咷避。巽腦醢朱旦避。祿脣。各等沛於亾棱
筆山及。簪時。亾簪空及簪時。亾坦郿。格核度。兵沛。避。森。亾避。賜
至齋搖曉。賜。每得汎如。吏沛。餽渴。爲空。固餅。啖。灌。旺。每得只

一百十四

- 447 -

庫執各等空惜功情筋空管庫辱拙苦本道同瓢濫茹朱各等
仁吝每客罪仁咤隻共蚩穀饑麻更賒店賜吧撲餅灌朱各等
唼沒賜仁齊得些庫辱犯有吏沛茲吏廳橫實罪招撩料命女
爲辭氏與棲吧給扒艘得雙恩德主至傷吧餳侍格盈時仍凡
茲吏立役執拖候下各等特平安無事庄沛究固沒得彈她創
聘茲賂賂謨圖唆旦欲塘糴漏壩漏麻撲餅朱各等每賜
德昵晦媒氏浪昆茲塘棲撲餅侯德咤吧各等時庄惲爲昆犯別德
得氏疎浪。迺德咤假如昆沛茲塘棲料役盈昆哈罪役凡恪時
空敢茲沒命仍麻昆撲餅侯德咤吧各等時庄惲爲昆犯別德
主支秋德她吧各聖天神仕惲侍昆庄沛究。德咤於茹買

- 446 -

濫時特平安逝森賜空固信苗軍官且圍紳烽雙仍信官圍紳
破魄戶怒廊箕共扒具扒得茹柴吧本道時恒且德咤連買共
濫朱得溢把該疊過飭。賜逝愁德咤沛沒干烽冽礮隔沒賜
得吏沛烽共茲痴噴血賜仁逝得吏沛沒干烽干尼時辱
癡空群踐特女朝賜台逝沒得失声空呐特共乍省乍迷。賜仁
逝仁踪次一過婢店時故香濫各法朱得閉踪得省得別雙空
呐特婢堁度踪次尅時得燧啼。賜欲縱罪次蹠時壅壳於廳廊
同瓢。廳各等冤講道邊方東自代翁聖潘支姑車爲咷朱
且悲踪德咤僚𠙴數仍等冤接嘴欣得度量豁達味踪得些夥
漂共通儒越各柴大科得些常喰得罪德柴儒得曉共處寢處

一百十八

-443-

如信得些遼朱翁執初麻浪。廊永治匝沛破魄刊削平治仍得
廊氏沛分插仍廊外道。廊恪沛官圍紳勘刷祕歇貼改共撤下
茹祿茹處。翁具尼匝沛扒沛攏。翁具箕匝沛處。柴几講怒注學
路箕匝沛扒沛流徒。仍頭目廊尼不肯出教匝沛刺字共發流。
仍彈英戶箕匝出教跨過。仍信体氏恒且德吒連買時別惡得
駭蓋恤車困極罕蒙苗。如初翁聖先知支移眉亞哭傷城
支由加林匝沛賊破毀吧民城氏匝沛扒趨濫碎碧滿巴悲器
体苗時德吒僚壑壑樓同瓢哭傷衣計移加得匝沛破毀哭傷
昆茲得沛扒播尋拿攏執刦折共流著每塊每方拱体氏。迺得
畧賊得戈代時日書計燶仍事困庫昆茲得韶朱本道邊西別。

-448-

於茹得些特避。得些雙得些箇各等冬禦時。慄皴。憚朱年。嗔濫茹
糜朱各等於。鮑。梭。斯帝。際。廊。度。匝。刻。德。吒。於。茹。氏。自。頭。腦。罷。朱
旦。逝。罷。腦。糴。時。沛。補。虧。氏。爲。毒。濁。毒。氣。耗。沒。得。几。講。吧。匝。眾。得
恪。瘩。礮。得。些。遼。德。吒。吧。各。等。匝。丐。可。審。礮。於。連。頂。崗。高。庫。遭
庫。踴。凜。審。氏。吏。強。毒。過。買。於。帝。特。固。余。賜。時。故。正。兌。發。烽。測。我
渚。德。吒。戰。得。龜。白。鉢。旺。萊。乍。得。恪。拱。烽。測。女。德。吒。吧。各。等。補
審。氏。麻。脩。廊。同。瓢。也。得。朱。旦。欺。得。些。尋。特。尼。苗。苓。朱。各。等。於。
來。呷。得。些。吏。濫。合。茹。恪。朱。德。吒。吧。各。等。於。鮑。糴。悲。簾。賸。廊。度。沒
蜍。祉。德。吒。吧。各。等。且。於。仍。茹。氏。得。夢。沒。膚。瘡。廊。仍。得。德。吒
吧。各。等。沛。遁。隱。包。廊。包。糴。筆。山。同。山。吧。同。瓢。時。本。道。各。戶。氏。鮑

於筆東特度訥。肺時特信德。吒僚戈代。剏。榦同瓢時。炉。愴哭。六
計庄掣。庄固昆討孝。芾傷哭。吒命平故邊傷哭德。吒僚。
自欺具淨沛。扒吧茹場沛。換共散移時。德。吒遁。蘭沫共漱山
吧筆山。請倘得過步衛。几永欺時。沒旬禮。咷時。迓得未吏移。閉
睍茹終茹場。永尾凜只群。舩翁具繕老要濶。病疾吧。余補槐茹
麻崔。躉。胸。迓頭。胸沒嗣德十年。德。吒。覓空群。体於帝特時。移實
空呂。吏女。仍得廊几。永空悶。朱得移時。哭。呴。叫。噴。奈。嗔。得。於。吏
麻浪。嗔。吒。於。吏。貝眾昆底。吒。昆同生。同死。貝饒。德。吒。保浪。德。主
季。固定。朱。吒。麤。時。吒。悶。麤。沒。命。空。悶。朱。眾。昆。沛。害。沛。麤。為。吒。吒
空体於貝眾昆特時付眾昆。剏。猶。德。主。支。秋。德。妃。吧。各。聖。天。神。

經畧濫丕時。扒。惄。核。吧。添。凭。傍。得。趁。且。兜。時。几。固。道。懼。惡。孟。惄
共。連。重。体。灵。亭。空。忼。惄。拙。茆。甚。沛。凜。爲。悉。德。吒。於。兜。時。特。平
安。於。帝。仍。麻。德。吒。趨。乘。時。得。些。吏。忼。惄。惄。核。 自。欺。德。吒。郎
安。南。朱。且。忼。得。戈。代。時。霑。官。恒。扒。道。連。朱。年。得。恒。沛。栗。達。勿。把
共。困。旗。買。一。罪。辭。嗣。德。十。年。得。沛。勿。把。核。蔡。困。極。遇。爲。悉。剏
綏。逝。森。賛。官。破。茹。終。几。采。塲。几。蠻。塲。黃。源。劫。祕。圖。物。貼。改。蠻。娘
闌。坦。共。歇。每。事。德。吒。庄。群。茹。麻。於。庄。別。於。塲。芾。吏。沛。各。官。差。穆
尅。慕。軍。圍。紳。得。如。圓。紳。尋。拿。繩。賊。繩。僞。丕。朱。年。得。沛。遁。包。榦。眾
膾。至。谿。齋。鄰。贖。蠻。審。蠻。坦。蠻。餉。蠻。渴。空。固。衝。禴。麻。台。空。特。濫。禮
咨。苗。爲。空。固。圖。空。固。塲。苗。麻。濫。更。賜。芾。得。些。恒。遂。朱。得。仍。信。與

故邊於聃同瞻衛時隱於筆涇沒脢未避於筆東共隱於廊衣
欣仁辭欺時聃茹媒昧時聃茹得些於外廊仍麻得空於廊衣
輪欺時得於卽巴脢未移尼恪函數昧時衛沒卽脢段吏移濫
福為烝得固悉烽烟凜油麻當卽期禁道歹得拱空補事濫福
因撲得隱於戶節時得濫福戶衣欺得翹旬濫福尼節時常保
得些唼齋沒晦麻正得拱唼齋得逐嗜得翕稱罪一罪仍几補
稱罪數辭吧仍几默縕時得庄仍罕勸終麻吏噲保盈得聃朔
昆聃格盈吧恆逐各柴几講韶庫戕壯奴經本吧習情朱奴別
塘稱罪韶禮油得要輪空特跬余時拱講解每晦麻得講烽烟
竊吶時吹唾吶時貳如唾得安南得韶庫解罪虧常過婢晤包

賒歌得時買崔空固欺節簡得些衛各柴几講覽得要麻庫辱
塗座解罪數時嗔得行解罪虧過矯生病麻姦得保浪柴固生
病麻姦為在塗座解罪數時柴仕聃濫帽班晦欺得空阻
讀經吝紂時祐冊學行得色祐特各冊喃印聃地分西共色屬
各粹聃各冊喃得聃冊戕習移塘仁德濫適欣共色祐歌部冊
衣得祐旦句节吶空瀨空吹時晦各柴几講段助句衣衛繼欺
印冊衣吏時皮達傳聃本故邊色助麻印得拱學儒色啼通空
固余等歌吧針祐冊學行平故邊昆粗得空移冊猶得空移筆
永欺得色劄沒本察命朱仍得茹媒共扒頭濫沒卷冊噲罪聖
教要序論雙諸及濫衝得庄固於仍空補秩晦節故邊隱

箕時故邊色曰麌書得啞衛茹圭候歇。丕正曉得些遙信

官軍河內遼圍紓茹場黃源時學路補茹場麻遁徒故東吧故
邊拱徒遼筆東。故隱欺時於廊衣欺時於筆涇於同私空於
坭節朱數特德吒隱麌同瓢覽各官尋拿連買共怙奴扒特
各等時曰書朱各等補同平麻色隱麌麌。故正新故東吧
故邊嚦哩蹠意德吒時啜饒色麌同瞻。故邊計跡故正新
故東吧得遁色同瞻時浪。欺衣當津執最眾碎遼船移燧同徒
色麌同瞻。本道廊衣遼眾碎色麌躑戈。凹果岡移聰貓叱真
叱猶涼涼時買旦沒椿隴永尾謹到箕。得些濫茹廢朱眾碎於
帝吧蚩辣饒更日夜為於帝凜。給眾碎於帝特平安欣。凹進時

共扒研各聖修行初欺時讀經願吟祐冊學行盼時濫役分殼
鉢垣榦梧榦矩迤塘移百步興諾胥燭搽沒暎箕固凹眾得芒
銃芒刀假移仙弔戈帝嘲晦眾碎吧呐余句傳盃尾未移眾碎
曉別眾奴罪釘官差移由時空敢於帝女連遼船麻於共糊移
坭怒坭箕空敢杜坭節數。鑣固信官差軍尋拿時眾碎空於麌
衣特沛離饒麻移沒得沒城碎吏衛地分碎於筆涇沒腦段吏
邏筆東。當欺故邊隱麌同瞻時德柴川罪曰無正地分
中沛扒沛凌遲在南定。凹柴几講沛扒濫沒貝得沛斬決。

段次九

衛故邊當隱於筆東特信德吒僚戈代時愷把傷惜得罪体节

一百十四

- 457 -

庄群固社衣女。官尚新遞案尼包京麻希碌批未吏改嘒
南定。嘴茹終茹場共廊几永沛破散困難羨衣時囁狀泣
奇每尼如嘴靈霸仍几固道職凭時秩命用移博核驚怯。欺京
都也失首時各省恪群籠擲貝賊濫牢特拱沒理衣敗廊几永
吧茹終罪如京都茹道齶地分西危沛破絕刪削平治庄群形
跡节民沛插包仍廊空道吧廊沛破沛削去移時各廊各民恪
固道炉博庄塊包數命拱仕沛如濫丕各故各具共仍得茹德
主丕也於危學數辭齶茹場几永懾尾岑蔚羨衣時炉懾傷惜
別罪羨節一罪民凡永沛補圭吒坦祖墓塙翁妃吒娛麻漂流
坦容圭得古時芒杠昆時猶攢猶蓬娛节昆衣沛解移如屢囚

犯皮移皮哭共沚浩粗如霍實罪慘切荄蓋坤計朱掣。

油麻民苦極荄蓋凜凜雙空固我悉沒籠忌僥倖德主丕法則
無窮悉苓無窮仕傷旦民永治如初危傷民樞姚沛流苔城巴
悲崑麻晦繼仕遂民衛圭吒坦祖朱年固得几永濫詩嘆永治
故鄉体尼。

唆咤唆嬈唆丕喂。永堂景色實罪懾。

風波沒陣連散作。南北堆方拱吟嵬。

汝旦時初沙浩粗。籠衛坦祖堵滅浹。

危哈欺否群欺泰。旦運享嘉景吏回。

各調些劄訛冊尼衛事希官禁革扒播道共圍紓破魄民怒廊

德主支秋暉代沒斂歸瓶。且代景與辭沒斂歸幕。趁迎孫德。
 吱陂敵都立茹終茹塲於帝爲廊民中度於正軒地分西地勢
 繩待塘水步通奇河內寧平清化接夾寧平通暉瀧丐易隱易
 吻狀禁革共爲社民全從道吧民直吉慄暴固懼勉道勉各等
 吧固功郊庫執各等狀反饑困庫爲丕各等各北固懼傷廊凡
 永格盈辭嗣德十年欺具淨沛扒皮衝時官撲卽縣軍固意破
 茹終茹塲雙魏鉛時官恩破道堂群眾隻道館時底吏吧茹終
 茹塲卽分時撲題沒。群卽分時底原朱年欺官裁未請倘德吧
 僚群往來帝。旦螭罰辭徵各官扒特書德吧僚噏消西時官
 尚南定罪院廷新罪得情吧破道共折得苞固嘴。得些苞陰罪

貉罪貉差軍圍紓永治時扒特冊經冊道圖道轄凜褪各貼改
 破魄茹終茹塲各道館扒卽進罪得民解吧省南定秉庄仍罪
 紳罪朱民永治窩藏各道長色數辭噲廊衣罪大都茹道罪准
 各道長各道徒聚會講道誦經積貯稽禿錢鉛麻吏誣朱民永
 治色別道長僚道長勢吸詞嗔西郎打安南救助本道麻庄覺
 朱年濫棄朱民罪暗通外國夢憑起偽貝朝廷。

些終吏案官尚新濫如畿尼。正副里長吧令得頭目沛絞決。卽
 進凹得不肯跨過十字沛發流。進得出教時罰沒森杖來赦衛。
 群包餽得社衣彈翁彈她沛插入各民無從爺蘇道管束。
 田土時紛糾交各社附近認耕受稅群社號永治時補移朱罕

茹場黃源擬度兵得吧故東脣皮運茹場差沒得拔仍書西題
南定忌仍哩奔客固關行於帝畧郎朱故侍役於香港如犯消
初齡庄理傳書長沛扒共沛解納朱官南定官查訊與凜朱
年奴稱唧仍廊黃源九娘儿永固茹終茹場吧固長道西於帝
女爲丕最時夢逝膾轍固九遂信咏故東吧故邊浪官河丙撓

軍廳圍紳茹場也且姓塘乘故東查麻別信兵實時傳朱茹場
沛猶奇圖奇得蠶蹠敵兵只底壳茹空學路難圖暇茹本道外
廊未趨故東吧故邊拱姁女創殿枚軍官吧夫仁巴總外
仁斬得旦圍紳廊黃源衆奴也賊仕扒特歇每得茹場雙只扒
特固仁注吧沒備喊沒備更橫仁媒昆茹仕群衙事貼改時空

祕特爲廳茹場庄群帝之只固壳茹空麻崔衆奴覽丕時惲凜
連播圍紳沛都沛鑄同私掛上掛下古僚雙只扒特沒柴燒菴
牷罪罰也罰避歲吧尬得學路當徒外同奴揀杠閑饒得共解
脩河內翁號罰沛攏共姁痕因群仍得箕不肯出教時沛流宣
光吧太元各官焯茹場鑄各壘枷共交園坦同田貼茹場朱凡
外認耕穢納稅群茹祿黃源吧仍廊奴也圍紳時奴換魁歇
賜森各官圍紳廊凡姁祕歇圖物貼改假破焯茹場擦祕園坦
曬娘貼茹場發朱凡外認耕徵德吒謙吧奇茹場難特歇各官
只扒特固沒注學路吧余得本道麻崔

賜避焰茹場共茹終承治沛破廊凡永趨道代罪承盛茹黎辭

得南定格盈。鮑經聖固唾浪德。主委傷祐扶護參測唯昆招
各聖調長實爲蒸昆。召猶翁良早時得苗拱賢等罕灰侍道
輝爛吧分亮濫。唆可台汰。鮑期禁道本道戶南定恒執拖仍
几沛扒沛撫爲道歇惡歇。歇時執貼昧時執功共執每格庄
惜帝之朱年欺官尚典濫。歹過共濫朱戶南定沛散作茲時歇
每得固道泣每塊祕濫。悽悽傷情凜。分時爲傷戶沛困庫羣氏
罷仍几固道戶南定伍歇惡執拖仍几沛扒沛撫爲道於省鮑
千禁革時德主委伍把功朱欺畧戶南定罪沒戶祕屬術處几
程。勦伍別哩沒處盈哈罪處南定固茹祿重体巍峨。分亮得些

拱冬旦霸固欣欺畧一罪分靈魂時道德輝爛沒時沒欣。

段次 穆

脩仍茹場黃源凡嫩凡永沛破共事故邊沛徒茲隱畧鮑

筆東畿。𠙴同瞻。鮑德十一年沒蔚穆。蘊逝穆。

鄧辭嗣德九年吧頭十年固艚富浪沙。綽𠴵闔韓朱特交約貝
渚安南脩事商賣奔半共噴希赦道雙霧覽固沒合隻艚麻崔
時空慄空應。暨墮官富浪沙。官艚覽霧空應。暨調之麻吏唧調
輕慢濫耻辱時慄辟破屯山茶段擗。擗橫麻。自閉睞霧強添情
道欣共唧旨恪禁道歹欣女。故邊空閼擗只閼。趨濫福連。各
戶道慄核空敢遠雙得拱趨濫福仍戶黃源冷池吧筆東段脩

姑愛厄僂具康當欺具沛懶時憚咗姑氏凜差尋拿買共哆浪。
 係扒特姑氏時住揷釤如德主支秋初丕。鼈仍得戶南定不
 肯跨過時翁良早固唔欣奇。翁氏濫全戶共奔半賴固吧固懶
 道一鼈戶南定各等趨更南定時住茹翁氏麻翁氏重啟仍傳
 茹德主至歇飭吧一掣各具共設待格礦待歷事庄碍招劍拙
 苗欺具處術濫福戶時於茹翁氏吧濫禮枳於茹翁氏女。年翁
 姮頑道奇仁固欺鼈茹空補讀經包塗。油自省麻邑旦几程賒
 蔽沒敷更時翁良早拱能趨禮。鼈務齋戶吟仍事傷庫德主支
 秋讀經吧學本時於茹翁氏。正翁氏毗經本朱昆祀吧讀冉朱
 得贊。茹苗鼈屹聳節翁氏扒各笠鼈戶詩本麻沒命翁氏鄰錢

分賞朱年欺官龜勘刷茹氏時扒特各徐詩於帝。實界翁氏輝
 媛針拙役道歇飭欣各柴几講吧劍各具亞丕官尙厄別濫丕
 朱年欺濫案朱翁良早麻別翁氏固嫵昆時空敢朱翁氏界道
 長雙呐浪。崇道如道長非道長似乎道長爲丕官濫案朱翁氏
 沢處斬決如各道長丕。欺翁氏沛調趨處時糰鮮晋盃尾嘔
 吟塘杓梓共皮茲皮嘲晦英俺伴友翁氏茲嫵麌盃尾如儿沛
 流苔欺特術茹圭如各聖昧補世間麻蓮天堂丕。翁良早
 酥如核花蕡蔽卒慊如核高嶺霍榔木遭鼈園聖衣計移加艸
 省南定時厄濫創名道聖德主至共濫創名戶道南定齡枚座
 聖仕封朱翁氏濫聖仕達得濫官柴保舉朱各几固道吧朱仍

及把事跨過吏參官藉。牋碎。魁把事跨過時官賴傳濫。困碎低
噴各行舖別朱碎貝。欺旦塲刑時。揪縛朱注氏底。猶打雙猶
揪扒旦紅。疊。塲銅壺。祐唧。憚。凜油。促体苗。拱空。矮朱年。沛固几
祕鑄麻。撲微。駁奴時。奴買祕。珂麻嵩。注氏達共祕真。麻打。咷氏
得些。咷嘴注氏恒。叫。仁。駁極重。支秋瑪移亞。買朱旦。欺姦實初
翁罌批。嗚。哩德主。支秋疊。客。跼。唼。嚙。哭。咷朱旦。論代。汪粹沛另
官擂。姦戈影像德主。支秋固。沒。客。時。帖。懶。啖。囉。朱旦。姦。氏。翠。劉
創。朝。卒。苓。庄。恪。之。銅。翁。罌。批。嗚。拱。沒。辭。氏。具。康。懶。正。處。九。程
沛。扒。在。地。沃。得。夢。仁。腦。逝。共。掘。於。南。定。且。夢。逝。腦。臘。辭。微。時。沛。
處。因。擇。官。扒。具。康。時。破。茹。祿。茹。處。地。沃。吧。劫。祕。候。歇。貼。改。仍。几

固道於帝。官尙南定扒共破道。廳各府縣濫。丕。况路。廳城。鋪
省。南。定。時。強。扒。歹。強。破。廳。欣。女。翁。氏。也。內。訴。浪。命。仕。破。道。廳。城
鋪。南。定。扒。假。買。破。廳。各。府。縣。微。閉。賒。戶。道。省。南。定。特。度。仁。慕。炮
趁。呻。濫。眾。甲。官。尙。差。軍。圍。共。刷。各。茹。固。道。狀。不。成。令。空。埃。疑。時
扒。特。憐。逝。得。彈。翁。撲。搘。廳。城。廳。憐。逝。得。氏。固。逝。得。不。肯。跨。過。時
沛。發。流。疋。翁。老。歲。索。吧。跳。得。縣。群。祕。疋。歲。時。特。憐。脩。固。疋。蒙。得
恪。挨。錢。朱。官。時。空。沛。出。教。廳。拱。特。憐。群。度。疋。逝。得。時。跨。過。拱。特
憐。脩。女。自。帝。廳。憐。仍。几。固。道。庄。埃。敢。於。省。爲。請。倘。官。吏。差。勘。刷
仍。茹。固。道。朱。年。得。些。沛。補。省。麻。遁。脩。茹。圭。只。底。沒。台。得。彈。妃。於
吏。祿。茹。固。縣。茹。補。空。庄。埃。祿。官。尙。咷。別。固。沒。得。彈。妃。戶。省。窮。界

衣恆貝纊博核空特安悉時曰吏浪注沛據呸柴奇本處哦麻
固悶助哨道共濫朱創名德主委時沛旦省南定麻稱道咁正
坭命色跨過略注粹特書翁繕霧曰濫丕旦最欺媒吧舅注
衣塗咬餌時注衣默襖深悶旦褪麻浪褪媒褪舅媒色朱昆移
於茹柴固意朱昆特噏靈魂時悲暎嗔媒吧舅擬吏昆決移尋
塘朱特噏靈魂吶閉饒唾注衣連移莧省南定包庇閣營官尚
閉暎固官通判於齷營嘢及注衣時晦浪繩尼移兜固欺罪繩
歛怒低庄注衣疎浪沛歛衣碎沛扒為道調莧低官尚扒碎跨
過麻碎諸及分鋪吏悲暎碎莧朱特吏稱道咁低官通判覓注
衣吶濫丕時傷連逢注衣衛茹命共付朱得茹更守矯注衣吏

岬營官尚麻分鋪庄翁氏吏保注粹浪昆仔包齷營官尚女得
悲暎當與美如獅狩丕昆龜帝時沛疑庄塊塊台疎暎當番
叶議麻官通判拱龜番叶議時注粹遞麻衝包畧各官吧叫
蓬浪牆碎罪粹沛扒於几謗調爾低翁稿色傳朱碎跨過雙碎
空船時男擣碎趨戈十字悲暎碎岬低把事跨過反吏朱翁稿
碎空船跨過兜官尚暄濫丕時咧蓬如馭麻傳經真猶注氏
吏輸如畜楷揲紳包真猶底猶擣岬麻打敗猶擣趨時注氏及
礮砧礮荄枱兜時沛帝朱年拱龜叱奇吧命欺沛擣趨戈行舖
時注氏群分鋪稿嗜浪屁碎罪粹包於几謗誣畧各官稿
傳朱碎跨過雙碎空船時官稿傳另擣碎趨戈十字欺仄碎諸

官尙查閉饒得期次一時訊與凜雙每得調堅不肯跨過且期
 次乍時逊愁得民沛鈴趁訪過船庄特連跨過官撤梢茹瓶翁
 張珠灑張處共罪彈英一廊儿謗拱出教吧官也朱術仍麻饅
 翁氏瞧睡具康泐保時容稍更且稱道嘒器稱官共船鈴瓶
 船跪連盤終鉄麻據不肯買時沛刺字共發流高朋群舉注茹
 場罪注法逊乘歲圭凡燭趨清化罪俗脾具愁注粹圭凡慮術
 處山盟度逊罪趨繆歲吧乍注恪空別船時拱沛鈴趁瓶
 沛跪盤終鉄麻據不肯跨過官尙覽各注群祿歲麻堅心固情
 驥貝翁氏時悼凜連傳朱另播注粹吧乍注箕戈影贖罪段赦
 销濂匪注氏閉睞空及分鋪調之群注法時另拱播戈十字雙

汪氏叫遜分鋪浪各官濫勢默各官雙碎空船跨過兜朱年注
 沱浦發流於省諫山共薨於帝奄憂吧肆爛船猶具愁拱苞沛
 执共沛流於帝。歟注釋苞特啟梢時貝縕博核稟朱年尋且
 翁繞宿賜饅具嗜罪具愁當於邊蘭沫麻浪。昆苞跨過秩未
 嘴柴牋朱昆別德吒於兜底昆尋且貝得翁饅籍保注仄浪德
 吻包隱船樓未空別兜麻尋特注沛梢稱罪貝具處麻得咾体
 蒲時沛卯如丕得畔刑罰苗時沛船刑罰氏。庄塊包數注粹曰
 和睡具處毗昆包梗麌朱媒趨幣共濫各役慣下恪麻昆唉群
 艰纏惄恆諾特安惡。朱年油体苗昆拱沛茲稱道吏翁饅魏注

色祜覽沒得西馳忍龜的慄悌。几外道。殖民濫不時。移。號。穎
 終。觥。仍。茹。固。道。朱。特。祜。翁。西。体。芾。仍。几。固。道。忙。憊。博。核。凜。仍。
 碎。籠。忌。吧。勸。保。得。些。籠。忌。德。妃。朱。僂。傍。來。據。於。帝。朱。旦。欺。得。些。
 稱。罪。歇。時。碎。買。移。戶。恪。班。店。為。烝。馳。時。禁。歹。尼。碎。庄。敢。喂。柄。班。
 聰。矯。几。外。道。祜。覽。碎。固。移。兜。時。據。移。班。店。拱。沒。祿。衣。聰。合。進。
 没。腦。罰。官。南。定。揷。老。距。羣。軍。翫。圍。廊。裴。朱。扒。特。德。柴。安。祕。各。圖。
 徐。共。貼。改。茹。終。揷。茹。徐。共。歇。每。茹。貼。德。吒。道。楷。衛。省。群。德。柴。安。
 拱。沛。解。遷。省。共。沛。懶。合。腦。輪。未。沛。處。聰。合。進。腦。卷。
 特。德。柴。安。時。官。群。圍。紓。仍。廊。固。道。終。觥。共。揷。轄。茹。徐。
 各。官。河。內。興。安。南。定。揷。沒。萬。軍。圍。廊。玉。堂。破。猝。茹。場。茹。處。吧。廊。

衣。刦。折。轄。得。扒。特。具。訓。吧。處。得。聰。腦。衣。
 處。几。謗。群。原。行。計。合。具。各。柴。几。講。吧。各。注。吏。固。柴。恬。圭。寨。香。濫。
 柴。教。茹。場。几。永。色。揷。學。路。命。罕。进。森。注。衛。帝。麻。玳。欺。茹。終。吧。茹。
 場。几。永。色。沛。散。作。閉。睞。固。軒。外。道。訴。子。貝。官。尚。南。定。浪。廊。几。謗。
 固。道。堂。道。館。固。道。長。固。轄。得。異。樣。聚。合。於。帝。習。藝。武。女。朱。年。店。
 进。森。樣。进。卷。腦。臘。固。跔。羣。軍。共。另。鄉。勇。奇。汰。罕。欣。沒。酐。得。包。圍。
 純。几。謗。勘。刷。廊。衣。自。睞。次。罰。班。創。朱。旦。睞。次。进。沒。班。店。揷。茹。徐。
 茹。處。茹。媒。破。魄。茹。得。些。劫。祕。貼。改。圖。物。粹。欣。合。进。梗。圖。徐。扒。进。
 著。得。彈。英。廊。几。謗。吧。眾。注。學。路。柴。教。恬。群。各。具。各。柴。几。講。吧。各。
 注。恪。時。徒。郎。廊。寨。香。奇。
 官。扒。閉。饒。得。時。揷。納。朱。官。尚。南。定。

時猪肪輪買共水於茹終茹場旺策吧學行祐典解罪得茹共
本道巫賡諸葛濫福各戶吧德旺諸指地分苗參得魂朔敗故
正南伍戈代乘德旺僚僕得趾可時毗認地分故正南麻魂朔
故邊岱德旺交地分故正南朱命時祀濫恆慳吧廟庫固直濫
役皮連矩毗朱歇飭。祀書傳曰朱茹圭時呐浪德旺也交地分
故正南朱碎魂朔梗兵礮泥碎憤閑辟忙梗室接麻舌靈魂得
些地分氏特沒萬仁蔚人名趁岬懶眾處固處特祭具魂朔吏
固處只特固沒其麻崔正役碎卑魂朔眾處氏葛濫福仍戶枯
看默驅濫法添飭孟道朱祀凡請倘禁房終朱行處澈仍垠阻
法二夫一婦魂朔仍得茹德圭至仍得茹洲女格盈處仍伴凡

固道勸保東逐得些侍道朱輝爛吧添懇敬勉德圭至沒得沒
欣吏尋世料格朱凡外道補寧神魔鬼麻哎囉呂吏齋道祀
禁道如悲瞭時碎庫魂朔仍凡固道爲空余吹葛濫福各戶特
平術事勸凡外道哎囉呂吏齋道祀時限陝回尼實卑庫凜衆
奴覽霧禁道死覽各官葛扒道索取錢財凡固道韻折各故各
具發流各道徒時奴群悶葛道濫牢特禮德妃靈魂吧壳達
至未碎伍葛濫福戶橋東斯縣富川廊氏歉杜仍凡固道時
特約澄仁縣人名麻崔得些呐浪自古至今空固故苗且濫福
戶氏包曉。祀迎得碎於戶氏時本隱攝廟茹固道謹灑班賜庄
岬外包曉耀庄埋仍昆祿碎伍濫法添飭孟道時靠壁外廊奴

茲勸刷茹終官提督只覓茹空庄固得時咬合匝逐錢鉛未傳
織下茹祿翁聖批鳴鵠茹場吧茹祿德妃於外廊共換茶隻茹
於鵠茹終茹場假橋重術省官茲未時德吒吧各故更箇茹雙
臺敢於爲本道憚核吧仍得茹各官茲吏由探輪買朱年各等
拂移真茲呢恪德吒僚吧故兌蓮沫濂山筆山故邊時更箇
鵠曰無憎罪德吒東當濫皮連茹場吧故正南罪故地分帝閉
隙故正南當瘡劣暑時病得祐岬貳饑買岬礪各柴莊空助特
德吒僚隱於筆山職信病故南歹時庫辱茲塘匝店朱特旦驟
騎吧安慰得德吒吧各故濫禮奇茹場求願沒旬禮噴德主歪

傷朱故正特旌特蹤更底麻執役地分鵠時限陝困庫羣氏
仍麻故正厄苦福德荅功業時德主歪連靈魂得蓮天堂時夢
懃腦顛。故正南罪得色稍係江共道德輝爛性得純熟和

雅奇茹柴共本道調敬吧勉得台汰德吒僚重得禦吧匝固意
指得底時饑濫曰無正綏權命故邊曰書箇茹圭浪故正南買
戈代德主歪匝攏得蓮天堂空朱得於吏世間麻祐覽仍事艱
難困庫本道安南沛鄭矯惄把極惡過仍凡匝涓別得時情共
哭得台汰分碎匝於濫沒貝得姦台辭時敬得如敬等罪吧勉
得如俺脾勉英丕周匝戈代俺愛妙揚吧肆爛如各聖碎秩得
時哭狀惄情愁苦過瞞祇碎吶哩庄特。 鵠吒辭故邊買郎

九十二

- 479 -

把共招撩麻吏欺得。竇凡固道困庫。羣氏時防禦極智。共謳愁
惱。把罪体苗。丕嗣德十年中旬。膾脰官巡寧平。撫仁慕軍
魁。圍廊發艷。朱特扒具琦。官宗扒特具雙扒。特數人名行處扒
仁。得几講。卽注茹柴。該總里長吧仁。得者目揀杠解。遣省攜未
沛。揆嫩仁。貯貫錢時。閉饑得買特術。賜台迎。罷膾氏度除
得官。按南定吧官府義興共度。卽。點另。擣色。茹祿外。凡永固
意。且勘茹終。具淨膾皮。連茹場別時。嘒頓官共。隨色房得。呴氏
德。毗僚故。兌故。邊徒。嘒外廊。德。毗魁審。色。附於茹里詩。故。兌故。
邊時。隱。毗茹妃衍。官府扒具淨柴良吧。正副里長。邊魁船畧時。

- 478 -

解。嘒府未解。遼省南定。具淨沛擅欣沒。膾祿利道嘒。不肯出教
朱年沛。勦決。壳。遼。薈於永治。毗。堆。茹。祿。翁。聖。批。螭。咩。柴。良。里
携。副。板。不。肯。出。教。沛。發。趨。流。低。些。計。燧。跡。具。淨。沛。扒。爲。色。計。跡
氏。朱。堵。意。毗。傳。得。敗。官。府。趨。未。時。德。毗。吧。仁。故。更。脩。茹
終。雙。空。於。特。余。暉。爲。固。信。官。南。定。拉。亟。破。茹。終。茹。塲。信。氏。實。爲
暉。夢。仁。膾。仁。官。提。督。南。定。撫。沒。虧。軍。共。仁。爲。吧。仁。口。統。神。公。圍
拿。廊。凡。永。德。毗。僚。故。兌。吧。故。邊。別。信。暉。時。徒。魁。船。共。毗。學。路。貌
奇。圖。奇。得。朱。年。欺。官。且。時。毗。終。茹。場。只。群。壳。茹。空。吧。余。備。貌
魂。茹。麻。崔。官。府。義。拱。茲。濫。沒。貝。官。提。督。官。府。木。閭。惡。兵。道。時。喚
官。提。督。朱。軍。揀。於。他。廢。外。同。有。朱。亟。毗。廊。矯。害。民。段。引。官。提。督。

至來焯腋氏麻灸各穴。仍塊焯腋呻冤穴。迺命傅些固。**詎**氣粒
逝穴。咷灸時凡固病固。欺沛塗固。欺沛躡固。咷沛。**詎**
踏隨曾穴。仍麻油躡油塗油。塗油。麻安宗特辱。搘動拒朱。且欺
灸衝穴氏。欺冤灸特仁。逃麻各穴。呻潔潔。汗諾鎖氏。罪卧戰特。
役平。各穴室呻潔潔。室呻潔鎖氏。罪卧室持益之罪事。炎麻。呻
常沛害。碎沛炎。迺奇吧。命自頂頭朱。且盤真。麻。迺。汗。諾。鎖。氏。
訥氏特嫩。逃麻。呻潔潔。汗潔鎖。自欺碎。沛炎。朱。且悲。踰時。病。癆。冤
扒冤。踏共。呻如。悶塊。病喘唉。群雙貳。吧。舒干空。如。暑。沒。姓。命。邊
猶。債。暑。呻如。悶。冤。攀。冤。塊。吧。跔斯平。姓。命。邊。猶。碎。冤。可
冤。跔。雙諸。特平。得些兜。氏。罪。唔。故。邊。曰。猶。茹。圭。時。濫。丕。

段次罷

脩具淨沛扒沛處吧。故邊沛難遭黃源。故正南戈代。
故邊綏役。故正南麻魂。朔眾處。

嗣德十年。十一。沒。虧。移。森。亂。逝。罷。沒。虧。移。森。亂。逝。移。

自嗣德元年。朱旦十年。時事道本沛禁革沛。困庫連買雙皮皮
丕麻。崔群。自嗣德十年麻。茲時道沛艱難。困庫沒。賜。沒欣。假如
德主。至空頒恩添筋盈。朱。凡。固。道。乙。罪。凡。固。道。鄰。庄。特。仍。事。困
極。轍。蓋。羨。氏。時。冤。補。歇。麻。道。德。主。至。齕。諾。安。南。恆。秩。罕。茲。如。齕
諾。日本。初。丕。齕。冉。尼。些。計。傳。故。邊。時。拱。沛。呐。戈。傳。禁。道。齕
仍。辭。得。冤。於。地。分。尼。底。朱。仍。凡。祐。冉。尼。特。曉。庄。仍。罪。得。冤。沛。勿

得未盤役地分吧擬制貝饒余餕各等擬制進賜段移每翁沒
城吧吏衛所命於每欺各等諸及移歇時津旦麻津尼皮蘇皮
數共害欣各津得些色覽初吟為蒸庄仍罪稽概色榜卒時秩
歇麻吏得共樓捕貉騎麤濶麤凜茹得些巧時潘吧堵拔竈丐
時汲朱旦蛇沛擣質麻嘿核檜花菜醜園麤共虛秩奇茹終茹
場吧府罪區德吧各故於時汲潔德吧各等沛徒色於
醜茹徐吧乞茹傷當欺津故邊吏我病共皮肆冽皮喘共
恆遠干連買得旺策時扒仍麻吏沛症傷寒埃埃拱呐浪得麤
庄理芾莊特閉睞德吧各故傷得凜麻汝呸她聖躋移車色
劄色冊浪埃求嗔事之為功業翁聖批嚕亞矜些囉時特事仪

朱年每等濫沒禮願求嗔為功業翁聖氏朱故邊特融特塊自
閉睞麻趁得扒寅吧庄包糲時得塊症病氏故邊塊症傷寒雙
病癆病喘唉群買欺得旺策時乞症病氏拱固扒雙塊色數奴
吏復共呷礮朱年庄籠得特跔麻趁濫福如各等恪特度氏得
曉覽得些暗法灸胎涼時得嗔具調灸朱具調祀濫碍凜為法
炎時庫濫麻欺濫差呂時害得些罷故邊嗔買共為固晒德吧
傳時具灸朱得欺故邊亟沛灸時曰書術茹圭麻計朱吧姪
俺別柴葉安南用法灸罪体苗麻浪柴葉祀罪核艾正賜夢
腦瓶艸睞未拯塞底數辭且咼灸時散草艾呷和貝味硫黃未
搭鹵調紙令捲吏濫丐咼蘇平曉猶丐段祀鏡顯微炤祀焰輪

柴總理斷學路羅星吧木道中會氏固德吒醜故糲其避眾座
解罪每時舉排講仁排吟得些趨祐禮瑄講恆再奇牒稱罪收
店自執最且斯創冬且吧舞姍禦臉角禁房德吒傳職趨轎航
廊共濫法終朱祿凡吧得賴。德吒僚禁房朱處凡永衝未
時達沛鎖禁房朱處氏濫禮復生於帝重体舞姍如於凡永至
故邊講共解罪律句禁房於凡永秉蹠德吒達沛鎖共執役禁
房麻本雖可只辱麻崔禮復生來得更術凡永。德吒閉餽賜
雙濫青仍麻廳省寧平其享罪其副處自鉢沛扒獨塘敗趨凡
究共沛解達省吧攏欣累脣假沛處體脣吧壳得遺船術凡永

吧亞趙茹祿翁罪批曉連兌通雲濫凡講執具李於處瓢怒沛
扒於帝共攏在山西吧處腦罰辭徵。

假次考

術故邊禁房終濫沒貝仁德吒吧各故假沛病蠱仁詛脣
輪未洳具調炎朱時特塊實。嗣德九年沒肝移臘南逝粵。
故邊曉德吒趨經署處沛鎖術凡永時辱痴凜庄固遲之爲得
解罪奇暉吧固欺率嘯仍麻傳術茹終擬逆森仁避賜時吏雖
且務夏爛爛惄熾時得吏要更輝庫鄭凜仍麻得本趨吏濫禮
讀經祐冉學行如常因探禮翁罪批曉卑官柴德吒僚時德吒
剖諫吧各故該場共名故祿地分旦朝禮官柴德吒正禁房糲

時岐歇台汰分得本韶庫旺策共筆忌傍吧恆鮮桶盃尾連
得信實飭得些空助特朱年只筆忌權法德主垂共德她吧恆
求嗔德主垂共德她助得空固我悉兜旨乖罪禁道歹秉
衣度中旬脣移時色錄送乖各省麻各省色飭朱各府縣每得
別訴色固旨買禁道歹雙本覽安空覽各官扒道歹欣每欺几
時呐浪官總督河內罕翁尚佳色奏乖嗔緩旨衣為塘外凜賊
得時呐浪乖齟店嘛命吏恨褪命拏時曉浪命嘿旨濫害仍几
固道拱沒秩時吏害命吏民事秩務餉渴為辦衣大旱稽稱牟
鴻魄凜麻特色帶時蟠蟠咤歇為丕民叫責乖庄別乖議濫牢
仍麻據恬然空覽束逐各官扒道歹欣每欺

贍辦衣德柴安濫曰無地分中保進得彈英齶昆弦濫單叫巴
官賴省南定嗔緩事撤下各道堂道館共各調恪色計齶旨乖
罪繼欹時各官平憲朱吏固具章拱罕具地分中色繕老蹕进
歲沛扒濫沒貝眾得茹柴共沛解謹省油麻具不肯跨過時官
尚祕理具繕老過免刑麻赦拱沒官尚衣色涓貝具淨共色頒
詞朱具特立場於几永麻齶詞衣時噲具罕道徒色移流衛罷
姑終吧几固道揆律錢鉅朱各官時各等特移濫福朱昆弦盜
俸吧齶曠嗣德七八年空固等节死為道肆頭辦嗣德九
年沒虧移幕輦进卷故邊扒病吧沒時沒可移吏濫禮祐冊學
行共解罪特旬禮頭務齊德吒僚翲旬禁房重体在几永朱各

故邊衛凡永欺時旺策具調濫調護姑終旺時旺策翁奇透圭
於戶寧平罪仍柴高猶固時名凜龜代氏雙空塊爲凜病吧仍
病重。但計病癆病喘得吏難溯茲瀉吧瘡病運買敗殼狀貳寢
固包賒特跬難德吧僚傷得如吧絃傷昆亂丕能唧包探喃共
哦各故茹終沛士竦麻魂朔得店得。固沒期得空咬特帝之難
爲各官能且勘茹終時德吧各故沛雖魁船麻據攜勿於外
淹擗蓮營秦吏魁永未吏遭中同擗蓮擗魁觥竅固沒客德吧
吧故邊也沛於郿船匹累店得時歇圖咬只群精吧乍丐號鷄
麻空体苗蓮謨圖咬特爲固軍由恒茲吏遠坡連德吧僚鷄故

邊要凜時保媒乍丐端氏共保故沛咬。時德吧時咬健每麻呐
浪。君子食無求飽居無求安敏於事而慎於言。得君子咬庄求
敏於空求安只生役灘吧停晤呐朱謹慎。度氏故邊曰書
脩茹圭麻計病得浪。碎沛病癆共虛肺邊猶債。碎斷濫丕爲欺
碎呷滅沃時沒辨命邊猶債滅沃。呷潭潭麻沒辨命邊猶沃
時庄固龜連頭邊猶債時汔輪麻龜邊猶沃時枯。龜務夏辨沃
邊猶債木聃木櫟輪麻辨沃邊猶沃時空。更班最吧班創時碎
息最呻咀共喘痰遣吃啼共呼咯且接固。時空濫禮特得呐固
閉餓麻崖空悶計采歇病命矯吧共姊俺怕惱惱把。仍麻實欺
氏得竭飭凜沒。時沒疊病沒要。唉唉拱想得耗空耗特各柴策

枝箕仕固旨買禁道歹欣各旨亟呷閉數。請空固昆吧拱庄籠
生特昆苗包賒爲固病共爲迷色慾制排過度朱年油霧買仁
避森載默懸雙輪檣蔽間掃共芻鶴車古如翁老罷逝丕。暉德
柴潘呐時實庄差爲蒸旦申旬腦繆固音呷禁道歹欣各旨亟
呷畧旨氏呐技強訴詳吧鈎避罪張紙令些繆吏仍調勤沛別
麻崔仍官固道於府承天時霧限朱沒腦各官省恪時限朱咗
腦浦出教歇台汰仍几空鄭出教時仕沛革沛執官未吏沛罰
礮女仍兵另共几庶民霧限朱絕綵趁腦奴沛且畧輪官本轄
麻出教跳戈十字平埃空據時仕沛罰懲礮仍几固道空特教
詩爺蘇左道不得應試空特濫總里空特濫役官役民仍西洋

道長沛斬決臬首三日頭乘于江海罪沛胡未標頭吧得假補
魁流魁灤仍主艦仍俚船造各等氏耶諾安南共仍几窩藏各
道徒執各等氏調沛斬決埃扒吧納沒西洋道長時特賞鉛吧
慕祠仍南國道長沛斬決仍苦惱共仍道徒執各等氏沛刺字
共發流更飭兜帝沛撤下各道堂道館刑創濠壁禁止空特會
合誦經奉事。欺几固道別固旨禁歹濫丕時憚核驚怯凜
固焜凡固道換茹祿插沒棟共燒毀丑占各冉吧各圖道。

假次南

故邊術茹終凡永旺策時扒未曉德呢茲經畧。
嗣德八年吧九年沒蔚移森輶避森沒蔚移森輶避。

老師箕訴覺每事翁皇保吏沛扒濫沒貝仍凡蹠命吧沛查訊時首奇。翁皇保沛案凌遲仍麻嗣德改案氏該麻孕案恪朱翁氏沛因論代罪傳濫沒丐茹罕灰歷事於鰐城朱特據翁氏雙翁氏情志惄惄過時祀續慢縑古麻疑。 欺查考仍凡蹠皇保廟起僞時罪共各官悶朱奴標朱凡固道底祀理氏麻禁道雙庄固埃標稱朱傳苗固道煙油丕罪據疑據情凡固道吧尋勢怙格朱特破道。 自辭嗣德四年罪恒盤役道貝各官朝吧能咨晦各官省祐各官盤定術役道盤牢時各官盤格饒奇。官時盤赦官時盤禁翁總督嘉定翁總督河內兵道共疏盤嗔罪赦道正妃國母允夥咨諫罪行禁道濫之仍麻祐呷罪情道

凜吧空悶赦道時盤尋格勢坤窖朱特破道朱探朱歇麻崔。 肅官分時情道包產分時別意罪濫丕朱年用嗟訣俟麻嗔罪破道朱絕翁總督平定奏喚罪禁凡固道空特讞欣屹畝囉茹茆特欣屹畝時沛交朱廊底濫貼公禁凡固道空特奔半空特憲船憲萌廟茲奔空特遣奔半連憲吏嗔扒共解各長道各道徒。破魄撇下各茹場共各道堂道館吏禁凡外空特學道空特蹠道油麻茲道祀嫡姑拱空特總督平定庄仍罪疏奏閉饒調麻吏札飭閉饒調氏苏各民各廊迺轄平定女。 一紳辭嗣德八年德柴潘濫曰無地分化曰書朱各等魂朔茹終葩移浪仍凡固道空籠洳罪嗣德拙茆罪情道共只贍仍官譖俟吹命破道。

鮑綱毗脣空扒特長道西時嗔納頭朱官爲丕嗔紅翁唉尙命
朱容矯沛扒庄。敗于霍颯氏買接遣時祐嘒蘇續吧濫害
本道灤雙塊亟數時簡趁。趙氏各官空扒特埃難吧枳庄固埃
鷄死爲道折得時特益之。祿錢鉅麻咬麻制時欣氏各官議懶
丕朱年辭氏各官空折埃空破茹終茹場空濫害得些只害錢
鉅麻崔麗茹終秩夥錢鉅朱各官時各官曠極濫魚麻學路吏
特術茹場學行益尾如畧德旺僚吏特術凡示祀剝地分德旺
謙吏特術凡蠻濫皮連茹場氏女故正南吧故邊隱鮑茹
媒筆東沒臘社蠻仁臘假寬安時故正南術黃源畧麻故邊群
於吏逊森時女得本要庄特跬賜苗吏罷得返沛徒趁隱移呢

共因陷數喝時強要濶欣女。喝次喝角禮聖得趁步術黃源沛
時蘆洲共沛源塗漏渚沒廣興朱年得感寒術茹連我病礪各
柴叢岐補奇且接得返韶法搊油。埃埃拱想浪得耗宗耗特故
正南也謨棟共懺各圖殮未雙埋台欺得返翁悔斯耗時德主
差傷朱及柴及叢吧回吏未扒賓寅。欺得返可時德旺僚保得
鈔凡永旺策當欺得齟船摶鈔凡永時些計戈役茹渚辭氏罪
体苟。丕辭嗣德三年翁皇保返起僞共沛扒吧返特赦仍
麻翁氏諸崔諸安兜吏群援黨勸誘庄仍罪凡庶民廟吏移官
同陵晝旺御貝饒吧差得郎還城高絲噴台渚氏扶執扈辭嗣
德七年固沒隻艚戰包關順安庄埋狀翁皇保諸及踐兵時固

越時扒播禁革據性自然埃埃拱恃核塘空時安特爲怙得些
扒分故邊固性肝膽暴憚。昧沛徒共欺得些遂信之與時庄訴
岬卧之恃核輝麻吏盜尾如昧平安爲得恒約泐朱特福死爲
道柴泰罪凡講執故邊計浪度氏得吧故正南於茹塲也綽額
沛鎮共隱於帝包沒旬禮未俸空固得遂信官當擣旦圍紓廊。
卽時仁故遁岬流文派朱特郎邊箕欺氏故正南恃核共懺帽
奇吧命平故邊時庄仍罪庄博廟吏盜尾吧呐貞故正浪固欺
吝尼吒奇定朱英俺些特福死爲道庄雙未岬買別信氏空實
時仁故吏削沛鎮。故邊吧故正南茲隱吒累戶每戶沒旬
哈罪數欣幾孽仁故魁筆東隱越茹媒於沒茹每間陝回空固

闔數群闔岬包時棟奇得只戲沒拙昧讀經冉麻崔當欺故邊
吧故南富隱於帝時特書德吒謙呐浪固沒訂貪錢鉢包覺德
吒正吧碎朱年官河內包播軍魁圍紳塲凡嫩吧官南定包
路未得吧各故道包棟欺官旦時覽茹袖空碎拱包簡各學路
朱年官只扒特沒翁具歲索吧沒柴豬瘠劣雙未岬官拱赦奇
吧空破魄濫害之闔茹輝碎包沛徒眾逆鑼時茹塲凡嫩買特
原全悲賒碎群於魁穰魁簪碎包隱代明命初雙悲賒碎豬老
要潤踴真空踴靈如初特碎空別碎群沛於低朱旦包賒碎諸
敢箇茹場爲繩陳訴箇辭機空扒特故苗時包甘結貝官浪係

昌固茹於黃源廟得嘗於帝欺空趁濫福各處。
旦香港時犯肺病癆共病喘雙貳貳丕。得旺策時仁病兵危蹣
庄覽女仍麻得旦黃源買特余暉時沛吏麻廳紙紅白禮時蹣
礮旦接得沛鄭法拂油。餧旺僚特信得沛礮濫丕時差翁奇透
圭寧平罪柴名師遷黃源助策朱得故邊旺策翁氏時扒夥。仍
麻欺翁氏時故吏沛礮旦接庄仍罪空趁吏空濫禮特麻吏
拱宗岬塊床空辱措吧空呐特故正南連各柴策名師酒氏吧
魂朔僂搃歟憲歇飭雙病空轉拙苗故正覽丕時保故邊求嗔
駁脰德主支秋共駁脰德妃吧翁瞿樞櫈堵沒旬熒暉。乞故吧
奇茹場求願堵沒旬熒暉段病故邊扒趁寅寅塊仁逝暉時得

可濫禮祐冉學行共解罪朱學路特閉賒罪嗣德七年。腦曠。

段 次 翠

術故邊沛徒趁隱乍。腦段吏我病共沛術旺策於凡永。

嗣德八年沒蔚參慕離逝慈。

辭嗣德八年故邊峻節濫沒貝故正南於茹場黃源時特平安
朱旦森腦胚仍麻正暉森自然拂接坦平得些逐信與朱故正
南。凡時呐浪茹場凡嫩苞被圍未得時浪茹終凡永苞散未德
吐僚吧各故苞雖凶壞更得恪浪官苞圍紓茹終凡嫩乍。暉
勦枚箕官吏旦破場黃源罷暉苗拱恒固仍信濫丕朱年。故
卒敢於茹場時徒趁隱仍廊固道斯帝。欲聆戶尼枚戶恪。

咁各學路理斷仍事勑朱特別塘濫各役衙北等濫柴朱稱當。
德吒諱苞立沒會憎罪儒門會朱學路儒共仍凡笄義文物庄
期固道哈罪外道底麻逐凡固道都饒學儒吧凡外道學別仍
理道共踐道女風景場凡蠟時清光歷事前水後山碎於帝皮
沒旬禮奇賜習呐嘴安南敗時貝各翁貌耽時員學路羅星祀
濫盜適禦。故邊針學嗜麻得學探共呐貳嗜貳唾臨床易曉。
得學於凡尹沒腦時講朱本道賜禮奇官員戶凡尹祀濫遷麻
欺禮未時旦惄得爲學探吧探呐特臨濫丕。飈書得曰麻計郎
氏牛婦迷羅尼亞時呐浪碎講做庄特燭吧得些庄曉特余調。
仍麻得些悶處歷事時旦惄碎濫丕。得於凡尹諸苦乍腦

時奇茹塲沛症癆正得拱沛女欺得旺策鉅扒苞可時郎凡潭
對氣閉除旦禮各聖油得群要時拱亘濫禮朱行處創賜禮官
員默禮專頭隊帽真換雍男冠女冠共坊般八音連故唧茹祿
重体靈亭爲烝代器各時禮重行處消違柴奇呷濫禮拱如得
些消違德曰無悲暎故邊諸覽事兵包除時禮濫始濫適凜仍
麻仍事益代尼探戈空特包教爲烝最欵氏欺得皮買擬時固
凡包打式共遂得踐麻遁綻朱毛爲官旦圍傳踐倍傍踐得些
綻綻廊恪斯帝原於沒旬禮未遭茹塲黃源茹塲黃源買立呷
吧圓度眾避注趁呷濫仁場固沒具皮濫柴教皮倚役吧沒柴
凡謂毗學路故正南濫葩由姑處凡數處沛鏽處凡蘇吧處南

空扒特固几呐浪得伍叫喚德她儼待行底未得沛扒謳罪德
她僂脂唾得地分尼特德吒僚盤皮連魂朔拎裡葩平風波雹
飄共時眼陝回困庫尼時固福驛羨苗分碎特吒慄仁慈特柴
恭終凡永沒膳祿嫩仁膳假德吒差教學嘴於茹場凡尹葩識
善對事翁加給於處迷芻鋪些眉亞麻呂術坦歌那安吧特信
覺莫加給溫体氏爲議浪翁味咬固打固扒仍算教暑時仍算
該幾及徒卒沛扒丕葩時禁道歹各等皮連地分西拱扒研翁

加給麻趨塲羅星濫眾鹹場於呸眾塊於凡永固塲吧沒羣迹
羣塲路於凡嫩固塲吧鹹迹羣學路於凡尹固塲吧眾迹沒學
路奇汰驛乞羣移迹學路羅星各等皮連趨塲羅星嘩夥所濫
丕爲譏浪裏各官固圍紳固破魄所尼時群所格。故邊遷
凡尹時戈凡嫩亾探德吒謙吧祐茹場爲於帝固塲理斷呸迹
羣柴燒固塲羅星鹹迹羣塲吧祐茹場德吒謙亾羣迹歲鬚
浪碎戈凡嫩亾探德吒謙吧祐茹場德吒謙亾羣迹歲鬚
數得益性哈晦仍傳邊西德吒僚消嚙得驛德吒碌爲得濫署
奇埋銖仍碌玉底廟確立共修補衣計移加安南驛得鍊及咵

德元年朱旦七年時計燶濫丕

段次巴

衛故邊郎地分西塘外共學嗜特巴眾脣來我病
 翁妻烏葩泥細茹終几永辭嗣德七年晦逝巴脣既創斂欺群
 最坦閉睞德吒僚吧德吒副謙於茹當禁房朱各柴縛述命韶
 職翁妻烏葩泥恆嗜德吒僚也數自欺群於茹圭共約泐及凜
 朱年欺特夾柺德吒僚時惄換別罕羨節分德吒僚特台故底
 麻台朱故東吧故香色沛處為道時拱惄凜貉俗翁妻烏葩泥
 罪螭那德吒祿巴罕頭麻達貉朱翁妻烏葩泥罪邊朱年自低
 衛繼韶傳尼些空噲罪妻烏葩泥女沒仕噲罪故邊

故邊旦茹終几永特沒脣時曰書術茹圭朱姍迷羅尼亞浪碎
 亟旦塊平安冤特及德吒僚德吒謙吧年巴故女朱年碎惄稟
 德吒僚外輒避歲蹉孟高癩興鬢形容寃格威嚴嗜咱郎爽共
 威望歟得默禪曰無時慘悌卒苔凜几外噲得罪霑道得荐義
 通太坤頑理事仍官司吧几紳豪及時嗜得威嚴精神吧聰明
 非常共服得台汰得道德烽爛冤羈道殼塊吧添數几固道殼
 凜得暴憚堅心紳志凭傍油麻碧官禁道歹扒播胡折各柴奇
 撤下各茹祿茹場共各茹處吧撩錢鉢麻賞仍几扒納各等時
 得空恃空農沒據凭傍茲經畧羈禮處怒處箕連欺官圍糾
 扒得於塊尼時得貌茲塊格固殼客官冤圍廊糾茹得當於麻

六十四

- 507 -

役命伍決濫假欺特信西伍郎打滿安南時遁亂嘉定謨機
稅船發呷海防固貂仁拱罕學路茹塲几永賤貝黎維明稱命
罕明主麻仁時認貂罕皇台奇吧仁觀步於坦海陽誘特夥將
吧慕特夥軍打吧祕特余府縣共圍紳省海陽女各官朝吧正
翁阮廷新罕總督南定祕夥軍共祕奇仍得固道伍出教得些
涓憎罕兵向化麻亥打賊明主雙庄仍罕空打特麻吏收吧眾
陣共沛徒庄埋賜繖各將呷不平空合沒意共饒朱年軍明主
散亥吧翁氏遁蹕兜杖跡空埃別亥塘苗群皇台時沛扒鼬父
安吧揀櫃解戈南定呷海陽共沛處於帝。 薛氏庄固等苗
死爲道烽庄沛罕各官空亥扒道兜請倘各官亥勘刷圍紳仍

- 506 -

廊固道一罕仍廊芒噃貯各故各具如廊永治時各官勘刷沒
辭仁吧吝雙空扒特各等爲各等寄隱票共爲本道歇霆丑占
各等欺官旦刷廊時本道別署連遜信朱德吧各故朱年德
吧吧各故欺時魁審也磈廊坦昉時綻龜重壁吏固吝魁船郎
邊箕滌於坦寧平哈罕於鄰船糊遜營秦未吏魁几永假吏遭
據糊遭糊魁航郡固欺旦吧舉賜買呂術茹特固沒辭各等秩
奇旬禮聖奇禮復生沛於鄰船空蓬坡特空濫禮特各官共另
空主意扒道沒洳扒道朱特劍錢朱年魁歌禁道固呸呐術
苗免罕厚禮朱各官時各官濫魚亥氏罕役道魁滿安南自嗣

省連時奴擣趣北寧海陽河內興安南定寧平云云得些貨奴時憤核。妮時凡外孕盤祿外同撲蒴醞花莫。妮時撲檳按案書。嗰拜望褪錄噴各翁妃螭螭噴各官螭螭趁跨共殺行於地轄命。平凡固道時祕棍搭蕤奴趁固廊鼬沒暉打蕤沒稟梗。且膾搘吧膾逝種螭螭更化。嗰般冷客尼凡外扒研凡固道麻搘蕤奴趁朱年庄包數時歇種螭螭雙奴也濫害得些凜凜。薛氏塘外空特安夥。妮固賊仍麻欺官擣軍打時仍賊氏連散趁。鼬各將接遣代嗣德固沒得賊罪黎維明固嘴欣圭內明於敦舒脩處山盟麻圭外罪銀魚坊拱脩處氏明凶茹柴欺群閉共學場几永代具淨代氏學路茹場旦暉制時涓習牽木棍棍明罪得

尋矮皮跔皮蠶吧才蠶武選遜奇吧茹場庄仍罪空埃敵特貝注氏麻吏沒命注氏打特奇茹場明哈稱命罪淵唯昆招茹黎腳固轂答也。昨意命閼招慕軍底麻打番打朝吧爭漢爭權嗣德。賴明學場乍時假固役勤麻噴街茹圭度氏鼬河西山盟固賊爲本民塘外空服茹阮得些汝共勉茹黎也治灌安南數代吧固懼傷民麻恆別黎維明罪淵唯茹黎吧罪得英才時固轂將旦受服吧逐蹠頭贊灌明得意冤算踐兵德吒僚別麻惱凡固道芒嗜趁濫賊麻署官祕理氏麻禁道歹欣時朱趁尋明倘凡永未岐郎香港於茹故停役吧噴故停注氏於帝行朱趁兜黎維明哪哩德吒麻郎香港共於帝轂乍辭仍尋勢尋格料

衛邊西麻計役氏時浪歟特書故東沛濫不時碎如得趁塘貨
于震攝且連雜餉行館沒也朱旦欺至晴時吏趨當欺故東沛
處爲道時各等據講恩全淑雙空敢扒得些旦咬眉各法在茹
據稿格各柴奇涓濫福各戶每欺。辭嗣德五年卑辭沒斂繆稟
醢逝。脣亡故香買郎安南特亡辭當福戶具川稍處几謗
時泣執解哩南定共沛處於帝隨脣亡。得氏卑夢沒脣德妃拱
沒薛氏仍廊塞輔山盟凡霸沛圍紓勤刷雙官空扒特柴奇苗
始聖闕之國禁。辭嗣德六年卑辭沒斂繆稟逝亡於塘廳具
謂明浦扒廳上旬脣胚在漠北共沛斬決在永龍中旬脣若。

辭嗣德七年卑辭沒斂繆稟逝舉德柴安濫曰無地分申會
公同在廊錄水閭醢故亡逝森具吧沒斂稟逝凡講因擇賜禮
翁墨由明姑時齋禮重齋會詩朱各學路儒吧傳哩排衛各理
道本道旦祐禮冬旦禦外亡萬得自代嘉隆諸兜齋禮重體冬
旦体氏烽各官別麻濫魚趨爲凡固道也禮竦也揆律器。
辭氏灌安南沛麌事困庫沛秩務餉渴瘟疫神氣亂落賊嗜耗
麌得吏沛麌麌女脣廟吧脣麌仍省接夾灌吳如高平諒山
廣安宣光自凌化哩麌麌麌凜無萬無數奴懸連委曾益續麌
特旦授雲屢極委奴領連寧沒狀段懸麌坦唆稽穉花牟韓核
韓駁每種庄群底種之烽欺奴也峻灘啖蕨奇每種草木廳各

五十八

- 513 -

翁張蓋桂卑吒婦希嗣德本深險毒惡凜。正翁氏排謀艱煩朱
皇保遁郎舖買求紅毛扶執底朱特操扒罪皇保吧濫朱翁氏
沛麌衝徵皇保別謀時生呷惡情翁桂過飭共吶浪碎空特濫
希沒膚沒辭時有雙碎只約泐渚之特濫希沒時哈卑沒貳更
底麻荆繩吒桂祕膚肝奴呷檢朱狂咬畧極碎時碎益妄充暢
卑蒙苦。庄仍卑老挂惜翁皇保麻吏情几固道凜女。庄烟
老氏固別實皇保龜此勸誘几固道哈卑空雙罷惡情道時翁
氏吧逆夥官恪奇惡奏希麻誣朱几固道龜蹠翁皇保麻濫僞。
庄別希固信呸各官哈卑爲固意朝惡衆奴仍麻躉膚台辭嗣
德四年沒蘇移慕輒逆沒時希更呷旨禁道據旨氏仍長道固

- 512 -

時油補魁瀆魁淹群本國道長油過跨油不肯時沛分屍卑鑽
堆呷仍窯家油包貯各長道西數膚哈卑沒乞時拱沛分屍
麻壳時補魁瀆魁瀆旨氏卑旨次仁希嗣德呷麻禁道時歹欣
旨署。薛氏卑辭全赦常例。德吒僚畔敕德聖葩葩衝時德
吒各故各具扒頭糲甸全赦醜奇吧地分。故東包講恩全赦醜
處瓢怒衝時笄郎處安習。庄埋得沛扒獨塘沛解魁山西沛撫
欣乞膚段圓旨部呷參得沛斬決醜上旬膚吒。自代明命空固
長道西苗沛處烽朱年敗覽故東沛扒沛處時每几固道兜帝
調焯核台汰。德吒僚當趨經署時擬役余賜底麻覽呷濫牢
段得覽每兜吏安奇空覽各官扒埃女時吏趨經署。醜書得曰

奉禁道麻吏正命翁氏仕該道共扒奇諾該道女本道疎德柴
潘固年暄嘔翁皇保庄德柴禁几固道室特蹠皇保沒浦倚懇
忠貝看吧籠忌德主空特練色役氏矯困。翁皇保覽命
空勸特几固道時憲隻船鑑吧決郎鋪買求紅毛扶執庄埋賜
夢眾膾胚辭嗣德四年跋萌拉擡補時官挽兵魁扒特翁皇保
共手下吧檻械骸凜皇保覽命浦扒果莊時算自刎仍麻另更
箇室朱爲丕翁氏浦自下呼噴噴看傷体苗時洳体良。
丕欺另調皇保旦畧輛看時翁氏默禫喪數霆吧閉昆隸命買
遭若歲皮孩皮哭吁吁。旦畧輛看時翁氏跪肢枷魁坦凌昧段
詔輛遭叫歌助命浪空敢濫僞雙覽苦猶補得些輕嘆命哩價

下沒得沒欣時喂虎過韶庄特朱年固意另該郎於諾恪朱塊
辱雅假如看嗣德固毒惡與隊如明命乙界皇保庄塊百刀哈
罪凌遲仍麻嗣德冤英脾命困庫時動霆傷庄仍界空悼咷空
喰責麻吏安憲認祿昆皇保鑑昆餒共許傷天餒搣魂朔如昆
賦丕未傳祿沒氣鑽鉛吧沒鑽鑽交朱皇保鑑閉睞看嗣德於
寬仁貞皇保罪訂僞時當曉。諸之看守特懼寬仁氏買時當曉
欣女仍麻術鑽罷嗣德暄各官訛佞吹詔時對性賢苓麻唧與
隊毒惡共折殼得欣各霑厄禁道初聆。

段次合

群計燶役道自嗣德元年朱旦欺故邊郎地分西。

五十四

- 517 -

處几程亾於遠處同柱輒於鮑省寧平嘵於邊地分中郎。凡謗稱罪韶禮冬旦如昧齋道丕移凡外道拱旦祐德吒齋禮女各官別雙濫青茲空扒空晦空濫之爲仍凡固道龜揆律共禮竦各官畧未。薛嗣德貳年罪辭沒斬繆幕遜捨諾安南沛疫吐瀉殼選通龜數代得些諸覽疫殼過体兵包賒天下匹分時堯秩轍沒分地分西堯逝台具粧柴巍理斷台逝森學路羅星逝移得淵女勉拘梓吧焰萬台酐台逝森得本道固茹粧得時堯歇畧群謨棟版群殮吧埋壅罕灰。術微空群謨棟特時沛怖詔麻輕移埠更固塊得些堯移過遵空嶠時補退外同朱年強添殼氣強添疫欣女。薛氏希空呐旦道吧各官憚堯時棟

- 516 -

閹空晦件空濫役官庄移扒道仍隸兵共仍軍由每欺移吏仍廊固道連時閉賒移兜奇未空覽訂苗朱年薛氏各柴奇移濫福各戶移濫各法朱凡劣特拱如昧平安吧礦道丕更仍凡固道拱沿罪特移得藉吧移祿昆外道昧伶生時凜。薛嗣德三年罪沒軒移暮輒逝堯沛怙懶移塘空底智慚事禁道特昆奇希紹治罪翁皇保微改罪安房時賢苓彈鈍俺翁氏罪皇任罪得色稍係江龟祀昆姪張登桂濫嫡奇翁桂尾罪官大臣權一臘朝時謀便貝官恪麻補翁皇保移吧達皇任罪撞嫡命遭濫翁皇保罪嫡子沛事冤抑濫丕時憤志過共恒尋塘起僞翁氏勸誘凡固道踐兵麻執命打罪打朝共許庄仍罪仕赦

道聖德主丕噲罕左道誣朱几固道不敬祖先缺昆粗得些勸
誘彈她毀敗風俗吧夥調冤恪濫丕畿罕希講仁義禮智信勸
得些侍道正行蹠道邪道外國共呐蔬翻嘛胡搗勿如柴講庄
述排略丕段希逐各官於盡心盡力麻破道吏固欺噪責哆嘴
各官為喫錢鉅麻空奉命令希饑歇希罪刑罰朱各西南道長
各道徒共仍窩家貯各長道吧朱各几固道不肯過跨衣罪例
壠嗣德恆據畱各旨色嘿麻禁道時濫丕 衛仍旨罪嘿畱
移辦略時訴嘿悉恬道吧罰慄礮各西南道長群民時祐嘿希
傷共免強麻罰仍麻自辦嗣德八九年希覓仍民固道空唧命
希共不肯出教時空群傷女麻吏沒曉沒悼恬沒罰礮共嘿如

悶盡殺各几固道朱絕種道外國

辦嗣德元年罪沒斬繆

森眾進移欺衝禮受封旦中旬脢巽時希罪旨禁道吝略歇據
旨衣仍故西時仕沛紳噲碌包古秉補竈淹竈漫麻几扒共納
時仕特賞巴森兩鉅仍具安南不肯出教時仕沛刺字包鴟共
發流仍坭毒浩平仍得民色蹠道麻不肯過跨時計罪釁愚昧
色沛謀各長道希傷奴空女流哈罪折奴移朱年各省塘外特沒脢
哦共發落奴段遵奴衛茹旨衣色錄送嘿朱各省塘外特沒脢
麻德吒僚拱色別雙得決移經略處几謗共挖故長故東巴具
吧夥几講奇汰欣眾進得移濫沒麻翔旬濫福於廊衣堵巴脢
輪庄仍罪本道處几謗旦祐禮共稱罪韶禮麻吏固夥得於外

分次合

自故邊買郎地分西朱旦欺得沛扒。

段次壹

計燃役道廳諾安南自嗣德元年朱旦欺故邊郎地分西。嗣紹治崩河未時翁皇任罪昆次即位共認年號嗣德得些賄。希買精神坤頑吧賢斧仁慈嗣德皮買邇濫希時頒恩赦終朱各儿子案徐固沒儿子案處死麻崔。閉隙仍几沛撫齶獄爲道時特哩吧仍几沛流徒特術天下咤浪。希伍祐史記麻別茹阮。洳德柴批噶吧各官諾富浪沙執時買打特軍西山吧祿吏特。濬命時故意把義各等綏權德柴批噶麻赦道如希嘉隆。朱年

仍几固道笠希仕赦道庄固禁道如希明命共希紹治欺衣。朝固台笠沒笠盤沛從寬處仁慈麻壯悉得些補道寅寅。仍官代紹治罪仍翁群青年包笠衣沒笠一向盤沛從嚴共炤。日本例麻用法倘朱特破道共刲折仍几不肯出教歇台汰仍几包笠尼罪仍官危固歲共罪几彈英几濫頭。朝固壓傳吏浪欺希明命財耗時危喙各官旦共保沛料破道耶蘇底朱諾安南。

特安嗣德分時固悉傷民空悶用法倘矯害民分時你共博各官竊。朝朱年兩慮群推議諸決塘茆朱旦欺衝各役共禮受封段時希朝悉各官彈英麻喂旨禁道客次一。嗣各旨希嗣德危喂麻禁道略。畿時恆據沒塙尼略罪希鄙謗岐駁。呐犯

希禁歹各艚空特遣各故郎安南艚補梆特沒踪時官屯魁勸
祐固遣圖之國禁。故隱謹官空勘箇。

於關禁固戶水機固道班店台故魁船固道保道命旦茹德吒
熙濫曰無副地分東目瑪高朱旦海防翁妻烏葩泥薩濟任吒
吝朱年癟凜得擬移於茹德吒副旺余礮策未更跡未台
故趨船班店朱旦茹德吒廉罪德吒正德吒廉也韶職曰無德
吒僚在筆山逊巴辭畧時固靈敬吧勉德吒僚共本認吧憎罪
吒麻講倘旦凡永探得德吒僚吏拱重德吒廉性德吒僚盃尾
哈呐恢諧欺仁德吒筮呐傳貝饑麻各具旦迺時德吒僚指德
吒廉麻保各具浪尼昆碎低屬也賴吧跬平哈罪固欺欣布。

鮑書翁妻烏葩泥曰朱姪迷羅尼亞時浪欺姪覓碎吶碎也住
茹德吒熙吧德吒廉逊森時姪行議浪各曰無鮑諾安南固
茹磣茹坂高台巴層固營基重体巍峨如各曰無邊方西兜茹
各曰無鮑諾尼罪茹枷茹括匏濕閉秩陝笠鞚笠衽仍牆壁時
罪枷揀棹未扎坦扎塗實罪庫憐如審陂林丕任德吒處
罕灰歷事共料船吧差得茹賈振逢台故旦裴朱罪茹終地分
中於帝台故及台得德吒僚也朱移頓台得衣逢台故衛茹終
凡永過姓晤時进巴臘罪嗣德柒年。

四十六

- 525 -

茲兜奇來。凡群於吏界仍得堵唼吧。仍得饑得些常呐浪。香港
匝唼劫共卜推瑪高庄底。吏朱沒扯帝之。

翁妻烏葩泥於瑪高界時。假旦夢紅臘。趁時。艚買擣櫛買。鯤客
氏。仍艚客。茲貝饒。沒團時。冬凜外。界逝隻。朱年盃尾。樂庄群。博
女獨塘拱固及眾。輒隻艚烏。仍麻重氏。覽冬過時。躡空故濫之。
仍軍客本情得西。共嗆界番鬼白鬼。義界鬼外鬼。鬼初各故於
瑪高茲艚客麻郎安。南時苦楚招。撩料命姪爲軍客輕易吐。噶
吧固欺奴祕秩圖鑄錢鉛貼。敵盈各故吧貼各茹終固沒。咨奴
折沒柴羽翁聖由明姑講道。廳地分中爲霆。情共貪貼。翁妻烏
葩泥曰書術茹圭浪碎。茲艚客時苦楚每塘。軍客朱故長吧碎

於郿惡艚趣沒臭最芯灰憾苦仍石螺仍蝎仍蝶吏秩株共濕
灤卒蹕特只蹶吧筮奇。得奇店。衆碎空特遭棚艚係堆敗固遭
沒辣時奴連耻。嚙哆嚙共扒廳惡艚並奴瞬。毗衆碎連欺空固
鑾共耽鑑蘇哈界。呂役之時奴保在衆碎。每事空。哈時奴覩朱
衆碎奇。

艚艇台避聘時。色闌禁吧杜斯屯海防。翁妻烏葩泥覽坦安。南
時。艸換連謝恩德。主至。俄遂命旦。堤平安共濫排詩。慄害平。噏
雷浪沙麻嘲艸坦安。南吧認祕濫圭命自閉。噏浪得。俄旦坦
安。南仍麻諸特觀步。達坦氏。得沛隱謹郿艚矯固。埃篋覽麻訴
覺時。庄仍界得沛。琶麻吏仍几。俄道得時。拱沛姪女爲。俄固旨

觀光南越

四十七

- 524 -

四十四

- 527 -

逝腦逝沒爲丕翁妻烏葩泥沛除操艤逝腦女時買郎地分命
特旦午逝毡腦輒辭沒斂穆氣輒逝眾固操艤客郎安南時得
睹故侍役麻郎省瑪高爲艤道傳郎地分尼時在於瑪高得空
郎沒命故長畧在於地分西罷穆辭暇沛病術西旺葉閉隙拱
吏郎吧茲濫沒貝得。仁故旦瑪高時艤群阻諸茲疵沛待
逝得買綻。仍艤客雷崔凜奴群參祈安群撫賜群祐蹤懾
岐登係固特賜卒眞蹤固特始時奴買櫓楠。史軍狂激時移
朱年艤博奴唔劫共折命時沛除逝縣仁逝隻茲貝饒買敢櫓
楠翁妻烏葩泥沛於瑪高罷賜時迦操氏朱特祐省氏。
龜各民方西時民諾夫須計得安南涓憎罪花郎郎奔半方東

- 526 -

尼畧歇吧占祀沒解沒瓊坦術省廣東殊僻外癢立舖舍省城
於帝吧憎罪瑪高初百瑪高固時名吧得些厄憎罪玉方東省
氏賴園憮悌冬得奔半岑蔚盃尾稟舖舍時躉姦闇茹時歷事
固躉茹祿重體巍峨吏固茹場女淵德主支秋淵翁聖由明姑
吧毅淵恪固茹祿盈於帝各等郎請道邊方東時沛戈瑪高歇。
長省瑪高初時濫丕仍麻勦省氏在沙率躉凜共否如妃官躉
躉禱丕瑪高初逝旦勦空群特沒。仍茹奔蘇仍闇行蘋待歷事時
瑪高麻郎香港歇勦省氏摧殘舖舍永尾仍闇行蘋待歷事時
補空庄埃稅闇變時沒賜沒賠還。仍艤躉空群唧𠙴特仍茹勦

苗翁妻烏葩泥於香港。厄姦沒辭時特詞皮連茹終葩移差得郎地分西塘外。葩諾安南自敗得群朋買蓮移歲麻祐跡故聖新厄姦死爲道葩地分西塘外時得恒約泐渴泊之特郎講道葩地分兵連買朱年敗得貨命厄滿願特事惡命厄約泐渴渴數辭數腦羨氏時盈惄過飭連腔命葩坦麻啶咷浪葩主支秋。遷德妃瑪移亞。碎仕謝恩嘆嗜主碎共德媒運買代代段得曰書朱吒吧嬸俺別信氏共嗔求願執得麻謝恩德主委厄傷過俗羨氏更呐浪碎厄除待籠蒙數脢數腦雙庄固除待籠蒙枉功爲碎特分卒分一。翁妻烏葩泥呐惹丕爲得勉共適地分西塘外。葩書得曰術茹圭時浪碎勉地分西塘外畧罪

爲地分氏特欣迓霖萬本道特糴迓柴奇本國特醢霖几講厄霖學路羅星吧欣迓霖得洞女。畿界爲特骸故骸具骸得茹德主至吧骸得本道厄稱道岬畧脑宮共鬻葬爲道。畿女爲特德吒僚灘頭灘等擴茲德吒僚尼罪等肆創坤頑吧肝膽凭傍嗜得厄陵禮泣每坭東西南北。埃罪几固道時厄特菹嗜得台汰。

段次

術故邊於香港郎地分西塘外。
翁妻烏葩泥厄特牌差郎地分西塘外仍麻自代明命仍艚西空郎奔半葩諾安南余敗爲罷禁朱年各故於香港麻郎邊尼沛茲艚客。丕仍艚客只郎安南沒辭固仁期界脢罰脢瓶吧脢

仍坦號共薄地空生嘒惄禿牟鴨之。輒沒肝移臚眾遜紅毛籠
塢氏固闔漫礦蘋屈鑑共界塊船隻各諾戈吏麻該通商奔半
四方天下觥辭連時古祀共立舖舍省城於帝吏所郎關漫朱
便唧包吧朱謀到。

欺署於塢香港時庄固茹苦輝只固買丐廢仍水機打魴外瀆
撫遲連壠底住路麻崔局香港固省城礦蘋憮悌霸固仍得每
諾天下於奔半冬鑄岑蔚盃尾過飭仍火船移吏唧包豆陋
闡恒賛時旦累輒逝隻省香港悲睞時富盛一陋各省東欺
諸固省香港時茹侍役各柴奇講道朱各民外本於瑪高仍麻
旦輒沒斤移暮舉逝罷也移街香港茹侍役於香港畀茹正群

仍茹侍役於上海舖買吧嘉定畀仍茹隨茹插各故固牌差郎
講道諾日本高璣西藏諾吳吧地分西塘外沛戈茹故侍役香
港限於帝麻該講道陋仍諾氏。翁妻烏葩泥旦香港時擬
於茹故侍役除牌差皮連茹終葩移伍許仕岐朱於帝台忙膾
得買於帝時蹉可仍麻且務夏至曬幾幅烽稟時得辱痼啞亟
昨亟共發症瘳貳貳丕得旺策時病躊躇各故茲吏茹侍役斷
殊得仕沛茲講道邊吳麻正得拱想溢丕朱年學嗜客皮連地
分廣東也立茹場於香港忌得毗格物朱學路得約泐籠蒙牌
差皮連茹終葩移岐麻庄覽時唧如固卧愴朱特解煩時得能
曰書情茹圭晦深吒共姑俺吧計風俗稿格得些邊方東畀体

欺時眾碎讀經吝紇祐冊學行昧時喝經喝晚吧仍句涓喝於
茹圭如初民樞姚沛苔於諾巴悲崙時喝仍經涓喝於茹圭底
麻解煩 欺翁妻烏葩泥郎邊尼時富浪沙諸鑄解坦古
檻諾衣支蘇朱年艦諸移燧麻郎邊尼特沛移觥方南數凜固
艦移沒辭固艦移菴巽胸艦翁妻烏葩泥誠特固巴胸麻崔時
旦鋪買罕闔漫屬衛權紅毛該治各柴奇衛會講道朱各民外
時講道於坭衣吧奇河鄰近共固茹侍役於帝拱如於香港丕
翁妻烏葩泥堵步於鋪買朱特尋艦遣命旦香港為艦略遣得
固旦帝麻崔空移賒欣女 當欺翁妻烏葩泥擬余得於茹
故侍役在鋪買時固舖菴注茹柴地分又安德柴厚吸郎學場

飛能戈帝拱包略有茹故侍役得覽各注得安南罕堤希禁道
歹吧各官當扒播折辣各故各具吧各本道時傷凜共議浪各
注尼罕昆招各等死爲道固欺翁她吒娛各注厄沛蕤爲道庄
旦最耽各注讀經時得躋外廈麻耻欺時各注讀宮傷昧時宮
盃得祕濫烽爛俺聰易曉麻昧氏得約泐渚之特牌差郎講道
諾安南時仕惲換罕兼苗 得於茹故侍役屹旬禮假固攏
艦紅毛郎香港時得魁艦氏自鋪買朱旦香港艦苗及鑑順時
茲秩罷移時麻崔雙罷爲艦得茲沛虐諾虐鑑年沛澆挪鑑挾
輪買時秩姦沒腦買且堤 香港罕沒壘馳陝皮平沒縣欺
署屬猶諾吳拱罕祖軍艦烏木涓聚合初聆奇堰氏逸仍悽頹

丕。艚。徒。買。特。沒。賜。時。沛。風。波。朱。年。沛。凶。闊。鎧。徒。瀘。紅。毛。豆。帝。匪。
賜。匪。店。朱。旦。欺。安。沛。罷。吧。台。楣。帆。未。買。徒。翁。妻。烏。葩。泥。計。
浪。器。碎。諸。別。醜。弄。罪。体。筋。仍。麻。欺。霍。接。蓮。時。買。寃。命。往。頭。探。枷。
論。脾。吐。閉。睂。沛。鄭。法。趨。齟。沒。坭。鄭。鬪。齟。渴。爲。係。安。旺。種。之。凶。連。
吐。嘒。竈。衝。寇。時。碎。吏。跬。艚。碎。趨。罪。艚。買。吧。棟。窖。朱。年。特。鑑。時。徒。
毛。欣。各。艚。格。雙。困。台。於。外。瀆。欺。時。鑑。虐。耽。時。空。固。鑑。艚。空。徒。特。
每。得。於。郿。艚。調。鑑。懲。奇。一。罪。主。艚。強。懲。欣。翁。主。艚。碎。趨。罪。得。固。
歲。時。寒。性。凜。油。耽。固。鑑。油。欺。空。油。鑑。虐。時。翁。氏。本。平。靜。賢。苓。碎。
空。覓。翁。氏。愴。油。沐。咷。惄。與。刮。噪。包。朕。

翁。氏。固。懸。道。畧。饑。欺。唼。餅。本。濫。卦。讀。經。空。補。欺。苗。吏。法。則。嚴。莊。

唼。呐。坤。頑。躡。旦。庄。仍。罪。翁。氏。麻。吏。每。得。濫。役。郿。艚。調。固。懸。尊。敬。
等。濫。柴。吧。處。貝。莫。俺。衆。碎。格。罕。灰。歷。事。台。汰。衆。碎。濫。禮。各。
賜。禮。奇。特。沒。腦。祧。麻。崔。未。仍。餉。禮。木。虛。趨。空。群。濫。特。女。欺。得。些。
鬪。渴。空。固。貼。餽。壳。時。呷。要。澍。痕。病。趨。拱。沒。理。氏。欺。得。些。空。特。齶。
命。聖。德。主。支。秋。罪。正。貼。餽。靈。魂。時。靈。魂。呷。辱。病。勞。力。共。要。竭。欺。
氏。固。夥。吝。碎。約。湧。濫。禮。共。齶。禮。吧。朝。命。聖。凜。雙。罷。空。特。齶。空。特。
朝。命。聖。實。時。碎。齶。禮。兵。朝。格。声。灵。

外。灤。時。清。氣。仍。几。灤。灤。時。跬。孟。唼。特。仍。麻。欺。茚。沛。祧。匪。眾。膾。
只。籠。覓。至。高。瀋。屹。灤。穠。濛。溟。時。數。數。生。惱。生。懾。共。約。湧。朱。特。籠。
覓。坦。渴。渴。包。闌。吧。特。及。覓。得。些。丕。朱。特。解。煩。牠。惱。時。沛。排。役。呷。

東共咁沛收捕每事朱特飄船賜仁逊脣斂。翁妻烏葩泥空特
牌差爲皮連覽得群要時咁擬於茹終旺策未旦咁蹉實時仕
特牌差翁妻烏葩泥祀事氏濫憲麻迺書得曰朱婦迷羅尼亞
欺氏時得首實命伍祀事氏濫憲把油汜共哭咁骸客。
每欺得沛事之揮及千苗縱歹時叫嗰標聖德妃麻德妃常賊
咁得共頒事得求嗔固几信實衄揼氏得拱求嗔德妃女朱年
德妃賊咁得吧頒朱事憑得約泐衄轎翁皮連伍發牌差共咁
飄船賜仁逊脣斂時固沒翁返特法皮連朱術茹圭余賛料仍
役勤翁氏垠阻空術茹終及賜伍限朱特祀貝英俺皮連覽濫
丕時咁翁妻烏葩泥沛祀茲台翁氏皮連空發牌差朱得趨諾

苗地分苗沒咁郎香港擬旺策於茹故侍役且包踪特信伍蹉
時仕咁牌差朱

段次五

術故邊郎香港擬旺策共於帝逊森脣。

翁妻烏葩泥特咁皮連傳朱濫丕時惄禦運日書術茹圭遂信
氏朱吒共姉俺別段得插圖揼梗麻達車火達旦城安鴟界闔
湧諾波峩烏接次諾富浪沙共飄船於帝貝英俺賜仁逊脣
尬辭沒斤穆轎迺仁拱界嗣德五年翁妻烏葩泥伍濫日程
計每事自咁得飄船朱旦欺細香港雙魄凜些空譯朱歇特些
只計趨仍調勤麻雀船得趨界船帆爲閉瞭船火群險諸固余

三十二

- 539 -

一雙碎嗔姑寬簡沒亞吧於茹仁匪辭女朱特安慰吒燒吧魂
朔乍俺未仕姁。欺得買餌茹終特亞數時結義貝沒柴絳
轄驛樞檻同擢吧學沒笠貝得柴絳兵得微拱郎地分西塘外
畧賂卑故東微濫曰無時哈罪德吒東德吒東濫誑欺於茹終
葩移時妻烏葩泥道德係江學通庄收埃朱年廳辭沒斤穆慕
歎仁逝合歲時皮連拱噲得韶職柴奇妻烏葩泥覽命群祿歲
共祿命卑凡少寸劔仁德空稱當韶職重羨氏時博核悶告悶
嗔簡唧西卑沒辭雙微議吏共推意等皮連卑意德主差時得
補意盈麻僧頭唧蹠意皮連自閉隙得恒底毳底智麻逆命韶

- 538 -

職以朱技強歛飭閉饒辭畧妻烏葩泥油麻空特跬凜雙
庄包隙牆要且接沛補役北命客苗仍麻度仁逝時畧禮德主
至亟跑卑正時禮傳職時得我病洪沛劣礮嫩吒旬禮空禁房
貝英俺特得想命空咎職特雙恩德妃傷吒眾賜畧禮傳職時
得桔干輝共扒寅朱年旦時傳職得亘唧茹祿韶職貝英俺吧
暉欲饑得溫禮糲猶特雖浪也扒病金可濫禮吧該吏特仍麻
群要群沛擬旺葉。

笠妻烏葩泥固逝仁翁鄭職柴奇濫沒俱饒逝仁翁氏時皮
連發牌差朱菴翁郎落天竺共毗沛魁禮時仁逝腦穆群菴翁
時皮連發牌差朱輒翁吒翁郎安南沒翁郎高綿沒翁郎省廣

仍錕共仍爭兵時埃埃拱動惡吧固夥儿汎諾粗嘒最苗碎拱
𠵼咏房各等死爲道吧求贖叫唄各等兵保舉朱碎特通公福
各等兵罪特覩御碎呷爲德主支秋娘姊合沒意麻求願朱碎
特福兵女妻烏葩泥約渙朱特福死爲道凜欺得買𠵼茹終乞
牗時固書德旺僚地分西塘外岐街茹終遂信故東前乞沛扒
共乞沛處爲道在山西得祕濫惻共曰書箇茹圭逢信朱姊迷
羅尼亞別共保浪英俺碎每得於鮑茹終約渙郎講道鮑諾安
南爲看諾兵當禁道共折各故各具吧各本道女碎拱約渙郎
諾兵碎閼姦死爲道凜爲事死爲道罪塘燧罪塘燧倘逢得些
邇天堂。得些勉事之時哈呐旦事兵妻烏葩泥能呐旦福

死爲道爲得約渙福兵凜吏罷得固惡敬勉吧箇忌德妃格盈
朱年欺曰書朱姊俺時能呐旦德妃得曰書朱姊迷羅尼亞浪。
鮑園茹終固茹逃噲罪茹座德妃茹氏固盤祿固像德妃固烟
燭各賜次罪各賜禮德妃吧每賜鮑牗德妃狀啖餅最秉時奇
茹場擣呷茹氏麻讀經求願喝經求吧歌晚舞爛凜碎勉茹氏
共祕事儀瞻德妃罪女王各墨死爲道濫盃適凜。

當欺傳於茹終時特信姊迷羅尼亞訴呷朱得別姊兵閼姦於
茹洲雙固意閼晦共盤役兵貝得畧乞。得曰書吏浪碎特信姊
閼補世間麻對命朱德主至鮑茹洲時祕濫惻共謝恩德主至
乞鮑姦朱姊還丕姊補世間麻對命朱德主至時拱祕分欣分

朱九外。

段次眾

術故邊於茹終葩移欣沒辭假職柴奇。

葩各茹場妻烏葩泥乞於畧得乞茹庫學行吧習茹塘仁德体
芾時欺得乞茹終葩移拱吏溫酮朱英俺衆伴術事生能學
行吧習茹塘仁德体氏得固懇敬懇勉各等皮連如昆討勉吒
命得於和順傷天衆伴學如英俺脾丕得勉茹終祀事特於葩
茹終溫益惄妥志欺得曰書術茹圭時能吶且茹終共計嘒每
事葩茹終卑体芾葩書得曰朱姍迷羅尼亞時計跡房涓噙卑
房各等死爲道麻浪葩茹終固沒房穠賴乞速重體歷事底排

置各距跡仍等乞茹死爲道邊方東吧一卑葩諾安南葩房氏
時覽仍杠仍鋥各等死爲道乞芭仍綽理刑繕共仍櫛奴乞打
各等氏仍衝禮詔祺乞審御各等氏女吏固毅幅爭德吒僚乞
保得固道圭儿永貉卑付書扈女固爭扈故聖新沛凌遲於山
西吧理刑欺乞分屍段時歎御吧唼肝得固爭扈故遊沛百刀
旌化固爭扈德柴高沛扒沛訊沛胡在廣平固爭扈故東前沛
胡吧毅爭恪女最苗耽讀經未學路理斷每得乞房氏咏敬各
距跡各等死爲道吧求嗔各等氏保舉朱命拱特福死爲道女。
庄仍罪得茹終咏距跡各等死爲道麻吏仍等曰無仍柴奇共
本道方西庄期術漢芾請倘固擣時拱旦咏敬女欺祐竊仍杠

欺妻烏葩泥旦茹終葩移麻覽格每得韙茹氏於貝饒時曠
盃惻謝恩德主委歇惡歇飭得匱茹終特度遜森仁逊時曰
書朱吒共姪俺浪碎任喝惻曠暉德主委惡若無窮連買代代
韙各茹塲碎伍學閒數時碎恒特盃尾連庄懶空懶包賒仍麻
庄固茹苗碎特盃朱平茹碎於悲賒碎議浪世間庄固尼苗盃
朱平茹尼茹終葩移罪天堂鄧坦雖浪仍凡於韙茹尼罪得四
處東西南北庄涓別饒初齡默驛雙欺伍匱匱茹終尼時歇每得
傷天饒如英俺脾如吒昆姪俺些傷天饒丕

欺碎買且橫茹終麻備逐信匱即時各柴糴蕤唧晦扒猶共
陋連匱茹格盃尾過飭未柴時輕擗芒圖朱碎柴時引碎匱房

連床默幪慢柴恪遂碎旦共皮連吧各等該場每得調盃尾共
訴唧惡傷碎歇台汰韙閉饒賜碎於低碎固意祜察時覽每得
道德尅法茹朱日生能學行固惡傷天饒共盃尾凜油麻皮連
共各等該場哈底學路默命吧庄固魂尅祜察連買如韙各茹
場恪時學路本尅法日欣各學路仍茹場碎伍於初齡爲韙茹
尼學路尅法罷沒惡敬勉德主委共愧法得庄固尅爲慄皮連
踝罰兜茹尼實罪茹罪錢否共茹各聖宗徒合吏具饒麻讀經
求願吧速命畧祿德主丕移蘇郎蘇於城支由加林初欺碎察
時覓命枯看劍仁德年喚吒共姪俺求願朱碎特學啾扒研英
俺伴麻習茲塘仁德共學行底賜饑特稱當茲講道德主支秋

理斷包賒。兵罪格跡緣山會講道朱各民外吧茹終茹場葩移時濫丕。葩各諾天下諾苗拱固沒道兵罪仍兵殊死肝膽係江底麻移先鋒昧打陣。不各柴奇罪兵另德主支秋台汰。如唔翁保祿哦翁聖孽模繩浪。昆唉打陣孟暴朱稱當凡濫軍另德主支秋葩各軍另德主支秋時會各柴奇講道朱民外罪道兵燥暴罪軍殊死本移先鋒義罪本移糴道仍諾諸固道仍坦逆仍塊招撩仍廟如另移先鋒常舞移時仍柴奇糴會講道朱民外分時沛霑主惜道共仍凡與折分時爲勿把庫辱不服水土時拱舞移舞移姦舞姦女。囉仍柴奇糴會氏只特欣沒辭。凡幕廟崔時亟過空堵爲座聖交付朱會氏役講道葩諾天竺諾遷諾。

高綿潔安南諾日本諾高離諾西藏吧移省諾吳奇汰罪吧逝仁地分。代畧得些常呐浪。益時一天堂次貳易永丕茹終葩移自歟立嘒朱旦悲賒本固嗜卒吧益庄仍罪空劖麻更欣場凡永初。仍凡亟於茹終葩移調勉調贍共汝茹氏買庄包賒帽輝茹氏實罪准盛德罪塊太平益尾爲悉仍凡亟糴命包茹反時倚朱論噬德主支秋亟隣哦各苦惱得昧喰餚最饑歇麻浪。蚤奄傷拜体苗時拜沛傷天饑体兵皮連吧各等恪毗理斷於茹終葩移欺畧時亟郎講道邊方東翁時罷移離翁時避避潔游。固翁亟沛扒沛訊共亟稱道嘒畧糴官。各翁兵於貝學路如吒娛慄仁慈於貝昆丐如英奇於貝各俺命丕。

時呂術方西此勸乞骸柴奇郎方東講道執拖命救祕靈魂得些。醫得庫辱趁泣諾衣些離亞諾亞黎瑪牙勸保峒頭仍柴奇各諾氏傷且仍民邊方東諸別德主至群祿李神魔鬼共扶靈魂爲空固柴奇毗嘸奴道聖德主至雙得扶功庄固埃彌補。凡妣圭福麻郎邊方東燒柴亞黎山移空我憑。微得旦諾茹罪諾葩蘭沙麻勒仍柴奇諾氏不固乞骸等濫柴烽爛眶得計事。諾安南稽麪時骸麻署割時乞凍運動憑傷靈魂得些吧拱補每事麻郎講道邊方東。德聖葩亞黎山移當治聖衣計移加閉睞体仍等氏產憑陞命教講道朱凡外時惻凍傳得職曰無朱凡等麻達沒等濫曰無塘鼬吧沒等濫曰無塘外鼬諾

安南共頒權發牌差朱凡等氏吧各柴奇恪隨從各等氏底麻趨講道共料各役道台稟座聖庄仍畀鼬諾安南麻吏鼬諾吳滿逞吧夥諾恪女座聖紳凡等曰無欺冤郎旦方東時沛拱仍得本國燭烟固涅那德行共毗嘸技強段傳職柴奇恭凡氏。凡等曰無吧各柴奇隨從凡等氏特權特牌差座聖冤頒濫丕於城葩移段祉趨講道邊方東歇除固輒匪翁港於夷麻魂朔茹終招慕添柴奇恪底接郎執各等冤趨譽吧朱特勸教錢璽糧食餕各等氏女頭歌只認仍凡冤麻職柴奇包會麻崔仍麻饑拱認奇凡醢趁職脩饑女拱認各凡諸固職茆吧諸學

辯。群脩訖。咷昆妻烏葩泥時。駐每事朱德主。委庄侍吏分苗朱
命。朱年德主。委把功。朱訖咷昆特事郎重榮顯於代尼吧特福
清開益尾代。織無窮。

段次四

情故邊邇茹終葩移共脩格跡茹終兵吧會講道朱

各民外罪体苦。

葩逝森暉妻烏葩泥於茹圭時。訴唧。憑傍恒唧飭於益尾吧。
韶庫勸保。咷共姪俺平懸蹠聖意德主。固。骸客得祐。覽姪俺
哭咷時動。霆稟。咷閉。隙得抑命。顧亘歇飭麻。拎懸吧。拎諾粗吏
空敢哭畧。極。姪俺雙。葩懸時。忖式徘徊吧。困極凜。朱年欺得葩

葩遣車共於沒命。永尾時。自凌諾粗。沚。唧。淜。淜。沒。昉。粼。乘。竈。葩
命貳扒幅。息。庫。鄰。題。更。德。主。委。懸。苓。無。窮。恒。傷。仍。几。歇。霆。敬。勉
得。時。安。慰。共。鼈。事。平。安。葩。懸。爲。丕。敗。車。綽。旦。橫。茹。終。葩。移。時。妻
烏。葩。泥。迄。解。干。檻。共。葩。益。尾。來。 葩。識。傳。買。固。唔。德。主。支。秋
判。浪。埃。補。咷。媄。英。俺。共。每。事。爲。蚤。時。蚤。仕。把。吏。給。暮。仍。事。儿。氏
葩。補。共。仕。朱。儿。氏。持。黜。代。代。女。丕。妻。烏。葩。泥。葩。補。闡。茹。共。咷。吧
姑。俺。爲。德。主。支。秋。時。德。主。支。秋。把。吏。朱。得。茹。格。共。葩。咷。仁。慈
骸。英。俺。伴。友。至。切。因。擗。低。些。沛。呐。余。調。術。格。跡。會。講。道。朱。民。外
吧。茹。終。葩。移。罪。体。苗。葩。叢。咷。慕。靜。聆。柴。奇。亞。黎。山。移。淜。德。主。支
秋。郎。講。道。葩。諾。安。南。覽。得。些。趨。道。骸。麻。空。固。堵。柴。奇。艦。各。法。朱

- 553 -

姪共仁俺時得哦保格濫役北命共祀啞坤頑煥嫋麻勸保爾
事哉塘仁德女。巴嬸俺調勉妻烏葩泥台汰雙姪迷羅尼
亞勉得格盈自欺妃媄也戈代時迷羅尼亞傷天吧魂朔各俺
如媄傷天吧魂朔昆命丕姪長時道德坤頑吧性涅時合貝性
涅妻烏葩泥朱年仁姪俺勉饒格盈，廻饒辭妻烏葩泥學場
共欺得也郎安南時姪能曰書晦深吧安慰俺共情料衝禱錢
簷吧每事朱俺庄底少帝之係俺悶事之時姪連謨共岐朱缸
欺些推事吒昆吧姪俺妻烏葩泥固憑傷天饒秉氏麻平憑離
補饒朱旦堯庄群籠特及饒於世間女時些買別吒昆吧姪俺
固功重畧樞德主丕界秉苗些拱別仁德信慄孟吧憑煥嫋敬

- 552 -

勉德主丕固法牟冉固飭選選界秉苗罷吒昆吧姪俺妻烏葩
泥固憑道德非常敬勉德主丕蓮歟每事時買平憑離補饒濫
丕仍凡枯看凡要信吧劖憑敬勉空離補饒濫丕特。
傷喫圓殼吒媄庫巾悶朱昆丐命包茹淵茹德主丕朱特汝分
壳塊餽渴勿把仍麻吏固殼茹餘哈界堵唆時惜昆命空悶鑿
奴朱德主丕仍貳彈鉈醜湘藏疾空濫歧特庄籠濫年名分之
於代時吒媄逐包茹淵茹德主丕平仍貳樣燭劍智侏江籠燭
畿特濫彈英龜民時扒尙吏空朱奴包茹德主丕事氏罷在吒
媄枯看要憑信劖憑敬勉德主丕只重吧求仍益利分壳祕分
欣朱命群分劖時底朱德主丕哈界祕奇空底分苗朱德主丕

罪得地分氏罪昆茹勦固也補吧矮英俺朱特郎講道魁渚安
南吧芻蕘爲道於邊氏罷仍理得呐時孟卒仍跡得計時爐煉
凜朱年吒共姪俺扒溢共平惡踐聖意德主歪雙運之情姪俺
脾膚眩議旦事沛離補饒空群特及饒於世間尼女時請倘姪
俺得發哭泣諾相呷。旦得妻烏葩泥祀時轎吒昆祐禮芻禮未
脩茹唼餚嗜饒客饑歇唼段妻烏葩泥旦跪畧極吒麻浪。迺吒。
旦賸昆沛茲噴吒懶法祝事斧朱昆閉賸吒跨蹠極遣歪段
祝事斧朱昆吧濫法朱昆因名吒吧昆吧丕移蘇郎蘇。眩閉賸
翁氏空哭雙極時再讏茲吧嗜呐共猶時憲。妻烏葩泥跨蹠啫

泥共姪俺戶行段倍傍呷茲遙車也直產於外塘。吒共姪俺戶
行遂真得呷旦車歇每得哭如駭。據性自然德主歪也賦
參得些時吒矮傷天昆丐麻昆丐時討敵吒矮吧傷天英俺。仍
麻吒矮姪俺妻烏葩泥傷天饒凜傷天饒欣吒昆得些麌。欺妻
烏葩泥群於茹諸茲學場時姪俺本和順傷天饒共路傳制排
貝饒空保伴路傳貝仍祔行苦余欺昧得也茲學未時本曰書
街茹海探吒共姪俺每牆乍匝麻姪俺曰書吏朱得事姪俺
妻烏葩泥能曰書朱饒濫丕時庄仍罪欺妻烏葩泥群閉學場
羅星麻崔麻吏昧得也賴當學理斷共欺得也那諾安南係固
機時姪俺本書茲書吏朱饒連庄補因操妻烏葩泥曰書晦探

至朱烽爛共祕事蹟聖意德主至濫重欣每事爲丕欺翁氏曉
別德主至傳朱命沛對昆濫貼禮朱德主至如翁亞巴羅蜂初
油麻鮑憑涼痘傷惜凜時拱僧頭卯蹟聖意德主至朱論翁氏
捨筆曰書吏朱昆浪昆罪昆旺寶雙昆罪昆德主至畧段買罪
昆旺徵德主至罪主些得傳体芾時些沛卯如濫丕些特道聖
德主至共別塘囉靈魂時些固福罪兼芾雙邊方東固發民祿
字神魔鬼空別德主至空別塘囉靈魂時困難罪重芾德主至
艷憑朱昆茲講哉吧救祕奴朱塊沙地獄時昆沛卯蹟聖意得
油麻呀傷昆凜時庄敢捨昆吏翁氏曰閉饒啞段時我筆共瀟
諾相呷沒昉數妻烏葩泥特書吒曰吏濫丕時慘惻謝恩德主

君得賜德國無各等色哉咗得共英俺伴學段箇茹圭余賜朱
轉勸保安慰共賜吧炳俺客徵歇。 得於茹迦森賜麻
崇禎明饒賜得呷飭於慘尾共訴呷憑天勉吒共炳俺欣每欺
皮難巾勸保共安慰每得朱扒檻吧特平憑蹟聖意德主至朱
論欺時得膚疊轡主支秋判浪埃悶濶苦惱蚤時沛補每事麻
躡蚤凡清禮肥辭嫩昆英俺姊俺濫欣蚤時空當濶苦惱蚤埃
補闕茹呢饑莫俺尋爲憑勉蚤時仕特分賞懷重吧仕特鞋
無窮連天當貳時得祕麌各聖宗徒補紂經共吒耗麻茲蹟德
坐支秋固齊得計跡翁聖潘支姑車爲昧罪洞唯郎重罪昆官
顧械補闕茹呢饑貳改職權麻郎講道邊方東吏計跡故聖新

鑿得濫貼禮朱德主委。

妻烏葩泥約泐渴雞轎職爲

理尼女。欺得買達穆趁歲趁獵捕獵叛連崑麻祐跡故聖新死爲道於省山西時恆忙惡得烏葩泥約泐事氏連買庄包賒帽烽雙得丑庄訴唧朱埃別旦欺得凶場理斷時買訴事氏唧朱吒靈魂別底麻盤共領意得欺吒靈魂恆求願共推趁察吏朱彥振時頒法朱妻烏葩泥趁講道朱民外雙得毗沛徐朱旦欺恆雞轎職未買特趁爲理兵妻烏葩泥約泐雞職次轎。

妻烏葩泥雞職聖欲畧禮生日德主支秋辭沒斤穆慕轎迥罪勸德參年得雞職段時決料鷹役命恆定罪補茹圭共離吒吧

姍俺麻郎方東講道朱各民外雙畧欺祀時傳沛噴法吒得共呐朱姍俺別傳祀事氏濫碍濫庫爲別吒共姍俺特信氏時仕祀濫恤極仍麻罷爲得固憇天勉吒吧姍俺凜時庄女補麻趁盜丕韃牒氏得料如也涓每欺及事之質碍卑得徒旦叫德妃共交付役氏韃猶德妃段得曰書訴每事唧朱吒別共噴吒平憇朱命遷茹終葩移學添理斷共雞職柴奇底扒研故聖新麻郎方東講道朱凡外。

吒妻烏葩泥別昆命道德坤頑係江非常時恆籠賜鐵妻烏葩泥仕濫芟耘吒共接嘴韃道朱年傷天昆庄劔之翁亞巴羅蜂傷天衣加惡初雙翁氏道德賊振信朱孟範忌朱凭敬勉德主

段次二

補故邊自欺學滿場羅星未朱旦欺補茹圭離吒共
姉俺麻達茹終龍移。

妻烏葩泥學滿場羅星段學格物沒辭未飴場理斷瓶油欺得
學格物油貺得學理斷時恒濫詞來英俺衆伴術事習該塘仁
德共術事生能學行事於誰讓尊敬等皮連吧和順貝英俺各
等職理斷覓得固仁德固智坤通創業氏時惄共賊得鐵得仕
濫創名北等濫柴吧執墨衣計移加特移役。喂職等濫柴
罪職聖職重業苗因爲事氏聖衣計移加庄敢傳職氏朱得些
信漫寬簡底試曠得些數扒得些跳達賴北段買傳職等濫柴

朱眾

職帶油麻重吧聖默懸時空紳日脩微義卑仍几矩猶悉

職氏

群操躡群呂術世間特平職次瓶時慄聖慄重吧紳日禦

爲凡

賴職氏沛決補每事世間朱撫熙侍命童貞灑泣吧讀經

日課

每時朱旦論代空特阻吏麻術世間朱年仍學路理斷欺

算船

瓶職時賴几銀磚貝繕惶核棚扛共操躡空敢賴職氏

脩分

翁妻烏葩泥欺屯船眾職未麻皮遭噲賴職次瓶時得庄

朱德

主至共爲得也別職次瓶庄恪之丐刀丐鎖割坦歇每練

紹

憑得些包仍事世間朱年得約泐船職吧述命技強歇飭

得

曰書箇圭喚吒共炳俺求願朱得吧誕旦祐禮傳職底獻

於與些仍麻妃氏。瓦底吏夥創仁德朱昆丐燭共扒研些唉。
汝共扒研仍廻創氏連買冇包賒帽燭。
妻烏葩泥安慰姪俺雙正命得懶把吧傷汝嬪凜旦接固夥店
得哭傷嬪率輒更空眛特德主至悶安慰得時朱祐覽事遷尼。
固沒店得當哭傷嬪時覽沒聖天神拎酒得攢包塊創朗卒苓
過飭得糲粗籠祐時覽妃嬪共開萬得格創朗燭尾當喝咧曠
煙德主委於帝得貨丕連曉嬪瓦特遙天堂未朱年自閉賒麻
該得庄群憮哭女得庄訴事氏岬朱埃別燭固沒欺得箇曉吒
共嬪俺吝饑歌時買計事氏岬麻崔雙得糾吒共嬪俺空特叫
岬朱埃別包賒。

妻烏葩泥學菴時滿場羅星。閉賒得買遺避穆歲等瓦劄傳
得呐浪韻閉饒輒得迅細夥凜。得固智創學固才術嗜富浪沙
嗜羅星嗜移姑天文法併史記地輿文排詩賦共各調涓學韻
茹場時得懶各英俺伴。韻辭欺發分賞時得恒特一買庄辭茆
空得道德謙讓賢幕和雅空秩懸埃包賒。分壳油麻得馳忍氣
濕閉沒拙雙形容宛格時平正清歷餽賣氣色時樣燭潤雅脣
齷時蒙吧參薩共赭烘烘脫韻覽埃埃拱傷拱勉吧別罪得色
稍卓樂非常爲勢燭徵欺得沛扒沛查晦欺各官覽形容宛格
贊哩得呐時傷時你空女打共訊吧濫苦得如各等格沛扒沛
蹉爲道。

給錢包戶兵。得包茹場特沒辭時。齋禮答頭。得祕事齋禮客頭濫重共約。泐籠蒙齋禮禦吧。速命濫役兵朱枝強歇。歛斯旦。得齋禮時。得日書箇茹浪。時昆特齋禮客頭包斯旦。昆約泐籠蒙得兵。凜共祕事特齋禮濫重。福重速歇。每福見喚。咷。媄共姊俺每得叫喚。德妃嗔德妃執飭。朱昆特速靈魂朱清瀝。稱當濫殿祿濫座德主支。秋御昆吏喚。咷媄赦各事。磊昆包濫。秩。咷。咷。媄。閉。數。吧。濫法祝。每事。苓。朱。昆。女。得。固。懲。約。泐。齋。禮。吧。速。命。技。強。義。兵。謳。罪。得。齋。禮。烽。烟。共。特。咬。眉。夥。恩。罷。事。齋。禮。麻。咷。庄。可。胡。疑。爲。孫。得。齋。禮。答。頭。段。時。生。咷。惡。敬。勉。命。聖。德。主。支。秋。沒。得。沒。欣。吏。能。齋。禮。吧。每。得。扒。賸。制。終。貝。英。俺。朱。特。朝。命。聖。

得。節。固。沒。柴。奇。魂。朔。學。路。閉。賒。傳。吏。浪。得。節。得。節。旦。賒。學。路。特。制。碎。覽。妻。鳥。葩。泥。包。茹。祿。碎。戲。闔。暗。祐。得。包。濫。之。鮑。氏。時。覽。得。跪。周。針。針。畧。槃。祿。朝。命。聖。烽。爛。吧。數。凜。碎。覽。得。朝。數。凜。時。碎。沛。保。朝。皮。皮。矯。朝。數。過。時。空。群。賒。麻。制。麻。擬。或。住。生。病。庄。得。學。羅。星。特。仁。解。時。媄。得。戈。代。欺。特。信。兵。得。連。憮。把。哭。吠。沚。渚。相。咷。沒。賒。數。段。包。茹。祿。朝。命。聖。麻。求。願。朱。媄。得。空。特。術。遜。壳。媄。意。德。主。至。朱。諭。媄。空。群。特。於。貝。些。麻。魂。朔。些。仍。麻。德。主。至。媄。包。孕。年。共。偃。停。魂。朔。每。類。每。物。世。間。啼。住。偃。停。魂。朔。些。台。媄。囉。媄。共。証。俺。包。姪。時。當。於。連。天。堂。保。舉。朱。些。畧。樞。德。主。至。媄。包。補。空。群。

固懸幕事祐典學行朱年皮獵捕獵底皮學行祐典得祀事祐傳各聖濫慤適麻罷爲空固堵冉祐時曼柴奇本處。

固沒賜柴奇本處邊朱得冉劄傳各等教講道朱各民外。鮑冉氏固傳故聖新罪得地分碧些爲嘸搜拱同郡貝妻烏葩泥龜郎講道鮑諾安南吧買韶死爲道於省山西。翁聖氏器沛扒沛訊與禦饅沛凌遲妻烏葩泥祐跡氏庄仍罪空憚核麻吏益惻曠碎拱決鄭麌爲道。自閉睞麻教得恒底懸底智脩事教講道朱民外共事約泐鄭麌爲道如故聖新吧逐吒媄料參得教學羅星底賜饅濫柴奇吒媄覽昆命呐旦事曠濫柴奇時平懸凜。

共料朱教學羅星破懸貝柴奇本處沒辭未朱允茹場。	妻烏葩泥學場羅星教辭鮑閉餽辭得濫麌創朱英俺伴學術
事生能針拙學行事習教塘仁德共得律法茹場朱目得固懸	敬勉德妃格盈旦賜禮德妃庄默罪祖宗傳欺買允茹場特仁
腦麻雀時得懸紳命吝紅敬德妃每賜朱旦論代得拱允戶殃	脣極聖極瀝慄聖德妃底麻求朱允固罪特唆囉所命吏吧儿
外道特補字神魔鬼麻呂吏教道聖德主委得侍懸敬勉德妃	買朱旦姪麻各役得薩油顧油閉時得本範恩德妃歇台汰邊
方西並立呷戶鑑福朱各等講道朱各民外仍允戶氏每旬	禮給沒趨妻烏葩泥約泐教講道朱各民外麻罷爲諸教特時

翁亞巴羅蜂翁加惡吧翁加給初丕翁樞蜂皮哦學皮濫囉
 烟瑪移亞祐朔闡都祿牒吧祿役同蓋茹油庄弱蘇雙拱餘啖
 餘消聲。翁翁妃頑道生讀經共能稱罪韶禮更性氣賢荅
 謂熟卒狀靈埃包豚翁樞蜂哈淳通律諾吧曾臘役官役代欺
 得些圓役廟息且翁氏時翁氏產遜執朱年翁氏固權鼬廊吧
 傳些敬你槩樞峰吧妃瑪移亞生特趁昆昆奇韶罪迷羅尼亞
 聽織蠶命朱德主委鼬茹洞昆次仁罪樞蜂妻烏葩泥故邊郎
 講道鼬著安南吧齧死爲道在河內昆次吧貉罪軒移姑於茹
 緒伴絛唯崇堂茹命昆次舉罪天支悲烏拱濫柴奇群台訂饑
 歎罪安宗吧樞支丕那買生呷特巽移鵝時麌翁翁妃厄別正

役凡濫吒嬉罪魂朔哦啦昆丐命時祿役氏濫重濫勤共針拙
 啟咈昆朱奴特惡道德敬勉德主委侍法則涅那自課群閑鼬
 識傳買固喳德主支秋判浪核卒生呷莫卒丕翁樞蜂吧妃瑪
 移亞道德賢等時昆丐拱賢等吧道德台汰仍麻妻烏葩泥罪
 昆次仁越婦俺夥凜得馳忍樣燭鮮極嚴莊涅那空哈呶健制
 逆如各祿格得固惡烽爛敬勉德主委共生能讀經吧茲茹祿
 祇禮吏創胞探學探屬吧慕事學行凜得買茲巽歲麻讀冉也
 瀨共曰乞蹕容仍麻仍茹濫囉時凜役得續時役磣得閉吧祿
 昆時濫役貳唉唉拱沛濫奇朱年妻烏葩泥空只沒役學麻崔
 裕苗得苗欺也讀拱未時得沛擦彈彈瓶茲唆唆運悶連頹得

故邊時進巴腦巴皮來麻些色劄傳得齶冊尼。因揲些拱色計
戈役道齶仍辭故聖邊群莊為齶閉饒辭衣各等各北吧本道
龜鵝庫為道時鵝凜吧色立特鵝功業共濫鵝創仁德禍險。
些浦劄色冊共留傳仍麌仁德衣朱几代繼特別共恆汝連底
麻逐悉命信道朱孟共侍朱僥庄仍罕平安廣道麻吏時明
呀陝禁革吧干艱難困庫女。

在大賚辭沒斂尤慕捨。

傳故聖邊

分次壹

衛故邊自買生喂朱旦欺得郎諾安南齶地分西堂外。

段次壹

衛故邊自買生喂朱旦欺學滿場羅星。

樞蜂妻烏葩泥故聖邊生喂於廊郎蘇戶鋪為地分碧些為嚙
棲齶諾富浪沙辭自德主支秋喂代沒虧穆仁進捨時合進
沒胸沒方西拱罕時禮德妃駐命齶殿聖衣罕恬苓指時繼得
仕特悉敬勉德妃格盈。吒得罕罕樞蜂媒罕瑪移亞。仁翁妃罕
洲唯昆招仍茹道德實他本侍道烽烟色數代吒傳昆綏拱如

傳故聖邊死爲道

序

樞蜂妻烏葩泥故聖邊座聖買達遜北聖辭賈按名嗜邊西犯
數庄仍罪罷欺得賴死爲道時訴唧懨肝膽益惻爲特覩御命
唧爲德主支秋麻吏罷當欺群賊當講道訥地分尼時犯曰移
書脩茹圭麻計朱本道邊西別事道訥諾安南閉隙困庫罪濫
牢罷官禁歹罪羣苗各等各北吧各本道苦楚罪娘苗女仍書
得曰時容叮慘切吧燭燃拱如罪懲功役唧畧極丕朱年得些
適都饒麻祐共譯吧印唧噃各諾一罪仍書得曰朱特嗜吒耗
吧姉俺盼沛撫訥櫃余聘欺沛處時強奢強慘欣女埃祐連

動悉傷勉得吧拎諾粗庄特

罷故聖邊曰移書衛茹圭濫

丕時本道邊西買別訴事道編安南困庫過飭羣衣吧動悉傷
麻求願燭糊朱几固道邊尼特僥幸訥庫吏一罪濫福移錢鉛
底餒几沛拎囚几沛流苔共執拖每几沛訥困庫爲道訥咷縱
歹衣吏罷祐書故聖邊吧燭飼得丕悉堵泖命唧爲德主支秋
共訥堯爲道爲得安南時固移學路羅星移柴繆理斷色決扒
研得麻補吒娛英俺貼改朱特移講道朱几外自初旦咷時移
凜些推仍調衣連別故聖邊色濫恩重朱本道安南凜凜
欺固等節特封職聖時几固道常劄傳等衣共計唧仍功役仍
飼仁德等衣色濫底朱得些特燭共扒研丕座聖色封職聖朱

傳故聖邊序

昌聖被臘空固函恪侍謹朱年紳縷也纏卧蠟涅秩罪事慄臉
歲共磊意座聖廳調礪爲丕戶苗亟固昌聖各等笠器哈罪仕
特領昌聖各等笠尼柴紳日柴奇沛底函昌聖亟函恪哈罪包
紳謹到凭紳矯濫疎畧時柴沛收昌聖空群底於坭氏特爲座
聖亟付昌聖氏朱柴沛陳力魂朔僵侍買瀝罪。

二。德聖葩葩頒法恒辭濫禮各聖氏廳各茹終茹祿地分些雙
調氏仕料脩徽罪欺亟特本禮吧欺座聖亟指賜禮敬各聖氏
三。德聖葩葩頒法參皮連指匹賜噲罪旬匹麻濫禮廳仍茹
祿苗默意命固意敬惄各等氏爲亟特封職聖免罪濫役氏廳
辭頭歇錢欺座聖亟封職聖義罪自悲踪朱旦賜夢午脂瑪衣

烏郎辭德聖葩葩悶逐每得旦通公役敬惄卒苓氏時得頒印
由沒慕賜朱仍几且咏茹祿當濫役敬惄各聖氏每沒賜沒客
群埃稱罪谿禮求願廳茹祿氏賜苗廳匹賜氏時特妄眉沒
印由苔麻各印由氏特法指朱各靈魂焰解罪。
閉饒唾噴聖女王各聖死爲道吧各聖屬脩地分些愈惡傷雲
露扶護各等各北各木道底缺每得些錢尼特遣享福清閒濫
沒貝德妃吧各聖蓮天堂代代。

濫書尼在几所喝匹迦沒臘樞離烏辭沒斤恰氣恰，
批鳴瑪移亞東曰無記。

沛處在寧平時台進罷脣亞葩移離辭沒斂繆麻辭進卷嗣德九年三月二十三日固昌聖於茹圭四具聖保祿淨圭貞河（處美殿）沛扒在几永韶死為道在南定時夢卷脣亞葩移離辭沒斂繆麻辭進罷嗣德十年三月十二日固昌聖於几永吧場理斷五翁聖樞蜂雲几講圭几檜（處几淹）沛扒離處瓢怒沛斬決在山西時台進森脣瑪衣烏辭沒斂繆麻辭進罷嗣德十年五月初三日固昌聖於茹圭六妃聖衣泥低圭福岳沛扒為窩家共粧瘦囚在南定離脣樞尼烏辭沒斂繆麻罪進沒紹治元年五月固昌聖於福岳

二、術事敬徐

贈敕封職聖各等衣色狀巴調柴沛割義於低為罕事勤

一、德聖葩葩頒法敬徐重體殼吧昌各聖買衛調衣色固書終離卷述吏各書終張辭麻穆穆進穆旦辭麻捨進沒指引每事沛侍底麻蹠意座聖朱年各柴奇沛祐吏書終衣麻遵據朱意思沛法低只咁吏台事尼沒罕欺衝香昌聖沛衝台丐麻崔台罕欺皮連色交函昌聖朱戶茆時沛底離榮徐濫禮空特底呢榮徐覽台罕呢恪吏沛懺極外稱當瀝淮麻底正極鄧昌聖吧函外衣本沛揀謹質矯固埃逆揃包函昌聖台罕昆諫昆猶律包吧恨熾仍解紓縷紓函昌聖台罕濫虛仍跔揀平蠟連納函衣衛殼各聖死為道笠略固余呢空侍調衣朱技麻色底函

披移辭沒斤趁暮任脩事祕巴賜聘麻敬惻重体各聖內韃迎任
臘併自賜封職聖吏沛據仍賜皮連地分包指麻些傳沛指各
得氏齶綱沒前頭歇綱欺些包濫禮封職聖韃茹祿翁聖批噶

罪正座些在殿掉卑歌奴於城噶瑪。

些濫敕尼在殿祿翁聖批噶共揀印信得賜迎沒臘亞葩夷離
辭沒斤趁暮趁。自欺些該治聖衣計移加罪辭次惹。

印函信

丕些贊敕氏時沛推浪事封職聖罪役慄奇体慄重望爲座聖
封職氏朱等苗時固任意尼沒罪悶濫証吧嗜等氏固功重畧
極德主歪吧固權勢孟違天堂。台罪悶達得如廸母朱些扒研

共如官柴連歪朱些籠忌求喚韃巴逝蜀等固貉韃敕德聖葩
葩時固任逝等齶死爲道韃諾安南麻固菴等屬脩地分西爲
欺氏匝地分處兌河內吧處清群罪沒地分西諸妙。

柴計低貉圭館云云菴等氏朱每得易汝吧添懇籠忌敬憚。

一。一批噶潘支姑故北沛扒在安習吧齶死爲道在山西賜夢
巴臘斂啖坡移辭沒斤趁暮趁逝嗣德十三年九月二十七日。
固昌聖於茹朝塲理斷，二。樞蜂妻烏葩泥故邊沛扒在凡蘋
吧齶死爲道在河內賜夢任臘批坡與亞移烏罪賜禮燭辭沒
斤趁暮趁逝沒嗣德十三年十二月二十三日。固昌聖於凡除
河內吧筆東。三。具聖勞蓮芻享圭几批沛扒在慎修處白鉢

賓每事厄年体氏吧分時些拱動懸爲仍哩奇吧浦翁聖由明
姑共奇吧會葩移講道外國奏喚濫沒貝各等爲歌移烏亞鋪
咄蘇離姑塘廳塘外吧滿吳台輪座罷當魂朔圍茲德主支秋
廳正酒正坦毛淨祕御各等死爲道分時各德歌抒趁那黎座
押役各禮法拱盤躊意氏爲閉饒理些祕權盈命共濫敕旨尼
封職固福祿卑聖次貳朱潘支姑低歌丕羅厄韶死爲道署先
廳滿吳吧躋望妻烏都噶德柴體曰無迷躋怙鋪離樞蜂批噲
咄蘇離姑共各伴計遠尼厄沛几外折爲懸情道些吏頒法底
壳哈罪昌聖各等兵朱木道敬祿雙空特轎昌聖氏廳各牒求

願重休欺題影像各等兵拱特廳蒙光鹵女。題吏些拱祕
權盈命麻頌法讀押丕吹音吧濫禮各聖氏廳淳褚冉願吧尚
禮噶瑪貝各經盈些也應認術躋望妻烏都噶德柴體共奇笠
長時頌法讀押丕吹音吧濫禮体氏廳各茹終茹祿屬術會講
道外國於泣天下義卑每凡沛讀押丕吹音庄期得茹浦哈罪
官朝時特讀押丕吹音各聖氏群事濫禮庄期柴奇茹浦哈罪
柴奇官朝埃及茹祿茹當惄禮各聖氏拱特濫禮眉沙氏免罪
蹊蹕敷座押役各禮法也哩得夢惄脣低祐坡移辭沒蔚穆暮
彥逝乘。微歇些頌法惄禮封職聖各等兵廳各茹祿厄呐
連尼於泣世間雙沛尙各調座押役各禮法浦得逝惄脣低祐

德柴體曰無迷躋忙鋪離樞蜂批嚕泥哝批嚕潘支姑故北妻
烏葩泥故邊柴奇眉咄吹烏那移烏吧各伴沛几外折為悉惜
道實

哩救衣段只群少沒調沛定罕固堵理職振麻編船各等衣包
數各聖固福祿達丕庄

丕德歌抒移那黎批嘿些本濫頭查役躋望妻烏都嚕德柴體
曰無樞蜂批嚕泥哝潘支姑故北妻烏葩泥故邊柴奇講
道吧各件色韶麌如各等衣時德歌抒移那黎色訴哩各証韶
番葉議座押役各禮法會略插些時台進眾腦餉啖坡移拱沒
辦沒酐捨麻移麻奇各德歌抒移那黎衛座衣奇各柴通太包

部調停時埃埃拱噴決罕事定濫丕罕事沛理凜分些悲睂群
簡諸訴意命哩為議浪沛添唾求願呌噴朱些特恩坤頑罷德
主丕竈扶護底麻哩理斷定決韶役慄係重羨衣為丕些色哩
飭濫體衣麻旦時进凹脢低祜坡移拱沒辦衣罕時禮奇次凹
務遇邊蘇些祭禮眉沙段時色朱陞德歌抒移那黎批嘿些刎
蹲頭韶役衣共德歌抒移那黎旗移蘇尼尚書座押移各禮法
德柴葩尼吹曰無勞移蓮棲濫記錄座衣吧翁亞黎山移鷗抒
低濫頭部覆効麻欺色會略插些時些色定決固堵理封職重
体朱各等衣庄胡疑拙节拱沒盼衣些色傳濫救題正時进凹
脢低祜坡移衣麻咩事体些調定時濫丕

得雙刎眭孟庄竭飭拙节朱旦欺得翫𠙴吧勝陣創明卒苓翁
次𠙴畀樞蜂妻烏葩泥故邊當欺得講道翫迺北圻衛諾安南
罷為啞空翫踏拘粹翫真時沛𠙴辣劍吧翫為道

行計各等衣吏群固翫柴奇本國色沛斬決共特隊帽朝天紓
杜代代畀保祿批噜流樞蜂寬批噜歸（塘翫）批噜卿保祿
淨勞蓮芻享（塘外）群各等恪几時畀本道常人几
時畀几講執柴奇色翫夥刑苦恪饒共祿事困庫吧（祿）命朱特
稱道吧侍義共主命 固几色沛處𠙴畀沫眺阮畀柴策眉
計胡廷李濫官翫殿弄潘支姑忠濫率隊（衛塘翫）批噜雲
(衛塘外) 吏固几沛處絞沛考極刑朱旦翫

饑歛固得女色接嘴為憑俛傍孟暴畀亞猶他靈吧戶吹亞依
童貞沫些弘寡哺（衛諾吳）沛斬決群衛衣泥黎民成畀嫵
翁低（塘外）時軍與擒她衣債意命擂戈影贖罪共楂打格
與羨旦接隔余得她衣翫翫獄

自閉除每得本信實各等衣只翫翫為沒事道因為理衣拱畀
飭尋朱特跤跡各等衣吧儼侍格尊敬烽吏固翫跤逕濫証
事衣訴欣女朱年座押役各禮法定立案查役各等衣麻欺短
斤榜各証故賊振旦暎夢𠙴胸湧塹岫蘇辭沒酐捨幕繆些衣
喟敕重体認實各等計焰低翫翫為沒事道烽爐共色固法運
哈畀跤逕濫創名各等衣畀潘支姑低歌丕羅躋望妻烏都噜

泖買濫朱核牟冉吏未違櫓卒衛算兵另標榮顯衣等固職高重
欣罪齊望棲烏都嚕俱衣奴德柴体曰無迷齊戶鋪離罪得諾葩
郎沙色學茹場葩移罪頭會講道外國得巡諾安南底救執靈魂
得些時得韶庫濫役衣朱生能焯爛羨衣朱年得巡邊衣買特惹
麻崔時危當撲濫為歌移烏亞鋪咄蘇離姑地分衣共韶職曰無女
油分殼系瘡要倫得據搜博各役慄礮泥職命朱仇鑽坤頑自辭沒
酐移麻巴巡森朱旦辭沒酐移森惹沒欺衣罪時希嗣德禁道嚴日
過得沛扒沛圈葩船猶贊少灰歆共韶慾事苦楚困苦計庄掣吏固
理胡疑得沛策毒麻姦時巡眾脢底祐陂移買時略欺罪案定朱得
沛斬決旦辭繼樞蜂批噏泥衣罪得葩郎沙共屬衛沒會講道衣危巡

浩大明朱特濫各役本分柴奇眉咄吹烏那移烏時固几疎告
得移講道歌蘇離歌吧揀鋌吧調納朱官未几與織得包雕馭
共促馭徒擂得疖痘困苦得拱沛韶慾事辱牙共慾刑苦恪凜
凜繼歇沛處刦麻葩。

葩拱沒期衣固乞翁眉咄吹烏那移烏恪圭於浩葩蘭沙吧危
學於茹場葩移頭會講道外國共危特福死為道女翁次一罪
批噏潘支姑故北危韶庫講道葩浩安南未沛扒揀鋌共懶韶
櫃鎖陝旦接得空固体躰蹲哈罪葩特得韶懶疖痘困苦濫不危
凹脇時沛查訊擂拖麻旦時骯繼得保几抑餅朱得浪行挖丐
之女自骯脇柴庄群唼貼世間麻實得嗯空唼貼之堵乞巡沒

節麻空固仍銅創爛兵另德主支秋決志俛鑄共憮憑補事莊命
朱特濫証道聖德主丕。浩大明自茂樓俱卢近巽朱日笏危特
夥等韶姪為道体衣麻翁次壹包數各等衣罪潘支姑抵歌丕羅
柴奇淵翁聖由明姑些固意封職披亞卒齶攘尼實得當噲罪花
頭務為危戰陳孟美共韶死為道略先中浩衣雙些危定濫創名
潘支姑尼体節時拱悶封職聖嘩濫創名危夥等恪庄仍罪几固
職重齶道麻吏本道每北嘩單妃女危沛几與折為悉惜道齶茂
棲俱戶皮未實齶時貝衣浩吳嘩浩安南奇塘齶塘外吧達沒干
禁道慄孽歹旦淫覓仍銅茂智器如現吏略栖天下義罪沒邊器
飭排仍型苦與羨惺迎沒邊時燠器懸孟暴恩辱共堅心韶每事

困庫朱旦堯為丕些危定認包沒笠嘩頒職創爛衣朱奇潘支姑
底歌丕罪嘩朱奇各等衣油堯隔台棲俱戶繼拱危扒研蹠蹠得
共祕卯命湧坦衣濫証燠燠卯各等死為道罪紇種几固道罷各
等稱道俛鑄暴憚濫丕朱年數各聖死為道危添沒詞慄創爛固
冒頭俛紳庄舍特罪正墮德主支秋浪得些仕納眾拜朱座察共
仕打扽眾拜齶營齶殿眾奴麻眾拜仕沛調器略栖弄官為騷底
麻濫証衛騷略栖凡衣衛各民各浩女庄仍罪凡固職聖齶聖衣
計移加麻吏得每趾每歲奇得女危濫証衛德主支秋体衣共咷
壯每得朱別浪油劍油焰油每次刑苦斫木庄固飭破役德主丕
特為烝敗凡與凡惜咷畔道危洪危絕未拱沒秩衣固法迎買固

書終畔敕封職聖朱卷翁死為道笠次台	敕封職聖	皮特尅辭脣韁腦麻衣烏罕脳德妃座聖色愈憇傷濫創名衣計 移加安南嘵地分些格榮顯貴價凜罕封職福祿罕聖次貳朱 沒笠欣卷進等死為道屬衛各地分南圻嘵北圻。旦辭脣拱韁 沒脢德妃罕得夢台於神殿祿聖批嚕略極慙德歌移那黎德曰 無暉柴奇柴洞本道冬燭當會於帝德聖葩葩丕烏次進傳畔沒 敕封職聖朱巒進等死為道韁諾吳暉諾安南麻敕衣柴色略 褪仍調勤欣共危譯罷朱每得特哈如饑尼丕烏葩葩次進濫敕 尼底朱得些收茂茂丕韁聖衣計移加自頭先賣衛饑庄固茂
------------------	------	---

書終

十三

MỤC LỤC CHUNG

- Lời Giới Thiệu hay là Sư Học Tập Về
Thánh Vena Tử Đạo 5
- BẢN QUỐC NGỮ (Truyện Thánh Vena Tử Đạo) 17
 - * Thư Chung Rao Sắc Phong 6 Vị
Chân Phước Địa Phận Hà Nội 19
 - * Tụa 36
 - * TRUYỆN THÁNH VEN 39

Phần Thứ Nhất

Về Thánh Ven mới sinh ra cho đến khi người sang nước
An-nam, trong Địa Phận Tây Đàng Ngoài.

- Đoạn 1 : Về Cố Ven từ mới sinh ra cho
đến khi học mān trường Latinh 39
- Đoạn 2 : Về Cố Ven từ khi học mān
trường Latinh rồi cho đến khi bỏ
nhà quê, lìa cha cùng chị em
mà lên Nhà Chung Phari 48

- Đoạn 3 : Về Cố Thánh Ven lên Nhà Chung
Pha-ri cùng về gốc tích Nhà Chung
ấy và Hội Giảng Đạo cho các
dân ngoại là thế nào. 58
- Đoạn 4 : Về Cố Ven ở Nhà Chung Phari hơn
một năm, đoạn chịu chức Thầy Cả. 66
- Đoạn 5 : Về Cố Ven sang Hương Cảng
nghỉ uống thuốc, cùng ở đấy
muỗi lặn tháng. 73
- Đoạn 6 : Về Cố Ven ở Hương Cảng sang
Địa Phận Tây Đàng Ngoài. 81

Phần Thứ Hai

*Từ Cố Ven mới sang Địa Phận Tây cho đến khi
người phải bắt.*

- Đoạn 1 : Kể tắt việc đạo trong nước An-nam,
từ Tự Đức nguyên niên cho đến
khi Cố Ven sang Địa Phận Tây. 88
- Đoạn 2 : Còn kể tiếp việc đạo từ Tự Đức
nguyên niên cho đến khi Cố Ven
sang Địa Phận Tây. 95
- Đoạn 3 : Về Cố Ven sang Địa Phận Tây
Đàng Ngoài, cùng học tiếng được
ba bốn tháng rồi ngã bệnh. 104

- Đoạn 4 : Cố Ven phải chạy đi ẩn hai ba
tháng, đoạn lại ngã bệnh, cùng
phải về uống thuốc ở Kẻ Vĩnh,
Tự Đức bát niên, 1855. 111
- Đoạn 5 : Cố Ven về Nhà Chung Kẻ Vĩnh
uống thuốc thì bớt, rồi theo
Đức Cha di kinh lược, Tự Đức
bát niên và cửu niên, 1855-1856. 119
- Đoạn 6 : Về Cố Ven cấm phòng chung
làm một với hai Đức Cha và các
Cố, đoạn phải bệnh nặng hai ba
tháng lợn, rồi nhờ cụ Diều cứu
cho thì được khỏi thật. 125
- Đoạn 7 : Về Cụ Tịnh phải bắt, phải xử, và
Cố Ven phải chạy lên Hoàng Nguyên.
Cố Chính Nam qua đời, Cố Ven nối
việc Cố Chính Nam mà coi sóc
bốn xứ. Tự Đức thập niên, thập
nhất niên, 1857-1858. 129
- Đoạn 8 : Về những nhà trường Hoàng Nguyên,
Kẻ Non, Kẻ Vĩnh phải phá, cùng
sự Cố Ven phải chạy đi ẩn,
trước xuống Bút Động, sau vào
Đồng Chiêm. Tự Đức thập
nhất niên, 1858. 147

- Đoạn 9 : Về Cố Ven đang ẩn ở Bút ĐÔng, được tin Đức Cha Liêu qua đời, thì buồn bã thương tiếc người là thê nào. 155
- Đoạn 10 : Về Cố Ven ẩn ở trong nhà mụ Bút ĐÔng, thì dạy dỗ cùng bắt chị em giữ phép nhà cho nhặt là thê nào. 169
- Đoạn 11 : Về Cố Ven phải tẩm nã vây bọc trong nhà mụ Bút ĐÔng, và ở ngoài làng ba bốn lần là thê nào. 179
- Đoạn 12 : Về Cố Ven chạy sang làng Phúc Châu một tháng, cùng về tàu Tây sang đánh cửa Hàn bắt lấy thành Gia Định. 189
- Đoạn 13 : Về Cố Ven làm phúc Kẻ Bèo, Bút Sơn và Kim Bảng. 198

Phần Thứ Ba

Từ Cố Chính Ven phải bắt đến khi đã phải xử đoạn.

- Đoạn 1 : Về Cố Ven phải bắt ở Kẻ Bèo là thê nào. Tự Đức thập tam niên, 1860. 207
- Đoạn 2 : Về Cố Ven phải giải xuống phủ lý, đoạn lại điệu lên Hà Nội. 215

- Đoạn 3 : Về Cố Ven phải trả lời là thê nào. 221
- Đoạn 4 : Về Cố Ven phải giam. 230
- Đoạn 5 : Kể tắt việc đạo từ khi Đức Cha Liêu qua đời, cho đến khi Cố Ven phải xử. 239
- Đoạn 6 : Về Cố Ven phải xử là thê nào. 263
- Đoạn 7 : Về sự táng xác Cố Ven. 273
- Đoạn 8 : Về Cố Ven đã làm gương sáng nhân đức là thê nào. 278
- Đoạn 9 : Còn nói về các nhân đức Cố Thánh Ven. 285
- Đoạn 10 : Về Cố Thánh Ven cầu bầu cho ta trên thiên đàng, cùng về ta phải trông cậy cầu xin và bắt chước người. 295
- CHÚ THÍCH 299
- BẢN CHỮ NÔM (Truyện Thánh Vena Tử Đạo) 309
- * Thư Chung Rao Sắc Phong 6 Vị
Chân Phước Địa Phận Hà Nội 590
- * Tựa 573
- * TRUYỆN THÁNH VEN 570

Phần Thứ Nhất

Về Thánh Ven mới sinh ra cho đến khi người sang nước
An-nam, trong Địa Phận Tây Đàng Ngoài.

- Đoạn 1 : Về Cố Ven từ mới sinh ra cho đến khi học mān trường Latinh..... 570
- Đoạn 2 : Về Cố Ven từ khi học mān trường Latinh rồi cho đến khi bỏ nhà quê, lìa cha cùng chị em mà lên Nhà Chung Phari. 561
- Đoạn 3 : Về Cố Thánh Ven lên Nhà Chung Pha-ri cùng về gốc tích Nhà Chung ấy và Hội Giảng Đạo cho các dân ngoại là thế nào. 551
- Đoạn 4 : Về Cố Ven ở Nhà Chung Phari hơn một năm, đoạn chịu chức Thầy Cả. 543
- Đoạn 5 : Về Cố Ven sang Hương Cảng nghỉ uống thuốc, cùng ở đấy mười lăm tháng. 536
- Đoạn 6 : Về Cố Ven ở Hương Cảng sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài. 528

Phần Thứ Hai

Từ Cố Ven mới sang Địa Phận Tây cho đến khi
người phải bắt.

- Đoạn 1 : Kể tắt việc dạo trong nước An-nam, từ Tự Đức nguyên niên cho đến khi Cố Ven sang Địa Phận Tây. 521
- Đoạn 2 : Còn kể tiếp việc dạo từ Tự Đức nguyên niên cho đến khi Cố Ven sang Địa Phận Tây. 514
- Đoạn 3 : Về Cố Ven sang Địa Phận Tây Đàng Ngoài, cùng học tiếng được ba bốn tháng rồi ngã bệnh. 505
- Đoạn 4 : Cố Ven phải chạy đi ẩn hai ba tháng, đoạn lại ngã bệnh, cùng phải uống thuốc ở Ké Vĩnh, Tự Đức bát niên, 1855. 498
- Đoạn 5 : Cố Ven về Nhà Chung Ké Vĩnh uống thuốc thì bớt, rồi theo Đức Cha đi kinh lược, Tự Đức bát niên và cửu niên, 1855-1856. 490
- Đoạn 6 : Về Cố Ven cầm phòng chung làm một với hai Đức Cha và các Cố, đoạn phải bệnh nặng hai ba tháng lợn, rồi nhờ cụ Điều cứu cho thì được khỏi thật. 484

- Đoạn 7 : Về Cụ Tịnh phải bắt, phải xử, và
Cố Ven phải chạy lên Hoàng Nguyên.
Cố Chính Nam qua đời, Cố Ven nối
việc Cố Chính Nam mà coi sóc
bốn xứ. Tự Đức thập niên, thập
nhất niên, 1857-1858. 480
- Đoạn 8 : Về những nhà trường Hoàng Nguyên,
Kẻ Non, Kẻ Vĩnh phải phá, cùng
sự Cố Ven phải chạy đi ẩn,
trước xuống Bút ĐÔng, sau vào
Đồng Chiêm. Tự Đức thập
nhất niên, 1858. 462
- Đoạn 9 : Về Cố Ven đang ẩn ở Bút ĐÔng, được
tin Đức Cha Liêu qua đời, thì buồn
bã thương tiếc người là thể nào. 454
- Đoạn 10 : Về Cố Ven ẩn ở trong nhà mụ
Bút ĐÔng, thì dạy dỗ cùng bắt
chị em giữ phép nhà cho nhặt
là thể nào. 440
- Đoạn 11 : Về Cố Ven phải tắm nã vây bọc
trong nhà mụ Bút ĐÔng, và ở ngoài
làng ba bốn lần là thể nào. 430
- Đoạn 12 : Về Cố Ven chạy sang làng
Phúc Châu một tháng, cùng về
tàu Tây sang đánh cửa Hàn bắt
lấy thành Gia Định. 420

- Đoạn 13 : Về Cố Ven làm phúc Kẻ Bèo,
Bút Sơn và Kim Bảng. 411

Phần Thứ Ba

Từ Cố Chính Ven phải bắt đến khi đã phải xử đoạn.

- Đoạn 1 : Về Cố Ven phải bắt ở Kẻ Bèo là thể
nào. Tự Đức thập tam niên, 1860. 402
- Đoạn 2 : Về Cố Ven phải giải xuống phủ lý,
đoạn lại điệu lên Hà Nội. 394
- Đoạn 3 : Về Cố Ven phải tra hỏi là thể nào. 388
- Đoạn 4 : Về Cố Ven phải giam. 379
- Đoạn 5 : Kể tắt việc đạo từ khi Đức Cha Liêu
qua đời, cho đến khi Cố Ven phải xử. 370
- Đoạn 6 : Về Cố Ven phải xử là thể nào. 346
- Đoạn 7 : Về sự táng xác Cố Ven. 336
- Đoạn 8 : Về Cố Ven đã làm gương sáng
nhân đức là thể nào. 331
- Đoạn 9 : Còn nói về các nhân đức
Cố Thánh Ven. 324
- Đoạn 10 : Về Cố Thánh Ven cầu bầu cho ta trên
thiên đàng, cùng về ta phải trông
cậy cầu xin và bắt chước người. 314
- MỤC LỤC CHUNG 591

- 600 -

HARVARD LIBRARIES

21
5136

QUAN QUANG NAM VIỆT QUYỀN NHÌ
觀光南越卷二

Tác phẩm gồm các Truyện Thánh

1. 傳故聖邊 - Truyện Cố Thánh Ven
2. 傳故聖北 - Truyện Cố Thánh Bắc
3. 傳具聖享 - Truyện Cụ Thánh Hưởng
4. 傳具聖淨 - Truyện Cụ Thánh Tịnh
5. 傳翁聖雲 - Truyện Ông Thánh Vân
6. 傳妃聖低 - Truyện Bà Thánh Đề

Kính mời quý đọc giả đón tiếp
Truyện các Đấng Thánh khác sau
Truyện Thánh Ven